Đặc san

BÌNH ĐỊNH



Xuân Bính Thân

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Kính Biếu

Hình Bìa
Tháp Đôi Qui Nhơn



Tháp Đôi Qui Nhơn là một trong những di tích lịch sử còn sót lại của nươc Chiêm Thành. Nếu chỉ tính riêng ở tỉnh Bình Định chúng ta thấy có rất nhiều tháp của người Chăm như Tháp Cánh Tiên nằm trong khu trung tâm của Thành Đồ Bàn thuộc Xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn. Tháp Phúc Lộc ở xã Nhơn Thành, huyện Tuy Phước, Tháp Thủ Thiên nằm ở xã Bình Nghi, huyên Tuy Phước, Tháp Hưng Thạnh nằm tại thôn Hưng Thạnh, Tháp Banh Ít, thôn Đại Lộc xã Phước Hiệp, Tháp Bình Lâm xã Phước Hoà v.v.. Đi vào phương Nam chúng ta thấy có Tháp Bà ở Nha Trang và Tháp Chàm ở Phan Rang.

Tháp Đôi Qui Nhơn toạ lạc trên một khu đất rộng 65,000 square feet, cả hai đều quay về hướng Nam, gồm có một tháp lớn cao chừng 65 feet và môt tháp nhỏ thấp hơn. Hoạ tiết trang trí mang nét đặc thù của Vương Quốc Chăm vào thế kỷ thứ 10 và 15, nhưng tổng thể là những tượng thần, phù điêu diễn tả các nhân vật, các vũ công múa.

Vì Tháp Đôi nằm bên kia đường Trần Hưng Đạo của Cầu Đôi Qui Nhơn, nên dân gian có hai câu thơ thật dễ thương:

"Cầu Đôi liền với Tháp Đôi,
Quanh năm quấn quýt như tôi với nàng."


Cung Chúc
Tân Xuân
HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI
Kính chúc Quý Đồng Hương và Thân Hữu
Quý Văn Thi Hữu
Quý Mạnh Thường Quân
Một năm mới Bính Thân
An Khang và Thịnh Vượng
2016

BAN BIÊN TẬP

Đặc San Bình Định Bắc Cali
Xuân Bính Thân 2016

Chúc Mừng Năm Mới





ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Xuân Bính Thân 2016

CHỦ TRƯƠNG

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

BAN THỰC HIỆN

TRƯƠNG TOẠI, ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG, NGUYỄN BÁ THƯ, ĐẶNG ĐỨC BÍCH, ĐƯỜNG ANH ĐỒNG, QUÁCH TỨ, NGUYỄN DIÊU

CỘNG TÁC

Bảo Tố – Bạch Tâm – Bette Gau (Bell) – BH – Bích Ly – BN – Bích Thanh – Biển Thước – Bùi Đắc Bảo – Bùi Đắc Khải – Bùi Thế Trường – Bùi Thúc Kháng – Bùi Trọng Khuê – Bướm Trắng – Chu Hà – Cù Hòa Phong – Cù Mộc Nguyễn Kim Ba – D. Nguyễn – Du Sơn Lãng Tử – Đào Đức Chương – Đào Vĩnh Tuấn – Đắc Đăng – Đặng Đức Bích – Đặng Hiếu Kính – Đặng Mỹ Dung – Đặng Ngọc Anh – Đặng Phú Phong – Đặng Quý Địch – Đặng Thiên Sơn – Đặng Vĩnh Mai – Đình Chính – Đoàn Bỉnh Viên – Đỗ Hồng Châu – Đỗ Thu Ba – Đỗ Hùng – Đuốc Nhà Nam – Đường Anh Đồng – Giác Lượng Tuệ Đàm Tử – Hà Quế Linh – Hà Thúc Hùng – HSH – Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích – Hoa Trạng Nguyên – Hoài Hương NTT – Hoàng Thế Diệm – Hồ Sĩ Duy – Huỳnh Thị Kim Oanh – Ts Huy Lực Bùi Tiên Khôi – Huy Phương – Huyền Vũ – Ls John P. Lê Phong – Không Đạt – Lam Nguyên – Lâm Phú – Lê Tam Anh_Lê Chu – Lê Công Thành – Lê Dinh – Lê Hùng – Lê Lana – Lê Minh Trí – Lê Nguyễn – Lê Phương Nguyên – Lê Tấn Phước – Lê Thị Bạch Liên – Lê Văn Ba – Lê Văn Huyên – Linh Vang – Lý Minh Đạo – Lư Trung Tử – Mai Xuân Lực – Mang Đức Long – Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh – Minh Tâm – Minh Tân Phạm Hà Hải – Minh Thi – Mộng Bình Sơn – Mỹ Vân – Nhất Dạ – Nhật Hạnh – Ngọc Anh (Virginia) – Ngọc Anh (California) – Ngô Đình Phùng – Nguyễn An Phong – Nguyễn Bá Thư – Nguyễn Công Hoàng – Nguyễn Công Lượng – Nguyễn Diêu –Nguyễn Hoài Niệm – Nguyễn Hòe – Nguyễn Hùng – Nguyễn Hữu Thời – Nguyễn Mạnh An Dân – Nguyễn Ngọc An – Nguyễn Phan Ngọc An – Nguyễn Quý Đại – Nguyễn Tâm Thị Thọ – Nguyễn Thiện Trường – Nguyễn Thịnh – Người Họ Bùi – Người Tây Sơn – Bs Nguyễn Trác Hiếu – Ts Nguyễn Văn Canh – TĐ Nguyễn Việt Nho – Phạm Ngọc Hài – Phạm Từ Sơn – Phạm Tước – Phan Bá Trác – Phan Tấn Thiện – Phan Thanh Hùng – Phan Tưởng Niệm – Phố Đào Nguyên – Phù Ly – Phú Xuân – Quách Tứ – Tạ Chí Đại Trường – Tạ Chí Thân – Tạ Chí Đại Trường – Tạ Chương Ánh – Tam Bình – Tám Hợi – Tâm Triều – Thạch Khê – Ts Thái Công Tụng – Thái Sinh – Thái Tẩu – Thanh Huyền – Thanh Hư – Thảo Chương (Trần Quốc Việt) – Thiên Tâm – Thiên Tứ – Tiểu Sơn – Thư Trang – Trác Như – Trang Xuyên – Trần Anh Lan – Ts Trần Anh Tuấn – Trần Cẩm Tú – Bs Trần Đình Đệ – Trần Đình Thông –Trần Minh Triết – Bs Trần Như Luận – Ts Trần Văn Đạt – Tri Ta – Triều Phong – Triệu Phổ – Trosset Hồng Mai Cassandra – Trúc Chi – Trúc Nhi – Ts Trương Gia Ban – Bs Trương Gia Trinh – Trương Hồng Ân – Ns Trương Hồng Liên – Trương Giovanna Thu Long – Trương Toại – Trương Trường Thịnh – Trường An – Từ Lê Ngô – TV (Tacoma) – Uyehara Trương Amanda – Uyehara Trương Ariana – Uyên Thông – Việt Bằng – Việt Thao – Vĩnh Xuyên – Võ Thị Thúy Ba-_Võ Bá Hà – Võ Thạnh Văn – Võ Ngọc Uyển – Võ Trứ – Vũ Gia Sắc – Vũ Ngọc Bích – Vương Nhân –Xuân Điềm – Xuân Hòa – YTH Nguyễn Thy Tứ.

Vô cùng nhớ ơn, thương tiếc quý thành viên Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California, cùng các Văn Thi Hữu Biên Tập và Cộng Tác với Đặc San Bình Định Bắc Cali đã quá vãng: Giáo Sư Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham, Đặng Vĩnh Mai, Thục Điểm, Võ Bá Trác, Phan Văn Hàm, Lam Giang Nguyễn Quang Trứ, Trần Đình Mười, Nguyễn Bường, Mai Quế Lan, Trương Thế Phiệt, Tạ Chương Trĩ, Nguyễn Hoà

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121
Tel: (408) 387- 3784
Giấy phép hoạt động số 254047 ngày 19-6-2003/CA

CỐ VẤN

Ông Tony Đinh
Ông Trương Toại
Ông Đào Đức Chương
Ông Đoàn Hữu Đức
Ông Bảo Tố
Ông Nguyễn Diêu
Ông Cao Văn Phổ
Ông Nguyễn Bá Thư
Ông Đặng Đức Bích
Ông Đỗ Hùng
Ông Nguyễn Mai

HỘI TRƯỞNG TIỀN NHIỆM

Bác sĩ Cai Văn Dung (1997 - 2003)
Ông Tony Đinh (2003 - 2011)

BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng: Ông Phan Thanh Hùng
Hội Phó: Ông Đường Anh Đồng
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Bình
Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Mỹ

BAN GIÁM SÁT

Ông Quách Tứ, Ông Đặng Đức Thông

CÁC ỦY VIÊN

- **Ban Văn Nghệ:** Ông Bảo Tố
- **Ban Khánh Tiết:** Ô.Ô Nguyễn Thường, Phan Minh Lượng.
- **Ban Thông Tin, Báo Chí:** Ô.Ô. Trương Toại, Đào Đức Chương, Nguyễn Bá Thư, Đặng Đức Bích, Đường Anh Đồng, Quách Tứ, Nguyễn Diêu.
- **Ban Tiếp Tân:** Quý Bà Kim Đinh, Đặng Thi Kim Cúc, Nguyễn Thị Để, Bà Nguyễn Cẩm Mậu, Trần Thị Ngữ.

ĐẠI DIỆN CÁC VÙNG

Đại Diện vùng Stockton: Ông Lê Đức Hưng
Đại Diện vùng Hayward: Ông Đỗ Hùng
Đại Diện Vùng San Jose: Ô.Ô. Cao Văn Phổ, Nguyễn Hoàng

Mục Lục

Hình bìa Tháp Đôi Qui Nhơn		2
Cung Chúc Tân Xuân	Hội Tây Sơn Bình Định	3
Chúc Mừng Năm Mới	Ban Biên Tập	4
Ban Biên Tập và Cộng Tác Viên		5
Tổ Chức Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali		6
Mục lục		7 - 8
Lời tựa		9
Lá thư Xuân Hội	Hội Trưởng Phan Th. Hùng	10 - 11
Những năm Bính Thân trong lịch sử nước ta	Trác Như	12 - 27
Tuổi già (thơ)	Trúc Nhi	28
Xuân lạc xứ (thơ)	Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ	29
Hoa cúc ngày xưa	Bùi Thúc Khán	30 - 32
Tây Sơn Tam Kiệt	Triều Phong Đặng Đức Bích	33 - 53
Tung cánh tìm về (thơ)	Đỗ Thị Thu Ba	54
Cảm nghĩ về thi phẩm "Gọi Hồn Dân Tộc"	Thư Trang Nguyễn Bá Thư	55 - 60
Mừng Xuân	Mỹ Vân Tạ Chương Can	61
Đại Đế Quang Trung	Mỹ Vân Tạ Chương Can	61
Bình Định địa lý hành chánh	Đào Đức Chương	62 - 85
Người tù năm cũ (thơ)	Phan Tấn Thiện	86 - 87
Bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ	Quách Tứ	88 - 100
Gởi bạn tặng ấm trà (thơ)	Trác Như	101
Ngày về hưu (thơ)	Đặng Hiếu Kính	102 - 103
Điểm chỉ - Lăn tay	Nguyễn Diêu	104 - 105
Tưởng (thơ)	Letamanh	106
Năm Thân tản mạn về con khỉ	Lý Loan	107 - 112
Tuổi trẻ Việt Nam vùng lên (thơ)	Triều Phong Đặng Đức Bích	113
Tình yêu không đến	Phan Minh Lượng	114 - 118
Lập trang sử mới (thơ)	Đỗ Hùng	119
Mặn môi hạt muối quê hương	Vũ đình Lưu	120 - 124
Ngày Xuân xướng họa (thơ)	Phong Khê & Trường Thịnh	125
Chú Được	letamanh	126 - 133
Trăng thu ngắm bóng chị Hằng (nhạc)	Đặng Đức Bích & Đắc Đăng	134

Đọc sách người xưa	Tiểu Sơn	135 - 139
Ước nguyện đầu năm (thơ)	Phạm Minh Anh	140
Mắm cua chua	Võ Phiến	141 - 144
Chiều Xuân (thơ)	Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ	145
Hội ngộ trường xưa	Linh Vang	146 - 149
Quê tôi (thơ)	Đỗ Hùng	150
Ghềnh Ráng và cảnh đẹp quê hương	Triều Phong Đặng Đức Bích	151 - 154
Ước mong ngày về (thơ)	Đinh Thành Hưng	155
Hình ảnh Tết Xuân Ất Mùi 2015		156 - 162
Thành Bình Định và các đời Tổng Đốc	Đào Đức Chương	163 - 174
Biểu cảm về thi tập Mặc Tử	Lam Nguyên	175 - 182
Cây ổi (thơ)	Phan Tấn Thiện	183 - 185
Cám ơn hai dòng sông	Võ Thúy Ba	186 - 190
Xuân Bính Thân nhớ xuân Canh Thân	Hồng Ân	191
Đi - Ở - Về	Tịnh Chí	192 - 195
Thương Tiếc BS. Trương Thế Phiệt	Phan Thanh Hùng	196 - 197
Một vì sao vừa tắt	Thái Tẩu	198 - 205
Tặng Ba (thơ)	Hồng Ân	206
Nghệ nhân hát tuồng	Nguyễn Diêu	207 - 212
Vinh danh Mẹ (thơ)	Hồng Ân	213
Mối tình Thuận Ninh	Nguyễn Ngọc Châu	214 - 216
Cho tôi sống lại (nhạc)	Đắc Đăng	217
Một chuyến đi về	Việt Phương	218 - 222
Tôi ở lại đây (thơ)	Phúc Thắng	223 - 225
Văn hóa vô ngôn	Nguyễn Việt Nho	226 - 247
Vườn quê nơi tha hương	Tỳ Kheo Liên Tẩu TN	248 - 249
Danh nhân Việt Nam Đặng Đức Siêu	Trúc Như	250 - 258
Sứ Bộ Tây Sơn sang Yên Kinh	Thái Tẩu	259 - 281
Ký ức của Ngọc Anh	Ngọc Anh	282 - 290
Bản tường trình thu chi		291
Mời anh về (thơ)	Nguyễn Ngọc Châu	292
Ta sẽ về (thơ)	Nguyễn Ngọc Châu	293
Phân Ưu		294 - 296
Thư Cảm Tạ	Hội Trưởng Phan Th. Hùng	297 - 298
Danh sách đồng hương Bình Định		299 - 309
Quảng cáo		310 - 321

Lời Tựa



Đầu Xuân Bính Thân năm nay, Đặc San Bình Định Bắc California tròn 16 tuổi. Cái tuổi tròn trăng và nhiều hứa hẹn cho một tương lai.

Trong suốt thời gian qua, Đặc San Bình Định chúng ta đã hòa cùng giòng văn thơ hải ngoại để duy trì sự trong sáng của tiếng Việt. Chúng ta đã khơi dậy những trang sử oai hùng của Tiền nhân chống lại giặc Tàu xâm lược để bảo vệ và giữ gìn quê hương Việt Nam. Chúng ta cũng đã viết về những di tích và cái đẹp của quê nhà.

Nhiều bài vở, thơ văn trên Đặc San Bình Định đã không ngừng nêu lên những tấm gương mưu lược, kiêu hùng cũng như những Chiến thắng vẻ vang của những Anh hùng dân tộc. Những trận Bạch Đằng, Đống đa như còn vang vọng mãi trong lòng người Việt yêu nước.

Trên quê hương, nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam không những hủy hoại sự trong sáng của tiếng Việt, mà còn thay vào đó những ngôn từ quái gỡ và dị hợm. Chúng phá nát sự trong sáng của tiếng Việt truyền thống và cơ đồ văn hóa của dân tộc.

Nhà cầm quyền Cộng sản đã không học Việt sử, nên không thấy cái ý chí bất khuất của dân tộc Việt Nam, ngàn năm không chịu ách Bắc thuộc. Chúng còn toan tính hủy bỏ môn Lịch sử ở trường học. Hành động nầy được xem như đốt Gia phả để giới trẻ không hiểu gì về quá khứ và công đức của Tiền nhân.

Để nhớ ơn Tiền nhân, yêu quê hương và tự hào về dân tộc, chúng tôi mong muốn quý Văn thi hữu, đồng hương và thân hữu tiếp tục cộng tác với Đặc San Bình Định. Xin Quý vị gởi những bài viết qua nhiều thể loại văn thơ về lịch sử, đất nước và tâm tình quê hương. Chúng tôi cũng tiếp nhận những bài viết về thời sự, nghiên cứu, khoa học, v.v.

Sự trường tồn của tờ Đặc San trong 16 năm qua là nhờ sự đóng góp bài vở của quý Văn thi hữu, sự hổ trợ về tài chánh của quý Mạnh Thường Quân, Cơ sở thương nghiệp và Thân chủ quảng cáo, cùng những sự khuyến khích, góp ý xây dựng của đồng hương và thân hữu. Chúng tôi xin thành kính cảm ơn và kính chúc Quý vị một năm mới An Khang và Thịnh Vượng.

Ban Biên Tập
ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH



Lá Thư Xuân

Kính thưa Quí vị Trưởng Thượng trong Cộng Đồng Việt Nam Tỵ Nạn Cọng Sản,

Kính thưa Quí Đồng hương và Thân Hữu,

Nhân dịp Xuân về tôi rất lấy làm hân hạnh đại diện Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali kính gửi đến toàn thể Quí Vị lời chúc An Khang, Thịnh Vượng.

Trong nhiều thập niên qua kể từ khi biến cố lịch sử Tháng 4 Năm 1975, mỗi dịp Xuân về là dịp là người Việt xa xứ tạo cơ hội gặp nhau để thăm viếng, cùng hẹn với nhau một ngày hồi hương khi quê hương không còn chế độ Cộng sản ngự trị.

Theo thời gian, người dân Việt trong cũng như ngoài nước đều nhận ra chủ nghĩa Cộng Sản đã hoàn toàn bị phá sản. Chúng chỉ gieo cảnh đau thương tang tóc cho các quốc gia bị chúng cưỡng chiếm. Các chính phủ do chúng dựng lên đã hiện nguyên hình là một chính quyền chỉ biết đặt quyền lợi đảng phái trên quyền lợi quốc gia dân tộc. Do đó, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi mảnh giang sơn gấm vóc của tổ tiên đã dày công vun xới càng ngày càng bị thu hẹp thông qua các hiệp ước bất bình đẳng giữa Đảng Cộng Sản Việt Nam và Đảng Cộng Sản Trung Cộng.

Trong nước, người dân đã không còn bị mơ hồ trước những lời đường mật về một thiên đường bánh vẽ Cộng sản. Dân chúng đã dám đứng lên tranh đấu khi quyền lợi cá nhân bị xâm phạm và đã dám biểu tình khi lãnh thổ bị kẻ thù lấn chiếm bất chấp sự ngăn trở của chính quyền. Các giới công nhân đã dám đề nghị thành lập các tổ chức nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi chính đáng khi bị giới chủ nhân ngoại quốc toa rập với chính quyền vi phạm. Các cuộc biểu tình, xuống đường có đó nhưng không đồng loạt nên tác dụng không đáng kể. Tuy nhiên chúng ta đừng quên rằng ngọn lửa của điếu thuốc có thể làm bùng lên một trận cháy rừng !

Tình hình trong nước của những tháng đầu năm 2016 qua việc tranh chấp quyền lực trong nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam nhất là áp lực của cộng đồng thế giới khi Việt Nam tham dự vào TPP mang lại những hi vọng sẽ có biến đổi cho tương lai chính trị tại Việt Nam. Người dân Việt đã không còn thấy "ánh hào quang cách mạng" như Đảng CS đã tô vẽ

trong những năm trước khi chúng cưỡng chiếm miền Nam. Chúng hiện nguyên hình là tay sai của bọn Tàu cộng. Chúng vẫn dùng các lực lượng công an đàn áp dân chúng, và tự biến mình thành quan chức thuộc địa còn ghê gớm hơn như thời thực dân Pháp cai trị Việt Nam. Sự mất lòng dân của chính quyền CS kèm theo sự thấu hiểu tình hình thế giới cũng như thái độ nhu nhược của Đảng CS trước sức ép của Trung quốc cho phép chúng ta tiên đoán ngày cáo chung của chủ nghiã vô thần CS sẽ không còn xa nữa. Toàn dân sẽ đứng lên làm một cuộc cách mạng dân tộc để Việt Nam có thể vương lên với Cộng đồng quốc tế.

Chúng ta, những người dân Việt đã chối bỏ chế độ Công sản, đã can đảm bỏ nước ra đi, đã và sẽ làm được gì hay chỉ chấp nhận an phận làm kẻ ăn nhờ ở đậu ?.

Sau 41 năm kể từ khi Cộng Sản cưỡng chiếm Miền Nam, chúng ta kẻ trước người sau tìm đường vượt thoát, đã trả giá khá đắt vì hai chữ tự do. Lòng có buồn đó, nhưng ai cũng thấy ta đã có một quyết định khôn ngoan và đúng đắn. Chúng ta đã giữ cho ta được sinh tồn tránh khỏi bị bọn sát nhân bách hại. Đời sống xứ người vật chất ê hề, tự do đầy đủ nên càng thấy thương cho đồng bào ta còn ở lại tại quê nhà. Chúng ta có bổn phận phải lên tiếng nói tranh đấu với bạo quyền Cộng sản. Nhiều người trong số chúng ta vì tuổi già sức yếu đã không thể nhìn thấy ngày quê hương sạch bóng quân thù Cộng sản. Nhưng tiếng nói của những người còn lại vẫn quyết liệt và kiên trì vì chúng ta biết rằng chúng ta có chính nghĩa. Với tất cả nổ lực của bạo quyền Hà nội, với các chủ trương thâm hiểm, ngụy quyền Cộng sản vẫn không thể thâm nhập và đồng hoá cộng đồng Việt Nam Tỵ nạn CS. Cờ vàng ba sọc đỏ vẫn tung bay và là lá cờ duy nhất được Cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài tôn vinh.

Về kinh tế, Cộng đồng người Việt đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thịnh vượng của đất nước mà họ định cư. Các cộng đồng bạn rất nể vì vì số lượng đông đảo của các chuyên viên người Việt trong mọi lãnh vực y tế, quản trị và kỷ thuật cũng như thương mại.

Nói chung, thế hệ thứ hai của người Việt định cư đã và sẽ là một nguồn hi vọng cho tương lai Việt Nam.

Trên đây là những nhận định hết sức đơn sơ nhưng đầy lạc quan của một người nhiều năm sinh hoạt trong Cộng đồng. Chúng ta, nếu còn sức khỏe, hãy cùng nắm tay nhau để cùng hoạt động, trước hết để làm tròn lời hứa khi chúng ta bỏ nước ra đi là chúng ta sẽ trở lại, sau nữa , nếu muốn thâu ngắn ngày về, chúng ta hãy cùng nhau một lòng để kẻ thù không thể lung lạc ý chí chúng ta.

Xin kính cám ơn đến tất cả Quí vị đã cùng đồng cảm.

Phan Thanh Hùng



Những năm Bính Thân trong lịch sử nước ta

TRÁC NHƯ

HỌ HỒNG BÀNG (2879-258 tr.T.L)

Vua Đế Minh *đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau sanh một trai đặt tên là* ***Lộc Tục.***

Vua Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là ***Đế Nghi*** *làm vua phương Bắc.* ***Lộc Tục*** *được phong làm vua phương Nam, xưng là* ***Kinh Dương Vương****, quốc hiệu là* ***Xích Quỷ*** **(赤鬼** *,có nghĩa là ngôi sao Quỷ ở phương Nam).*

Bờ cõi nước Xích Quỷ lúc bấy giờ, phía Bắc giáp Động Đình Hồ (tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc), phía Đông giáp biển Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây lịch) và lấy Long Nữ là con gái Động Đình Quân sinh ra ***Sùng Lãm****, nối ngôi làm vua xưng là* Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân *lấy nàng* ***Âu Cơ****, con gái vua Đế Lai, sinh100 người con.*

Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: "Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, ăn ở với nhau không đặng. Nay nàng đem 50 con lên núi, còn ta đem 50 con xuống biển Nam Hải".

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương.

Hùng Vương *đóng đô ở Phong Châu (vùng huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây ngày nay), chia nước ra làm15 bộ:*

Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Họ Hồng Bàng, từ Kinh Dương Vương (cùng thời với Đế Nghi) truyền đến đời Hùng Vương (ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57, 258 tr. Tl) là hết.

NHÀ THỤC (257-207 tr. TL)

*Khi **Thục Phán** chiếm được nước Văn Lang rồi, cải quốc hiệu là **Âu Lạc**, đóng đô ở **Phong Khê** (nay thuộc huyện Đông Anh), xây thành Cổ Loa, có nỏ thần là bửu bối bảo vệ đất nước.*

Năm Tân Mão (210 tr. Tl) Tần Thuỷ Hoàng mất, Triệu Đà đem quân sang đánh Âu Lạc, vua Thục đem nỏ thần ra bắn, Đà thua chạy. Đà biết vua Thục có nỏ thần, đánh không lại bèn sai sứ đến giảng hoà, rồi sai con là Trọng Thuỷ vào hầu làm túc vệ, cầu hôn con gái vua là Mỵ Châu. Vua Thục bằng lòng.

Trọng Thuỷ dụ dỗ Mỵ Châu để xem trộm nỏ thần, rồi ngầm bẻ gãy lẫy nỏ, rồi thay cái khác vào. Thực hiện âm mưu xong, giả vờ về thăm cha mẹ, bảo Mỵ Châu rằng:" Ân tình chồng vợ không thể quên nhau, nếu lỡ hai nước không hòa, Bắc Nam cách biệt, ta lại tới đây thì làm thế nào mà tìm thấy nhau?".

Mỵ Châu nói:"Thiếp có cái nệm làm bằng lông ngỗng, thường mang theo mình, đi đến đâu thì rút lông ngỗng rắc ở chỗ rẽ để làm dấu đi".

Trọng Thủy về báo tình hình cho Đà biết để thôn tính Thục.

NHÀ TRIỆU (207-111 tr. TL) Triệu Đà

TÀU ĐÔ HỘ TA LẦN THỨ I (111tr.TL-39):

NHÀ TÂY HÁN (206 Tr.TL-6 S.TL) Lưu Bang

TRƯNG NỮ VƯƠNG KHỞI NGHĨA *(40tr.TL-04 sau TL).*

TÀU ĐÔ HỘ TA LẦN THỨ II (43-544):

NHÀ ĐÔNG HÁN (23-220), Lưu Tú

ĐỜI TAM QUỐC (220-265): Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô (222-280).

BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ CHINH) KHỞI NGHĨA NĂM MẬU THÌN (248).

NHÀ TẤN (265-420):

THỜI KỲ TỰ CHỦ (544-602)

NHÀ TIỀN LÝ (544-602)

Lý Nam Đế (544-548): Lý Bôn

Lý Bôn *là người tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng nghĩa dũng nổi lên đánh đuổi Thứ Sử Giao Châu là Tiêu Tư về Tàu, rồi chiếm giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức. Sau, nhà Lương sai Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Nam Đế thua bèn giao binh quyền cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục chống nhau với nhà Lương rồi trở về đóng ở động Khuất Liêu và mất ở đấy.*

Triệu Việt Vương (549-570). Triệu Quang Phục

Triệu Quang Phục *theo Lý Nam Đế lập được nhiều chiến công, nay đem quân chống cự với nhà Lương ít lâu, thấy thế lực quân Tàu còn mạnh bèn rút về chỗ đầm lầy Dạ Trạch. Khi hay tin Lý Nam Đế mất mới xưng là Việt Vương và đánh lấy lại thành Long Biên.*

Khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu thì người anh họ là Lý Thiên Bảo và người cùng họ là Lý Phật Tử chạy sang Lào. Đến năm thứ 7(555) đời Triệu Việt Vương, Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Phật Tử. Năm Đinh Sửu (557) Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật Tử xin chia đất giảng hòa.

Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng chia đất cho, lại gả con gái cho Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau, nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính cơ đồ của Việt Vương. Nhà Triệu mất, khởi từ năm Kỷ Tị mất năm Canh Dần, cộng 22 năm.

Hậu Lý Nam Đế (571-602) Lý Phật Tử

Lý Phật Tử *chiếm được Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên). Thế rồi, năm Nhâm Tuất, Tùy Văn Đế sai tướng Lưu Phương sang đánh Nam Việt. Lý Phật Tử xin hàng. Lưu Phương bắt Lý Phật Tử đem về Tàu, còn những tướng tá bắt được người nào kiệt hiệt đều giết hết cả.*

Dùng mọi thủ đoạn để giành cho được ngôi vị, rồi dâng non sông gấm vóc cho kẻ thù phương Bắc. Từ đấy nước ta lại bị người Tàu cai trị lần thứ ba, mất 336 năm nữa. Bi phẫn thay!

TÀU

ĐÔ HỘ TA LẦN THỨ BA (603-939):

NHÀ TÙY (589-617) Tiêu Tư

NHÀ ĐƯỜNG (618-907) Lý Thế Dân

Tổ tiên ta không ngớt đổ máu xương giành lại non sông, hai cuộc khởi nghiã:

MAI HẮC ĐẾ: (722)

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG: (791) Phùng Hưng

THỜI KỲ TỰ CHỦ (939-1413)

NHÀ NGÔ (939-965): **Ngô Quyền**

Thập nhị Sứ Quân (945-967)

NHÀ ĐINH (968-980): ***Đinh Bộ Lĩnh***

NHÀ TIỀN LÊ (980-1009): ***Lê Hoàn***

Lê Đại Hành. *Các niên hiệu: Thiên Phúc (980-988), Hưng Thống (989-993) và Ứng Thiên (994-1009)*

NHÀ LÝ **(1010-1125)**

Lý Thái Tổ (1010-1028) ***Lý Công Uẩn***

Lý Thái Tôn (1028-1054) ***Phật Mã***

Các niên hiệu: Thiên Thành (1028-1033), Thông Thụy (1034-1038), Càn Phù Hữu Đạo(1039-1041)Minh Đạo(1042-1043) Thiên Cảm Thánh Vũ(1044-1048),Sùng Hưng Đại Bảo(1049-1054).

Lý Thánh Tôn (1054-1072) Nhật Tôn

1. NĂM BÍNH THÂN (1055, Long Thuỵ Thái Bình 3; Tống, Chí Hoà 3).

Mùa Xuân, tháng Giêng, nước Chân Lạp sai sứ sang cống.

Tháng 4, dựng chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên, xây tháp 12 tầng.

Lý Nhân Tôn (1072-1127) ***Càn Đức***

Các niên hiệu: Thái Ninh (1072-1075), Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084),Quảng Hựu(1085-1091), Hội Phong (1092-1100),

Long Phù (1101-1109), Hội Tường Đại Khánh(1110-1119), Thiên Phù Duệ Vũ(1120-1126), Thiên Phù Khánh Thọ

Lý Thần Tôn(1128-1138) ***Dương Hoán***

Lý Anh Tôn(1138-1175) ***Thiên Tộ.***

Các niên hiệu: Thiệu Minh(1138-1139), Đại Định(11401162),Chính Long Bảo Ứng(1163-1173), Thiên Cảm Chí Bảo (1174-1175).

Lý Cao Tôn (1176-1210) ***Long Trát***

Lý Huệ Tôn(1211-1225) ***Hạo Sảm***

Lý Chiêu Hoàng(1225) ***Phật Kim***

NHÀ TRẦN(1225-1400)

Trần Thái Tôn (1226-1277), ***Trần Cảnh***

Các niên hiệu: Kiến Trung(1225-1232), ***Thiên Ứng Chính Bình(1233-1350)****, Nguyên Phong(1251-1258)*

2. NĂM BÍNH THÂN (1236, Thiên Ứng Chính Bình 5; Tống, Đoan Bình 3).

Định quan hàm cho các bậc đại thần.

Trần Thánh Tôn (1258-1278), ***Hoảng***

Trần Nhân Tôn (1279-1293), ***Khâm***

Con trưởng vua Thánh Tôn, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu, con gái thứ 5 của Trần Liễu. Ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm.

Các niên hiệu Thiệu Bảo (1279-1284), Trùng Hưng (1285-1293)

Mùa Xuân, tháng 3, vua Nhân Tôn nhường ngôi cho Hoàng Thái Tử Thuyên lên ngôi Hoàng Đế tức là vua Trần Anh Tôn,

Trần Anh Tôn đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ nhất. Mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thánh Hoàng Thái Hậu, con gái Trần Quốc Tuấn.

3. NĂM BÍNH THÂN (1296, Hưng Long 4; Nguyên, Nguyên Trinh 2).

Chế độ nhà Trần, các quan viên đánh bạc phải xử vào tội nặng.

Mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Hưng, tước thượng phẩm, cố ý phạm pháp, nên nhà vua bắt đánh bằng trượng cho đến chết.

*Trần Minh Tôn (1314-1329), **Mạnh**, Hoàng tử thứ tư của vua Anh Tôn; mẹ đích là Thuận Thánh BảoTừ Hoàng Thái Hậu,con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng (con Trần Quốc Tuấn); mẹ sinh là Chiêu Hiến Hoàng Thái Hậu, con gái của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Niên hiệu Đại Khánh(1314-1323) và Khai Thái (1324-1329)*

*Trần Hiến Tôn (1329-1341) **Vượng**, con trưởng vua Minh Tôn, lên làm vua mới 10 tuổi. Niên hiệu Khai Hữu. Không có con, lập em lên làm vua.*

***Trần Dụ Tôn** (1341-1369), **Hạo** em vua Minh Tôn, Con thứ 10 của Minh Tôn,. Vua rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn. Đời Thiệu Phong chính sự tốt đẹp; từ đời Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.*

*Các niên hiệu: **Thiệu Phong (1341-1357)**, Đại Trị (1358-1369)*

4. NĂM BÍNH THÂN (1356,Thiệu Phong 16; Nguyên, Chí Chính 16).

Mùa Xuân, tháng 3, hai mặt trời rập rờn.

Nhà vua rước Thượng hoàng đi tuần nơi biên giới, đến Nghệ An.

Mùa Hạ, tháng 5 trở về cung.

Tháng 8, Thượng hoàng đến chơi đền Huệ Vũ Vương Trần Quốc Trấn, lúc trở về có con ong vàng đốt bên má trái, do đó nằm bệnh, rồi băng.

*Trần Hiến Tôn (1329-1341) **Vượng**; mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái Hậu, mẹ sinh họ Lê.*

*Trần Nghệ Tôn (1370-1372) **Phủ**, con thứ 3 của Minh Tôn*

*Trần Duệ Tôn (1372-1377) **Kính**, em Nghệ Tôn, con thứ 11 của Minh Tôn. Năm Đinh Tỵ (1377) thân chinh đi đánh Chiêm Thành bị chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga dùng kế trá hàng phục binh, nhà vua bị chết trong trận gần thành Đồ Bàn.*

Trần Phế Đế (1377-1388) ***Hiện****, con trưởng Duệ Tôn.*

Trần Thuận Tôn (1388-1398) ***Ngung****, con út Nghệ Tôn.*

Trần Thiếu Đế (1398-1400) ***An****, con trưởng Nghệ Tôn, bị Hồ Quý Ly cướp ngôi.*

NHÀ HỒ (1400-1407):

Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương

NHÀ HẬU TRẦN (1407-1413)

Giản Định Đế: Huý là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tôn. Cuối đời Hồ, khởi binh khôi phục nhà Trần. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong.

Trùng Quang Đế: Huý là Quý Khoáng, cháu nội Nghệ Tôn, gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm, gắng chí việc khôi phục nhưng không thành, nuốt hận mà chết, thương thay.

THUỘC NHÀ MINH (1414-1428)

(Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương (1368-1398), niên hiệu Hồng Vũ, đóng đô ở Kim Lăng, Nam Kinh.

Minh Thành Tổ Chu Lệ (1403-1424,) niên hiệu Vĩnh Lạc, dời đô lên Kim Lăng, Bắc Kinh.

5. NĂM BÍNH THÂN (1416, Minh, Vĩnh Lạc 14).

Nhà Minh bổ Nguyễn Huân làm Bố Chánh Sứ, Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham Chính.

THỜI KỲ TỰ CHỦ

NHÀ LÊ (1428-1788) LÊ LỢI

Lê Thái Tổ (1428-1433)

Lê Thái Tôn (1434-1442)

Lê Nhân Tôn (1443-1459)

Lê Thánh Tôn (1460-1497)

Các niên hiệu: Quang Thuận (1460-1497), ***Hồng Đức*** *(1470-1497)*

6. NĂM BÍNH THÂN (1476, Hồng Đức 7; Minh, Thành Hóa 12).

Tháng 8, Cung Vương Khắc Xương bị giao xuống hình ngục, Khắc Xương lo sợ mà chết.

Vua Lê Thái Tôn có 4 người con: Lạng Sơn Vương Nghi Dân, Thái Tử Băng Cơ, Cung Vương Khắc Xương và Bình Nguyên Vương Tư Thành.

Lạng Sơn Vương Nghi Dân, trước đã làm Thái Tử, sau vì người mẹ phải tội, cho nên bị bỏ, em kế là Băng Cơ được chọn làm Thái Tử.

Vua Lê Thái Tôn băng, Thái Tử Băng Cơ lên nối ngôi vua tức là Nhân Tôn.

Nghi Dân và bọn đồng mưu nửa đêm trèo thành vào giết vua Nhân Tôn và Hoàng Thái Hậu, tự xưng làm vua, lại ưa nghe lời xu nịnh, giết hại cựu thần. Sau đó Nghi Dân bị bắt và giết.

Sau khi giết Nghi Dân, các đại thần là bọn Lê Lăng muốn rước Cung Vương Khắc Xương về, lập làm vua.

Cung Vương là con thứ 3 của vua Lê Thái Tôn và là anh kế của Bình Nguyên Vương Tư Thành. Tính tình Vương nhã nhặn, đạm bạc, có tiết độ, giữ mình kính cẩn, cố từ chối; đại thần mới rước lập Bình Nguyên Vương Tư Thành tức là vua Lê Thánh Tôn. Nghe được việc này, nhà vua có ý không bằng lòng.

Sau khi Lê Lăng đã bị giết, nhà vua vẫn đem lòng ngờ ghét Cung Vương. Đến nay có người tố cáo Cung Vương mưu làm việc phản nghịch, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, Cung Vương vì lo sợ mà chết.

Lê Hiến Tôn (1497-1504)

Lê Túc Tôn(1504)

Lê Uy Mục (1505-1509)

Lê Tương Dực (1510-1516)

Lê Chiêu Tôn, Lê Cung Hoàng (1516-1527)

NHÀ MẠC

Thái Tổ Mạc Đăng Dung (1527-1529)

Thái Tôn Mạc Đăng Doanh (1530-1540)

Niên hiệu: ***Đại Chính.***

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG (1533-1788)

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê, khi Mạc Đăng Dung tiếm nghịch ông dẫn con em trốn sang Ai Lao.

Năm 1532 Nguyễn Kim lập con thứ vua Lê Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lào tức là Lê Trang Tôn(1533-1548).

7. NĂM BÍNH THÂN (1536,Nguyên Hoà 4; Mạc, Đại Chính 7; Minh, Gia Tĩnh 15).

Vua Lê Trang Tôn lại sai sứ sang nhà Minh lần nữa, vì lần trước không nhận được tin tức gì.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Năm Ất Tị(1545) Nguyễn Kim bị thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Lê Trung Tôn (1548-1556).

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con. Trịnh Kiểm lập ***Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trừ là anh ruột Lê Thái Tổ, tức là Lê Anh Tôn (1556-1573).***

Năm 1558 Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa.

Năm 1570 Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng là con thứ Nguyễn Kim, kiêm lĩnh 2 xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con thứ là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua tức là Lê Thế Tôn(1573-1599)

Lê Thế Tôn (1573-1599). Niên hiệu: Gia Thái (1573-1577), Quang Hưng (1578-1599)

8. NĂM BÍNH THÂN (1596, Quang Hưng 19; Minh,Vạn Lịch 24).

Mùa Xuân, tháng Giêng, Trấn Hải Dương là Phan Ngạn đánh bại được đồ đảng nhà Mạc ở Thanh Hà, rồi

tiến đánh úp Vạn Ninh, bắt được Mạc Kính Chương là Tráng Vương của nhà Mạc.

Tám năm sau (1600), Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hóa.

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi, tức là vua Thần Tôn.

Lê Thần Tôn (1644-1643)

Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là Lê Chân Tôn.

Lê Chân Tôn(1644-1649).

Chân Tôn mất không có con. Trịnh Tráng lại rước Thần Tôn Thái Thượng Hoàng lên làm vua lần thứ hai.

Lê Thần Tôn (1649-1662)

Niên hiệu: Khánh Đức (1649-1652), ***Thịnh Đức (1653-1657)****, Vĩnh Thọ (1658-1661),Vạn Khánh (1662).*

9. NĂM BÍNH THÂN (1656, Thịnh Đức năm 3; Minh, Vĩnh Lịch 9; Thanh,Thuận Trị 11).

ĐÀNG NGOÀI: Cấp Sự Trung Lễ Khoa và Công Khoa xin đặt thêm quan Đốc Đồng ở hai trấn dinh tả hữu để coi giữ miền biên giới.

ĐÀNG TRONG:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613)

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635):

Khi ở ngoài Bắc Trịnh Tùng mất (1623), Chúa Sãi đã có ý muốn nhân dịp này đánh Trịnh, nhưng chuẩn bị thành trì chưa xong nên để chờ cơ hội khác.

Năm Đinh Mùi (1627), Trịnh Tráng lấy cớ không nộp thuế, đem quân vào đánh chúa Sãi, thế rất nguy cấp. Trương Phúc Côn(có tên là Da) và Nguyễn Hữu Dật dùng gián điệp phao tin rằng em Trịnh Tráng là Trịnh Nhạc và Trịnh Gia sắp làm loạn. Tráng nghe tin ấy lấy làm ngờ, bèn rút quân về.

Đó là Trịnh Nguyễn đánh nhau lần thứ nhất.

Năm 1629 chúa Sãi nghe theo lời của Đào Duy Từ đánh lấy châu Nam Bố Chánh lập làm dinh Bố Chánh(Bấy giờ gọi là Dinh Ngói), lấy Phấn Quận Công Trương Phúc Phấn, con Lương Quận Công Trương Phúc Côn trấn giữ.

Đó là Trịnh Nguyễn đánh nhau lần thứ hai.

Năm 1633, người con thứ 3 của chúa Sãi là Anh, Trấn Thủ Quảng Nam muốn tranh quyền với anh là Lan, sai người đưa thơ ra Thăng Long xin chúa Trịnh đem quân vào đánh, hắn sẽ làm nội ứng. Được tin chúa Trịnh mang đại quân vào, nào ngờ bị bại lộ, Trịnh quân bị đánh cho một trận tơi tả.

Đó là Trịnh Nguyễn đánh nhau lần thứ 3.

Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648):

Năm 1635, chúa Sãi mất, con là Nguyễn Phúc Lan lên nối ngôi chúa, tức là chúa Thượng. Lúc ấy có người em tên là Ánh nổi lên tranh quyền. Thừa dịp quân Trịnh kéo vào, nhưng gặp lúc khí trời nóng lắm quân sĩ chết hại rất nhiều, nên phải rút quân về Bắc.

Năm (1648), Trịnh Tráng lại kéo đại quân thuỷ bộ vào đánh miền Nam. Bộ binh thì tiến đánh Nam Bố Chánh, còn thủy binh thì vào đánh cửa Nhật Lệ. Bấy giờ Trương Phúc Phấn và con trưởng là Trương Phúc Hùng cố giữ lũy Trường Dục, quân Trịnh đánh mãi không tiến lên được. Chúa Thượng lại sai con là Nguyễn Phúc Tần hội với Nguyễn Hữu Tiến đuổi đánh quân Trịnh chạy mãi đến sông Lam Giang mới thôi.

Đó là Trịnh Nguyễn đánh nhau lần thứ 4.

Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1649-1687).

Năm Ất Sửu(1657),Tướng Trịnh là Trịnh Đào từng nhiều lần sai Thủ tướng châu Bắc Bố Chánh là Phạm Tất Đồng thả quân qua biên giới để cướp bóc. Chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) bèn quyết định đi đánh ra Bắc.

Chúa sai Thuận Nghĩa Hầu Nguyễn Hữu Tiến, Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật, Hùng Uy Hầu Trương Phước Hùng đem quân qua sông Linh Giang ra đánh đất Bắc Bố Chánh, tướng Trịnh là Phạm Tất Đồng về hàng.

Quân Nguyễn tiến đến Hoành Sơn, gặp quân của Lê Hữu Đức, đánh đuổi một trận, rồi thừa thắng tiến đánh đồn Hà Trung. Lê Văn Hiểu chống không nổi, phải cùng với Lê Hữu

Đức rút về giữ An Trường (tức là thành Nghệ An bây giờ). Nguyễn Hữu Tiến đem binh đến đóng ở huyện Thạch Hà, Lê Văn Hiểu và Lê Hữu Đức kéo sang đóng ở xã Đại Nại.

Trịnh Tráng thấy bọn Lê Văn Hiểu binh bại ở Hà Trung bèn triệu về kinh, và sai Thái Bảo Trịnh Trượng làm Thống Lĩnh, kinh lược đất Nghệ An. Lê Văn Hiểu bị đạn ở chân, về nửa đường thì chết, còn bọn Lê Hữu Đức thì bị giáng chức cả.

Trịnh Trượng lĩnh 18 tướng để thu phục dinh Hà Trung và 50 chiến thuyền đóng ở cửa biển Kỳ La. Nguyễn Hữu Tiến thấy quân Trịnh đã tiến, bèn rút quân về sông Linh Giang để nhử quân Trịnh. Nhưng Trịnh Trượng thấy tự nhiên sao quân Nguyễn rút lui là có mưu gì, không dám đuổi theo, bèn đóng quân ở lại Lạc Xuyên, chỉ cho 500 binh vào đóng ở đồn Hà Trung.

Nguyễn Hữu Tiến, Trương Phúc Hùng bèn đem quân đánh Trịnh ở Lạc Xuyên, Nguyễn Hữu Dật đem thủy binh ra đánh cửa Kỳ La, đuổi chiến thuyền Trịnh về cửa Châu Nhai.

Binh Nguyễn thừa thắng chiếm giữ đồn Lạc Xuyên. Binh tướng Trịnh tháo chạy về An Trường.

Bấy giờ những huyện về phía Nam sông Lam Giang (tức là sông Cả bây giờ) là các huyện Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn và Thanh Chương, cả thảy là 7 huyện đều thuộc về họ Nguyễn cả.

Trận tiến quân ra Bắc lần nầy quân Trịnh rất khiếp sợ Trương Phúc Hùng, gọi là "Hùng Sắt"

Lê Huyền Tôn (1663-1672)

Lê Gia Tôn (1672-1675)

Lê Hy Tôn (1676-1705)

***Lê Dụ Tôn** (1706-1729)*

*Các niên hiệu: **Vĩnh Thịnh** (1706-1719), Bảo Thái (1720-1729)*

10. NĂM BÍNH THÂN (1716, Vĩnh Thịnh 12; Thanh, Khang Hy 55)

ĐÀNG NGOÀI:

Bắt đầu định phép chia đều thuế khóa và lao dịch mà từ trước việc lao dịch chỉ bắt dân đinh hứng chịu, nay thì việc công thì dân đinh và điền mẫu phải chia

nhau mà gánh vác.

ĐÀNG TRONG:

Chúa Nghĩa Phước Trăn (1687-1691)

Chúa Nguyễn Phước Chu (1692 -1725)

11. NĂM BÍNH THÂN (1716).

Miễn dao dịch cho cháu gọi bằng Ông và cháu gọi bằng Chú, Bác của Khám Lý Trần Đức Hòa và cấp cho tự điền 10 mẫu.

Chúa muốn cử đại quân Bắc phạt, nhưng thấy tướng Trịnh là Lê Thì Liêu trấn Nghệ An, phòng giữ nghiêm mật, bèn mật khiến 2 người khách buôn Phúc Kiến là Bình và Quý sang Quảng Tây, theo ải Lạng Sơn mà vào đến Đông Đô để dò xét tình hình hư thực ở Bắc Hà rồi về lại Quảng Đông rồi về lại báo cáo tình hình bất lợi cho việc Bắc phạt, nên bỏ ý định ấy.

Lê Ý Tôn (1735-1739)

Lê Hiển Tôn (1740-1786)

Chúa Nguyễn Phúc Chú´(172-1738)

Chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765).

Chúa Nguyễn Phúc Khoát bắt đầu xưng Vương năm 1744.

Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777)

12. NĂM BÍNH THÂN (1776, Lê Cảnh Hưng 37; Thanh, Càn Long 41.)

Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Lữ làm Tiết Chế đem thủy quân vào cướp Gia Định. Lữ cướp lấy thóc kho hơn 200 thuyền chạy về Qui Nhơn.

NHÀ TÂY SƠN (1788-1802)

NHÀ NGUYỄN (1802-1945)

Niên hiệu Gia Long (1802-1819)

Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840).

13. NĂM BÍNH THÂN (1836, Minh Mệnh 17; Thanh, Quang Đạo 16).

Thực hiện chủ quyền trên Đảo Hoàng Sa, năm Ất Sửu (1835) vua Minh Mệnh sai Cai Đội Thủy Quân là Phạm Văn Nguyên đem lính thợ Giám Thành và phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu ra Hoàng Sa dựng miếu, cách toà miếu cổ Vạn Lý Ba Bình (萬里波平) 7 trượng (1trượng=4.24m;7 trượng vào khoảng 30m). Bên tả miếu dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong.

Tháng Giêng năm nay (Bính Thân, 1836), bộ Công tâu đại ý: Cương giới mặt biển nước ta có đảo Hoàng Sa là rất hiểm yếu. Trước kia đã phái vẽ bản đồ nhưng chưa xong. Hàng năm nên phái người dò khắp hết đảo để thuộc đường biển thật rõ ràng chính xác vẽ thành toàn đồ.

Vua y lời tâu, sai Suất Đội Thủy Quân do Chánh Đội Trưởng Phạm Hữu Nhật chỉ huy binh thuyền đi. Chuẩn cho mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc). Mặt bài ghi những chữ như sau: 明命十七年丙申水軍正隊長率隊范有日奉命往黃沙相度至此置誌 **(Minh Mệnh thập thất niên, Bính Thân Thủy Quân Chánh Đội Trưởng Suất Đội Phạm Hữu Nhật, phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương độ chí thử lưu chí)**

Nghĩa là: MINH MỆNH THỨ 17, NĂM BÍNH THÂN, THỦY QUÂN CHÁNH ĐỘI TRƯỞNG SUẤT ĐỘI PHẠM HỮU NHẬT, VÂNG MỆNH ĐI HOÀNG SA TRÔNG NOM ĐO ĐẠC ĐẾN ĐÂY LƯU DẤU ĐỂ GHI NHỚ".

Tháng 12, mùa Đông, thuyền buôn Anh Cát Lợi đi qua Hoàng Sa mắc cạn, bị vỡ và đắm; hơn 90 người đi thuyền sam bản đến bờ biển Bình Định. Vua được tin, dụ tỉnh thần lựa nơi cho họ trú ngụ, hậu cấp cho tiền và gạo; lại phái thị vệ thông ngôn đến dịch lời thăm hỏi, tuyên chỉ ban cấp. Bọn họ đều quỳ dài, khấu đầu không thôi. Sự cảm kích của họ biểu lộ qua nét mặt và lời nói.

Phái viên về tâu, vua nói:" Họ vốn tánh kiệt hiệt, kiêu ngạo, nay được đội ơn chuẩn tuất, bỗng cảm hóa, đổi được tục man di. Thật đáng khen.". Sai thưởng cho thuyền trưởng và đầu mục, mỗi người 1 áo đoạn vũ hàng màu, 1 quần vải tây và 1 chăn vải; các người tuỳ tùng mỗi người 1 bộ quần áo bằng vải màu. sắc sai phái viên sang Tây là Nguyễn Tri Phương và Võ Văn Giải đưa họ

sang bến tàu Hạ Châu, cho về nước.

Niên hiệu Thiệu Trị(1841-1848)

Năm1847 hai tàu chiến của Pháp đến bắn chìm 2 tàu của ta ở cửa biển Đà Nẵng rồi rút đi.

Niên hiệu Tự Đức (1848-1883)

Năm 1856 là năm Tự Đức 9, quân Pháp mang tàu tên Catinat vào cửa Đà Nẵng bắn phá rồi bỏ đi.

Năm 1858 (Tự Đức 11), Liên quân Pháp- Y Pha Nho chở quân đến cửa Đà Nẵng.

Năm 1859 (Tự Đức 12) quân Pháp đánh phá Gia Định.

Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) nước ta phải nhường đứt 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho Pháp.

Năm 1867, quân Pháp kéo quân đ ến định đánh lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tổng Đốc Phan Thanh Giản biết thế không chống nổi, bèn giao nộp thành trì cho Pháp rồi uống thuốc độc mà tự tận.

Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874)

Niên hiệu Hiệp Hòa (1883)

Niên hiệu Kiến Phước (1884)

Niên hiệu Hàm Nghi (1664-1888)

Niên hiệu Đồng Khánh (1885-1889)

Niên hiệu Thành Thái (1889-1907)

14. NĂM BÍNH THÂN (1896), Thành Thái 8).

Tổng Thống Pháp ra sắc lệnh cho phép Toàn Quyền Đông Dương được một Hội Đồng Đề Hình (Commission Criminelle) để xét xử những người Việt ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tháng 11, ngày 18, Toàn Quyền Đông Dương ra nghị định cho thành lập một trường Pháp-Việt ở Huế, gọi là Trường Quốc Học Huế.

Niên hiệu Duy Tân (1907-1916)

Niên hiệu Khải Định (1916-1925)

Niên hiệu Bảo Đại (1926-1945)

SAU NĂM 1945

15. NĂM BÍNH THÂN (1956):

VIỆT NAM TRONG CẢNH ĐẤT NƯỚC CHIA ĐÔI.

MIỀN BẮC:

Cộng Sản củng cố chính quyền ở Miền Bắc và chuẩn bị thôn tính Miền Nam.

MIỀN NAM:

Chính Phủ Ngô Đình Diệm tuyên bố không công nhận Genève. Chuẩn bị đối đầu với cuộc xâm lăng của Cộng Sản miền Bắc

Về Nội Trị: Dẹp nội loạn, loại một số đông Cộng Sản nằm vùng lũng đoạn phá rối Miền Nam

Về Kinh Tế:

Chính phủ Ngô Đình Diệm chuyển sang giai đoạn phục hồi kinh tế với 3 chính sách quan trọng:

.Cải cách ruộng đất:

. Mở rộng diện tích canh tác

. Tăng trưởng kinh tế đến mức tự túc tự cường.

Về Quân Sự:

Tổ chức lại quân đội.

Về Giáo Dục:

Phát triển nền Giáo Dục, nhất là những vùng Việt Minh chiếm đóng. Riêng tỉnh Bình Định có tổ chức 1 kỳ thi lấy văn bằng Tiểu Học năm 1955. Đa số những người đậu văn bằng này đã phục vụ trong ngành giáo dục bậc tiểu học của tỉnh. Năm 1956, kết quả đầu tay của trường Trung Học Công Lập Tăng Bạt Hổ và Cường Để, những lớp người đậu văn bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp sẽ tiếp tục tiến bước theo kịp những bạn đồng trang lứa để trở thành rường cột của cán bộ miền Nam trong tương lai.

16 . NĂM BÍNH THÂN (2016):

Chờ xem!

TRÁC NHƯ

Tuổi Già

Tớ nay chín mấy tính năm sinh,
Tai lảng mắt lòa, đến bực mình.
Ăn uống may còn đôi chút vị
Tới lui bỗng nhớ buổi đầu xanh.
Tinh thần tuổi lão, mong còn sáng,
Trí lực già nua, cố giữ bình.
Luyện thể, dưỡng tâm, nhờ phép nhiệm
Kết bằng, nối thuộc, giữ thâm tình.

Trúc Nhi

DỊCH RA HÁN VĂN



老大

我 今 九 十 又 零 零
煩 聽 減 聞 視 減 明
飲 食 幸 存 知 好 味
轉 移 憐 惜 少 時 榮
精 神 到 老 求 明 惠
體 力 恆 心 戒 慎 平
練 體 養 心 宜 有 法
人 倫 天 屬 更 深 情

竹 兒

PHIÊN ÂM:

Lão Đại

Ngã kim cửu thập, hựu linh linh,
Phiền thính giảm văn, thị giảm minh;
Ẩm thực hạnh tồn, tri hảo vị,
Chuyển di do tích, thiếu thời vinh.
Tinh thần đáo lão, cầu minh huệ,
Trí lực hằng chuyên, giới thận bình;
Luyện thể dưỡng tâm, nghi hữu pháp,
Nhân luân thiên thuộc, cánh thâm tình.

Trúc Nhi
11 Nov 2015



Xuân lạc xứ

Biết mấy mùa Xuân vẫn xứ người
Xa vời cố quốc lệ sầu rơi
Thương nhà ruột thắt nghe như cắt
Nhớ nước gan đau thấy rã rời
Đêm xuống thả hồn mơ đất mẹ
Ngày lên ôm bóng tưởng quê tôi
Ước chi hóa nhạn bay về tổ
Tìm chút hương xưa sưởi ấm đời.

Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ

HOA CÚC *ngày xưa*



Bùi Thúc Khán

Từ xa xưa có người đã nói: "Nếu cuộc đời không có Hoa thì cuộc đòi sẽ giảm đi rất nhiều thú vị." Người đời thưởng thức vẻ đẹp của Hoa qua màu sắc và hương vị êm dịu hay ngọt nào.

Tạo hoá phân chia một năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông và mỗi mùa có những loại Hoa đặc thù. Mùa Xuân có Hoa Mai, hoa Lan. Mù Hạ có Hoa Sen, hoa Lựu, Hoa Phượng. Mù Thu có hoa Cúc với nhiều loại, nhiều màu sắc. Mùa Đông có hoa Đào, hoa Hải đườngv.v..

Bên những loại Hoa chỉ hiện hữu với từng mùa, lại có những loại hoa xuất hiện quanh năm như sự kết nối giữa bốn mùa và sự liên lạc giữa các loài Hoa: Hoa Hồng, hoa Huệ, hoa Vạn Thọ, hoa Lan và hoa Cúc về sau này!

Một nhân vật thích vui sống với cảnh nghèo, thích uống rượu và chơi hoa Cúc, thanh thản vô tư, người đời nhất là những thi nhân chuộng thú điền viên, ẩn dật, thường nhắc đến là thi hào Đào Tiềm.

Đào Tiềm có tên là Đào Bình Trạch, người thời Đông Tấn, tự Uyên Minh, hiệu Ngũ Liễu, tiên sinh tài ba lỗi lạc, sinh năm 365, mất năm 427.

Sinh nhằm thời loạn, nhưng vì nhà nghèo, tiên sinh phải ra làm quan và ba lần bỏ về, lần cuối cùmg làm quan lệnh đất Bành Trạch (nên có tên là Bành Trạch). Một hôm có viên Đốc Bưu đến hyện nha lại trình với ông nên áo mão ra đón, ông than: "Có lẽ nào chỉ vì năm đấu gạo mà phải khom lưng ư?

Ông viết bài "Qui khứ lại từ" để tỏ chí mình, rồi treo ấn

từ quan. Bài "Qui khứ lai từ" rất nổi tiếng từ đó đến bây giờ!

Đào Tiềm là một thi hào, tác phẩm còn truyền lại gây nhiều ảnh hưởng trong văn học Trung Hoa và Việt Nam. Thơ ông bình đạm, thanh thú , giọng khoáng đạt vì đượm đà, phản ảnh một tâm hồn siêu trầm, bạt tục.

Đào Tiềm rất ưa thích Hoa Cúc. Trong vườn trồng đầy Cúc. Những lúc thanh nhàn thường bắt ghế trúc ngồi bên giậu nói chuyện cùng Hoa. Ông còn có tên là Nguyên Lượng và hiệu là Tịnh Thiết. Nói đến Đông ly Cúc (giậu Cúc ở phiá Đông) là nhắc nhở đến thi hào họ Đào. Nhà thơ Tam Nguyên Yên Đỗ có viết:

"Nhân hứng cũng vừa toan cất bút
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào!"

(Thu Vịnh

* *
*

Chúng ta còn được biết, một nhà thơ đời Văn Đường (835-907) cũng là người yêu hoa Cúc nên xót xa trước cảnh Hoa Cúc nở mùa Thu khí trời nghiệt ngã, nhị úa hương tàn, cản ngăn cánh bướm vãng lai nên đã mơ ngày nào làm Đế sẽ truyền cho Hoa Cúc cùng nở vào mùa Xuân với Hoa Đào.

Đây là bài tứ tuyệt Đề Cúc Hoa của nhà thơ đó:

Táp táp tây phong mãn viện tài,
Nhị hàn, hương lãnh, điệp nan lai
Tha niên ngã nhược vi thanh đế.
Báo dữ đào hoa nhất xứ khai

Có người dịch:

Gió Thu ào ạt khắp vườn hoa.
Nhị úa, hương tà bướm khó qua
Năm tới như ta làm Chúa được,
Truyền cho cùng nở với Đào hoa!

Tác giả bài thơ trên là Hoàng Sào (?-884), người Tào Châu thuộc tỉnh Sơn Đông, xuất thân từ một nhà buôn muối giàu có, thi Tiến Sĩ không đỗ, lãnh tụ "Khởi nghĩa nông dân" đời Vãng Đường, nổi giận, lật đổ ách thống trị của nhà Đường. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào lan rộng từ Hà Nam đến An Huy, Hồ Bắc. Năm 878 Hoàng Sào dẫn quân vượt qua sông Trường Giang tiến vào chiếm cứ vùng Quảng Đông, Quảng Châu, Hồ Bắc, Giang Tây, Chiết Giang, An Huy. Khi Hoàng Sào đem quân tiếng vào kinh đô Trường An, dân chúng đứng đầy hai bên đường nghênh tiếp. Lực lượng của ông có lúc lên tới 50 vạn quân. Ông tự xưng là Xung Thiên Đại Tướng quân. Đường Hy

Tông bỏ chạy vào Thục, Hoàng Sào xưng là Đại Tề Hoàng Đế.

Sau cuộc khởi nghĩa bị biến chất, nội bộ bị chia rẽ, một số làm phản, nghĩa quân tan rã, Hoàng Sào chạy về Biện Châu bị thuộc hạ mưu sát.

Theo quan niệm "trung quân" thời phong kiến, các chính khách, người viết sử, học giả, thời cũ thường có cái nhìn thiếu thiện cảm đối với lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng nông dân, mưu đồ thay đổi thời thế, lật đổ chế độ độc tài áp bức. Người ta không khen mà còn nặng lời chê bai theo kiểu "đươc là vua, thua là giặc, là ngụy"!

Chúng ta nhớ trong truyện Kiều, khi nàng Kiều đã vận dụng những lý lẽ, luận điểm như sau:

Ngẫm từ dấy việc binh đao
Đống xương vô định đã cao bằng đầu
Làm chi để tiếng về sau
Ngàn năm ai có khen đâu Hoàng Sào?

Qua bao lâu dù thời thế đổi thay, người ta vẫn còn cho rằng: "Hoàng Sào là tên giặc lớn đời Đường" (như chú thích trong truyện Kiều của các cụ Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ (ở trang 164)

Bây giờ chúng ta được thấy hoa Cúc nở vàng cả mùa Xuân, không còn là "hoa độc tôn" của mùa Thu!

Nơi đất khách trong dịp Xuân về, ta nhìn ngắm hoa Cúc được phô bày ở nhiều nơi nhu các vườn cây, công viên, các siêu thị, các cơ sở tôn giáo, các địa điểm có lẽ lạc v.v...Có phải ước mơ của nhà thơ Hoàng Sào tự thuở xa xưa nào nay đã là "hiện thực": Hoa Cúc nở mùa Xuân"

Nhìn hoa Cúc ta bất chợt nghĩ rằng Hoàng Sào cũng là một nhân vật phi thường, kiệt liệt của lịch sử, của văn học đời Vãng Đường. Tôi khẽ đọc hai câu thơ của ông:

"Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,
Nhất trạo giang sơn tận địa duy"
(Nửa vai đeo cung kiếm do trời cho,
Một chèo đi khắp non sông từ cuộc đất)

Thi hào Nguyễn Du có mượn ý thơ trên viết hai câu lục bát khi nói đến nhân vật Từ Hải trong truyện Kiều:

"Giang Sơn quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo"!

Xuân về, thưởng thức hoa Cúc vàng, ngẫm nghĩ chuyện đời xưa rồi khẽ ngâm câu thơ cũ, nhấp chén trà thơm, mong nguôi ngoai niềm nhớ quê hương

California, Xuân 2016
Bùi Thúc Khán



TÂY SƠN TAM KIỆT

Triều Phong ĐẶNG ĐỨC BÍCH

1 – Tình trạng xã hội:

Vào thế kỷ thứ 16, ở nước ta uy quyền của Nhà Lê không còn nữa, quyền bính nằm trong tay họ Trịnh.

Đến đầu thế kỷ thứ 17, giặc giã nổi lên nhiều nơi trong nước. Trịnh Giang chuyên quyền, giết vua Lê, lại còn tàn sát các đại thần như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn. Họ Trịnh ăn chơi xa xỉ, khiến công quỹ thiếu hụt, sưu thuế nặng nề.

- Loạn lạc Miền Bắc: Lúc bấy giờ có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi lên tại làng Ninh Xá tỉnh Hải Dương, Vũ Trác Oanh nổi lên tại làng Mộ Trạch huyện Đường An, Hoàng Công Chất và Vũ Đình Dung ở Sơn Nam, quan quân địa phương dẹp không nổi. Đây là những tổ chức phiến loạn lớn, còn các đám giặc cỏ thì nhiều không kể xiết. Nhóm đông có tới hàng vạn người đi cướp phá từ thành thị đến thôn quê.

- Vụ loạn Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương: Nguyễn Hữu Cầu mệnh danh là Quận He, một thời vô cùng oanh liệt, hoạt động ở vùng duyên hải Bắc Việt. Nguyễn Danh Phương mệnh danh là Quận Hẻo, hoạt động tại vùng tam giác Vĩnh Yên, Sơn Tây, Việt Trì. Năm 1744, Nguyễn Danh Phương có tới hơn một vạn quân, nhiều phen làm quân Triều đình điêu đứng.

- Vụ loạn Hoàng Công Chất: Họ Hoàng nổi lên cùng thời với các thủ lãnh phiến loạn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, nhưng chiến đấu lâu dài hơn. Hoàng Công Chất lưu động nhiều nơi, hợp với một số thủ lãnh khác, có lúc đông lên đến hàng vạn người. Triều đình phải huy động nhiều binh sĩ và tướng tài, vất vả trong việc tiểu trừ loạn lạc.

- Vụ loạn Quí tộc nhà Hậu Lê: Vào năm 1738, ba Hoàng thân Lê Duy Mật, Lê Duy Quí, Lê Duy Trác âm mưu giết chúa Trịnh, chẳng may việc không thành, phải bỏ chạy vào Thanh Hóa lập nhóm đối kháng, chống lại Triều đình trên 20 năm.

- Trịnh-Nguyễn phân tranh: Cuộc tranh bá đồ vương phân tranh Trịnh – Nguyễn kéo dài trên một trăm năm (1620-1775), làm biết bao người chết. Việc tranh giành ngai vàng, nghiệp Chúa đã khiến nhân dân điêu đứng, lầm than qua bao nhiêu thế hệ.

Ở miền Bắc, Triều đình nhà Lê mất hết quyền hành, họ Trịnh chuyên quyền giết vua, hãm hại công thần. Giặc giã nổi lên khắp nơi, dân chúng trăm bề điêu linh khổ sở.

Trong Nam, Chúa Nguyễn Phúc Thuần còn trẻ tuổi, quyền hành nằm trong tay gian thần phụ chính Trương Phúc Loan. Chế độ tham nhũng, áp bức và bóc lột đã làm trăm họ nghèo đói.

Trước tình trạng xã hội đen tối đó, Nhà Tây Sơn đã đứng lên, đáp ứng nguyện vọng của toàn dân, là lật đổ chế độ thối nát, đem công bằng và cơm no áo ấm cho dân chúng. Giáo sĩ Diego de Jumilla đã viết về Nhà Tây Sơn:**"Quân đội Tây Sơn từ miền núi phóng xuống thôn quê, chợ búa giữa ban ngày. Họ có đủ gươm, giáo, súng, nõ, nhưng không hại tính mạng và tài sản của ai hết. Trái lại, họ tuyên ngôn làm các việc công bằng, thẳng thắn, chỉ trừ khử bọn quan tham lại nhũng, những kẻ trọc phú, lưu manh và trộm cướp. Họ lấy của người giàu phân phát cho kẻ nghèo, chỉ dành cho họ một phần thóc gạo mà thôi. Ai chống lại họ giết, biết điều thì thôi".**

2 – Thời kỳ chuẩn bị:

- Thân thế:

Chúng ta thấy rằng trong cuộc đời nầy, nói để một người nghe theo mình là chuyện khó, hai ba người hoặc một nhóm người theo mình là chuyện khó hơn, nói chi đến việc thuyết



phục cả nước, cả dân tộc. Nếu không có tài, nếu không phải là mệnh trời thì khó mà làm được.

Áo vải cờ đào, dựng nên cơ nghiệp.

Tổ tiên Nhà Tây Sơn là họ Hồ ở Hoan Châu, Nghệ An, vào Quy Nhơn lập nghiệp. Họ Hồ đổi ra họ Nguyễn lúc nào không ai biết. Ông Nguyễn Phi Phúc lấy bà Nguyễn Thị Đồng sinh ra ba anh em Nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ tại làng Kiên Mỹ, xã Bình Thành, huyện Bình Khê, nay thuộc khuôn viên Điện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Ông Bà lập bến Trường Trầu, buôn bán trầu cau với người Thượng Tây Nguyên.

Thời kỳ tiền khởi nghĩa đã được chuẩn bị từ trước năm 1771. Ba anh em Tây Sơn là những trang hào kiệt, đầy mưu lược. Nhờ tài ngoại giao khéo léo, thu phục được nhân tâm, đãi ngộ nhân tài, anh hùng hảo hán khắp nơi tụ về rất đông.

- Thầy Giáo Hiến:

Tên thật là Chu Văn Hiến, giòng dõi Minh Thành Tổ Chu Nguyên Chương bên Trung Quốc. Nhà Minh bị Nhà Thanh lật đổ, con cháu Nhà Minh phải lưu lạc khắp nơi. Thầy Giáo Hiến

là một nhân sĩ văn võ song toàn, kết bạn anh em với quan Nội Hữu Trương Văn Hạnh, một đại thần đời Chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Trương Văn Hạnh đề nghị Thầy Giáo Hiến đổi họ thành Trương Văn Hiến để che mắt sự theo dõi của quan.

Thời bấy giờ, Đại thần Trương Phúc Loan tự ý phế lập Chúa, không một ai tại phủ Chúa dám ngăn cản, chỉ có Trương Văn Hạnh phản đối kịch liệt, bị Trương Phúc Loan ra lệnh giết chết. Trương Văn Hiến sợ vạ lây, cùng gia đình lánh nạn vào phương Nam, đến làng An Thái, huyện An Nhơn, Bình Định mở trường dạy học.

Trương Văn Hiến là người thông minh, học cao hiểu rộng, giỏi về khoa lý số, quán triệt nhân sự. Trong khi truyền dạy văn võ, Thầy giáo Hiến luôn luôn nhắc nhở: ***"Nam nhi phải có chí lớn"***, đề cao cuộc Cách Mệnh Thang Vũ và ông thường nói: ***"Tây Sơn khởi nghĩa, Bắc thu công"***. Ông đã rèn luyện và đào tạo nhiều môn đệ kiệt xuất, trong đó có ba anh em Nhà Tây Sơn và mối thù của nghĩa huynh sau nầy cũng được xóa.

- Quy tụ anh hùng hào kiệt:

Từ năm 1771-1773, thời gian chuẩn bị, ông Nguyễn Nhạc là người mưu trí, đảm lược, hiểu rõ tình thế, đã mở rộng thương trường, giao du trong thiên hạ, quy tụ hào kiệt, kết thân với các cao thủ có hàng trăm môn đệ.

Câu chuyện ông Nguyễn Nhạc là Vua Trời, được Trời phong Quốc Vương, còn cho cả ấn kiếm, được loan truyền trong khắp phủ huyện. Anh hùng hào kiệt quy tụ về rất đông vì tin ông là Vua Trời, có mạng Đế Vương.

Chúng ta thường nghe đến Tây Sơn Thập Bát Cơ Thạch, tức 18 nhân tài, tượng trưng cho 18 tảng đá làm nền móng cho Nhà Tây Sơn: Thất hổ tướng, Lục kỳ sĩ và Ngũ phụng thư.

- Thất hổ tướng: Đây là 7 tướng tài trong Thập Bát Cơ Thạch, đã giúp Nhà Tây Sơn dựng nghiệp lúc ban đầu, gồm có: Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Tuyết, Võ Đình Tú, Nguyễn Văn Lộc và Lý Văn Bưu. Nghe tin Tây Sơn Tam kiệt cầu ứng nhân tài, hào kiệt, quần hùng khắp nơi tụ về rất đông, giúp Nhà Tây Sơn chiêu mộ và rèn luyện binh sĩ, chế tạo vũ khí, lập kho lương thực, chiếm các nơi trọng yếu làm căn cứ địa.

- Lục kỳ sĩ: Ngoài Thất hổ tướng còn có Lục kỳ sĩ, gồm 6 học sĩ, đóng góp công sức rất nhiều trong cơ đồ đại nghiệp Nhà Tây Sơn. Đó là các ông Nguyễn Thung, Võ Xuân Hoài,

Cao Tắc Tựu, La Xuân Kiều, Triệu Đình Tiệp và Trương Mỹ Ngọc. Đây là các bậc hiền sĩ, giỏi văn chương, thông kinh sử, đã giúp Nhà Tây Sơn xây dựng bộ máy hành chánh, kế hoạch ổn định những vùng mới chiếm, kiện toàn hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

- Ngũ phụng thư: Ngũ phụng thư là 5 bậc anh thư, gồm có bà Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Dung và Huỳnh Thị Cúc. Họ quán xuyến cơ sở hậu cần, quân lương, quân dụng và lập ra một đội nữ binh nổi tiếng, giỏi về kiếm cung, côn quyền. Ca dao vẫn còn truyền tụng trong dân gian:

Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định cầm roi đi quyền

- Chinh phục người Thượng Tây nguyên:

Câu chuyện khác, ông Nguyễn Nhạc dùng đôi giỏ bội đan bằng tre để gánh nước, dùng ngựa nhà tập luyện công phu, dụ được bầy ngựa trời, đã làm các bộ lạc Thượng Bana, Rađê, Giarai tin ông là Người Trời, đem cả làng Thượng, buông Thượng về thần phục và từ đây vùng Tây Nguyên mới thực sự là đất của Tây Sơn.

Thời đại Nhà Sơn có 5 con ngựa chiến nổi tiếng mà người đời gọi là Tây Sơn Ngũ Thần Mã: Ngựa Bạch Long Câu của Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, Ngựa Xích Kỳ Mã của Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết, Ngựa Ô Du của Tướng Đặng Xuân Phong, Ngựa Ngân Câu của Nữ tướng Bùi Thị Xuân, Ngựa Hồng Lư của Đô Đốc Lý Văn Bưu. Đây là những con chiến mã to lớn, dũng mãnh, chạy nhanh như gió thuộc loại Thiên Lý Mã, trung thành cùng chủ tướng, góp công sức trong việc xông pha trận mạc từ Bắc chí Nam không biết mệt mỏi.

- Thuyết phục khách trú người Hoa, người Chiêm Thành:

Nhờ chính sách ngoại giao khéo léo, đãi ngộ nhân tài, hai thủ lãnh người Hoa là Lý Tài và Tập Đình cũng kéo quân về giúp Nhà Tây Sơn. Binh Sĩ của hai tướng Tàu nầy phần lớn là người Quảng Đông, vóc to lớn, mình để trần, họ sử dụng thanh phạng đao rất lợi hại.

Ngoài ra, vị vua cuối cùng của người Chàm là Thị Hỏa, các

giới tu sĩ Phật Giáo, Lão Giáo, các sắc tộc thiểu số đều nhiệt liệt ủng hộ cuộc khởi nghĩa của Nhà Tây Sơn.

Thời cơ đã đến, Nhà Tây Sơn tiến hành cuộc khởi nghĩa, chiếm thành Quy Nhơn, làm căn cứ xuất phát đi đánh các nơi khác.



3 – Công cuộc khởi nghĩa:

Một giáo sĩ Tây Ban Nha kể rằng: ***"Nhà Tây Sơn tự xưng là những người theo mệnh Trời để thi hành công lý và giải phóng nhân dân khỏi ách quan liêu phong kiến, họ được mọi từng lớp, mọi giới ủng hộ .***

Quân Tây Sơn đi đến đâu thắng đến đó như trận cuồng phong lướt gió ".

- Gây thanh thế: Ông Nguyễn Nhạc là người can đảm và mưu trí, nên việc hạ thành Quy Nhơn để gây thanh thế của ông đã là một câu chuyện kỳ thú: ông ngồi vào cũi, giả bị dân chúng bắt, đem nộp quan tỉnh lấy thưởng. Tuần phủ ở đây là Nguyễn Khắc Tuyên tưởng thật, cho khiêng cũi vào thành, nhưng đến nửa đêm, ông Nhạc tháo cũi ra, mở cửa thành cho quân của mình xông vào, đánh đuổi quân quan một cách bất ngờ, trở tay không kịp.

Quân Tây Sơn chiếm thành Quy Nhơn vào năm 1773, tổ chức quân đội có quy củ, trang bị đủ khí giới, là lúc ngọn cờ cách mạng tiến ra Bắc, đánh vào Nam mạnh như thác lũ.

Trong thời gian nầy, Chúa Nguyễn bị quân Trịnh do tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh đuổi, phải chay vào Quảng Nam nương náu tại Bến Ván. Tại đây chúa Nguyễn lập cháu là Nguyễn Phúc Dương lên làm Đông Cung Thái tử, phòng xa nếu bị rủi ro, có người kế vị. Quân Tây Sơn tiến lên, quân Trịnh phương Bắc đi xuống. Chúa Nguyễn bị kẹt giữa hai gọng kềm, trốn tránh vào Trà Sơn, rồi cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh xuống thuyền chạy vào Gia Định.

- Đánh vào phía Nam: Sau khi đánh chiếm Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quy Nhơn và Phú Yên, năm 1775 quân đội Tây Sơn đánh vào Sài Côn, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần chạy đến Trấn Biên. Năm 1776, Nhà Tây Sơn lớn mạnh, Nguyễn Nhạc xây thành Đồ Bàn làm kinh đô, xưng là Tây Sơn Vương, phong Nguyễn Lữ làm Thiếu phó, Nguyễn Huệ làm Phụ chính.

Năm Định Dậu 1777, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem đại binh vào đánh Gia Định, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần, Hoàng tôn Dương tử trận, chỉ Nguyễn Phúc Ánh trốn thoát được.

Năm Mậu Tuất 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng Đế, niên hiệu là Thái Đức, phong Nguyễn Huệ làm Long Nhượng tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết chế. Năm Nhâm Dần 1782, vua Thái Đức và Nguyễn Huệ đem binh vào cửa Cần Giờ, tiêu diệt quân Nguyễn Phúc Ánh tại Ngã Bảy Thất kỳ Giang. Tháng Tư năm ấy, Nguyễn Huệ đem quân đến Lữ Phụ, đánh tan quân Nguyễn Phúc Ánh, Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát thân trốn ra đảo Phú Quốc. Trong trận nầy, Nguyễn Phúc Ánh cầu cứu một người Pháp lên là Manuel đem thủy quân đến giúp, nhưng không chống nổi, Manuel phải đốt tàu mà chết. Nguyễn Huệ kéo quân về Quy Nhơn.

Năm 1783, Châu Văn Tiếp chiếm được Sài Côn rước Nguyễn Phúc Ánh về Gia Định. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân vào Gia Định, đánh tan quân Châu Văn Tiếp, Nguyễn Phúc Ánh suýt chết, phải trốn sang Xiêm cầu viện. Xong trận nầy Nguyễn Huệ lại về Quy Nhơn, Trương Văn Đa được cử làm Trấn thủ Gia Định.

Năm 1784, Nguyễn Phúc Ánh lại rước quân Xiêm La về

giúp. Nguyễn Huệ được tin, vội vào Gia Định, tiêu diệt quân Xiêm La.

- Đánh ra phía Bắc: Phía Nam đã yên, năm 1786 Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc đánh quân Trịnh, dẹp quân Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thể chiếm Thuận Hóa, phá tan quân Trịnh Tự Quyền chiếm Sơn Nam, đánh quân Đinh Tích Nhưỡng chiếm Lỗ Giang, tiêu diệt quân Hoàng Phùng Cơ trên sông Thủy Ái.

Tin Trịnh Tự Quyền và Đinh Tích Nhưỡng bại trận, làm cho triều đình Bắc Hà điên loạn. Ưu binh và nhất binh tức lính Tam Phủ, hằng ngày vỗ ngực khoe khoan trung thành với Vua, Chúa, bây giờ bỏ chạy trước. Nhưng chạy đến đâu thì dân chúng giết đến đấy. Với đám dân quân nghịch nhau như vậy, cũng đủ thấy ngai vàng của Vua Lê, Chúa Trịnh sụp đổ rồi, không kể đến nguyên nhân khác.

Chúa Trịnh Khải đem hết tinh binh ra ngoài cửa Tây Long bày trận dưới Ngũ Long Lâu ngày 25 tháng 6 năm Bính Ngọ. Quân Tây Sơn rầm rộ xông lên, binh sĩ hò thét vang dậy khắp vùng. Chúa Trịnh phất cờ lệnh tiến quân. Quân Tây Sơn tràn lên như vũ bão, còn quân Trịnh chẳng ai dám liều mình. Chúa Trịnh liền thúc voi trở về Vương phủ, thì trên cửa Tuyên Vỏ, cờ Tây Sơn đang phất phới bay. Chúa Trịnh Khải bỏ chạy đến làng Yên Lãng, thì bị bắt, rút dao đâm cổ mà chết. Họ Trịnh chấm dứt sau 216 năm, hơn 2 thế kỷ tác oai tác quái miền Bắc.

Nguyễn Huệ vào Hoàng Thành ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786). Quân Tây Sơn giữ kỷ luật rất nghiêm chỉnh, không động chạm đến tài sản và tính mệnh của nhân dân. Nguyễn Huệ gặp vua Lê tại cung Vạn Thọ, trước mặt vua Lê, Nguyễn Huệ nói với vua Lê rằng: "***Quân Nam hà ra Bắc chỉ có ý phù Lê diệt Trịnh và làm theo lòng người ".*** Đây cũng là cách thức ngoại giao rất khôn khéo. Lúc bấy giờ các cựu thần đi lánh nạn không còn một ai, vua Lê cho đi tìm các quan đại thần Phan Lê Phiên, Trần Công Sán, Uông Sĩ Điển đến lo thù tiếp vị thượng khách. Ít bữa sau, dân chúng lại kéo nhau trở về, chợ búa lại họp, các hoạt động hằng ngày lại tiếp tục theo nhịp sống bình thường.

Để nối tình giao hảo, vua Lê gả Công Chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ, 16 tuổi với nhan sắc diễm lệ, lại có tài văn chương thi phú, mà sau nầy khi vua Quang Trung Nguyễn Huệ mất, Ngọc Hân có làm một số bài thi, phú rất thống thiết nổi tiếng. Mười ngày sau vua Lê Hiến Tông băng hà, Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi, niên hiệu là Chiêu Thống.

Vào lúc đó, Vua Thái Đức cũng ra tới Thăng Long. Gặp vua Lê, vua Thái Đức nói: ***"Họ Trịnh chuyên quyền, chúng tôi đem quân ra đây chỉ có ý giúp nhà vua mà thôi. Nếu đất Bắc Hà của Trịnh thì một tấc chúng tôi cũng lấy, nhưng của nhà Lê thì một tấc chúng tôi cũng không tưởng, chỉ mong nhà Vua giữ vững kiền cương, giữ yên bờ cõi, để hai nước chúng ta đời đời giao hảo ".*** Hai bên hoan hỷ, tiệc vui khoản đãi. Sau đó quân Tây Sơn rút về Nam.

Chính sách ngoại giao của Nhà Tây Sơn rất khôn khéo, không gây tị hiềm, xung đột giữa hai thế lực tranh ngai vàng tạo thêm cảnh binh đao đầu rơi máu đổ, mà còn đáp lại nguyện vọng của dân chúng là quân dân muốn được an vui trở về với gia đình.

Nhà Lê trị vì đã lâu đời, sĩ phu Bắc hà rất nhiều, xử sự không khéo sẽ đi đến chỗ bất hòa, chiến sự bùng phát.

Trong việc dùng người, Nhà Tây Sơn biết phục thiện, nhất là Nguyễn Huệ, nghe ai là kẻ tài giỏi hoặc hiền đức, lấy lễ tân sư, tức là vừa coi là khách vừa coi là thầy, mời tham gia việc nước. Đó là trường hợp đối xử với các ông La San Phu Tử Nguyễn Thiếp, Nguyễn Đăng Trường, Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích v.v...

4 – Chiến công oanh liệt, diệt giặc ngoại xâm:

- Tiêu diệt quân Xiêm La:

Nguyễn Huệ là một thiên tài quân sự. Hành quân tốc chiến tốc thắng, biến hóa như thần. Hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ luật sắt thép. Đức tính làm tướng của ông, đáng kể nhất ở chỗ biết chia bùi xẻ đắng với tướng sĩ, lấy ân uy và đảm lược để chinh phục lòng người.

Ra trận ông đi trước ba quân, lúc nguy nan, ông tỏ ra bình tĩnh. Gặp những vấn đề khó khăn, những việc mà người khác phải khiếp vía kinh hồn, thì ông thường nảy ra nhiều mưu kế lợi hại, tỏ ra có một khối óc thông minh lỗi lạc phi thường. Từ khi làm tướng, giữa lúc nước nhà ly loạn khắp nơi, đến khi ông mất, xông pha bách chiến bách thắng, ông chưa hề biết chiến bại.

Năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Phúc Ánh rước quân Xiêm La về giúp. Xiêm La cử hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem sang Nam Việt Nam hai vạn quân và 300 chiến thuyền chiếm Rạch Giá, Ba Thắt, Trà Ôn và Mân Thít.

Đi đến đâu quân Xiêm cướp bóc và quấy nhiễu dân chúng đến đó, thật là tai hại.

Được tin, Nguyễn Huệ vội vào ngay Gia Định, áp dụng chiến thuật lùi để nhử địch vào các điểm chiến lược. Tại Xoài Mút, Nguyễn Huệ đặc phục binh bên Rạch Gầm nay thuộc tỉnh Định Tường. Quân Xiêm La đến thì quân của Nguyễn Huệ đổ ra bất thình lình, đánh cả hai mặt thủy bộ. Quân Xiêm xoay trở không kịp, chết và bị thương rất nhiều, mười phần chỉ còn một, hai, mang đầu chạy về nước.

Nhà thơ Lê Bính đã làm bài thơ Đường luật, ca ngợi công đức của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ:

Trịnh Nguyễn hai bên dẹp đã đành
Thêm còn giữ nước thắng nhà Thanh
Ngai vàng Chiêu Thống gìn cương kỷ
Duyên thắm Ngọc Hân nặng nghĩa tình
Sĩ Nghị mang sầu tâu Bắc khuyết
Càn Long vỡ mộng dẫm Nam thành
Xiêm La tướng sĩ ôm đầu chạy
Nước Việt từ đây hưởng thái bình

- Đánh tan quân Mãn Thanh:

Năm 1787, Vua Thái Đức xưng làm Trung ương Hoàng Đế, kinh đô Đồ Bàn đổi là Hoàng Đế Thành, phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, trấn thủ Thuận Hóa, phong Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương trấn giữ đất Gia Định.

Từ lúc Tây Sơn kéo quân trở về Nam, tình hình Bắc Hà trở nên sôi động, Trịnh Bồng nổi lên tranh quyền. Vua Lê phải nhờ Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An ra giúp, đánh đuổi Trịnh Bồng. Sau đó Nguyễn Hữu Chỉnh ỷ vào công trạng, lấn ép vua Lê.

Tháng 11 năm Đinh Mùi (1787), Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm, đem quân ra Bắc dẹp Nguyễn Hữu Chỉnh. Vua Lê Chiêu Thống cùng nhóm hoàng thân Lê Quýnh và bầy tôi chạy lên Cao Bằng rồi sang Tàu cầu cứu. Năm sau Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc tiểu trừ Vũ Văn Nhậm vì kêu căng, cậy quyền thế, rồi giao quyền hành lại cho Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích, giúp Sùng Nhượng Công

Lê Duy Cẩn làm Giám Quốc trị nước.

Dựa vào sự cầu viện của Lê Chiêu Thống, Tổng Đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị dâng sớ tâu Vua Càn Long bên Tàu, lợi dụng cơ hội phù Lê đánh Tây Sơn, sang chiếm nước Nam. Vua Càn Long chấp thuận đề nghị, ra lệnh chu biện việc ăn ở cho cung quyến Lê Chiêu Thống, đồng thời đưa nhà vua về nước hiệu triệu thần dân để làm hậu thuẫn cho đoàn quân xâm lăng Nam chinh.

Thanh triều liền huy động 20 vạn binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông và Quảng Tây chia làm ba ngả Nam Quan, Tuyên Quang và Cao Bằng, tháng 11 năm 1788, kéo thẳng vào nước ta.

Tôn Sĩ Nghị và vua Lê Chiêu Thống trấn an nhân dân, nhưng phần lớn vì bè đảng Lê Chiêu Thống trả thù, phần khác là sự cướp bóc của quân Thanh, dân chúng kêu la, oán hận. Mọi người chỉ còn trông chờ vào Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ.

Ngày 24 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Ngô Văn Sở từ núi Tam Điệp cho tin cấp báo về Phú Xuân, việc Tôn Sĩ Nghị đưa quân xâm lăng, kéo thẳng vào Thăng Long. Nguyễn Huệ tỏ ra rất bình tĩnh. Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy chính hiệu để buộc lấy nhân tâm, dương thanh thế rồi sẽ tiến quân ra Bắc. Nguyễn Huệ cho là phải, liền cho đắp đàn giao ở núi Bàn Sơn, phía nam núi Ngự Bình, tế cáo trời đất và làm lễ đăng quang. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế kỷ nguyên là Quang Trung ngày 25/11/1788.

Vua Quang Trung khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ, đem ra Bắc Hà. Ngày 20 tháng chạp, đoàn quân tới núi Tam Điệp, khao thưởng quân sĩ, truyền cho ba quân tạm ăn Tết trước, ông nói: ***"Chúng ta ăn Tết trước, đợi sang Xuân ngày mồng bảy vào Thăng Long sẽ mở tiệc lớn, các người hãy nhớ lấy lời ta, xem ta nói có sai không, không hề sai đấy ".***

Vua Quang Trung chia Đại quân Tây Sơn làm 3 đạo:

- Đạo thứ nhất do Đô Đốc Lộc và Đô Đốc Tuyết chỉ huy Tả quân kiêm Thủy Quân, vượt biển vào sông Lục Đầu đánh tới. Một cánh tiến đến Hải Dương để tiếp ứng mặt đông, một cánh thẳng đến Yên Thế, Lạng Giang, Phượng Nhãn để chận đường rút lui của địch.

- Đạo thứ hai do Đô Đốc Bảo và Đô Đốc Long chỉ huy Hữu quân kiêm Tượng binh. Kỵ binh từ làng Mọc đánh vào đồn

Điền Châu, Tượng binh từ Sơn Minh đánh ra Đại Áng.

- Đạo thứ ba do Vua Quang Trung thống lĩnh đại binh tiến đánh các đồn, lũy từ Hà Hồi đến Tây Long là nơi Tôn Sĩ Nghị đặt bản doanh.

Mồng ba tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung kéo quân đến vây đồn Hà Hồi, nay thuộc tỉnh Hà Đông, truyền loa gọi dạ ầm ầm, đến vài vạn người. Quân Tàu trong đồn run sợ, tan rã mà chạy, bắt được giết hết, không còn tên quân Tàu nào chạy lọt về báo Thăng Long được nữa. Vua Quang Trung thừa thắng đánh tràn đến Ngọc Hồi, Vân Điển, Yên Quyết, giết được tướng Tàu là Đề Đốc Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng. Tri phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống không địch nổi, treo cổ tự vận trên cành cây đa.

Tôn Sĩ Nghĩ được tin cấp báo, mất tinh thần, không kịp đóng yên ngựa, cùng vài thân binh, vượt qua cầu phao trên sông Nhị Hà chạy qua phía Bắc. Quân sĩ tranh cầu, xô nhau mà chạy, cầu đổ, chết hàng mấy vạn người, đến nỗi nước sông Nhị Hà không chảy đi được.

Hôm ấy là ngày mồng năm Tết, Vua Quang Trung mặc chiến bào xông pha trận mạc, thẳng vào Thăng Long. Chiếc bào đỏ của vị anh hùng dân tộc, qua nhiều trận huyết chiến đã đổi ra màu đen cháy vì hơi khói của thuốc súng.

Nhà thơ Trần Văn Tâm đã làm bài thơ ca tụng chiến công oanh liệt của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, thắng quân Thanh trong những trận đánh thần tốc oai hùng:

Đại phá quân Thanh, Xuân Kỷ Dậu 1789
Vua Quang Trung khăn vàng buộc cổ
Đốt sạch quân lương
Quân Sĩ đồng lòng
Hò reo như sấm nổ
Lớp lớp hùng binh
Hàng hàng chiến tượng
Ngài cỡi đầu voi tướng
Chỉ ngọn cờ đào, hùng dũng tiến quân
Trong nắng sớm mùa xuân
Áo bào đỏ oai nghi rực rỡ

Sĩ tốt ghép mộc gỗ
Chống lại súng thần công
Sức công thành mạnh như thác đổ
Đạp lũy hào, liều chết xông lên
Quân reo ngựa hý vang rền
Hỏa hồ cháy đỏ liên thành liền tan
.....

Mỗi độ xuân về
Lòng vui rộn rã
Nhắc chiến công xưa
Trang sử Việt uy nghi hồn Đại Đế
Trong khói trầm thơm tỏa
Anh linh hồn núi sông
Hỡi thế hệ Quang Trung
Hỡi tinh thần bất khuất
Hãy vùng lên phất ngọn cờ vàng
Cứu đất nước lầm than khổ ải.

5 - Nội trị và Ngoại giao:

- Thống nhất đất nước:

Năm Giáp Thìn 1784, Nhà Tây Sơn đã kiểm soát hết Nam Hà, vào tới Hà Tiên. Mạc Cửu lúc nầy đã chết, quân chúa Nguyễn bị tan rã hoàn toàn. Năm Ất Tỵ 1785, quân Nguyễn Phúc Ánh chỉ còn là một lực lượng không đáng kể, phải đào vong ra nước ngoài, lại chạy sang Xiêm La một lần nữa.

Sau chiến thắng lừng danh, đại phá quân Thanh mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, Vua Quang Trung cho quân đội đuổi quân Thanh qua khỏi cửa ải Lạng Sơn. Người Tàu bị chấn động dữ dội, từ cửa ải trở lên phía Bắc, già trẻ dìu dắt nhau chạy trốn. Hàng mấy trăm dặm tuyệt nhiên không có người và khói bếp. Vua tôi Lê Chiêu Thống bôn tẩu theo đám tàn binh sang Tàu, bị vua Càn Long Nhà Thanh giam lỏng, chết nhục nơi đất khách.

Vua Quang Trung, bốn lần bạt thành Gia Định, ba lần vào Thăng Long, thắng chúa Nguyễn, diệt chúa Trịnh, đánh bại

quân Xiêm La, phá tan quân Mãn Thanh, thống nhất đất nước.

- Nội trị:

*** Về quân sự:**

Quân đội được chia ra thành 5 đạo như trong hồi đánh nhau với Nhà Thanh. Ngoài ra còn có 11 đội quân đặc biệt khác, tạo thành quân chủ lực của Quốc gia. Ông thường nói: ***"Binh lính cốt hòa thuận chứ không cốt đông, cốt tinh nhuệ chứ không cốt nhiều ".***

Theo lời các nhà truyền giáo, quân đội Tây Sơn có tinh thần chiến đấu rất cao, kỷ luật sắt thép, không xâm phạm tài sản của dân chúng. Người lính được huấn luyện thuần thục, gan dạ, một chống nổi ba bốn, nên đánh đâu thắng đấy.

*** Về hành chánh:**

Bộ máy triều đình trung ương có lục bộ Thượng Thư, Tả hữu đồng nghị, Tả hữu phụng nghị, Tư Vụ, Hàn Lâm, Hiệp biện Đại Học Sĩ... Tổ chức địa phương Tổng, Huyện có võ quan cai quản và thao luyện quân đội, văn quan phụ trách binh lương, thuế khóa. Dưới nữa có Xã Trưởng, Thôn Trưởng, như đời nay. Ngô Thời Nhiệm có chép bài chiếu ***"Khuyến Nông"*** của vua Quang Trung, chú ý đến hai điều: ***"Sao cho ruộng đất sản xuất được nhiều. Sao cho nhân khẩu gia tăng, dân chúng đông đảo".***

Về ruộng đất công điền, tư điền, thuế khóa cũng được cải tổ. Năm Quang Trung thứ tư, trong nước khắp nơi đều được mùa vì mưa thuận gió hòa. Nếp sống dân chúng đầm ấm, phát đạt, do chính sách ưu ái nhân dân của Triều đình. Năm nào có thiên tai bão lụt, hạn hán, triều đình lại giảm thuế, ân xá tội cho dân chúng.

Nhân tài và khoa cử:

Vua Quang Trung là một thiên tài về quân sự, ngoài ra ông rất chú trọng về văn hóa và chính trị. Nhà vua có nhiều sáng kiến đặc biệt, phát sinh ở một tinh thần cách mạng quốc gia rất sáng suốt và cấp tiến. Các nho sinh đỗ đạt tân, cựu đều được đãi ngộ, trọng dụng. Đáng chú ý nhất là việc sử dụng chữ Nôm.

Vua Quang Trung đề cao tinh thần quốc gia mãnh liệt, một ý niệm cách mạng rất thực tế. Trong khoa cử, học hành, chữ Nho vẫn được dùng, nhưng trong chiếu, biểu, sắc, dụ, thi phú, chữ Nôm đã được đặt vào một địa vị quan trọng.

*** Việc đúc tiền:**

Ngoài việc chỉnh đốn triều chính, Vua Quang Trung muốn độc lập về mọi mặt. Ông nghĩ ngay đến việc đúc tiền bằng đồng để tiện dùng trong nước và thuận tiện trong việc thương mại. Đồng tiền "Quang Trung Thông Bảo"được thay đồng tiền Cảnh Hưng khắp chợ cùng quê.

Năm Quang Trung thứ tư (1791), do việc cần chuẩn bị đánh Mãn Thanh, nhà vua cho đi thu mua hết các đồ bằng đồng tốt trong nước để làm binh khí và đúc tiền cho rộng tài nguyên. Nhà vua chú trọng đến việc khuếch trương kinh tế, thương mãi ra tới bên ngoài. Cử người sang điều đình với Nhà Thanh mở chợ Bình Thủy Quan ở Cao Bằng, Du Thôn Ải ở Lạng Sơn, đề nghị lập nhà hàng ở Quảng Tây, đưa dân ta sang làm ăn buôn bán với Trung Quốc, " mục đích mở rộng biên cương ".

- Đối ngoại:

*** Bãi việc cống người vàng:**

Một quốc hận đáng kể cho người Việt Nam từ đời Hậu Lê là việc cống người vàng, một ký ức chua cay của dân tộc.

Năm Đinh Mùi (1427), hai tướng của vua Lê Lợi là Lê Sát và Trần Lựu chém đầu An Viễn hầu Liễu Thăng của nhà Minh tại Lạng Sơn. Nhà Minh đau đớn lắm vì Liễu Thăng là một tướng tài của họ. Sau nầy giảng hòa, Minh triều bắt đền nước Việt phải đúc người vàng thế mạng Liễu Thăng. Vua Lê Lợi thấy dân tình đau khổ, chiến tranh kéo dài từ nhà Hồ đến nhà Hậu Trần, ngót 30 năm ròng rã, đành nhắm mắt chấp nhận điều kiện của Minh triều. Sau Tiền Lê đến đời Mạc và các vua Lê đời Trung hưng, cũng vẫn tiếp tục cống người vàng.

Nhà Tây Sơn chiến thắng lừng danh, phá tan 20 vạn quân Thanh không còn manh giáp, đuổi quân thù xâm lăng Tôn Sĩ Nghĩ chạy khỏi ải Nam Quan hằng mấy trăm dặm. Vua Quang Trung khi đã yên vị, không chịu lệ này, viết thư cho Phúc Khang An thông báo bãi bỏ lệ cống người vàng. Đứng trước thế mạnh của nhà Tây Sơn thời bấy giờ, vua tôi nhà Thanh phải nghe theo.

*** Ngoại giao với Thanh triều:**

Sau khi đánh bại quân Thanh, Vua Quang Trung đối đãi với tù binh rất tử tế, có hàng vạn người ra đầu thú, được cấp phát lương thực, cấp đất canh tác. Ngài nhờ Ngô Thời Nhiệm dùng chính sách ngoại giao khôn khéo, thuyết phục được Tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An và cận thần vua Nhà Thanh là Hòa Khôn, thiết lập được mối hòa hiếu giữa hai nước, kết

thúc chiến tranh, dân chúng sống an vui.

Tháng 7 năm 1789 vua Nhà Thanh mời vua Quang Trung sang triều cận, để chiêm ngưỡng người chiến thắng vẻ vang Bắc Triều. Vua Quang Trung đề cử Phạm Công Trị làm giả vương đi thế. Tại Nhiệt Hà, giả vương được vua Càn Long tiếp đãi ân cần và ban thưởng trọng hậu.

Năm Nhâm Tý 1792, vua Quang Trung cử Võ Kinh Thành, Trần Ngọc Thụy, Vũ Văn Dũng sang dâng biểu cầu hôn cưới Công Chúa Thanh Triều và đòi lại 6 châu thuộc Hưng Hóa, 3 động thuộc Tuyên Quang, đã bị Nhà Thanh trước kia xâm chiếm, sát nhập vào Lưỡng Quảng. Kế hoạch chuẩn bị thuyền tàu, đúc vũ khí, rèn luyện binh sĩ đã sắp đặt từ lâu. Sứ giả qua Tàu là cái cớ để đánh lấy lại đất, nếu Thanh triều từ chối.

Nhưng tiếc thay, khi phái bộ Vũ Văn Dũng sang Trung Quốc thì được tin vua Quang Trung thăng hà, sứ giả phải quay về. Vua Quang Trung mất năm 40 tuổi vào ngày 15 tháng 9 năm 1792, miếu hiệu là Thái Tổ Võ Hoàng Đế.

*** Giai đoạn cuối Nhà Tây Sơn:**

Từ ngày Vua Quang Trung mất, thế lực Nhà Tây Sơn bắt đầu suy yếu. Vua Thái Đức buồn vì hai em Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đã chết, lụt chí tiến thủ, chỉ giữ lấy Quảng Ngãi, Quy Nhơn và Phú Yên. Trong khi đó thì Nguyễn Phúc Ánh củng cố, xây dựng và phát triển ở Nam Hà, rồi đánh lần ra phía Bắc.

Năm 1793, quân Nguyễn Phúc Ánh vây thành Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc cầu cứu Phú Xuân. Sau khi giải cứu, quân của vua Cảnh Thịnh chiếm luôn Quy Nhơn. Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc uất hận mà chết, làm vua được 16 năm. Tại Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh còn nhỏ tuổi, cậu ruột là Bùi Đắc Tuyên phụ chính, chuyên quyền làm triều đình bất hòa, thanh toán lẫn nhau, lòng dân ly tán. Cơ nghiệp Nhà Tây Sơn suy yếu dần, đến năm Nhâm Tuất (1802) thì mất vào tay Nguyễn Phúc Ánh.

6 – Tây Sơn trong lòng dân Việt

Sự nghiệp hiển hách, chiến công lừng lẫy của vua Quang Trung đã ghi sâu vào lòng dân Việt. Trên hai trăm năm nay, biết bao người đã viết sách, làm thơ, ca tụng thành quả của những trận đánh lừng danh mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, chưa đầy một tuần lễ, tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, làm sáng chói trang sử Việt Nam.

Mặc dù Gia Long Nguyễn Phúc Ánh đã trả thù Nhà Nguyễn Tây Sơn một cách hèn hạ, thi hành chính sách nhổ cỏ tận gốc. Muốn xóa sạch đi những công trình xây dựng, những đóng góp quý giá của Nhà Tây Sơn cho đất nước, ngay cả hào quang sáng chói thắng giặc ngoại xâm của vua Quang Trung trong lòng dân Việt. Nhưng những gì thuộc về văn hóa, thuộc về tinh thần, đã được lịch sử gạn lọc một cách tinh tế, trả về sự thật, lưu truyền mãi trong sử sách.

Tại Chùa Bồ gần Hà Nội, sau bao nhiêu năm kiểm soát nghiêm ngặt, xử trị nặng nề của Gia Long Nguyễn Phúc Ánh, những ai tưởng nhớ Vua Quang Trung, dân chúng nơi đây vẫn đúc tượng thờ Vua Quang Trung dưới hình thức tôn giáo với câu đối chữ Hán:

Động lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đống vụ

Quang Trung hóa Phật, tiểu thiên thế giới chuyển phong vân

Công Chúa Ngọc Hân, con gái vua Lê Hiển Tông, là Bắc cung Hoàng Hậu vua Quang Trung đã khóc khi Ngài qua đời, trong tác phẩm ***"Ái Tư Văn":***

Nghe trước có đấng vua Thang, Võ

Công nghiệp nhiều tuổi thọ càng cao

Mà nay áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước biết bao công trình.

Tại làng Tây Sơn, Bình Định, ngay trong thời Gia Long Nguyễn Phúc Ánh, sau khi ngôi từ đường Nhà Tây Sơn bị nhà Nguyễn phá hủy, ngôi đình làng được thay thế vào, dân chúng âm thầm thờ ba vua Tây Sơn bên trong.

Năm 1958, dưới thời chính quyền VNCH, dân chúng địa phương góp công sức xây dựng Điện Tây Sơn trên nền cũ của ba Vua làm nơi thờ tự. Cờ Quang Trung cũng được Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu chuẩn y bay phất phới lần đầu tiên vào năm Ất Tỵ ngày 6 tháng 2 năm 1965, sau 176 năm vắng bóng.

Hằng năm vào tháng Mười Một Âm Lịch là ngày giỗ ba Vua Tây Sơn, có nhạc võ Tây Sơn theo cổ lệ.

Ngày Mồng Năm tháng Giêng mỗi năm, dân chúng Bình Định tổ chức ngày Lễ Đống Đa rất trọng thể. Người dân các

tỉnh, tề tựu về đây xem lễ hội Đống Đa, có đến hàng trăm ngàn người.

Ngày nầy còn có ý nghĩa là Ngày Tây Sơn. Đầu năm mọi người đi trẩy hội, là dịp rủ nhau vui Xuân trong những ngày Tết, cũng là cơ hội cho Nam thanh, Nữ tú, lòng đầy nhiệt huyết, tưởng nhớ vua Quang Trung trong ý chí quật cường, cùng toàn dân dẹp tan quân xâm lược Mãn Thanh, đem lại an bình cho đất nước.

Tại Hoa Kỳ, các Tiểu bang, thành phố có đông người Việt Nam như Nam California, Bắc California, Dallas, Houston, Washington DC, Seattle, Orlando, Colorado..., hằng năm đều tổ chức Ngày Tây Sơn, được đồng hương Việt Nam hưởng ứng nhiệt liệt, nhằm mục đích nhớ lại công đức của tiền nhân và nhắc nhở giới trẻ quay về cội nguồn, yêu thương Quê hương Dân tộc.

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã làm ***"Bài Ca Bình Bắc"***, ca ngợi Vua Quang Trung chí lớn dọc ngang, mộng lớn huy hoàng, một phút oai thần dậy sóng, gươm thiêng cựa vỏ, tan vía cường bang, voi thiêng chuyển vó, giặc nát lũy tan hàng:

Kể từ đấy
Mặt trời mọc ở phương đông ngút lửa
Mặt trời lặn ở phương đoài máu chứa chan
Đã sáu mươi ngàn lần
Và từ đấy cũng sáu mươi ngàn lần
Trăng tỏ bóng nơi rừng cây đất Bắc
Trăng mờ gương nơi đồng lúa miền Nam
Ruộng dâu kia bao độ sóng dâng tràn
Hãy dừng lại thời gian
Trả lời ta – Có phải
Dưới vầng nguyệt lạnh lùng quan ải
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san
Lớp phế hưng xô nghiêng từng triều đại
Mà chí lớn dọc ngang
Mà nghiệp lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Quy Nhơn.

*

Ôi người xưa Bắc Bình Vương
Đống Đa một trận trăm đường giáp công
Đạn vèo năm cửa Thăng Long
Trắng gò xương chất, đỏ sông máu màng
Chừ đây lại đã xuân sang
Giữa cố quận một mùa xuân nghịch lữ
Ai kia lòng có chợt mang mang
Đầy vơi sầu xứ
Hãy cùng ta ngẩng lên, hướng về đây tâm sự
Nghe từng trang sử thét từng trang

*

Một phút oai thần dậy sấm
Tan vía cường bang
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót vót năm màu mây chiêm ngưỡng
Dài mênh mông vượt khỏi lũy Nam Quan
Và khoảng khắc đổ xuôi chiều vươn ngược hướng
Bao trùm lên đầu cuối thời gian
Bóng ấy đã ghi sâu vào tâm tưởng
Khắc sâu vào trí nhớ dân gian
Một bành voi che lấp mấy ngai vàng

*

Ôi Nguyễn Huệ người anh hùng áo vải
Muôn chiến công một chiến công dồn lại
Một tấm lòng muôn vạn tấm lòng mang
Ngọn kiếm trỏ bao cánh tay hăng hái
Ngọn cờ vung bao tính mệnh sẵn sàng
Người cất bước cả non sông một giải
Vươn mình theo dãy Hoành Sơn mê mãi
Chạy dọc lên thông cảm ý ngang tàng
Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại
Chín con rồng bơi ngược Cửu Long giang

*

Người ra Bắc oai thanh mờ nhật nguyệt
Khí thế kia làm rung động càn khôn
Lệnh ban xuống lời lời tâm huyết
Nẻo trường chinh ai dám bước chân chồn
Gươm thiêng cựa vỏ
Giặc không mồ chôn
Voi thiêng chuyển vó
Nát lũy tan đồn
Ôi một khúc hành ca hề gào mây thét gió
Mà ý tưởng lòng quân hề bền sắt tươi son
Hưởng ứng sông hồ giục núi non
"Thắt vòng vây lại" tiếng hô ròn
Tơi bời máu giặc trăng liềm múa
Tan tác xương thu ngựa đá bon
*

Sim rừng ruộng lúa tre thôn
Lòng say phá địch khúc dồn tiến quân
Vinh quang hẹn với phong trần
Đống Đa gò ấy mùa xuân năm nào
Nhớ trận Đống Đa hề thương mùa xuân tới
Sầu xuân vời vợi
Xuân tứ nao nao
Nghe đêm trừ tịch hề máu nở hoa đào
Ngập giấc xuân tiêu hề lửa trùm quan tái
Trời đất vô cùng hề một khúc hát ngao
Chí khí cũ gồm trong da thịt mới
Vẳng đáy sâu tiềm thức tiếng mài dao
Đèo Tam Điệp hề lệnh truyền vang dội
Sóng sông Mã hề ngựa hí xôn xao
Mặt nước Lô giang hề lò trầm biếc khói
Mây núi Tản Viên hề lọng tía giương cao
Rằng: "đây bóng kẻ anh hào
Đã về ngự trị trên ngã ba thời đại"
Gấm vóc giang sơn hề còn đây một giải

Thì nghiệp lớn vẻ vang
Thì mộng lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi
Ôi ngàn thu người áo vải đất Quy Nhơn.
***
Nay cuộc thế sao nhòa bụi vẩn
Chúng ta trên ngả ba đường
Ghi ngày Giỗ Trận
Mơ Bắc Bình Vương
Lòng đấy thôn trang hề lòng đây thị trấn
Mười ngả tâm tư hề một nén tâm hương
Đồng thanh rằng: "Quyết noi gương!"
***
Để một mai bông thắm cỏ xanh rờn
Ca trống trận thôi lay bóng nguyệt
Mừng đất trời gió bụi tan cơn
Chúng ta sẽ không hổ với người xưa một trận
Đống Đa nghìn thu oanh liệt
Vì ta sau trước lòng kiên quyết
Vàng chẳng hề phai đá chẳng sờn.

Triều Phong ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Tài liệu tham khảo:

- Đại Nam Nhất Thống Chí - Nguyễn Tạo
- Hoàng Lê Nhất Thống Chí - Ngô Thời Chí
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Ngô Sĩ Liên
- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim
- Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu - Đặng Xuân Bảng
- Việt Sử Toàn Thư - Phạm Văn Sơn
- Trí Thức VN cuối thế kỷ 18 - Hồ Văn Quang
- L'histoire du Việt Nam - Philippe Devillers
- L'impire d'Annam - Gosselin

Tung Cánh Tìm Về

Bay dài hơn bốn mươi năm,
Đàn chim xoãi cánh tung hoành khắp nơi.
Nương gió về cội lá ơi !
Lòng riêng ắt hẳn nhớ đời cùng nhau.
Dễ chừng kính lão bạn đeo,
Dấu sau đuôi mắt ít nhiều chân chim.
Về chiều cơm áo lo toan,
Trong tâm vẫn nét hồn nhiên học trò.
Giếng đời đâu cạn ngây thơ,
Nên, hư, thành, bại bến bờ mưu sinh.
Từ Tuy-Phước đến Bồng-Sơn,
Mặn nồng hạt muối Qui-Nhơn hợp bầu.
Hết năm trước, tiếp hè sau,
Lớn lên, rồi thoắt xa nhau bạn hiền.
Mỗi người nhận lấy phận riêng,
Mà sao nhớ quá tuổi xanh một thời.
Tóc tuy tiêu muối lẫn rồi,
Ký ức mãi sống gối đời từng trang.

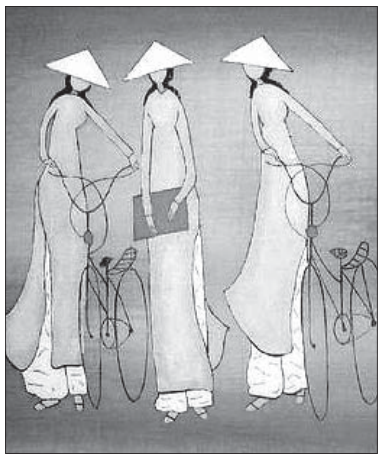

Đây Cường-Để, đây Gia-Long,
Đây sách Đại-Chúng, Khánh-Hưng ta về.
Về thăm trường cũ, lớp xưa,
Thấy ta trong đám bạn bè đồng môn.
Dẫu cho năm tháng bào mòn,
Trên khuôn mặt chúng mình còn sớt chia;
Từng chữ, từng nốt nhạc hè,
Đủ thành giao-hưởng trăm bè tấu vang.
Kỷ niệm xưa lại thắp lên,
Cháy lòng ngây-ngất lửa hồng trường yêu !

Đỗ Thị Thu Ba



Cảm nghĩ về thi phẩm

"Gọi Hồn Dân Tộc"

của tác giả Hoa Hướng Dương

Diễn Giả: Thư Trang

Kính thưa quí vị quan khách, qui cơ quan truyền thông báo chí, quí bạn bè thân hữu có mặt hôm nay trong một buổi chiều nhạt nắng cuối Xuân Chúa Nhật ngày 17/5/2015 để tham dự buổi sinh hoạt văn học với chủ đề: "Ra mắt CD thơ nhạc 40 năm còn nguyên đời tị nạn của thi sĩ Hoa Hướng Dương".

Kính thưa liệt quí vị, tôi hoan hỉ nhận lời Ông Bà Hoa Hướng với tư cách là một diễn giả, chúng tôi thật vô cùng cảm kích sự hiện diện đông đảo của quý vị hôm nay đã nói lên tấm lòng ngưỡng mộ, thương mến của quí vị đối với thi sĩ Hoa Hướng Dương, gia đình và ban tổ chức.

Trước đây tôi cũng đã có dịp tham dự buổi ra mắt Tuyển tập thơ văn Qua Biển và Gọi hồn dân tộc ra mắt tháng 05/2007, và những năm trước đó nữa 2004-2006 thơ của Hướng Dương cũng đăng trên tuyển tập thơ của Thi Đàn Lạc Việt miền Bắc Cali. Hôm nay tôi chỉ đề cập đến nhà thơ Hoa Hướng Dương, một bậc nữ lưu trước năm 1975 nguyên là giáo chức miền biển Dương Đông đảo Phú Quốc tỉnh Hậu Giang. Phải chăng xứ sở miền sông nước hữu tìnhRồi biến cố đất nước Việt Nam sau ngày đổi đời 30/4/1975 cộng sản Bắc Việt tràn qua vĩ tuyến 17 đánh chiếm miền Nam đã gây biết bao tang thương đổ nát, máu lệ dâng trào. Hốt hoảng theo dòng người tị nạn đầu tiên trên những con tàu vội vã nhả khói, Bà đã ngậm ngùi lìa bỏ quê hương xa cha mẹ già, chị em mà không một lời từ biệt. May mắn gia đình nhỏ của Bà (cùng chồng con) đã đến được bến bờ tự do định cư ở Hoa Kỳ:

Một chuyến tàu đời, chở nặng tình quê.
Sóng nước bao la trăng cũ không về
Đêm bỏ xứ buồn như ngày tận thế!

Cuộc sống tha hương đoạn đời dâu bể
Mười ngón tay hồng bám rễ thời gian

(Tình Trăng)

Những năm đầu chưa nguôi ngoai nỗi nhớ nhà, thương nước thì một biến cố tai ác đã đổ ập xuống đời bà, thị lực mờ dần, dù gia đình đã đưa đi điều trị khắp nơi. Bà đã trở thành người khiếm thị. Đau xót trước số phận nghiệt ngã; từ ngoại cảnh đến nội tâm đó, phải chăng đã phát sinh ra thành những dòng thơ bất tử:

Tôi mất hết sau tháng ngày dâu biển,
Đời miệt mài trôi giạt giữa đêm đen.
Biết tìm đâu bờ biển cũ thân quen,
Hồn viễn xứ không về đêm lưu lạc.

Thơ của tôi về theo mùa giông bão
Cánh gãy rồi nên vỡ mộng kiêu sa
Trách ông trời, sao lại chọn là ta?
Để tôi nhả ra những lời cay nghiệt

Đêm tối trời cho hồn tôi rên siết
Đêm thiên thu mắt biếc trắng màu sương
Đêm ơi đêm, sao đêm quá đoạn trường
Ngày không đến nên tình tôi đã chết!

"Gãy cánh kiêu sa"

Kính thưa quí vị, thơ hay chắt lọc từ tim óc, từ những kinh nghiệm khổ đau, tủi nhục đầy nước mắt mà người thơ thường gánh chịu.

Âu Dương Tu đã viết bài tựa cho tập thơ của Mai Thánh Du có câu " Càng khốn cùng thì thơ càng hay". Hàn Dũ, rồi Alfred de Musset cũng đã nói: "Lời ca thất vọng là lời ca hay nhất". Như trên đã nói, vì một tai hoạ bất ngờ, thị lực của HHD đã mất lần, không nhìn thấy rõ người thân yêu bóng dáng chồng, con, đứa con gái út tròn 5 tuổi:

Tại sao mẹ phải mù loà,
Nên con đã mất tuổi hoa cuộc đời.
Từng miếng ăn, từng cái chơi,
Mẹ không chu đáo như thời anh con.

Không nỗi đau xót, cảm động nào hơn, khi người mẹ cô đơn sờ sẫm, ngồi trước hiên nhà chờ đứa con nhỏ về khi tan trường:

Một mình ngồi đợi trước hiên,
Chờ con tan học hồn nhiên về nhà
Huyên thuyên giọng nói ngọc ngà
Mẹ đau như cắt xót xa tấc lòng

"Nỗi lòng của Mẹ"

Đã hơn 30 năm xa xứ, không ai khỏi chạnh lòng nhớ nhà, nhớ nước, nhớ cha mẹ, thầy cô, trường xưa, bạn cũ..Hoa Hướng Dương lại cô giáo trường làng với nỗi lòng khắc khoải:

Năm mươi em ánh mắt nhìn thơ dại.
Ngồi lắng nghe khi cô giáo giảng bài,
Môn toán cộng em đếm đi đếm lại,
Bài toán đời, cô tính mãi vẫn còn sai.

Rồi cô giáo lại vội vã ra đi mà không một lời từ giã đám học trò thân thương trìu mến:

Ngôi trường nhỏ nằm bên bờ biển lặng
Gió ngàn khơi thổi dịu nắng tháng tư
Tháng tư đen làm đời thêm trĩu nặng
Ta chia tay chưa kịp nói giã từ.

Cuộc biển dâu đổi đời, sau mấy mươi năm, cô giáo trẻ ngày xưa bây giờ đầu đã bạc, ngôi trường xưa giờ đã vẹo xiêu, đổ nát. Hàng phượng vĩ vẫn vi vu trước gió, rơi từng cánh phượng hồng, đợi chờ thầy xưa trò cũ:

Ngôi trường cũ xác xơ cành phượng vĩ
Học trò xưa nay lang bạc phương nào
Nghe nhớ quá những mùa hoa tuyệt mỹ
Cánh phượng hồng, sợi tóc bạc tìm nhau.

"Phượng hồng-tóc bạc"

Lâu lắm, tôi còn nhớ ngày xưa tôi đọc tác giả Vita với tác phẩm " Mây Ngàn" đã nói : " Mỗi con người chỉ có một quê hương". Giếng nước, gốc đa, bờ ao, hang giậu dâm bụt nhớ ơi là nhớ, thi sĩ HHD cũng không thoát khỏi nỗi lòng trắc ẩn đó:

Quê hương tiếng gọi vô chừng,
Nửa đêm thức giấc nghe từng nhịp đau.

.

Ngậm ngùi trơ bông hải đăng,
Cồn cao bãi thấp mấy lần bể dâu.
Đời lưu lạc sầu treo đỉnh nhớ,
Đong đưa hoài tình lỡ trăm năm.
Đêm xanh rụng xuống âm thầm,
Mượn hồ Trang Tử về thăm quê nhà.
Đất mẹ hỡi bóng tà sắp khuất
Mà lòng con thao thức đầy vơi
Quê hương là cả phần đời
Từ lâu con sống như người mộng du

"Sầu ly hương"

Sau ngày cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm VNCH đã bắt đầu tập trung cải tạo, hơn một triệu quân cán chính VNCH phải vào khắp các trại tù cải tạo từ Nam ra Bắc, ở những nơi rừng thiên nước độc, lao động khổ sai, ăn uống đói khát. Họ đã thủ tiêu, giết chết biết bao nhân tài đất nước, cả thế giới tự do đều lên án. Dã man nhất là chúng đã bắt một số đảng viên cải dạng thành Đai Đức, Tăng ni quốc doanh, biến chùa chiền thành nơi thế tục. Thi sĩ Hoa Hướng Dương đã phân biệt rõ:

Đường tôi, ông hai ta cùng chung bước,
Bước đi về hai hướng khác nhau:
Đường tôi đi, có tình nghĩa đồng bào,
Có máu đổ, lệ trào pha thơ hận.

Dù bị đàn áp khốc liệt, nhưng các tôn giáo vẫn quyết liệt đấu tranh, dù phải tù đày, hy sinh tính mạng để cho đạo pháp được trường tồn, khiến bà phải chạnh lòng trắc ẩn:

Thương quá đỗi những con đường nghiệt ngã,
Những thần tăng vất vả đi qua.
Những thần tang đổi mạng giữ cà sa,
Cho Phật giáo nở hoa mùa Chánh Pháp

"Hoa Chánh Pháp"

Rồi trong ngày Memorial Day, tác giả luôn hướng lòng về những chiến sĩ đã hy sinh vì tổ quốc:

Memorial Day tưởng nhớ người,
Anh hùng tử sĩ của tôi ơi!
Tên anh sống mãi theo hồn nước,

Thanh sử còn ghi đến vạn đời.

"Memorial Day"

Toàn thi phẩm "Gọi Hồn Dân Tộc" có hơn một trăm bài thơ phong phú, đủ thể loại khác nhau qua tình yêu gia đình, yêu quê hương đất nước rực lửa đấu tranh, hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc, thoát khỏi gông cùm cộng sản đem hoà bình, tự do dân chủ nhân quyền cho một Việt Nam thực sự độc lập, trường tồn:

Ai người nghĩ tới quê hương,
Hãy mau đoàn kết biểu dương màu cờ,
Về đây chung một ước mơ
Cờ vàng rợp bóng cõi bờ Việt Nam

Dù là một nữ nhi mềm yếu, bệnh tật cưu mang, nhưng với ý chí mạnh mẽ phát sinh từ lòng yêu nước nồng nàn. Bà đã kêu gọi bằng những lời lẽ đanh thép như một bản tuyên ngôn:

Cháu con họp sức đấu tranh,
Cho ngày lịch sử trở thành cuồng phong.
Thổi tan chủ thuyết đại đồng,
Đã đưa đất nước vào vòng trầm luân.

Thi sĩ HHD một bậc nữ lưu đa sầu, đa cảm, với ý chí mạnh mẽ đấu tranh với tật bệnh, với cường quyền CSVN liên tục suốt 40 năm thấm đậm nỗi lòng vong quốc, có lúc bà cũng trầm tư, lắng lòng suy ngẫm:

Hắc hiu cõi mộng đời hư, thực..

Hay:

Có nghĩa gì đâu một kiếp người
Mong manh ngắn ngủi tựa sương rơi.
Tiền tài danh vọng như mây khói,
Sáng thấy chiều tan ở cuối trời.

"Bóng Chiều Tan"

Hoặc

Chen chân trong chốn ta bà
Luân hồi hoá kiếp có phần chúng ta.

Cuối cùng người thơ HHD cũng đi vào cõ tịnh yên khi nghĩ đến thân phận mình:

Ta về rửa sạch tâm linh,

Tìm trong tỉnh thức câu kinh Di Đà

Hoặc:

Tâm thành nguyện kết từ bi
Xa lìa ái dục kiến tri liên đài.
Rồi phải chăng Bà đã chọn?
Bao giờ trời trở mùa sang
Theo ta vào cõi Niết Bàn tịnh yên.
Thế gian lắm nỗi ưu phiền,
Thoát vòng tục lụy gieo duyên Bồ Đề

Tóm lại, vì thời giờ có hạn mà Thi phẩm Gọi Hồn Dân Tộc là chủ đề trên tram bài thơ chỉ sơ lược khái luận, đã nói lên thân phân, cuộc đời và nỗi lòng tác giả đối với quê hương đất nước, dân tộc đang đắm chìm trong mọi áp bức đói nghèo, khổ đau và lạc hậu.

-Lời thơ cao vút chất ngất như tiếng kèn xuất quân khi ra trận (ở những bài đấu tranh bất khuất với bạo quyền v.v.)

-Nhạc thơ chứa chan, rung cảm nhè nhẹ lắng sâu vào lòng người như ru ta vào cõi mộng (ở những bài miêu tả quê hương, tình nhà, nợ nước v. ṿ) Còn mọi khía cạnh hấp dẫn khác trong toàn tập, thời gian không cho phép, chúng tôi đành tự nhủ là hãy để một khoảng trống kích thích lòng tò mò của những độc giả yêu thơ khác.

Riêng tôi nghĩ: Dòng thơ "Gọi Hồn Dân Tộc" là một dòng thơ đặc thù, đủ thể loại vô cùng phong phú có giá trị lịch sử của lớp người di dân tị nan cộng sản Việt Nam, đến Hoa Kỳ vào cuối thể kỷ thứ 20 và đầu thế kỷ 21. Nhưng tác phẩm nầy:

1.Rất xứng đáng được lưu trữ trong tủ sách văn học hải ngoại.

2.Được tuyển chọn, phiên dịch đưa vào chương trìng giảng dạy của Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ. Mong lắm thay.

Xin thưa và những lời cuối của tôi: Đây chỉ là những cảm nghĩ thích thú có tính cách riêng tư của người đọc thơ, đối với người bạn thơ, có thể lạc vào chỗ thiên vị, nếu có như vậy xin lượng tình tha thứ, vì đó cũng là chuyện thường tình của con người.

San Jose, Ngày cuối Xuân 2015

Thư Trang Nguyễn Bá Thư



Mừng Xuân

Dê lại vào chuồng Khỉ bước sang
Vần thơ lưu niệm đậm đôi hàng
Cầu mong Huynh Trưởng cao niên kỷ
Kính chúc bạn bè vạn lạc an
Sức khỏe của tiền thăng tiến trội
Công danh sự nghiệp mãi an khang
Sống vui sống khỏe đời tươi đẹp
Vạn sự kiết thành lắm vẻ vang.

Mỹ Vân Tạ Chương Can

Đại Đế Quang Trung

Đức cả tài cao rạng chí trai
Từng làm cho giặc phải kinh oai
Sầm Nghi túng thế đành treo cổ
Sĩ Nghị vô phương phải chạy dài
Tảo Bắc đánh tan quân giặc Mãn
Bình Nam dẹp sạch bọn Xiêm sài
Lừng danh hào kiệt lưu thiên cổ
Chí khí anh hùng dễ có ai.

Mỹ Vân Tạ Chương Can

BÌNH ĐỊNH,

Địa lý hành chánh qua các thời kỳ lịch sử

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Xứ Bình Định qua các thời kỳ lịch sử, không ngừng thay đổi về danh xưng, ranh giới, và lối phân chia đơn vị hành chánh, cũng như tên gọi các cấp trong xứ. Chẳng hạn, khoảng cuối năm 1975, hai huyện Tuy Phước và Vân Canh bị sáp nhập thành huyện Phước Vân. Đến ngày 24- 8- 1981, quyết định số 41- HĐBT, lại phục hồi địa phận và tên cũ là Tuy Phước và Vân Canh. Địa danh Phước Vân chỉ tồn tại trong 6 năm, những ai lập giấy khai sanh, khai tử trong thời gian này, đều ghi tên huyện là Phước Vân.

Bài này, với mục đích cập nhật phần nào, trong muôn vàn thay đổi về địa danh các đơn vị hành chánh của tỉnh nhà.

I - THỜI BẮC THUỘC

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí [1] và chính sử, đất Bình Định xưa thuộc bộ Việt Thường Thị.

1/ Đời Tần (221- 206 TCN) là huyện Lâm Ấp thuộc Tượng Quận.

2/ Đời Tây Hán (206- TCN- 25 SCN), năm Canh Ngọ (111 TCN), niên hiệu Nguyên Đỉnh thứ 6 đời Hán Võ Đế, đặt huyện Tượng Lâm (gồm Bình Định và Phú Yên), thuộc quận Nhật Nam.

3/ Đời Đông Hán (25- 220), năm Nhâm Thân (192), niên hiệu Sơ Bình thứ 3 đời Hán Hiến Đế, nhân thế lực nhà Hán quá suy yếu, viên Công tào huyện Tượng Lâm là Khu Liên (K'ouei) nổi lên giết huyện lệnh, tự xưng là Lâm Ấp Vương, lập ra nước Champa, dựng kinh đô ở Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam).

4/ Đời Tùy (581- 617), năm Đại Nghiệp thứ nhất (605) chiếm được đất này, đặt là Xung Châu, sau lấy lại tên cũ là quận Lâm Ấp, gồm 4 huyện: Giao Giang, Kim Sơn, Nam Cực

và Tượng Phố. Khi nhà Tùy suy yếu, người Lâm Ấp dành lại chủ quyền.

5/ Đời Đường (618- 907), năm Trinh Quán thứ 9 (635) lại đổi ra Lâm Châu, chia làm 3 huyện: Hải Giới, Kim Long và Lâm Ấp; nhưng phải đặt nhờ lỵ sở ở miền Nam châu Hoan. Đến năm Trinh Nguyên thứ 19 (803), nhà Đường bỏ hẳn miền đất này, và nước Champa được tái lập.

II - THỜI VƯƠNG QUỐC CHAMPA

1/ Cuối thế kỷ thứ 10, vua Chăm là Hari Varman II (988-998), dời đô vào miền Bắc Vijaya. Theo *Địa Phương Chí Tỉnh Bình Định*, nhà vua lấy hiệu của mình là Đồ Bàn đặt tên cho Thủ đô mới. Thành này, nay thuộc địa phận hai thôn Nam Tân (trước là Nam An) và Bắc Thuận, thuộc xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Đất Đồ Bàn giữ vai trò kinh đô Chăm quốc ngót 5 thế kỷ, trở thành một trung tâm văn hóa trọng yếu nhất, lừng lẫy một thời.

2/ Năm 1470, Hồng Đức (洪 德) nguyên niên đời Lê Thánh Tông, vua Chăm là Trà Toàn đem 10 vạn quân đánh chiếm Hóa Châu. Tháng 11 năm ấy, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu thân chinh, tiến binh cả hai mặt thủy bộ, chiếm thành Đồ Bàn (1471), bắt vua Chăm và hoàng gia. Tuy quân ta tiến binh đến núi Thạch Bi (đèo Cả), khắc bia phân ranh giới, nhưng chỉ lấy lại đất Quảng Nam, Quảng Ngãi và chiếm thêm đất Bình Định (tức miền Bắc Vijaya có kinh đô Đồ Bàn) trấn giữ đèo Cù Mông. Còn đất Phú Yên (miền Nam Vijaya), lập vùng trái độn.

III - THỜI HẬU LÊ

Năm 1471, đất Đồ Bàn mang tên Việt là phủ Hoài Nhơn, chia làm 3 huyện: Bồng Sơn (gồm Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Lão ngày nay), Phù Ly (gồm Phù Mỹ và Phù Cát), và Tuy Viễn (An Nhơn, Tuy Phước, Qui Nhơn, Bình Khê, Vĩnh Thạnh, Vân Canh). Thời ấy, Hoài Nhơn (tức tỉnh Bình Định ngày nay) cùng với hai phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) và Thăng Hoa (Quảng Nam), lập thành Thừa tuyên Quang Nam.

IV - THỜI CHÚA NGUYỄN

1/ Năm 1602, chúa Nguyễn Hoàng (1558- 1612) đổi Hoài Nhơn thành phủ Qui Nhơn.

2/ Năm 1651, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648- 1687) cải danh là phủ Qui Ninh.

3/ Năm 1742, chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738- 1765) lấy lại tên cũ là Qui Nhơn.

V - THỜI TÂY SƠN

1/ Năm 1775, Nguyễn Nhạc sửa sang và nới rộng thành Đồ Bàn, chu vi lớp ngoài lên đến khoảng 7.400 mét. Nguyên thành Đồ bàn có 4 cửa: Đông, Tây, Nam, Bắc; bấy giờ mở thêm một cửa nữa ở phía Nam, gọi là Tân Khai. Phủ Qui Nhơn trở thành kinh đô của Tây Sơn.

2/ Năm 1776, Nguyễn Nhạc xưng Tây Sơn Vương, đóng đô ở Đồ Bàn.

3/ Năm 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thái Đức (泰德), đổi tên Đồ Bàn là Hoàng Đế Thành.

4/ Năm 1799, chúa Nguyễn Phúc Ánh (1775- 1802) chiếm được thành Qui Nhơn, cải đổi là Bình Định, năm 1801 gọi là dinh Bình Định.

VI - THỜI NHÀ NGUYỄN

1/ Năm 1808, vua Gia Long (1802- 1819) đặt thành trấn Bình Định và cho xây thành mới [2], triệt hạ thành cũ, xóa nốt vết tích cuối cùng của Tây Sơn trên đất Bình Định. Thành mới, vẫn gọi là thành Bình Định, cách thành cũ hơn 5 km về phía Đông Nam. Thành này (theo địa danh thời Gia Long), toạ lạc ở ấp An Ngãi Nhì (thôn Tân An, thuộc Thời Đôn, huyện Tuy Viễn) và ấp Trung Nghi Liêm Trực Thượng Hạ (thôn Trung Hòa, thuộc Thời Tú, huyện Tuy Viễn). Năm 1832, cải danh, gọi là thôn An Ngãi và Liêm Trực [3]. Nay địa phận thành nằm trong phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

2/ Năm 1815, lập Địa bạ, trấn Bình Định vẫn giữ 3 huyện: Bồng Sơn có 3 tổng Thượng, Trung, Hạ, bao gồm 150 ấp. Huyện Phù Ly có 3 tổng Thượng, Trung, Hạ, bao gồm 237 ấp. Huyện Tuy Viễn gồm tổng Vân Dương và 6 thuộc [4] là Võng Nhi, Hà Bạc, Sơn Điền, Thời Tú, Thời Đôn, Thời Hòa, cả thảy là 272 ấp và 1 trang [5]. Theo Địa bạ triều Nguyễn, toàn trấn Bình Định có 3 huyện, gồm 7 tổng và 6 thuộc, tất cả 659 ấp và 1 trang.

3/ Tháng 11- 1832, vua Minh Mạng (1820- 1840) cải tổ địa lý hành chánh các tỉnh từ Quảng Nam trở vào [6], dùng



H 1: Bản đồ trấn Bình Định, trước năm 1832.
(Nguồn: An Nam Đại Quốc Họa Đồ,
Taberd, xuất bản năm 1838)

danh hiệu tỉnh thay cho trấn, dưới tỉnh đặt thêm cấp phủ, dưới phủ có huyện, bỏ danh hiệu "thuộc" gọi thống nhất là tổng, đổi ấp ra thôn. Theo Địa bạ triều Nguyễn lập năm 1839, tỉnh Bình Định có:

Phủ Hoài Nhơn coi 3 huyện là Bồng Sơn, Phù Mỹ và Phù

Cát (Phù Ly giải thể và tách ra làm hai huyện từ năm 1832). Riêng huyện Bồng Sơn cai quản 4 tổng: Định Sơn, Thượng, Trung, Hạ, cả thảy 169 thôn. Huyện Phù Mỹ lãnh 3 tổng: Bình Hà, Trung Tĩnh, Trung Bình, với 122 thôn. Huyện Phù Cát nhận 2 tổng: Trung Tĩnh, Trung Bình, bao gồm 131 thôn.

Phủ An Nhơn coi 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước. Riêng huyện Tuy Viễn có 2 tổng: Thời Đôn và Thời Hòa (lúc đó bao trùm cả địa phận tổng Phú Phong sau này), cả thảy 109 thôn. Huyện Tuy Phước cai quản 3 tổng: Thời Tú, Tuy Hà và Vân Dương, với 146 tổng và 1 trang.

Tổng kết, tỉnh Bình Định có 2 phủ, coi 5 huyện, 14 tổng, 677 thôn và 1 trang.

4/ Năm 1834, vua Minh Mạng (明 命) xếp tỉnh Bình Định vào Tả Trực Kỳ, và chia nước làm 7 miền: Phủ Trực Lệ, hai bên có Nam và Bắc Trực, kế tiếp là Tả và Hữu Kỳ, ngoài cùng là Nam và Bắc Kỳ [7]. Kinh đô Thừa Thiên là phủ Trực Lệ. Nam Trực Kỳ có tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Bắc Trực Kỳ là tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình. Tả Trực Kỳ gồm các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận. Hữu Trực Kỳ gồm 3 tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa. Nam Kỳ có 6 tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Bắc Kỳ gồm có 13 tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Hóa, Hưng Yên, Lạng Sơn, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Yên, Sơn Tây, Thái Nguyên, Tuyên Quang [8].

VII - THỜI PHÁP THUỘC

1/ Năm 1888, lập huyện Bình Khê từ nha Kinh lý An Khê ở miền thượng du huyện Tuy Viễn (có từ năm 1877), và sáp nhập thêm 18 thôn cũng ở huyện Tuy Viễn vào huyện này [9].

2/ Ngày 27- 3- 1890, Quyền Toàn quyền Đông Dương là Piquet [10] ra nghị định sáp nhập Phú Yên vào Bình Định, thành tỉnh Bình Phú. Chức Công sứ Phú Yên bị bãi bỏ, và viên Công sứ Bình Định nay thành Công sứ Bình Phú cai quản cả hai vùng [11]. Bình Định là một tỉnh lớn của Trung Kỳ vì bao gồm phần lớn vùng đất của Gia Lai, Kon Tum và cả Phú Yên.

3/ Ngày 20- 10- 1898, Thành Thái thứ 10, nhà vua ra dụ tách hai thôn Cẩm Thượng và Chánh Lộc (thời Gia Long gọi là ấp Thượng Lộc khách hộ) của tổng Tuy Hà, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, để lập thị xã Qui Nhơn.

4/ Ngày 25- 11- 1899, Toàn quyền Đông Dương là Doumer



H 2: Bình Định Toàn Đồ, vẽ sau năm 1832.
(Nguồn: Thống Quốc Duyên Cách Hải Chí, 1834)

[12] ra nghị định rút Phú Yên ra khỏi Bình Phú, để thành lập tỉnh riêng. Và Bình Định trở lại với tên tỉnh cũ [13].

5/ Ngày 4- 7- 1905, Quyền Toàn quyền Đông Dương là Broni [14] ra nghị định: tách các vùng cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai thuộc tỉnh Bình Định, để thành lập tỉnh tự trị Pleikou Derr (Pleiku), tỉnh lỵ đặt tại làng Pleican Derr của dân tộc Gia Rai [15].

6/ Năm 1906, đời Thành Thái (1889- 1907), phủ Hoài Nhơn có thêm huyện Hoài Ân, phủ An Nhơn có thêm huyện Bình Khê (được thành lập năm 1888). Huyện Tuy Phước được nâng lên thành phủ, trực tiếp coi 4 tổng với 147 thôn (vì có 1 trang đã đổi thành thôn). Như vậy, tỉnh Bình Định chia thành 3 phủ: phía Bắc là Hoài Nhơn, phía Tây là phủ An Nhơn, phía Nam là phủ Tuy Phước.

7/ Ngày 25- 4- 1907, Toàn quyền Đông Dương là Beau [16] ra nghị định giải thể tỉnh Pleikou Derr, chia địa phận của tỉnh này làm 2 phần:

Nửa phía Bắc, gọi là Đại lý Kon Tum cho sáp nhập trở lại tỉnh Bình Định, và đặt dưới sự cai trị của Công sứ Bình Định.

Nửa phía Nam, gọi là Đại lý Cheo Reo, đem sáp nhập vào tỉnh Phú Yên, và đặt dưới quyền cai trị của Công sứ tỉnh Phú Yên [17].

8/ Năm 1910, đời Duy Tân (1907- 1916), cải tổ địa lý hành

chánh, phủ và huyện quyền hành ngang nhau, trực tiếp cai quản các tổng, chỉ khác là phủ quan trọng hơn huyện. Đứng đầu mỗi phủ có quan Tri phủ hàm chánh tứ phẩm, dưới có 1 Lại mục gọi là thầy Đề hay thầy Cả, và 3 Thừa phái thông lại giúp việc. Ở huyện có quan Tri huyện hàm chánh ngũ phẩm, 1 Lại mục và 2 Thừa phái thông lại.

Bấy giờ Bình Định có 3 phủ và 4 huyện, chia làm 27 tổng với 707 làng, tính từ Bắc vào Nam gồm:

- Phủ Hoài Nhơn có 4 tổng (An Sơn, Kim Sơn, Tài Lương, Trung An) với 106 làng.

- Huyện Hoài Ân có 3 tổng (Hoài Đức, Qui Hóa, Vân Sơn) với 62 làng.

- Huyện Phù Mỹ có 4 tổng (Hòa Lạc, Trung Bình, Trung Thành, Vạn Định) với 125 làng.

- Huyện Phù Cát có 4 tổng (Chánh Lộc, Thạch Bàn, Trung Chánh, Xuân An) với 127 làng.

- Huyện Bình Khê có 4 tổng (An Khê, Tân Phong, Thuận Truyền, Vĩnh Thạnh) với 47 làng.

- Phủ An Nhơn có 4 tổng (An Ngãi, Nhơn Ngãi, Mỹ Thuận, Phú Phong) với 94 làng.

- Và phủ Tuy Phước có 4 tổng (Dương An, Dương Xuân, Nhơn Ân, Quảng Nghiệp) với 146 làng. Thời ấy, lãnh thổ Bình Định rất rộng, bao gồm cả Kon Tum, dân số khoảng 557.876 người, gồm: 550.000 người Kinh, 7.000 người thượng, 750 người Hoa, 120 người Pháp, 6 người Ấn.

9/ Ngày 9- 2- 1913, Toàn quyền Đông Dương là Sarraut [18] ra nghị định rút Đại lý Kon Tum từ tỉnh Bình Định và rút Đại lý Cheo Reo từ tỉnh Phú Yên, để thành lập tỉnh Kon Tum, tỉnh lỵ đặt tại Kon Tum [19].

Đồng thời Toàn quyền Đông Dương cũng ký nghị định cải đổi tỉnh Phú Yên thành Đại lý Phú Yên (hay Đại lý Sông Cầu) và đem sáp nhập vào Bình Định, do Công sứ Bình Định cai quản [20].

Tóm lại, tỉnh Bình Định, khi Đại lý Kon Tum rút ra, lại có Đại lý Phú Yên thế vào.

10/ Năm 1915, đời Duy Tân (維 新), Kon Tum tách ra lập tỉnh riêng, nhưng lại có Phú Yên nhập vào Bình Định, vì thế có 5 phủ và 16 huyện (?), cả thảy là 65 tổng (?) chia thành 1.153 thôn. Dân số 931.200, trong đó có 930.000 người Việt,

1.100 người Hoa, 180 người Âu [21]. Tỉnh lỵ là thị xã Qui Nhơn và tòa Công Sứ đóng ở đó; nhưng cơ quan tỉnh của Nam Triều vẫn ở tại thành Bình Định, thuộc phủ An Nhơn.

11/ Ngày 28- 3- 1917, Toàn quyền Đông Dương là Sarraut ra nghị định rút tổng Tân Phong và tổng An Khê thuộc cao nguyên An Khê của tỉnh Bình Định, đem sáp nhập vào tỉnh Kon Tum [22].

12/ Ngày 17- 10- 1921, Toàn quyền Đông Dương là Long ban hành nghị định rút Đại lý Phú Yên ra khỏi Bình Định, và lập lại tỉnh Phú Yên [23]. Từ ấy, đơn vị hành chánh này vĩnh



H 3: Bản đồ tỉnh Bình Định, sau năm 1907.
(Nguồn: Annuaire Général de L' Indochine, trang 513, Hà Nội, 1910)

viễn được duy trì cho đến nay. Sau khi rút Kon Tum và Phú Yên ra, lãnh thổ Bình Định còn lại 3 phủ và 4 huyện, quyền hành bằng nhau, chỉ khác là phủ quan trọng hơn huyện. Toàn tỉnh có diện tích là 5.974 km^2, với dân số 557.000 người [24].

13/ Ngày 30- 4- 1930, Toàn quyền Đông Dương là Pierre Pasquier ra Nghị định nâng cấp thị xã Qui Nhơn lên thành

phố cấp 3, do Công sứ Bình Định kiêm nhiệm chức Đốc lý. Qui Nhơn mở rộng diện tích, sáp nhập thêm thôn Hưng Thạnh từ phủ Tuy Phước [25].

14/ Năm 1935, tỉnh Bình Định vẫn giữ 3 phủ và 4 huyện, nhưng chỉ còn 26 tổng với 687 làng, tính từ Bắc vào Nam gồm:

- Phủ Hoài Nhơn vẫn 4 tổng như cũ, với 108 làng.
- Huyện Hoài Ân vẫn 3 tổng như cũ, với 63 làng.
- Huyện Phù Mỹ vẫn 4 tổng như cũ, với 123 làng.
- Huyện Phù Cát vẫn 4 tổng như cũ, với 114 làng.
- Huyện Bình Khê còn 3 tổng là Phú Phong, Thuận Truyền, Vĩnh Thạnh, chia làm 47 làng.
- Phủ An Nhơn có 4 tổng là An Ngãi, Háo Đức, Mỹ Đức, Nhơn nghĩa, chia làm 108 làng.
- Phủ Tuy Phước có 4 tổng là Dương An, Nhơn Ân, Quảng Nghiệp, Thiều Quang, chia làm 124 làng.

Cơ quan tỉnh của Nam Triều dời về thành phố Qui Nhơn, giao thành Bình Định cho phủ An Nhơn quản lý.

15/ Năm 1943, tỉnh Bình Định có diện tích 6.100 km̆, dân số 780.300 người [26].

VIII - THỜI VIỆT MINH

1/ Ngày 9- 10- 1945, Quyết nghị của Hội đồng Chính phủ: các Kỳ, các Thành phố, các Tỉnh, các Phủ, Huyện trong nước Việt Nam phải trở lại với tên cũ. Vì khoảng cuối tháng 8 và đầu tháng 9- 1945, nhiều địa phương đã lấy tên danh nhân hoặc tên của những nhà cách mạng thay thế địa danh cũ, gây trở ngại về mặt hành chánh và liên lạc các cấp. Tỉnh Bình Định cũng theo trào lưu, đổi tên là tỉnh Tăng Bạt Hổ, nhưng kể từ ngày có Quyết nghị này, phục hồi lại tên cũ [27].

2/ Ngày 21- 12- 1945, Sắc lệnh số 77 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời VNDCCH, quy định thành phố cấp 3 do tỉnh quản lý, nay gọi là thị xã. Kể từ Sắc lệnh này, tỉnh Bình Định không có thành phố, mà chỉ có thị xã Qui Nhơn [28].

3/ Năm 1946, cải tổ hành chánh, bỏ phủ và tổng, dùng danh hiệu tỉnh, huyện, xã và duy trì đơn vị thôn (có từ xưa) để lập xã, cứ chừng ba thôn liền nhau hợp thành một xã.

4/ Năm 1948 (có tài liệu nói 1947), hợp xã lần thứ hai, vẫn giữ đơn vị thôn, và cứ trung bình 3 xã cũ hợp thành một

xã mới. Danh hiệu xã, lấy chữ đầu hay chữ cuối của tên huyện ráp vào một chữ khác để thành tên xã, và nguyên tắc này vẫn duy trì đến nay.

- Điển hình 1: huyện Tuy Phước có 122 thôn, hợp xã lần 1 lập thành 41 xã, hợp xã lần thứ 2 gom lại thành 16 xã, gồm: Phước An (7 thôn), Phước Châu (Cù Lao Xanh), Phước Hải (chỉ có thôn Phương Mai), Phước Hậu (13 thôn), Phước Hiệp (8 thôn), Phước Hòa (10 thôn), Phước Hưng (7 thôn), Phước Long (9 thôn), Phước Lộc (11 thôn), Phước Nghĩa (8 thôn), Phước Quang (12 thôn), Phước Sơn (9 thôn), Phước Tấn (3 thôn), Phước Thành (9 thôn), Phước Thắng (9 thôn), Phước Thuận (5 thôn).

- Điển hình 2: huyện An Nhơn có 96 thôn, hợp xã lần 1 lập thành 30 xã, hợp xã lần 2 gom lại thành 12 xã, gồm: Nhơn An (7 thôn), Nhơn Hạnh (10 thôn), Nhơn Hậu (13 thôn), Nhơn Hòa (10 thôn), Nhơn Hưng (6 thôn), Nhơn Khánh (6 thôn), Nhơn Lộc (6 thôn), Nhơn Mỹ (9 thôn), Nhơn Phong (10 thôn), Nhơn Phúc (6 thôn), Nhơn Thành (11 thôn).

IX - THỜI QUỐC GIA

1/ Từ 16- 5- 1955, Việt Nam Cộng Hòa, dùng danh hiệu quận thay cho huyện.

2/ Ngày 13- 3- 1959, lãnh thổ Bình Định có thêm quận mới, theo Sắc lệnh số 63- NV của Tổng Thống VNCH. Lấy 3 xã nguyên thuộc tỉnh Kon Tum là K.Gol, Kon Pong, Kon Vong; và toàn quận Tân An (nguyên thuộc tỉnh Pleiku) để thành lập quận An Túc, đặt quận lỵ tại An Khê [29].

3/ Tháng 12 năm 1970, theo bản đồ địa chánh và tài liệu thống kê [30], diện tích toàn tỉnh Bình Định là 9.024 km^2, với dân số 732.212 người [31], được phân bố như sau:

01) Thị xã Qui Nhơn rộng 94,9 km^2, có 177.519 người, chia làm hai quận: Nhơn Bình và Nhơn Định [32].

a/ Nhơn Bình gồm 10 khu phố, sau là phường [33]: Trung Cảng, Trung Châu, Trung Cường, Trung Đức, Trung Hải, Trung Hiếu, Trung Hòa, Trung Phú, Trung Tín, Trung Từ.

b/ Nhơn Định gồm 6 khu phố, sau là phường: Trung An, Trung Chánh, Trung Hậu, Trung Kiệt, Trung Nghĩa, Trung Thiện [34].

02/ Quận Tuy Phước, tính cả nha Vân Canh [35] rộng 1.206 km^2, có 144.781 người, gồm các xã: Phước An, Phước Châu,

Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Long, Phước Lộc, Phước Lý, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Thành, Phước Thạnh [36], Phước Thắng*, Phước Thuận, Canh Giao*, Canh Hà*, Canh Hưng*, Canh Lãnh*, Canh Lồ*, Canh Phong*, Canh Sơn*, Canh Thành*, Canh Thịnh, Canh Thông*.

Tổng cộng 24 xã [37], trong đó có 14 xã được kiểm kê dân số. Và trong danh sách, những xã mất an ninh không thể kiểm kê dân số, đều được đánh dấu 1 hoa thị (*) để phân biệt.

03/ Quận An Nhơn rộng 259,3 km̆, có 117.628 người, gồm các xã: Đập Đá, Nhơn An, Nhơn Hạnh*, Nhơn Hậu, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Khánh, Nhơn Lộc, Nhơn Mỹ, Nhơn Phong, Nhơn Phúc, Nhơn Thành, Nhơn Thọ, Phước Hưng (nguyên thuộc quận Tuy Phước). Tổng cộng 14 xã, trong đó có 13 xã được kiểm kê dân số.

04/ Quận Phù Cát rộng 599,5 km̆, có 92.921 người, gồm các xã Cát Chánh*, Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Khánh, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Sơn*, Cát Tài, Cát Thắng, Cát Trinh, Cát Tường. Tổng cộng 11 xã, trong đó có 9 xã được kiểm kê dân số.

05/ Quận Phù Mỹ rộng 550,5 km̆, có 91.709 người, gồm 15 xã: Mỹ An, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, Mỹ Trinh. Tổng cộng 15 xã và đều được kiểm kê dân số.

06/ Quận Bình Khê, tính cả nha Vĩnh Thạnh [38], rộng 1.334,9 km̆, có 73.770 người, gồm các xã Bình An, Bình Giang, Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Phú, Bình Tân, Bình Thành, Bình Thuận, Bình Tường, Phụng Thiện, Vĩnh Châu*, Vĩnh Hảo*, Vĩnh Hiệp*, Vĩnh Hòa*, Vĩnh Hưng*, Vĩnh Kim*, Vĩnh Lâm*, Vĩnh Nghĩa*, Vĩnh Quang, Vĩnh Tường*. Tổng cộng 20 xã, trong đó có 11 xã được kiểm kê dân số.

07/ Quận Hoài Nhơn, tính cả nha An Lão [39], rộng 872,7 km̆, có 93.890 người, gồm thị trấn Bồng Sơn và các xã: Hoài Đức, Hoài Hương, Hoài Mỹ, Hoài Tân, Hoài Xuân, An Bình*, An Bửu*, An Cư*, An Dân*, An Đồng*, An Hảo, An Hậu*, An Hòa*, An Lạc*, An Mỹ*, An Ninh*, An Nghĩa*, An Phú*, An Quý*, An Sơn*, An Tân*, An Thạch*, An Toàn*, An Thành*, An Tường*. Tổng cộng 26 xã, trong đó 6 xã và 1 thị trấn được kiểm kê dân số.

08/ Quận Hoài Ân rộng 648,2 km̆, có 32.794 người, gồm

các xã Ân Đức, Ân Hữu*, Ân Nghĩa*, Ân Phong, Ân Thạnh, Ân Tín, Ân Tường, Vĩnh Danh*, Vĩnh Điền*, Vĩnh Định*, Vĩnh Hoàng*, Vĩnh Hữu*, Vĩnh Ngãi*, Vĩnh Nhàn*, Vĩnh Nhơn*. Tổng cộng 15 xã, trong đó có 5 xã được kiểm kê dân số.

09/ Quận An Túc [40] rộng 3.332,3 km̆, có 35.515 người, gồm các xã An Định, An Khê, An Sơn*, Bà Ba*, Bà La*, Bà Nâm*, Cà Chang*, Cửu An, Cửu Tú*, Kan Nack*, Sa Lam*, Khói*, Klom*, Krong Kroi*, Krong Kotu*, Kon Nghe*, Lúc Cúc*, Sro*, Srơn*, Song An, Song Tân, Ta Mộc*, Tài, Tân Cư*, Tân Tạo An Dân*, Thang*, Trung Nhang*, Tư Lương, Xu*. Tổng cộng 29 xã, trong đó có 7 xã được kiểm kê dân số.

10/ Nha Tam Quan [41] rộng 220,6 km̆, có 73.747 người, gồm các xã Đức Hựu, Hoài Châu, Hoài Hảo, Hoài Sơn, Hoài Thanh, Tam Quan. Tổng cộng 6 xã và đều được kiểm kê dân số.

Vậy tỉnh Bình Định trước năm 1975 có 1 thị xã, 8 quận và 1 nha, gồm 176 phường xã (16 phường và 160 xã).

X - THỜI CỘNG SẢN

1/ Tháng 2- 1976, trở lại dùng danh hiệu huyện, trả huyện An Túc về với các tỉnh cao nguyên, đem tỉnh Quảng Ngãi nhập chung với Bình Định, thành tỉnh Nghĩa Bình. Đến ngày 30-6- 1989, lại tách ra làm hai tỉnh riêng, và phục hồi tên cũ.

2/ Tháng 4 năm 1999, theo số liệu thống kê, tỉnh Bình Định có thành phố Qui Nhơn và 10 huyện, tỉnh lỵ tại Qui Nhơn [42]:

01) Thành phố Qui Nhơn có diện tích 216,44 km̆, dân số 238.290 người, với 20 đơn vị hành chánh, gồm 16 phường nội thành: Bùi Thị Xuân, Đống Đa, Gềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Ngô Mây, Nguyễn Văn Cừ, Nhơn Bình, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Trần Quang Diệu. Và 4 xã ngoại thành: Nhơn Châu, Nhơn Hải, Nhơn Hội, Nhơn Lý.

02) Huyện An Lão có diện tích 690,35 km̆, dân số 22.982 người, với 9 đơn vị hành chánh, gồm: xã An Dũng, xã An Hòa, xã An Hưng, xã An Nghĩa, xã An Quang, xã An Tân, xã An Toàn, xã An Trung, xã An Vinh.

03) Huyện Hoài Nhơn có diện tích 412,95 km̆, dân số 209.008 người, với 17 đơn vị hành chánh. Toàn huyện gồm

2 thị trấn: Bồng Sơn, Tam Quan; và 15 xã: Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Đức, Hoài Hải, Hoài Hảo, Hoài Hương, Hoài Mỹ, Hoài Phú, Hoài Sơn, Hoài Tân, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Hoài Xuân, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam.

04) Huyện Hoài Ân có diện tích 744,06 km̆, dân số 90.993 người, với 14 đơn vị hành chánh, gồm thị xã Tăng Bạt Hổ và 13 xã: Ân Đức, Ân Hảo, Ân Hữu, Ân Mỹ, Ân Nghĩa, Ân Phong, Ân Sơn, Ân Thạnh, Ân Tín, Ân Tường Đông, Ân Tường Tây, Book Tới, Đăk Mang.

05) Huyện Vĩnh Thạnh có diện tích 700,79 km̆, dân số 25.671 người, gồm 7 xã: Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh.

06) Huyện Phù Mỹ có diện tích 549,43 km̆, dân số 177.702 người, với 17 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Phù Mỹ và 16 xã: Mỹ An, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Châu, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, Mỹ Trinh.

07) Huyện Phù Cát có diện tích 678,49 km̆, dân số 184.439 người, với 18 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Ngô Mây và 17 xã: Cát Chánh, Cát Hải, Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Hưng, Cát Khánh, Cát Lâm, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Sơn, Cát Tân, Cát Tài, Cát Thành, Cát Thắng, Cát Tiến, Cát Trinh, Cát Tường.

08) Huyện Tây Sơn có diện tích 708,03 km̆, dân số 129.962 người, với 15 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Phú Phong và 14 xã: Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Tân, Bình Thành, Bình Thuận, Bình Tường, Tây An, Tây Bình, Tây Giang, Tây Phú, Tây Thuận, Tây Vinh, Tây Xuân, Vĩnh An.

09) Huyện An Nhơn có diện tích 242,17 km̆, dân số 179.829 người, với 15 đơn vị hành chánh, gồm 2 thị trấn: Bình Định, Đập Đá và 13 xã: Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Khánh, Nhơn Lộc, Nhơn Mỹ, Nhơn Phúc, Nhơn Phong, Nhơn Tân, Nhơn Thành, Nhơn Thọ.

10) Huyện Tuy Phước có diện tích 284,87 km̆, dân số 180.481 người, với 14 đơn vị hành chánh, gồm 2 thị trấn: Tuy Phước, Diêu Trì và 12 xã: Phước An, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Mỹ, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Thành, Phước Thắng, Phước Thuận.

11) Huyện Vân Canh có diện tích 797,97 km̆, dân số 21.370 người, với 6 xã: Canh Hiệp, Canh Hiển, Canh Hòa, Canh Liên, Canh Thuận, Canh Vinh.

Vậy tính đến tháng 4 năm 1999, toàn tỉnh Bình Định có diện tích 6.027,75 km^2; dân số 1.460.727 người.

3/ Ngày 28- 11- 2011, Nghị quyết số 101/NQ-CP, chuyển huyện An Nhơn thành thị xã An Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định, có 15 đơn vị (5 phường và 10 xã) trực thuộc. Tính từ Nam ra Bắc, 5 phường gồm: Nhơn Hòa, Bình Định (thị trấn Bình Định cũ), Nhơn Hưng, Đập Đá (thị trấn Đập Đá cũ) và Nhơn Thành, đều nằm dọc theo đường Quốc lộ 1A. Cũng tính từ Nam ra Bắc, thị xã này, phía Tây có 7 xã: Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ; phía Đông có 3 xã: Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh.

4/ Thay đổi các đơn vị hành chánh thuộc tỉnh Bình Định, sau năm 1999 [43]

01) Thành phố Qui Nhơn có 21 đơn vị hành chánh, gồm 16 phường và 5 xã. Ngoài 4 xã cũ là Nhơn Châu, Nhơn Hải, Nhơn Hội, Nhơn Lý; từ năm 2006 có thêm xã Phước Mỹ được tách từ huyện Tuy Phước. Tổng diện tích của Qui Nhơn là 284,28 km^2, với 280.535 người (năm 2009), mật độ dân số 986,8 người/km^2.

02) Thị xã An Nhơn có 15 đơn vị hành chánh, gồm 5 phường và 10 xã, diện tích 242,64 km^2, dân số 193.817 người (năm 2011), mật độ 798,7 người/km^2. Nguyên là huyện Tuy Viễn từ năm 1471, cải danh phủ An Nhơn từ năm 1832, huyện An Nhơn từ năm 1948, năm 1955 là quận, năm 1976 là huyện, và năm 2011 được nâng cấp thành thị xã.

03) Huyện An Lão có 10 đơn vị hành chánh, gồm 1 thị trấn và 9 xã, trong đó có 57 thôn. Diện tích toàn huyện là 692,02 km^2, có 24.253 người, mật độ dân số 35 người/km^2. Thị trấn An Lão được thành lập sau đợt thống kê tháng 4 năm 1999.

04) Huyện Hoài Nhơn có 17 đơn vị hành chánh, gồm 2 thị trấn (Bồng Sơn, Tam Quan) và 15 xã, y như cũ. Diện tích toàn huyện là 412,95 km^2, với 228.000 người, mật độ dân số 552,1 người/km^2.

05) Huyện Hoài Ân có 15 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Tăng Bạt Hổ và 14 xã: Tăng thêm 1 xã, vì Ân Hảo chia hai thành Ân Hảo Đông và Ân Hảo Tây. Diện tích toàn huyện là 744,1 km^2, với 94.300 người, mật độ dân số 126,7 người/km^2.

06) Huyện Vĩnh Thạnh có 9 đơn vị hành chánh, gồm 1 thị trấn và 8 xã: Năm 1999 có 7 xã và chưa có thị trấn, nay lập, lấy tên là thị trấn Vĩnh Thạnh và có thêm 1 xã mới là Vĩnh Thuận. Diện tích toàn huyện là 700,79 km^2, với 26.700 người,

mật độ dân số 38 người/km̆.

07) Huyện Phù Mỹ, có 19 đơn vị hành chánh, gồm 2 thị trấn và 17 xã. Ngoài thị trấn Phù Mỹ (cũ), lập thêm thị trấn Bình Dương. Ngoài 16 xã cũ, lập thêm xã Mỹ Chánh Tây, tách ra từ xã Mỹ Chánh. Theo thống kê năm 2005, có diện tích là 548,9 km̆, với 188.000 người, mật độ dân số 342,5 người/ km̆.

08) Huyện Phù Cát có 18 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Ngô Mây và 17 xã, như đã có từ năm 1999. Diện tích toàn huyện là 678,49 km̆, với 194.100 người, mật độ dân số 286 người/ km̆.

09) Huyện Tây Sơn có 15 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Phú Phong và 14 xã như năm 1999. Diện tích toàn huyện là 708,03 km̆, với 136.000 người, mật độ dân số 192 người/km̆.

10) Huyện Tuy Phước có 13 đơn vị hành chánh, gồm hai thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì cùng với 11 xã. Trước có 12 xã, năm 2006 xã Phước Mỹ tách khỏi huyện Tuy Phước, nhập vào thành phố Qui Nhơn. Nay diện tích toàn huyện là 216,77 km̆, với 181.226 người (năm 2005), mật độ dân số 836 người/km̆.

11) Huyện Vân Canh có 7 đơn vị hành chánh, gồm thị trấn Vân Canh thành lập sau năm 1999, và 6 xã y như năm 1999. Diện tích toàn huyện vẫn 797,97 km̆, dân số 22.300 người (số liệu năm 2002), mật độ 27,9 người/km̆.

XI - BẢNG TỔNG KẾT SỐ LIỆU VỀ BÌNH ĐỊNH

Tỉnh Bình Định hiện nay có thành phố Qui Nhơn và thị xã An Nhơn với 9 huyện, phân bố như sau: Bắc Bình Định gồm các huyện: An Lão, Hoài Nhơn (cách trung tâm thành phố Qui Nhơn 100 km về phía Bắc), Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Phù Mỹ. Nam Bình Định có các huyện: Phù Cát, Tây Sơn (cách trung tâm Thành phố Qui Nhơn 40 km về phía Tây Tây Bắc), Tuy Phước, Vân Canh. Toàn tỉnh có 159 đơn vị hành chánh, gồm 12 thị trấn, 21 phường, 126 xã. Diện tích là 6.026,90 km̆, dân số 1.569.231 người, mật độ 260,37 người/km̆.

XII - LỜI KẾT

Một kinh nghiệm bản thân, trong một bài viết có phần liệt kê danh sách các quận, xã trong tỉnh Bình Định sau ngày cải tổ hành chánh (30- 9- 1970) xã Qui Nhơn (thuộc quận Tuy Phước) được nâng cấp và mở rộng thành thị xã Qui Nhơn (thuộc tỉnh Bình Định). Một số độc giả đã vội vã lên tiếng chê bai:

Số TT	Thể loại hành chánh	Địa danh	Thủ phủ	Diện tích (km²)	Dân số (người)	Mật độ (người/ km²)	Đơn vị hành chánh cấp xã, phường, thị trấn
1	Thành phố	Qui Nhơn có 21 đơn vị hành chánh	Qui Nhơn	284,28 km²	280.535 người (năm 2009)	986,8 người/ km²	16 phường: Bùi Thị Xuân, Đống Đa, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Ngô Mây, Nguyễn Văn Cừ, Nhơn Bình, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Trần Quang Diệu. 5 xã: Nhơn Lý, Nhơn Hội, Nhơn Hải, Nhơn Châu, Phước Mỹ.
2	Thị xã	An Nhơn có 15 đơn vị hành chánh	An Nhơn	242,64 km²	193.817 (năm 2011),	798,7 người/ km²	5 phường: Nhơn Hòa, Bình Định, Nhơn Hưng, Đập Đá, Nhơn Thành, 10 xã: Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ; Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh.
3	Huyện	An Lão có 10 đơn vị hành chánh	An Lão	692,02 km²	24.253 người	35 người/ km²	1 thị trấn: An Lão 9 xã: An Dũng, An Hòa, An Hưng, An Nghĩa, An Quang, An Tân, An Toàn, An Trung, An Vinh.
4	Huyện	Hoài Nhơn có 17 đơn vị hành chánh	Bồng Sơn	412,95 km²	228.000 người	552,1 người/ km²	2 thị trấn: Bồng Sơn và Tam Quan. 15xã: Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Đức, Hoài Hải, Hoài Hảo, Hoài Hương, Hoài Mỹ, Hoài Phú, Hoài Sơn, Hoài Tân, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Hoài Xuân, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam.
5	Huyện	Hoài Ân có 15 đơn vị hành chánh	Tăng Bạt Hổ	744,1 km²	94.300 người	126,7 người/ km²	1 thị trấn: Tăng Bạt Hổ. 14 xã: Ân Đức, Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Hữu, Ân Mỹ, Ân Nghĩa, Ân Phong,

							Ân Sơn, Ân Thạnh, Ân Tín, Ân Tường Đông, Ân Tường Tây, Book Tới, Đăk Mang.
6	Huyện	Vĩnh Thạnh có 9 đơn vị hành chánh	Vĩnh Thạnh	700,79 km²	26.700 người	38 người/ km²	1 thị trấn: Vĩnh Thạnh 8 xã: Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận.
7	Huyện	Phù Mỹ có 19 đơn vị hành chánh	Phù Mỹ	548,9 km²	188.000 người (Thống kê năm 2005)	342,5 người/ km²	2 thị trấn: Phù Mỹ và Bình Dương. 17 xã: Mỹ An, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Châu, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, Mỹ Trinh.
8	Huyện	Phù Cát có 18 đơn vị hành chánh	Ngô Mây	678,49 km²	194.100 người	286 người/ km²	1 thị trấn: Ngô Mây. 17 xã: Cát Chánh, Cát Hải, Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Hưng, Cát Khánh, Cát Lâm, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Sơn, Cát Tân, Cát Tài, Cát Thành, Cát Thắng, Cát Tiến, Cát Trinh, Cát Tường.
9	Huyện	Tây Sơn có 15 đơn vị hành chánh	Phú Phong	708,03 km²	136.000 người	192 người/ km²	1 thị trấn: Phú Phong. 14 xã: Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Tân, Bình Thành, Bình Thuận, Bình Tường, Tây An, Tây Bình, Tây Giang, Tây Phú, Tây Thuận, Tây Vinh, Tây Xuân, Vĩnh An.
10	Huyện	Tuy Phước có 13 đơn vị	Tuy Phước	216,77 km²	181.226 người	836 người/ km²	2 thị trấn: Tuy Phước và Diêu Trì. 11 xã: Phước An, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Thành, Phước Thắng, Phước Thuận.
11	Huyện	Vân Canh có 7 đơn vị hành	Vân Canh	797,97 km²	22.300 người (số liệu năm 2002)	27,9 người/ km²	1 thị trấn: Vân Canh. 6 xã: Canh Hiệp, Canh Hiển, Canh Hòa, Canh Liên, Canh Thuận, Canh Vinh.

		chánh					
	Tỉnh	Bình Định	Qui Nhơn	6026,90 km²	1.569.231 người	206,37 người/km²	Bình Định có 159 đơn vị hành chánh, gồm 12 thị trấn, 21 phường và 126 xã.

đã 3 tháng rồi, thì làm sao còn tên cũ (xã Phước Hậu) và còn

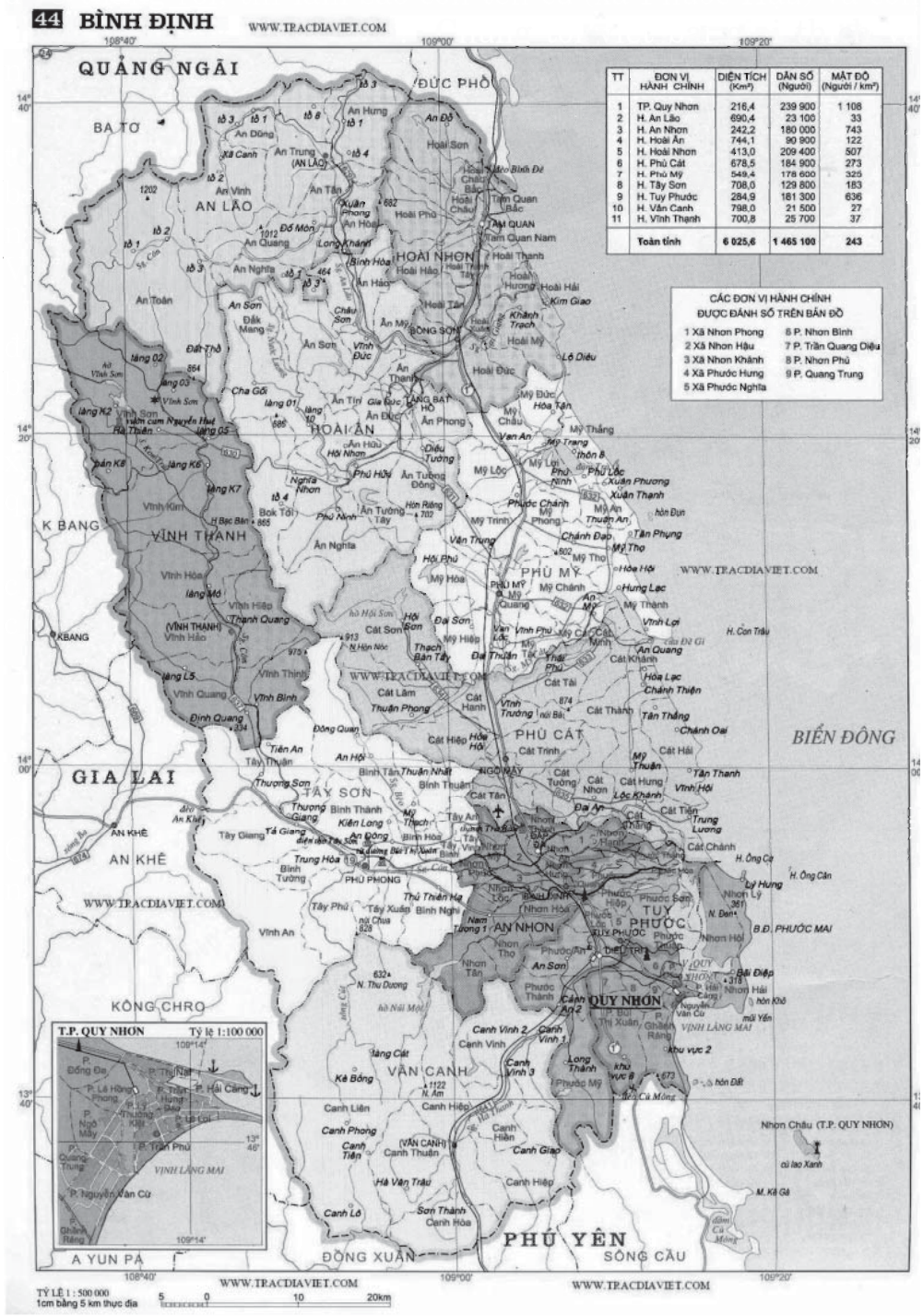

H 4: Bản đồ Hành chánh tỉnh Bình Định [44] lập trước năm 2006.

XII - LỜI KẾT

Một kinh nghiệm bản thân, trong một bài viết có phần liệt kê danh sách các quận, xã trong tỉnh Bình Định sau ngày cải tổ hành chánh (30- 9- 1970) xã Qui Nhơn (thuộc quận Tuy Phước) được nâng cấp và mở rộng thành thị xã Qui Nhơn (thuộc tỉnh Bình Định). Một số độc giả đã vội vã lên tiếng chê bai: "Tại sao danh sách các xã trong quận Tuy Phước, lại bỏ sót xã Phước Hậu?" Họ quên đọc trong bài có ghi câu: "Tính từ tháng 12- 1970." Nghĩa là xã Phước Hậu đã bị giải thể và sáp nhập vào quận Nhơn Định thuộc thị xã Qui Nhơn và mang tên mới đã 3 tháng rồi, thì làm sao còn tên cũ (xã Phước Hậu) và còn thuộc quận tuy Phước nữa! Chúng tôi viết bài giải thích và nhắc lại câu "Tính từ tháng 12- 1970" để cho vỡ lẽ.

Một sự đáng tiếc thứ 2, đầu thập niên 1990, lập giấy tờ xuất cảnh, tôi ở Sài Gòn gửi bản chính về quê, nhờ người bà con đến xã lục sao giấy khai sinh của con gái tôi (sinh sau năm 1975). Trong bản chính đề nơi sinh tên huyện là Phước Vân, người thư ký đánh máy bản sao, không theo bản chính mà "linh động" viết vào bản sao là huyện Tuy Phước, đúng với địa danh hiện hành. Thế mà, khi trình ký "chứng thực sao y bản chính," vẫn được duyệt ký và đóng dấu ngon ơ! Khi tôi nhận tập giấy khai sinh từ người phát thư bảo đãm, bóc ra xem, thì hỡi ơi! Sắp trễ hạn rồi, tôi phải tức tốc từ Sài Gòn về quê làm lại bản sao khai sinh đúng y như bản chính.

Hai "tai nạn" nêu trên, là do sự thay đổi về địa lý hành chánh của tỉnh nhà khá phức tạp và đột ngột, khiến dân chúng chưa theo dõi kịp.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển IX, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 3 (Huế, nxb Thuận Hóa, 1992); trang 6, 7.

[2] Cùng tác phẩm; trang 14: Tỉnh thành Bình Định dời đến địa điểm mới vào năm Gia Long thứ 7 (1808), tường thành bằng đất năm Gia Long thứ 14 (1815), xây đá ong năm Gia Long 16 (1817).

[3] Cùng trang 14: Thành Bình Định thuộc địa phận hai thôn

Kim Châu và An Ngãi.

[4] Thuộc là đơn vị hành chánh cấp cơ sở, dưới cấp huyện và trên cấp xã ấp. Thuộc tương đương cấp tổng và gồm nhiều ấp họp lại. Dưới thời chúa Nguyễn, những vùng đất mới khai phá, ở nơi gần núi hay ven biển, của các tỉnh miền Nam Trung phần, thì lập làm thuộc. Thời ấy, phủ Thăng Hoa có 15 thuộc, phủ Điện Bàn 4 thuộc, phủ Quảng Ngãi 4 thuộc, phủ Qui Ninh 13 thuộc, phủ Phú Yên 38 thuộc, phủ Bình Khang 20 thuộc, phủ Diên Ninh 14 thuộc, phủ Bình Thuận 20 thuộc (Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Quyển IX, tái bản lần thứ nhất, Tập 1, bản dịch Nguyễn Ngọc Tỉnh, Đào Duy Anh hiệu đính; trang 140). Dưới thời Gia Long (1802- 1819) và đầu đời Minh Mạng, vẫn còn dùng đơn vị hành chánh này. Năm 1832, Minh Mạng đổi "thuộc" thành "tổng."

[5] Trang là đơn vị hành chánh cấp thấp nhất, tương đương với ấp và thôn, nhưng chỉ dành để gọi những nơi mới khai khẩn.

[6] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ Nhị kỷ, Quyển LXXXV (85), tái bản lần thứ nhất, Tập 3, bản dịch Đỗ Mộng Khương & 8 tgk (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2007); trang 393- 394.

[7] Cùng tác phẩm, Đệ Nhị kỷ, Quyển CXXVII (127), Tập 4, bản dịch Nguyễn Thế Đạt & 5 tgk; trang 202.

[8] Trước năm 1831, chưa chia định địa hạt các tỉnh từ Quảng Trị trở ra, Bắc Kỳ gồm có 5 nội trấn là Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây; và 6 ngoại trấn là Cao Bằng, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Quảng Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

[9] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ Lục kỷ, Quyển XI, Tập 9, bản dịch Nguyễn Ngọc Tỉnh & 2 tgk, Nguyễn Mạnh Duân & Nguyễn Trọng Hân hiệu đính; trang 436: Thành lập huyện Bình Khê.

[10] Piquet làm Toàn quyền Đông Dương từ ngày 31- 5- 1889 đến 12- 4- 1891.

[11, 13] Dương Trung Quốc; Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử (1919- 1945), tái bản lần thứ nhất (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2001); trang 36.

[12] Doumer làm Toàn quyền Đông Dương 3 lần: Lần 1 từ 13- 2- 1897 đến 29- 9- 1898; lần 2 từ ngày 24- 9- 1899 đến 16- 2- 1901; lần 3 từ 20- 8- 1901 đến 14- 3- 1902.

[14] Broni làm Quyền Toàn quyền Đông Dương 4 lần: Lần 1 từ ngày 16- 2- 1901 đến 20- 8- 1901; lần 2 từ ngày 14- 3- 1902

đến 15- 10- 1902; lần 3 từ ngày 1- 7- 1905 đến 6- 12- 1905; lần 4 từ ngày 28- 7- 1906 đến 2- 1- 1907.

[15, 17] Dương Kinh Quốc; Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử (1858- 1918), tái bản lần thứ nhất (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2001); trang 297.

[16] Beau làm Toàn quyền Đông Dương 3 lần: Lần 1 từ ngày 15- 10- 1902 đến 1- 7- 1905; lần 2 từ ngày 6- 12- 1905 đến 28- 7- 1906; lần 3 từ ngày 2- 1- 1907 đến 28- 2- 1908.

[18] Sarraut làm Toàn quyền Đông Dương 2 lần: Lần đầu từ ngày 15- 11- 1911 đến 4- 1- 1914; lần sau từ ngày 22- 1- 1917 đến 22- 5- 1919.

[19] Dương Kinh Quốc (1858- 1918); sách đã dẫn; trang 339 (xem ghi chú 15)

[20] Dương Trung Quốc (1919- 1945); cùng trang 36 (xem ghi chú 11)

[21] Theo Paul Alinot; Géographie Générale de L'Indochine Francaise (Sài Gòn, 1915). Do Nguyễn Đình Đầu; Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn - Bình Định I (Sài Gòn, nxb TP/ HCM, 1996) trích; trang 131, đã chép: "16 huyện, 65 tổng."

Số liệu này quá cao, cần tra cứu lại. Vì Bình Định năm 1910 gồm cả Kon Tum (chưa có Phú Yên nhập vào) mà chỉ có 3 phủ và 4 huyện cai quản 17 tổng.

[22] Dương Kinh Quốc (1858- 1918); sách đã dẫn; trang 340.

[23] Dương Trung Quốc (1919- 1945); cùng trang 36.

[24] Nguyễn Đình Đầu; Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn - Bình Định I (Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996); Tập I, trang 131. Trích lại từ Yves Henry; Economie Agricole de L'Indochine (Hà Nội, 1932); trang 136.

[25] Dương Trung Quốc; Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử 1919- 1945 (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2001); trang 186. Đỗ Bang; Lịch Sử Thành Phố Qui Nhơn (Huế, nxb Thuận Hóa, 1998); trang 98 và 106.

[26] Nguyễn Đình Đầu, sđd. Trích lại từ Việt Nam Niên Giám Thống Kê, Quyển V (Sài Gòn, Viện Quốc Gia Thống Kê xuất bản, 1957), trang 40.

[27, 28] Nguyễn Quang Ân; Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945- 1997 (Hà Nội, nxb Văn Hóa- Thông Tin, Hà Nội, 1997); hai ghi chú đều cùng trang 15.

[29] Cùng tác phẩm, trang 121.

[30] Diện tích tỉnh Bình Định căn cứ vào Bản đồ Địa chánh 1/100.000, dân số tính đến tháng 12- 1970, theo tài liệu HES. Nguyễn Đình Đầu, sách đã dẫn, trang131- 136, trích lại.

[31] Tỉnh Bình Định gồm 160 xã trong đó có 87 xã (chiếm tỷ lệ 54,375%) được kiểm kê dân số, và có đến 73 xã (chiếm tỷ lệ 45,625%) vì mất an ninh không tiến hành kiểm kê dân số được.

[32] Ngày 30- 9- 1970, Sắc lệnh số 113-SL/NV của Thủ tướng VNCH, cải biến xã Qui Nhơn thuộc quận Tuy Phước, tỉnh Bình Định và các phần đất phụ cận, thành thị xã Qui Nhơn. Địa phận Thị xã, trên cơ sở sáp nhập 4 xã: Qui Nhơn, Phước Hải, Phước Hậu, Phước Tấn (ấp Xuân Quang và Xuân Vân đã nhập vào Qui Nhơn năm 1961); chia thành 2 quận:

a/ Quận Nhơn Bình, gồm:

- Một phần xã Qui Nhơn cũ có các ấp: Cường Để, Đào Duy Từ, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Hàm Nghi, Lê Lợi, Nguyễn Du, Nguyễn Huệ, Xuân Quang.

- Xã Phước Hải có các ấp: Hải Đông, Hải Giang, Hải Nam, Hải Ninh.

- Xã Phước Tấn.

b/ Quận Nhơn Định, gồm:

- Một phần xã Qui Nhơn cũ có các ấp: Bạch Đằng, Huyền Trân, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu, Tháp Đôi.

- Xã Phước Hậu có các ấp: An Thạnh, Bình Thạnh, Đông Định, Lạc Trường, Lương Nông, Nhơn Mỹ, Phú Hòa, Phú Vinh, Phụ An, Tây Định, Thuận Nghi, Tường Vân, Vân Hà. (Nguyễn Quang Ân; Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945- 1997 {Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1997}; trang 216).

Ghi chú thêm: Thôn Hưng Thạnh được sáp nhập vào Qui Nhơn từ 30- 4- 1930, trước khi xã Phước Hậu ra đời (khoảng đầu năm 1948). Vậy không thể liệt kê Hưng Thạnh vào các thôn của xã Phước Hậu.

[33] Ngày 11- 6- 1971, Nghị định số 494-BNV/HCĐP/26/ĐT/NĐ của Tổng trưởng Nội vụ VNCH, chia 2 quận Nhơn Bình và Nhơn Định của thị xã Qui Nhơn (tỉnh Bình Định), làm 16 khu phố (Nguyễn Quang Ân, Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945- 1997, trang 220- 221)

Ngày 22- 8- 1972, Nghị định số 553/BNV/HCĐP, đổi danh

xưng khu phố ra phường. Thị xã Qui Nhơn có 16 khu phố, nay là 16 phường (Trần Đình Thái, Ai Có Về Qui Nhơn, trang 13).

[34] Theo Nguyễn Huy, E-mail đề ngày 18- 1- 2011, việc đặt tên các khu phố thị xã Qui Nhơn (1971) khởi đầu bằng chữ "Trung" là lấy chữ cuối của niên hiệu Quang Trung (光 中) làm chữ đầu của 16 khu phố, và người có sáng kiến này là ông Nguyễn Đức Hồng.

[35, 38, 39] Nghị định số 550- NV của Thủ Tướng VNCH ký ngày 6- 4- 1965: cải biến các quận Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão thuộc tỉnh Bình Định thành cơ sở phái viên hành chánh, đặt trực thuộc các quận sau đây:

- Cơ sở phái viên hành chánh An Lão, thuộc quận Hoài Nhơn.

- Cơ sở phái viên hành chánh Vân Canh, thuộc quận Tuy Phước.

- Cơ sở phái viên hành chánh Vĩnh Thạnh, thuộc quận Bình Khê (Nguyễn Quang Ân, Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945- 1997, trang 183)

[36] Phước Thạnh là xã mới được thành lập dưới thời VNCH, bởi Nghị định số 527-BNV/HC/P7/NĐ ký ngày 23- 9- 1958. Địa phận xã Phước Thạnh, trích ra từ diện tích xã Phước Long (quận Tuy Phước), gồm hai thôn Phú Tài và Thế Thạnh (Nguyễn Quang Ân, cùng tác phẩm, trang 112).

[37] Theo Sắc lệnh số 113-SL/NV của Thủ Tướng Chính Phủ VNCH, các xã Phước Hải, Phước Hậu và Phước Tấn, kể từ ngày 30- 9- 1970, không còn thuộc quận Tuy Phước nữa, và sáp nhập vào thị xã Qui Nhơn (Nguyễn Quang Ân, cùng tác phẩm, trang 216).

[40] Nguyễn Quang Ân, cùng tác phẩm, cùng trang 121 (xem ghi chú số 29).

[41] Tam Quan, năm 1471 là làng, năm 1945 là xã, và ngày 18- 9- 1968 là quận Tam Quan gồm 6 xã của quận Hoài Nhơn tách ra: xã Tam Quan, Đức Hựu, Hoài Châu, Hoài Hảo, Hoài Sơn, Hoài Thanh. Quận lỵ đặt tại xã Tam Quan. (Nghị định số 999- NĐ/NV của Thủ Tướng VCVH – Nguyễn Quang Ân, cùng tác phẩm, trang 205)

[42] Tổng Cục Địa Chánh, Tỉnh Bình Định – Bản Đồ Hành Chính (nxb Bản Đồ, tháng 12- 2001), tờ 3. Số liệu thống kê tính đến tháng 4 năm 1999, do Sở Địa Chánh Tỉnh cung cấp tháng 8 năm 2001.

[43] Tổng hợp từ Wikipedia, và số liệu thống kê tính đến tháng

4 năm 1999, do Sở Địa Chánh tỉnh cung cấp tháng 8 năm 2001.

[44] Bản đồ lập trước năm 2006, nên xã Phước Mỹ còn thuộc địa phận huyện Tuy Phước (tô màu gạch nung), Qui Nhơn tô màu tím.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- DƯƠNG KINH QUỐC; Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử 1858- 1918, Tái bản lần thứ nhất; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2001.

- DƯƠNG TRUNG QUỐC; Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử 1919- 1945, Tái bản lần thứ nhất; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 2001.

- ĐỖ BANG Đỗ & NGUYỄN TẤN HIỂU chủ biên; Lịch Sử Thành Phố Qui Nhơn; Huế, nxb Thuận Hóa, 1998.

- NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU; Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn – Bình Định I; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996.

- NGUYỄN QUANG ÂN; Việt Nam, Những Thay Đổi Địa Danh và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chánh, 1945- 1997; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1997.

- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; Đại Nam Nhất Thống Chí, Quyển IX, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 3; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.

- . . . . . ; Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ Nhị kỷ, Quyển LXXXV, tái bản lần thứ nhất, Tập 3, Đỗ Mộng Khương & 8 tgk phiên dịch, Đào Duy Anh & Hoa Bằng hiệu đính; Đà Nẵng, nxb Giáo Dục (chi nhánh), 2007.

- . . . . . ; Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ Nhị kỷ, quyển CXXVII, Tập 4, bản dịch Nguyễn Thế Đạt & 5 tgk, Hoa Bằng hiệu đính; Đà Nẵng, nxb Giáo Dục (chi nhánh), 2007.

- TÒA HÀNH CHÁNH TỈNH BÌNH ĐỊNH; Địa Phương Chí Tỉnh Bình Định; Qui Nhơn, Tòa Hành Chánh Tỉnh Bình Định ấn hành, 1966.

- TỔNG CỤC ĐỊA CHÁNH; Tỉnh Bình Định - Bản Đồ Hành Chính, trọn bộ gồm 4 bản, mỗi bản khổ 78 x 106 cm; Không đề nơi, Nhà Xuất Bản Bản Đồ; tháng 12- 2001.

- TRANG MẠNG: Google, Wikipedia.

- TRẦN ĐÌNH THÁI; Ai Có Về Qui Nhơn; Sài Gòn, Tủ sách đẹp Quê Hương xuất bản, 1973.

❖



Người tù năm cũ

Phan Tấn Thiện, 1998

Ở tù lông rụng hết,
Thân thể còn bộ xương,
Cũng may là chưa chết,
Như chó đói dọc đường.

Vợ bỏ đi lấy chồng,
Nhà còn bốn vách không,
Cha bệnh nằm trông thuốc,
Mẹ trĩu gánh hàng rong.

Võng rách treo đầu ngõ,
Sương chiều lên mênh mông,
Sương tan đầu ngọn cỏ,
Chiều tắt sau đồi thông.

Đạp xe thăm bạn cũ,
Tình cảnh cũng hết trông.
Cha vá xe đầu hẻm,
Con bú bọt xà bong,
Vợ ôm thùng thuốc nhỏ,
Mà nước mắt ròng ròng!

Xích tuột, hai lần dốc,
Thắng đứt, không tiền thay,
Đưa chân rà vào bánh,
Cho chậm nỗi buồn này!

Da chân dày bố thắng,
Đầu xù tóc rễ tre,
Áo rách bao lần vá,
Buồn trưa cuốc gọi hè!

Vác chiếc cần câu nhỏ,
Ngồi bờ kinh nước đen,
Vài cá rô hột bí,
Chiều Xuân lệ đọng ghèn!

Đào vài củ đậu khấu,
Vò nắm lá gừng non,
Bỏ vào ôm mà nấu,
Ba chén còn một lon!



Cha ơi! Xin uống tạm,
Nước mắt con sắc rồi,
Thuốc thang với nhà khó,
Chỉ còn bấy nhiêu thôi.

***

Nghe đâu đồng minh cũ,
Còn nghĩ lại tình xưa,
Mở rộng vòng tay lớn,
Rồi đây, bơ sữa thừa.

Mai từ biệt xóm làng,
Trên một chuyến đò ngang,
Chôn đời nơi đất lạ,
Đành đoạn kiếp lang thang.

Người vô tâm theo giặc!
Kẻ có lòng hoang mang!
Xiêm y ai khéo mặc,
Trời xanh mây lang thang.

Đêm chong đèn lữ thứ,
Ngồi ngẫm chuyện ngày xưa,
Cuộc đời cơn gió thoảng,
Giàn dưa mưa lưa thưa.

Những người tù năm ấy,
Giờ phiêu tán nơi đâu?
Say bồ đào - mỹ tửu?
Hồn còn mang mang sầu!

Phan Tấn Thiện

Boston, Massachusetts 1998, những ngày tha phương cầu...

Bầu Cử
Tổng Thống Hoa Kỳ 2016

Quách Tứ

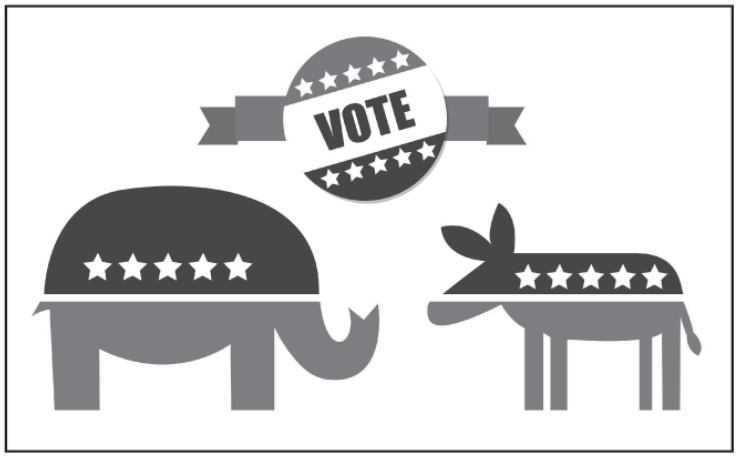

Cứ hằng bốn năm, người dân Mỹ có cơ hội đi bầu để lựa chọn Tổng Thống và Phó Tổng Thống Hoa Kỳ. Cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2016 sẽ được tổ chức vào Thứ ba, ngày 8 tháng 11 năm 2016. Theo Tu chính án thứ 22 của Hiến pháp Hoa Kỳ thì không người nào được bầu làm Tổng Thống hơn hai nhiệm kỳ (No person shall be elected to the office of the President more than twice). Việc giới hạn nhiệm kỳ của Hiến pháp nhằm ngăn chận đương kim Tổng Thống ra tranh cử nhiệm kỳ thứ ba. Năm nay, hai đảng chính trị: Cộng hòa và Dân chủ sẽ đề cử ứng cử viên của mỗi đảng ra tranh cử. Tính đến nay (khi viết bài nầy), đảng Dân chủ có ba ứng cử viên: Hillary Clinton, Bernie Sanders và Martin O'Malley, đảng Cộng hòa có 12 ứng cử viên: Jeb Bush, Ben Carson, Chris Christie, Ted Cruz, Carly Fiorina, Jim Gilmore, Mike Huckabee, John Kasich, Rand Paul, Marco Rubio, Rick Santorum và Donald Trump. Ngày bầu cử Tổng Thống cũng là ngày bầu 1/3 Thượng nghị sĩ (33 ghế) và Dân biểu Quốc hội Liên bang (435 ghế). Các dân biểu Liên bang cứ hai năm được bầu một lần. Đây cũng là ngày bầu 11 thống đốc Tiểu bang, cùng các Dân biểu và Nghị sĩ cấp Tiểu bang. Trong phạm vi bài viết nầy, chúng tôi sẽ đề cập tổng quát về bầu cử

Tổng Thống Hoa Kỳ và những sắc thái của cuộc bầu cử 2016.

Tổng quát về bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ

Điều kiện hội đủ để ứng cử Tổng Thống Hoa Kỳ

Theo điều 2 tiết 1 mục 5 của Hiến pháp Hoa Kỳ, để đủ điều kiện ứng cử Tổng Thống Hoa Kỳ cần phải:

- Công dân được sinh trưởng tại Mỹ
- Ít nhất 35 tuổi
- Cư trú 14 năm trở lên trên lãnh thổ Hoa Kỳ.

Tiến trình bầu cử

Bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ có những sắc thái phức tạp và khác biệt với nhiều quốc gia khác, vì nó phải trải qua hai giai đoạn bầu cử và định chế Cử tri đoàn.

Bầu Cử Sơ Bộ và Đề Cử Ứng Cử Viên (Nomination)

Hiến pháp Hoa Kỳ không có điều khoản nào đề cập đến đề cử ứng cử viên, nên hai chính đảng Dân chủ và Cộng hòa phối hợp với các Tiểu bang và chính quyền địa phương để tổ chức bầu cử và lựa chọn ứng cử viên của đảng mình.. Tiến trình lựa chọn gồm bầu cử sơ bộ (Primary), do mỗi Tiểu bang tổ chức, là tiến trình bầu cử công khai; cử tri thuộc mỗi đảng chính trị cùng cử tri Độc lập (không thuộc đảng chính trị nào) bỏ phiếu để chọn ứng viên.

Tiến trình thứ hai là các ủng hộ viên họp kín và thảo luận với các lãnh đạo đảng trước khi bầu chọn ứng cử viên (Caucuses). Tiến trình nầy do đảng phái chính trị trực tiếp tổ chức. Hai phương thức trên có khác nhau về hình thức ít nhiều, nhưng cùng chung một mục đích là chọn ứng cử viên Tổng Thống của mỗi đảng.

Tiến trình bầu cử sơ bộ thường được tổ chức từ đầu tháng hai của năm bầu cử, khởi đầu từ Tiểu bang Iowa. Trong năm bầu cử 2016, bầu cử sơ bộ sẽ bắt đầu từ Tiểu bang Iowa (ngày 1 tháng 2/2016), New Hampshire (ngày 9 tháng 2/2016), South Carolina (ngày 20 tháng 2/2016), Nevada (ngày 23 tháng 2/2016) . . . . và kết thúc bầu sơ bộ vào ngày 14 tháng 6/2016 tại District of Columbia.

Ứng cử viên nhận được số phiếu bầu sơ bộ cao nhất tại mỗi Tiểu bang sẽ nhận trọn hay một phần lớn phái đoàn (delegates)

theo tỷ lệ được qui định.Việc qui định số phái đoàn do mỗi đảng chính trị ấn định và thay đổi ít nhiều trong mỗi kỳ bầu cử.

Có hai phái đoàn: ***phái đoàn hữu thệ (pledged delegates),*** được lựa chọn cấp Tiểu bang hay địa phương là phái đoàn tuyên thệ làm nhiệm vụ cử tri giao phó, và ***phái đoàn vô thệ (unpledged delegates)***, đảng Dân chủ còn gọi là s***iêu phái đoàn (super delegates)***, phái đoàn nầy gồm các viên chức cao cấp của đảng và các viên chức dân cử. Siêu phái đoàn nầy rất quan trọng vì mỗi lá phiếu được xem là một phái đoàn, và phái đoàn nầy có toàn quyền bầu cho ứng cử viên nào mà họ muốn là ứng cử viên của đảng.

Bầu cử sơ bộ được tổ chức trong 50 Tiểu bang, Quận hạt Columbia và các lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ như Puerto Rico, Guarm, và U.S. Virgin Island. Những lãnh thổ nầy chỉ được tham gia vào bầu cử sơ bộ, nhưng không được tham gia vào Tổng bầu cử ngày 8 tháng 11 năm 2016.

Trong cuộc bầu cử sơ bộ 2016, đảng Dân chủ có tổng cộng 4047 phái đoàn, gồm 3253 phái đoàn hữu thệ và 794 Siêu phái đoàn (hay phái đoàn vô thệ). Đảng Cộng hòa có tổng cộng 2380 phái đoàn, trong đó có 1719 phái đoàn hữu thệ và 661 phái đoàn vô thệ. Ứng cử viên Cộng hòa phải thắng được 1191 hay nhiều hơn (quá bán) của tổng số phái đoàn là 2380 tại Đại hội đảng toàn quốc, sẽ được đề cử là ứng cử viên Tổng Thống của đảng Cộng hòa. Như vậy, sự lựa chọn sơ bộ các ứng cử viên thông qua các phái đoàn. Các phái đoàn nầy sẽ đại diện các cử tri trong kỳ Đại hội đảng toàn quốc (National Convention).

Năm bầu cử 2016, đảng Cộng hòa sẽ tổ chức Đại hội toàn quốc vào ngày 18 đến 21 tháng 7 năm 2016 tại Cleveland, Tiểu bang Ohio. Tiếp theo đó, đảng Dân chủ sẽ tổ chức vào ngày 25 đến 28 tháng 7 năm 2016 tại Philadelphia, Tiểu bang Pennsylvania. Trong ngày đại hội của mỗi đảng, các phái đoàn đại diện cho cử tri của Tiểu bang tề tựu về Đại hội để chọn ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống của đảng mình. ***Trên thực tế, nhiệm vụ các phái đoàn là xác nhận đúng hơn là lựa chọn,*** vì ứng viên đã được chọn qua bầu cử sơ bộ tại mỗi Tiểu bang.

Đại hội toàn quốc của mỗi đảng thường kéo dài 4 ngày, nhiệm vụ của các phái đoàn là chọn hay xác nhận ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống của đảng mình, Thông qua Cương lĩnh (Platform) của đảng. Không khí Đại hội rất sôi động, gồm các bài diễn văn, giới thiệu ứng cử viên, diễn văn

chấp nhận sự đề cử của đảng. Các tràng pháo tay, la hò, vẫy biểu ngữ để thể hiện sức mạnh và lập trường ủng hộ ứng cử viên của đảng mình. Đây cũng là dịp phát động cuộc tranh cử bước vào giai đoạn Tổng bầu cử.

Đề cử ứng cử viên qua bầu cử sơ bộ thể hiện nguyên tắc dân chủ của các đảng phái chính trị ở Hoa Kỳ. Đảng phái không độc quyền trong việc lựa chọn ứng cử viên. Các cử tri là đảng viên, cử tri độc lập đều được tham gia vào tiến trình lựa chọn. Điều không thuận lợi cho đảng là qua quá trình tranh luận (debates) và tranh cử, các ứng cử viên cùng đảng chỉ trích lẫn nhau; bươi xới cả đời tư, nhân cách , quá khứ ra để chỉ trích. Nhưng xét cho cùng, đây cũng là sắc thái bầu cử của những chế độ dân chủ thực sự, không thể dấu diếm, lừa bịp, ngụy tạo; tất cả đều công khai, minh bạch.

Tổng Bầu Cử (General Election)

Bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ là một cuộc p***hổ thông đầu phiếu và gián tiếp.***

Ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống đứng cùng liên danh. Trong ngày Tổng bầu cử, mặc dầu trên lá phiếu chỉ có tên ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống, nhưng ***cử tri (voters)*** thuộc 50 Tiểu bang và Quận hạt Columbia thực ra đã bầu các ***Tuyển cử viên (Electors)*** trong ***Cử tri đoàn (Electoral College)*** và chính Cử tri đoàn sẽ lựa chọn Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Định chế Cử tri đoàn của Hiến pháp Hoa Kỳ đóng một vai trò quan trọng trong cuộc Tổng bầu cử.

Định Chế Cử Tri Đoàn (Electoral College)

Nguyên thủy, định chế Cử tri đoàn bắt nguồn từ quan điểm của các nhà soạn thảo Hiến pháp Hoa Kỳ. Lúc đó có ba đề nghị về phương cách lựa chọn Tổng Thống:

-Quốc hội tuyển chọn Tổng Thống.

-Cơ quan Lập pháp của các Tiểu bang lựa chọn Tổng Thống.

-Tổng Thống được bầu qua phương thức phổ thông đầu phiếu.

Phương cách thứ nhất, Quốc hội tuyển chọn Tổng Thống, không được chấp thuận, vì các nhà Lập hiến cho rằng nó vi phạm nguyên tắc phân quyền và mất thăng bằng quyền lực giữa Hành pháp và Lập pháp.

Phương cách thứ hai, Cơ quan Lập pháp của các Tiểu bang lựa chọn Tổng Thống, bị loại bỏ, vì như vậy Tổng Thống sẽ mất tính cách độc lập, bị lệ thuộc vào Cơ quan Lập pháp của Tiểu bang. Phương cách nầy sẽ đưa đến tình trạng đương kim Tổng Thống phải điều đình với Lập pháp Tiểu bang để kiếm phiếu tái đắc cử.

Phương cách thứ ba, Tổng Thống được lựa chọn qua phổ thông đầu phiếu, cũng không được chấp thuận, vì các nhà Lập hiến quan ngại các cử tri thời đó không có đủ phương tiện truyền thông và trình độ hiểu biết để tìm hiểu các ứng cử viên ngoài Tiểu bang; nên các cử tri có khuynh hướng chọn các ứng viên thuộc Tiểu bang nhà. Như vậy các Tiểu bang lớn, có đông dân số sẽ có nhiều lợi thế và các Tiểu bang nhỏ bị nhiều bất lợi.

Sau cùng các nhà Lập hiến đã chấp nhận phương cách: Cử tri bầu các Tuyển cử viên trong Cử tri đoàn, và chính Cử tri đoàn sẽ lựa chọn Tổng Thống.

Việc tuyển chọn các Tuyển cử viên trong Cử tri đoàn được qui định trong Điều 2, Tiết 1 của Hiến pháp Hoa Kỳ: "*Each State shall appoint, in such Manner as the Legistlature thereof may direct, a Number of Electors, equal to the whole Number of Senators and Representatives to which the State may be entitled in the Congress: but no Senator or Representative, or person holding an Office of Trust or Profit under the United States, shall be appointed as an Elector.*"

"Mỗi Tiểu bang sẽ tuyển chọn một số Tuyển cử viên tương ứng với tổng số Thượng nghị sĩ và Dân biểu của Tiểu bang đó tại Quốc hội Liên bang theo thể thức do Cơ quan Lập pháp của Tiểu bang ấn định. Nhưng không một Nghị sĩ, Dân biểu hay Viên chức trong Chính quyền Hoa Kỳ sẽ được chọn làm Tuyển cử viên."

Theo Hiến pháp, mỗi Tiểu bang được phân phối số Tuyển cử viên tương ứng với số Nghị sĩ (hai Nghị sĩ cho mỗi Tiểu bang, không phân biệt Tiểu bang lớn hay nhỏ) và số Dân biểu (được tính theo Tỷ lệ dân số của mỗi Tiểu bang) trong Quốc hội Liên bang.

Tổng số Cử tri đoàn toàn quốc là 538. Căn cứ vào Kiểm kê dân số 2010, được phân phối như sau:

Alabama:	9	Alaska:	3
Arizona:	11	Arkansas:	6
California:	55	Colorado:	9
Connecticut:	7	Delaware:	3
District of C:	3	Florida:	29
Georgia:	16	Hawaii:	4
Idaho:	4	Illinois:	20
Indiana:	11	Iowa:	6
Kansas:	6	Kentucky:	8
Louisiana:	8	Maine:	4
Maryland:	10	Massachusetts:	11
Michigan:	16	Minesota:	10
Mississippi:	6	Missouri:	10
Montana:	3	Nebraska:	5
Nevada:	6	New Hampshire:	4
New Jersey:	14	New Mexico:	5
New York:	29	North Carolina:	15
North Dakota:	3	Ohio:	18
Oklahoma:	7	Oregon:	7
Pennsylvania:	20	Rode Island:	4
South Carolina	9	South Dakota:	3
Tennesse:	11	Texas:	38
Utah:	6	Vermont:	3
Virginia:	13	Washington:	12
West Virginia:	5	Wisconsin:	10
Wyoming:	3		

Tùy thuộc vào tổ chức Tổ chức ngày tuyển cử 2016 thường được

Bản đồ Cử tri đoàn ngày tuyển cử 2016

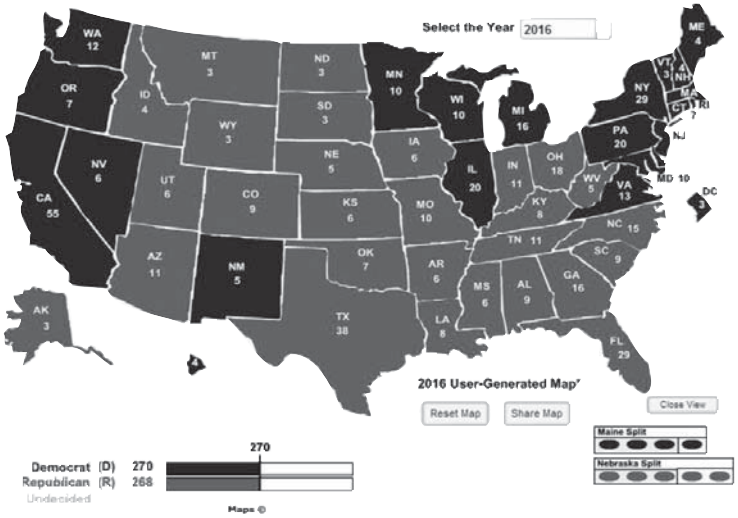

đề cử bởi những đảng phái chính trị (Dân chủ và Cộng hòa) của Tiểu bang vào mùa hè trước ngày bầu cử. Mỗi đảng phái chính trị thành lập một danh sách Tuyển cử viên (là những thành viên hoạt động tích cực cho đảng và cam kết sẽ bầu cho ứng cử viên của đảng mình).

Trong ngày Tổng bầu cử, ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống thắng đa số phiếu của Tiểu bang sẽ nhận trọn tất cả phiếu Cử tri đoàn của Tiểu bang đó. Chẳng hạn, ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống của đảng Dân chủ nhận được đa số phiếu phổ thông của Tiểu bang California, sẽ nhận trọn 55 phiếu Cử tri Đoàn của Tiểu bang nầy. Ứng cử viên nào nhận được 270 phiếu Cử tri đoàn trong số 538 phiếu (quá bán) được xem là đắc cử Tổng Thống.

Về mặt thủ tục, nhóm Tuyển cử viên thuộc đảng thắng cử của Tiểu bang sẽ họp tại Thủ phủ (Capital) của Tiểu bang nhà, vào ngày Thứ hai đầu tiên sau ngày Thứ tư thứ nhì của tháng 12 trong năm bầu cử, để ký tên vào Chứng Nhận Bầu Cử (Certificate of Vote) xác nhận sự lựa chọn của mình. Những chứng nhận có chữ ký nầy được niêm phong và chuyển đến văn phòng Chủ Tịch Thượng Viện (Phó Tổng Thống đương kim giữ chức vụ nầy).

Trong một phiên họp khoáng đại lưỡng viện vào ngày 6 tháng 1 (hay ngày 7 nếu ngày 6 là Chủ nhật) do Phó Tổng Thống kiêm Chủ Tịch Thượng Viện chủ tọa. Vị Chủ Tịch nầy sẽ đọc và tuyên bố kết quả kiểm phiếu Cử tri đoàn. Ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống đắc cử nếu nhận được 270 phiếu Cử tri đoàn hay nhiều hơn.

Trường hợp không có ứng cử viên Tổng Thống nào nhận được 270 phiếu trong số 538 phiếu, theo Hiến pháp Hoa Kỳ quyền lựa chọn Tổng Thống thuộc về Hạ viện Hoa Kỳ. Trong lịch sử bầu cử, có hai Tổng Thống Hoa Kỳ được Hạ viện lựa chọn vì không đủ đa số phiếu Cử tri đoàn: Thomas Jefferson (1800) và John Quincy Adams (1824).

Định chế Cử tri đoàn trong bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ, với hệ thống người thắng nhận trọn số phiếu Cử tri đoàn (winner-take-all system) của Tiểu bang và người thua không nhận được gì. Hệ thống nầy có thể đưa đến tình trạng một ứng cử viên Tổng Thống, không nhận được đa số phiếu bầu phổ thông trên toàn quốc, nhưng thắng cử vì đạt được đa số phiếu Cử tri đoàn. Trong lịch sử bầu cử ở Mỹ, có 4 Tổng Thống đắc cử theo phương cách nầy: John Quincy Adams (1828), Rutherford B. Hayes

(1876), Benjamin Harrison (1888) và George W. Bush (2000).

Định chế Cử tri đoàn bị phê phán và chỉ trích rất nhiều, phe chỉ trích cho rằng định chế nầy lỗi thời và thiếu dân chủ, vì nó đưa đến tình trạng một Tổng Thống đắc cử nhưng không đạt được đa số ủng hộ. Định chế nầy không phản ánh chính xác nguyện vọng của đa số cử tri trên toàn quốc, và làm cho lá phiếu đi bầu không có ý nghĩa gì. Nó vi phạm nguyên tắc Mỗi Người Một Lá Phiếu trong việc lựa chọn.

Từ năm 1789 đến nay, có trên 700 đề nghị thay đổi định chế Cử tri đoàn gởi đến Quốc hội Hoa Kỳ. Có một đề nghị xem ra rất hữu lý là vẫn duy trì định chế Cử tri đoàn nhưng thay đổi phần ứng cử viên thắng sẽ nhận trọn số phiếu Cử tri đoàn của Tiểu bang đó, mà ***mỗi ứng cử viên Tổng Thống sẽ nhận số phiếu Cử tri đoàn theo tỷ lệ phiếu bầu phổ thông.***

Phe ủng hộ Định chế Cử tri đoàn thì cho rằng định chế nầy đã tạo sự gắn bó chặt chẽ trong hệ thống Liên bang và bảo vệ quyền lợi của những Tiểu bang nhỏ. Vì mỗi Tiểu bang có số phiếu Cử tri đoàn tương ứng với số 2 Nghị sĩ và Dân biểu. Tính theo tỷ lệ dân số, những Tiểu bang nhỏ có thuận lợi về Cử tri đoàn, vì không có Tiểu bang nhỏ nào có dưới 3 phiếu Cử tri đoàn. Định chế nầy tránh tình trạng những Tiểu bang và thành phố lớn với nhiều dân số sẽ khống chế những Tiểu bang nhỏ trong bầu cử. Đến nay, định chế Cử tri đoàn vẫn còn nguyên trạng vì muốn thay đổi cần phải có thủ tục tu chính Hiến pháp (Amendment to the Constitution). Việc tu chính Hiến pháp cần 2/3 lưỡng viện Quốc hội chấp thuận và cần sự phê chuẩn thuận của 3/4 các Tiểu bang. Điều nầy xem ra không phải là dễ dàng đối với một Quốc hội của một nước dân chủ như Hoa Kỳ, có nhiều chính kiến khác nhau, và các Tiểu bang nhỏ không dễ dàng từ bỏ lợi thế chính trị của mình.

Một Nhận Định Về Bầu Cử Tổng Thống Hoa Kỳ

Theo Giáo sư Paul Begala Đại học Georgetown, viết trên tờ Newsweek ngày 23 tháng 7 năm 2012, cho rằng theo định chế Cử tri đoàn do các nhà Lập hiến là cha đẻ của Hiến pháp Hoa Kỳ đặt ra, với nguyên tắc ứng cử viên thắng đa số phiếu phổ thông của một Tiểu bang sẽ nhận trọn số phiếu Cử tri đoàn của Tiểu bang đó. Tuy cuộc bầu cử được tổ chức trong 50 Tiểu bang và Quận hạt Columbia, nhưng có nhiều Tiểu bang thiên hẳn về một đảng chính trị (Dân chủ hay Cộng hòa) từ lâu,

không thể nào thay đổi được. Các Tiểu bang như California, New York, và Illinois sẽ bầu cho ứng cử viên Dân chủ. Tiểu bang Texas sẽ bầu cho ứng cử viên Cộng hòa. Tính về dân số, bốn Tiểu bang nầy chiếm 96.4 triệu người, tương đương 1/3 dân số Hoa Kỳ đã ngã hẳn về ứng cử viên của mỗi đảng chính trị.

Theo khuynh hướng trên, gần 44 Tiểu bang ở Hoa Kỳ đã thiên hẳn về ứng cử viên của mỗi đảng chính trị. Chỉ còn 6 Tiểu bang: Virginia và Florida dọc miền duyên hải Đại Tây Dương, Ohio và Iowa ở miền Trung tây, Nevada và Colorado ở miền Tây nam được xem là những Tiểu bang có cử tri hay thay đổi lập trường lựa chọn ứng cử viên Tổng Thống, người Mỹ gọi là Swing States (những Tiểu bang đánh đu, không ngã hẳn về một phe nào). Chính phiếu bầu của cử tri trong 6 Tiểu bang nầy làm thay đổi số phiếu Cử tri đoàn 270 để thắng cử.

Nhưng không phải mọi cử tri trong 6 Tiểu bang nầy bầu cho một ứng cử viên Tổng Thống. Chẳng hạn trong cuộc bầu cử 2012, Giáo sư Begada ước tính có 48% bầu cho Obama và 48% bầu cho Romney. Số cử tri còn lại là 4%. Chính số cử tri nhỏ nầy của 6 Swing States, theo sự tính toán của Begada là 916,643 người

(viết theo chữ số Mỹ) sẽ tạo sự chênh lệch cho thắng cử. Con số nầy tương đương với dân số của Thành phố San Jose, California, hoặc bằng phân nửa số khán giả xem trận đấu Super Bowl trên truyền hình. Bài toán của Giáo sư Paul Begada cho chúng ta một sự ngạc nhiên về con số quyết định trong cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ.

Bầu Cử Tổng Thống Hoa Kỳ 2016

Con đường vào Tòa Bạch Ốc rất khó khăn và nhiều thử thách. Cuộc chạy đua kéo dài gần 2 năm từ ngày vận động sơ bộ đến lúc thắng cử và đặt tay lên Thánh kinh tuyên thệ nhâm chức Tổng Thống. Thế nhưng nhiều người muốn đi vào cuộc. Cuộc bầu cử Tổng Thống năm 2016, đảng Dân chủ có 6 ứng cử viên ra tranh cử Sơ bộ, trong đó 3 ứng cử viên đã rút lui. Hiện nay còn bà Hillary Clinton, Bernie Sanders và Martin O'Malley. Bà cựu Bộ trưởng Ngoại giao Hillary Clinton là ứng viên nắm chắc phần được đảng Dân chủ đề cử làm ứng cử viên của đảng, vì bà ta trội hẳn hơn 2 ứng cử viên cùng đảng là Sanders và O'Malley. Theo các quan sát chính trị, bà Clinton có kinh nghiệm lãnh đạo, nhưng bà tranh cử đi vào Tòa Bạch

Ốc với hai vết thương tai tiếng: thứ nhất là tòa Đại sứ Mỹ ở Benghazi, Libya bị quân du kích Hồi giáo tấn công ngày 11 tháng 9 năm 2012 và giết chết 4 nhân viên ngoại giao, gồm cả Đại sứ J. Christopher Stevens, trong khi bà ta đang làm Bộ trưởng Ngoại giao trong Nội các Obama. Bà bị chỉ trích thiếu trách nhiệm vì từ chối yêu cầu tăng cường an ninh để bảo vệ cho tòa Đại sứ trước khi xảy ra cuộc tấn công. Thứ hai, bà đã xử dụng Server của e-mail cá nhân để gởi đi những tin thuộc loại Mật (Classified) khi bà làm Bộ trưởng Ngoại giao. Bà Hillary Clinton đã phủ nhận những cáo buộc trên và bà bị cho là dối trá, thiếu thành thật (dishonest). Liệu người dân Mỹ có sẵn sàng quên đi hay coi nhẹ những trách nhiệm trên để bầu và đưa bà vào Tòa Bạch Ốc?

Phần đảng Cộng hòa, có cả một rừng ứng cử viên. Sơ khởi có17 ứng cử viên, đến nay 5 rút lui và còn lại12 ứng cử viên. Đầu năm 2015, cựu Thống đốc Jeb Bush được nhiều người công nhận là nhân vật đáng chú ý nhất của đảng Cộng hòa, với uy tín cá nhân và thành tích hai nhiệm kỳ khi ông làm Thống đốc Tiểu bang Florida. Ông dẫn đầu (frontrunner) tất cả những cuộc thăm dò toàn quốc. Từ những tuần lễ đầu tiên, ông có một lực lượng yểm trợ hùng hậu và Super PAC (Political Action Committee) đã vận động cho ông được cả 100 triệu dollars để tranh cử. Thế nhưng, sau vài tuần lễ từ ngày Donald Trump tuyên bố ứng cử viên Tổng Thống (ngày 16 tháng 6 năm 2015) những con số thăm dò của Jeb Bush giảm dần. Theo thăm dò (poll) ngày 4 tháng 12 năm 2015 của Hệ thống CNN, con số cử tri ủng hộ ông chỉ còn 3%.

Ứng cử viên Donald Trump, một thương gia tỷ phú, chính thức tuyên bố tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ ngày 16 tháng 6 năm 2015. Trước đám đông ủng hộ tại Trump Tower ở New York, ông nói rằng: "Chúng ta sẽ đưa đất nước nầy vĩ đại trở lại" (We are going to make our country great again). Ngay trong bài diễn văn tranh cử ngày đầu tiên nầy có những lời lẽ nóng bỏng. Ông tuyên bố, Mexico đã đưa đến Mỹ những người gây rắc rối, những tội phạm hình sự, những người nghiện ma túy, hiếp dâm v.v. và ông hứa, nếu trở thành Tổng Thống, ông sẽ cho xây một bức tường lớn ở biên giới Mỹ và Mexico để ngăn chận di dân bất hợp pháp và số tiền tổn phí về xây bức tường do Mexico trả. Ông sẽ đuổi về nước (deport) tất cả những di dân bất hợp pháp. Những tuyên bố nầy được nhiều người hưởng ứng vì họ quá bực tức về chính sách di dân của Tổng Thống

Obama, đã để di dân bất hợp pháp tràn ngập nước Mỹ. Những gia đình có thân nhân là nạn nhân của những tội phạm do di dân bất hợp pháp gây ra rất tán thưởng những lời tuyên bố nầy. Nhưng những người Mỹ gốc Mễ rất bất bình. Một số ứng cử viên đảng Cộng hòa chỉ trích những lời tuyên bố nầy không thực tế vì tài nguyên và phương tiện không thể đủ để trục xuất 11 triệu di dân bất hợp pháp cùng một lúc; cần xem xét chính sách di dân nhân đạo hơn, nhất là đối với trẻ em. Thế nhưng, con số thăm dò ủng hộ của ông Trump vẫn cao hơn những ứng cử viên khác.

Gần đây ông tuyên bố rằng sẽ ngăn chận tất cả những người Hồi Giáo đi vào nước Mỹ. Theo ông việc cấm nầy nhằm đáp lại sự thù ghét người Mỹ của một số đông người Hồi Giáo. Ý kiến của ông đưa ra trong một bản văn do chính ông đọc được sự ủng hộ ít, nhưng gặp sự chống đối mạnh trong dư luận Mỹ và cả dư luận ở Anh quốc đòi cấm Donald Trump đi vào nước Anh.

Donald Trump là một câu chuyện chính trị lớn và một hiện tượng lạ trong bầu cử ở Mỹ. Những gì ông nghĩ là ông nói huỵch toẹt ra không cần cân nhắc. Lời lẽ và cử chỉ của ông được nhiều người xem cho là đóng trò vui, thô lỗ, nhiều cử chỉ và điệu bộ trông rất quái gỡ, nặng về tấn công những đối thủ của ông, không phải là lời nói của một ứng cử viên Tổng Thống. Chẳng hạn, ông nói rằng hãy nhìn bộ mặt của bà Fiorina (cũng là ứng cử viên cùng đảng) có đáng được bầu làm Tổng Thống Mỹ không? Ông chế nhạo về việc bà Hillary Clinton, trong giờ nghỉ giữa cuộc tranh luận đảng Dân chủ, bà vào restroom ra trễ để hai ứng cử viên kia phải chờ. Có lần, ông chế nhạo một phóng viên người Mỹ tàn tật. Ông giả giọng nói cà lăm và quẹo bàn tay như cánh tay tàn tật của người phóng viên. Giới truyền thông rất phẩn nộ và chỉ trích thái độ vô ý thức và tàn nhẫn đối với người tàn tật. Thế nhưng con số thăm dò ủng hộ của ông vẫn không xuống dốc. Những cuộc gặp gỡ cử tri ủng hộ ông vẫn là con số hằng ngàn trở lên.

Nhiều người cho rằng ông không xứng đáng được đề cử (Nominate) làm ứng cử viên của đảng Cộng hòa. Một số ứng cử viên đảng Cộng hòa đã thẳng thừng tuyên bố rằng họ sẽ không công nhận và ủng hộ nếu Donald Trump được đề cử là ứng cử viên của đảng.Thế nhưng qua những cuộc thăm dò gần đây, ông vẫn là người dẫn đầu! Tính đến nay, theo Ramussen Report, kết quả thăm dò của 6 ứng cử viên hàng đầu của đảng Cộng hòa:

- Trump: 29%
- Cruz 18%
- Rubio: 10%
- Carson: 10%
- Christie 5%
- Bush: 3%

Hai Thượng nghị sĩ Ted Cruz (Texas) và Marco Rubio (Florida) là hai ứng cử viên trẻ, có nguồn gốc Cuba, hoạt bát và hùng biện, có nhiều triển vọng cạnh tranh với Trump. Thế nhưng, con số thăm dò ủng hộ vẫn còn cách xa Donald Trump. Hiện nay các ứng viên Cộng hòa đang vận động tranh cử ráo riết để nhận được sự ủng hộ của cử tri trong cuộc bầu cử Sơ bộ ngày 1 tháng 2 năm 2016 tại Tiểu bang Iowa.

Có một số quan điểm của các nhà chính trị cho rằng Donald Trump là một hiện tượng gây nhiều trở ngại và khó khăn, có thể phá nát (destroy) đảng Cộng hòa trong năm bầu cử 2016. Thời đại vàng son của đảng Cộng hòa dưới thời Ronald Reagan không còn nữa.

Không công khai, nhưng các nhà lãnh đạo của đảng Cộng hòa cùng các vị dân cử của đảng không muốn Donald Trump được đề cử ra tranh cử đối đầu với đảng Dân chủ. Vì với cá tính, cử chỉ, cách ăn nói, cùng kinh nghiệm không thể nào đương đầu với bà Hillary Clinton.Trump sẽ mất một số lớn phiếu của người Mỹ gốc Hispanic.

Mới đây có cuộc họp kín (closed door) của các nhà lãnh đạo đảng Cộng hòa cùng các vị dân cử Cộng hòa, có cả Chủ tịch Hạ viện Paul Ryan. Nguồn tin được tiết lộ là các nhà lãnh đạo đảng Cộng hòa đã nghĩ đến Đại hội "Brokered Convention", tức là tình trạng trong ngày Đại hội đảng không có ứng cử viên nào nhận đủ đa số phái đoàn (delegates) trong cuộc bỏ phiếu đầu tiên, thì có cuộc đổi ngựa chính trị, tức là sẽ tổ chức vòng bầu thứ 2. Trong vòng nầy, các phái đoàn tuyên thệ bầu cho ứng cử viên của mình, nay được hủy bỏ lời cam kết đó và có thể đổi ngựa (switch) bầu cho một ứng cử viên khác. Nếu tình trạng nầy xảy ra, Đại hội đảng Cộng hòa rất là náo loạn, khó lường được. Ứng cử viên Donald Trump có thể tuyên bố là ứng cử viên Độc lập, tức là ứng cử viên phá thối (spoiled candidate). Nếu sự kiện đó xảy ra, có nghĩa là đảng Cộng hòa sẽ thua cuộc trong ngày Tổng bầu cử.

Kết luận

Bài viết nầy xong vào ngày cuối tháng 12 năm 2015, còn hơn 11 tháng nữa mới đến ngày Tổng bầu cử chọn Tổng Thống Hoa Kỳ. Con đường còn dài và sẽ còn rất nhiều thay đổi. Nhất là trong một quốc gia dân chủ thực sự, quyền lựa chọn người lãnh đạo thuộc về toàn dân. Bài viết này nhằm trình bày những sự kiện (facts) qua những tài liệu lịch sử, báo chí và thông tin hiện hành, không nhằm dự đoán ai thắng ai thua vì còn quá sớm và thiếu khách quan. Và điều đó không phải là mục đích của bài viết nầy.

Quách Tứ

Tài liệu tham khảo:

-The Constitution of the United States of America.

-Government in America (People, Politics, and Policy) by George C. Edwards.

-American Government by William A. McClenaghan.

-Newsweek dated July 23 & 30, 2012

-Website: http://en.wikipedia.org/wiki/United States presidential election

-Website: https://en.wikipedia.org/wiki/Delegate

-Website: https://en.wikipedia.org/wiki/Brockered_convention





Gửi bạn tặng ấm trà

Trác Như

Thơ mấy vận, gửi thăm Trần lão hữu,
Tiết Xuân thiên, cánh én ngại ngùng chao;
Bóng quang âm, còn nhớ mãi thuở nào,
Khóa Mười Bốn, động viên thời niên tráng,

Chí phấn đấu, nước non thời dĩ vãng,
Nguyện giang sơn rạng rỡ bước tương lai.
Mừng tâm tư rày trang trải cho ai,
Bình trà ấm hừng tâm người vặn bút.

Ohio giá băng trời mây đục,
Cali dài nắng hạn đất hồ khô;
Hướng về quê cùng xót bức dư đồ,
Lý Phật Tử, một phường e vết cũ.

Đại Diện Ban Biên Tập, cảm ơn bình trà ấm áp của Anh Chị Trần Thao, Cincinati Ohio gởi tặng với nỗi tâm đắc và đầy ắp sự khuyến khích.

Trác Như

Ngày về hưu

Đặng Hiếu Kính

Nửa thế kỷ thăng trầm thử thách,
Nay tôi đà nhẹ gánh nam nhi,
Mấy lời thô thiển "tri chi",
Mở trang sách mới, an vi, an nhàn . . .

Chín lăm, mồng sáu tháng giêng,
Loral đại hãng tôi điền mẫu đơn.
Lên bà Giám Đốc Nhân Viên,
Đôi dòng tâm sự, lược biên quá trình.

Mười giờ sáng, Trưởng Ty Chế Tạo,
Hội nhân viên, nam nữ, thấp cao,
Tỏ lời ái mộ rạt rào,
Tay nâng tấm thiệp, tay trao tặng quà.

Người kể lể: nào công tác trội,
Nào tính tình, nào mối tương quan...
Xiết bao sự việc huy hoàng,
Từng phen gánh vác, không màng lợi danh!

Nhớ lại thuở bơ vơ nhập thế,
Thời Việt Minh vô kế khả thi,
Mẹ già em dại... một khi,
Trường đời lo sợ, chân đi ngập ngừng!

Chín năm nạn sa lầy cảnh đọa,
Mút mùa đau, mưa khóa gió rào.
Ơn trên phù hộ xiết bao,
Một mùa xuân lạnh, nêu cao phúc nhà!

Sáng ngày ấy, vào Rằm tháng Nhị,
Quân Quốc Gia tiến vị làng xưa,
Mẹ con, bà cháu xôn xao,
Ra đi cất gánh, phương nào dung thân?

Hai thập kỷ, thoát Thành Tây Cống,
Chí trai cùng gia quyến dừng chân,
Trải bao thách thử thăng trầm,
Vuông tròn gánh vác việc làm Hàng Không.

Nạn binh lửa, nồi da xáo thịt,
Phút giây từng mài miệt đấu tranh,
Riêng lòng ấp ủ thâm tình,
Thương thân, cám cảnh: mẹ hiền con thơ . . .

Vợ hiệp sức, thương già, dạy trẻ,
Giúp chồng con, há nệ xương mai,
Tháng ngày biền biệt ngô khoai,
Nuôi con ăn học sánh tài thế gian . . .

Mở nhà thuốc Thanh Huy thị tứ,
Lo cửa hàng, lo đám con thơ.
Sáng chiều giao thuốc, giấy tờ,
Một mình sắp xếp, bơ phờ lắm khi.

Nếp sống bỗng đất bằng sóng động,
Năm bảy lăm, Việt Cộng tấn công,
Phen nầy ắt hẳn không xong,
Ra đi bỏ hết, tay bồng tay mang.

Phi Trường Clark, địa đầu dừng bước,
Kế sang Guam, sau trước ba ngày,
Chân đi lòng những rứt ray,
Thương trai ở lại, thương đời quê xưa.

Đến Hawaii, rời vào trại mới,
Tháng ngày qua, dọn lối vươn thân.
Con thơ nay đã trưởng thành,
Mẹ hiền tuy khuất, tình thương ngập tràn.

Đến nay nếp sống an nhàn,
Vui câu Hậu Vận, vui đàn, vui hoa,
Trước sau, non nước một nhà . . .

ĐẶNG HIẾU KÍNH
11 Nov 2015



ĐIỂM CHỈ - LĂN TAY

Nguyễn Diêu

Nhân đứa cháu mới bảo lãnh qua Mỹ theo diện đoàn tụ, nó hỏi sao ở Mỹ lăn tay không có mực, mà bắt úp cả bàn tay lên tấm kính? Nghe nói lăn tay một ngón thôi, sao ở đây bắt nguyên cả bàn tay vậy? Tôi mới giải thích, ngày nay khoa học tân tiến, họ cần chụp hình lấy vân tay lưu trử, không còn bôi mực trên ngón tay rồi in trên giấy như ngày xưa nữa. Tại sao phải cả bàn tay là vì một ngón có thể trong một vạn người biết đâu sẽ có hai người giống vân tay như nhau. Vì vậy cả bàn tay năm ngón cho chắc ăn khi đối chiếu.

Do đứa cháu hỏi việc nầy, tôi mới nghĩ lại ngày xưa, Nội Tổ của tôi có kể cách đây bảy mươi năm nói về "điểm chỉ, lăn tay". Ngày xa xưa người Việt mình đa phần không biết chữ, vì nhà nghèo không có tiền để đi học, và cũng vì nước mình bị người Hoa (Tàu) đô hộ đến một ngàn năm, nên họ không muốn người Việt có học thức, để họ dễ bề sai khiến. Trong một làng chỉ có một số ít người đi học, nên mới biết đọc biết viết chữ, mà là chữ "Nôm" hay chữ "Hán" không phải chữ quốc ngữ như ngày hôm nay. Cây viết là cây bút lông, trước đầu bút nhỏ nhọn, còn mực là loại mực đen, còn gọi là "mực xạ". Hơi kỳ lạ mực đen, thì gọi là mực đen, sao gọi là "mực xạ"? Có phải con mực ở dưới biển có túi chứa chất đen để bảo vệ khi bị con vât khác tấn công thì nó phun chất đen ra tối cả vùng làm cho đối thủ không thấy. Như vậy mực là con mực, còn xạ là bắn ra,(xạ thủ) vì vậy người ta gọi mực đen là "mực xạ"chăng?. Nhưng con mèo đen gọi là con mèo "mun" sao không gọi con mèo đen?. Con ngựa đen thì gọi là ngựa "Ô". Con chim đen thì gọi là con quạ?. Khi trời tối, thì người ta nói tối đen như mực, không ai nói tối như mun, như ô, như quạ.

Người không biết chữ, khi cần viết một giấy tờ gì để làm bằng chứng về sau nầy, thì nhờ người biết chữ viết giùm, xong họ đọc lại cho nghe đúng sai, nếu đúng thì phải "điểm chỉ" vào cuối văn khế bên lề trái giấy đó. Người viết cũng phải ký tên ở phía lề phải, (tự ký) coi như nhân chứng. Ngày xưa viết chữ "Hán" viết từ trên xuống dưới cho hết trang giấy và viết từ bên tay phải viết qua bên tay trái, không phải vết ngang như ngày nay. Nếu người nào chỉ biết lam nham năm bảy chữ, nên không thể viết trọn văn khế được, cũng phải nhờ người khác viết hộ. Xong mình ký tên khỏi phải "điểm chi" gọi là thủ ký.

Nói về "điểm chỉ" ngày xưa điểm chỉ bằng cách dùng ngón tay trỏ để áp sát trên tờ giấy. Rồi dùng cây bút lông viết văn khế thấm mực xạ chấm "Tam Tiền, Hậu Nhị" tức là chấm sát đầu ngón tay trỏ cận kề cái móng tay 3 chấm, rồi chấm 2 chấm hai bên ngón tay sát đường chỉ ngang của mắt tay đó. Nhưng Nam thì dùng ngón tay trỏ trái, Nữ thì dùng ngón tay trỏ phải, để dễ phân biệt khi so sánh, đối chất, dấu nầy của người đàn ông hay đàn bà. Thời kỳ đó người ta đã phân biệt Nam-Nữ rõ rệt. Cụ thể đi vào rạp xem hát, bắt buộc Nữ ngồi bên tay phải, Nam ngồi bên tay trái, tính từ sân khấu ngó ra. Từ đó có câu: " Nam-Nữ thọ thọ bất thân". "Điểm Chỉ TamTiền, Hậu Nhị và Nam Tả Nữ Hữu có từ thời xa xưa. Việc nầy tôi chỉ nghe kể, cố tìm tài liệu để dẫn chứng, nhưng không tìm ra, và tôi cũng có hỏi thăm những người cao tuổi hơn tôi, tất cả không ai hiểu rõ. Tôi ghi lại trong trí nhớ, có gì không đúng xin quý vị đính chính giùm.

Nam tả, Nữ hữu, nghĩa là nam bên tay trái, nữ bên tay phải, có lẽ căn cứ vào ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Người ta đứng trước mặt nhà nhìn ra, tay phải thuộc về hành Kim, mà hành kim là Bạch Hổ (cọp trắng) biểu tượng cho nữ giới. Cọp trắng là cọp dữ nhất nên có câu: "Bà đó, con mụ đó dữ như cọp cái". Không ai nói thằng đó ông đó dữ như cọp cái.

Tay phải Bạch Hổ thì tay trái là Thanh Long (rồng xanh). Nhà nào có Thanh Long Bạch-Hổ cân xứng thì làm ăn phát đạt theo nhà Địa-lý Phong-thủy nói vậy?. Từ đó có câu: "tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, hay Nam tả, Nữ hữu là vậy. Cũng từ suy nghĩ trên mấy thầy Phong Thủy sắp đặt mồ mả vợ chồng. Đứng trên đầu mả nhìn ra thì mả người vợ nằm bên tay phải, mả người chồng nằm bên tay trái. Bàn thờ cũng vậy, từ bàn thờ nhìn ra, nếu cả vợ chồng đều qua đời, thì ảnh vợ bên tay phải, ảnh chồng bên trái (Nam tả Nữ hữu). Hiện tại ngày nay đám cưới nhiều nhà vẫn còn giữ tập tục họ nhà trai đứng phía tay trái, họ nhà gái đứng phía tay phải, tính từ bàn thờ ngó ra. Cài hoa trên áo người đi "Họ" cũng vậy, người ngoài nhìn vào biết ngay ai là họ nhà tra, ai là họ nhà gái. Nói đến đôi tình nhân, vợ chồng khi đi bộ ra ngoài đường cũng phải Nam tả, Nữ hữu. Cũng có lý đó chứ, em bị xiêng ngã anh nâng, tay phải của anh mạnh mới ôm giữ em lại, hoặc lỡ có xe cộ tông vô, em bên trong khỏi tai nạn, còn anh bên ngoài

Trở lại vấn đề "lăn tay". Sau nầy người ta thấy vấn đề "điểm chỉ" rắc rối mà lại không chính xác rõ ràng, nên người ta lấy vân tay chính xác hơn, bằng cách bôi mực trên ngón tay trỏ, bao gồm cả đường chỉ ngang của mắt tay, rồi in trên giấy. Nhưng cũng có lúc rắc rối là dấu lăn tay bị nhòe hay đen đậm khó mà phân biệt,vì vậy phải lăn hai dấu tay khi làm giấy bài chỉ, căn cước.

Sau khi nước ta hết bị đô hộ ngoại xâm, người dân được đi học chữ Quốc ngữ, không phân biệt giàu nghèo. Do vậy mọi người đều có thể biết đọc biết viết và tự mình viết lấy rồi ký tên, không còn nhờ người khác viết giùm, nên điểm chỉ lăn tay trong văn khế không còn nữa. Tuy nhiên vấn đề lấy vân tay vẫn còn, mục đích để lưu chiếu sưu tra sau nầy khi hữu sự. Các nước văn minh khoa học tiến bộ, người ta chụp hình để lấy vân tay lưu chiếu, khi có kẻ nào tráo trở gian dối thì lấy vân tay ra đối chiếu xác minh./.

Nguyễn Diêu



Tưởng

letamanh

Rừng cây đó
Bốn mươi năm rồi vẫn thế!
Con đường xưa thay đổi với thời gian
Tỉnh Lộ 7 ngút ngàn phân người chết,
Máu quân dân cuộc "di tản" năm xưa!
Ta rưng rưng nhìn gió hút rừng thưa,
Lá xào xạc tưởng oan hồn réo gọi
Nước sông Ba vỡ òa sang pha màu đỏ
Chim rừng kêu rờn rợn cỏi hoang đường!
Từng xác thân rục nát cỏi mù sương
Lòng đất mẹ những u hoài thấm hận.
Bốn mươi năm những oan thiên trường hận,
Vết thương lòng vẫn òa vỡ mủ tanh!
Chũ nghĩa đỏ đạp chà hồn dân tộc.
Miệng hô hào vì tự do độc lập,
Gối lại quỳ dâng đất biển cho Tàu.
Ôi Việt Nam chỉ bốn chục năm sau
Đã biến dạng thành tỉnh bang Tàu Cộng!

Thu 2015
letamanh



Nam Thân tản mạn về con khỉ

LÝ LOAN

Năm nay là năm Bính Thân chúng tôi xin nói chuyện về con khỉ, tiếng Anh gọi là Monkey. Môn khảo cổ cho rằng thủy tổ của loài người là loài khỉ. Vì họ thấy con vượn, con đười ươi có chân tay mặt mày và cho con bú giống như con người, tuy có vài khác biệt là để phù hợp với hoàn cảnh và môi trường chung quanh.

Bài nầy không giám bàn về chuyện khảo cổ.

I/ XẾP LOẠI – Đời SỐNG CỦA KHỈ;

Khỉ là một động vật có vú cho con bú, nhanh nhẹn, có trí khôn. Có gần một trăm loại khỉ lớn nhỏ khác nhau, hầu hết chúng sống ở vùng nhiệt đới trên thế giới. Loại nhỏ nhất không lớn hơn con mèo như loại Pygmy marmoset, trái lại có loại cao lớn African baboons dài hơn 3 feet' [khoảng 1m,07] không kể đuôi. Con đười ươi[Ape], con Orangutang, Con vượn [gibbon] là giống người hơn cả [anthropoid] nên nhà động vật học [Zoologist] xếp chúng vào lớp động vật thượng đẳng [highest order]. Hầu hết khỉ đều có đuôi, ngoại trừ con ape. Không như các động vật khác, khỉ trông thấy xa và thấy màu sắc như mắt người, các con thượng đẳng có thể đi hai chân như người. Khỉ có thể cầm chặt đồ vật bằng cả hai tay hai chân, khỉ có trí thông minh hơn động vật khác, hay bắt chước những gì con người làm nên người ta dạy nó làm trò trong các các gánh xiếc hay trong sở thú. Khỉ được dạy thuần tính [tamed monkeys] sẽ trở nên một con vật thân cận với con người, nó có tánh tọc mạch hay bắt chước người ta hút thuốc, thắp đèn làm cháy nhà hư đồ đạt nên người ta nói "nuôi khỉ dòm nhà , nuôi ong tay áo " là vậy đó. Khỉ sống từ 15 đến 30 năm trong

sự kiểm soát của con người. Trong đời sống hoang dã người ta không biết chúng sống bao lâu. Hầu hết khỉ sống ở vùng nắng ấm, nhưng có ít loại sống ở Á Châu như ở Nhật Bản sống trong các nơi bị tuyết bao phủ vào mùa đông.

Một số loại khỉ ở Phi Châu sống trọn đời trên cành cây, thân dài mãnh khãnh dẻo dai, đuôi dài thích hợp cho chúng chuyền từ cành nầy sang cành khác. Các loại to con thích đi lang thang [roam on the ground] như các con Vượn, Đười ươi,,,

Khỉ thường ăn lá cây, đọt cây non, trái cây, sâu bọ [insects], có khi ăn trứng chim. Khỉ thường ăn vào buổi sáng và buổi chiều, nhiều khi ăn lặt vặt suốt ngày. Hầu hết chúng nghỉ ngơi trong buổi trưa. Ban đêm chúng dựa vào các gốc cây để ngủ, nơi nào không có cây thì chúng ngủ ở các hốc đá. Hầu hết khỉ sống từng bầy thân mật với nhau. Mỗi bầy như loại Baboons [khỉ lớn có mõm giống mõm chó] có tới một trăm con. Con đực bảo vệ cho bầy, con cái săn sóc các con cho đến khi khỉ con đi đứng vững vàng. Khỉ cái thường sinh một con trong một năm. Con Marmoset [loại khỉ ở Nam Mỹ] sinh hai con.

Khỉ được xếp thành hai nhóm [GROUPS]

1-The new world monkeys of Central and South America;

New world monkeys [NWM] nhỏ con và nhẹ cân hơn Old world monkeys [OWM].

NWM có 36 cái răng, OWM có 32 cái răng như người. NWM có thể nắm chặt đồ vật bằng đuôi [tail], chúng dùng đuôi để đu đưa trên cành cây thay vì dùng tay. Chỉ có giống khỉ marmoset ở Nam Mỹ có màu sắc rất đẹp là có móng chân. Con Spider monkey rất lão luyện trong việc nhào lộn [acrobat], có đuôi dài và chân dài có thể nhảy xa 30 feet. Con Capuchin monkey thường được tập luyện để trình diễn trong gánh xiệc [circus]. Giống Howler monkey có tiếng hú rất lớn có thể nghe khi đứng trong rừng cách xa nó chừng hai miles. Con Woolly monkey có bộ lông mềm mại như len.

2- Old World Monkey [OWM] -loại nầy thấy ở Africa, Borneo.

Giống nầy không thể cầm giữ đồ vật bằng cái đuôi được. Mũi của chúng hẹp hơn và bên ngoài trông giống người hơn NWM. Con Baboon [đười ươi có mõm như mõm chó] ở Africa có kích thước to lớn và có mặt giống mặt chó [dog like faces]. Con khỉ có vòi ở Borneo nhìn kỳ lạ nhất trong nhóm OWM, con đực có cái mũi to và dài gần 3 inches giống trái dưa leo [cucumber] . Con Colobuses và con Langurs có dạ dày chia ra

hai túi [sac] những con khác chỉ có một túi như người. Con Guenon monkey ở Africa có màu sắc sặc sỡ. Con Diana monkey có lưng đen [black back] râu trắng [white beard], bụng trắng, cái mông hoen rĩ đỏ.

Người ta dùng chữ Monkey ghép với cây cỏ, đồ vật v. vể gọi tên cây cỏ, đồ vật đó. .. ví dụ:

--Monkey wrench [chìa khóa vặn đinh ốc hay cái mỏ lết].

--Monkey flower [hoa mặt khỉ]. Loại cây hoa cánh hoa có hai tầng chồng lên nhau, cánh hoa có lốm đốm trông như mặt khỉ [monkey face], chúng mọc ở Nam và Bắc Mỹ, phần nhiều dọc theo bờ Thái bình dương [Pacific coast]. Monkey flower có thể trồng trong vườn, trong nhà kiến [green house] hoăc những nơi có bóng mát.

---Monkeypod tree [or rain tree] một loại cây có bóng mát rất đẹp mọc ở vùng nhiệt đới [tropical region] như ở Florida v. v .thân cây có nhiều cành dẻo dai tỏa rộng ra cho nhiều bóng mát, hoa có màu hồng và màu trắng, lá nó khép lại vào ban đêm và những ngày nhiều mây.[Theo The World book—Encyclopedia , V13.]

II/SƠ LƯỢC NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG GHI TRONG NHỮNG NĂM THÂN .

Năm Giáp thân [1944]

Trận đánh ở Leyte Gulf : giữa tháng 6 -1944 chiến hạm Mỹ tấn công Mariana Island ở Thái Bình dương, nhiều cuộc tấn công đẫm máu tiếp theo [bloodiest operations] lấy được Tinian, Guam và Saipan, cách Tokyo 1350 miles. 20/10 General Douglas Mc Arthurs troops đổ bộ lên Leyte Island ở Philippine,quân Nhật cố thủ, đồng thời xử dụng toàn hạm đội chống lại quân Mỹ ở vịnh Leyte. Hải quân Mỹ đánh chìm 4 chiến hạm Nhật, khiến Nhật không còn khả năng chống trả.

D DAY và sự bại trận của Đức quốc xã:

June 6-1944 lực lượng Đồng minh dùng mọi phương tiện thủy bộ tiến công lên đất liền ở Normandy gọi là D DAY, trong một turn chiếm hết các vị trí của quân Đức. Thừa thắng quân Đồng Minh [allied forces] càng quét qua Pháp, giải phóng Paris vào ngày 25 tháng 8 năm 1944.

NĂM BÍNH THÂN= 1956. – Dân Hungarian chống lại sự cai trị của Cọng sản nhưng bị lính của Liên Sô đàn áp và chận đứng. –Martin Luther King Jr trở thành lãnh tụ của phong

trào [movement] đòi dân quyền bất bạo động ở Mỹ . –Egypt quốc hữu hóa kinh đào Suez [suez canal]. Israel đánh chiếm lai kinh đào nầy. Sau đó lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp quốc [United Nations] can thiệp và trả lại kinh Suez cho Egypt.

NĂM MẬU THÂN -196? . – Mục sư Martin Luther King JR và thượng nghị sĩ Robert Kennedy bị ám sát chết. – Quân của khối Warsaw chiếm Prague, thủ đô của Tiệp Khắc [Czechoslovakia].

--Chiến tranh nỗ ra giữa những người theo đạo Tin lành [Protestants] và người Công giáo La mã [Roman Catholics] tại Northern Ireland.

- Trước sự biểu tình chống chiến tranh Việt nam liên tiếp xẩy ra trên khắp nước Mỹ, TT Lyndon B. Johnson tuyên bố không ra tranh cử Tổng Thống. Đảng Dân chủ đề cử ông Hubert Humphrey ra ứng cử thay cho TNS Robert Kennedy bị ám sát. Đây là cơ hội tốt cho ứng cử viên Cọng hòa Richard Nixon đắc cử Tổng thống Mỹ[1969-1974]. Thời kỳ nầy nước Mỹ rất tồi tệ về chính trị, kinh tế, xã hội Tổng thống Nixon đã đi thăm Liên Sô và Trung cọng [communist China], dịp nầy TT Nixon đã bán rẻ Miền Nam Việt Nam cho Nga Tàu.

-Năm MẬU THÂN -1968, không ai quên được sự thảm sát ba ngàn người dân vô tội tại cố đô Huế trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

-NĂM CANH THÂN -1980; Ronald Reagan được bầu làm tổng thống Mỹ quốc thay thế TT Carter.

-Chiến tranh giữa Iran và Iraq bắt đầu và kéo dài trong 8 năm.

- Nước Zimbabwe dành được độc lập, Ông Robert Mugabe lên làm Thủ Tướng.

- Lech Walesa thành lập công đoàn Đoàn Kết, tổ chức đình công cả nước, khiến chính quyền Ba lan phải nhượng bộ.

- NĂM NHÂM THÂN =1992. Bill Clinton được bầu làm TT Mỹ quốc.

Liên bang Nam Tư [Yugoslavia] bị chia ra thành năm nước nhỏ : Bosnia, Croatia , Serbia ,Montenegro và Sloveniạ [Theo world history, American History,4—6 grades]

III/CHUYỆN LINH TINH LIÊN QUAN CON KHỈ :

--Hầu Quyền : Vào cuối thế kỷ 18 Vua Quang Trung Nguyễn

Huệ dùng một thế vỏ gọi là Hầu Quyền để dạy binh lính và dân đinh của ngài, tiền thân của võ BÌNH ĐỊNH ngày nay. Hầu quyền là thế vỏ tránh né uyển chuyển, nhanh nhẹn, thân hình chạy nhảy dẻo dai như con khỉ. Đó là môn võ tự vệ, công và thủ đúng lúc, có mưu lược, có óc phán đoán kẻ địch để tiến thối kịp thời.Hầu quyền khác với Hổ Quyền của Chúa Nguyễn Ánh, Hổ quyền ít dùng mưu trí mà dùng thế tấn công dũng mãnh như cọp để hạ đối thủ .

--Chuyện ăn Óc khỉ : trước năm 1975 các chú Ba Tàu ở Chợ Lớn thường tổ chức "Nhất dạ đế vương" trong đó có môn ăn óc khỉ là dã man và rùng rợn nhất. Họ bỏ con khỉ trong cái lồng sắt cho đầu con khỉ lòi ra ngoài, người ta khoét đầu khỉ và múc óc khỉ ra ăn uống rượu mạnh. Người Thượng ở Việt Nam và người Hmong ở Lào đã từng làm thịt khỉ để ăn.

--TÔN NGộ KHÔNG là một con khỉ có 72 phép thần thông đi theo phò giá thầy Tam Tạng sang Tây Trúc thỉnh kinh, theo truyện Tây Du Ký. Truyện Bạch Viên Tôn Cát nói về con vượn trắng.

Dùng khỉ chữa bệnh: người có bệnh kinh phong hay co giựt khi lên cơn, người ta cho ôm con khỉ một lúc sẽ hết kinh phong, theo các thầy đông Y.

--Chuyện cổ tích: Một hôm người thợ săn bắt được con vượn con đem về làm thịt, vượn mẹ tìm thấy con mình bị xẻ thịt, quá đau lòng uất ức vượn mẹ ngã lăn ra chết, người ta mổ bụng thì thấy ruột của vượn mẹ đứt ra chín khúc, do sự đau lòng và thương xót quá độ. Sự đau lòng đứt ruột [đoạn trường] đó đã được các văn nhân thi sĩ đem vào thơ như sau:

"Khi tựa gối, khi cúi đầu,
"Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày "
[Kiều- Nguyễn Du].

Thái độ của Kim Trọng trong khi nghe Thúy Kiều gảy đàn là như thế nên đã khen:

"Rằng hay thì thật là hay,
"Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào"? [Kiều]

Vì bản đàn buồn đứt ruột [đoạn trường] nên người nghe đàn cảm thấy ruột dau như vò chín khúc, lấy ở điển tích con vượn mẹ ở trên. Ngoài ra người ta còn thấy điễn tích nầy được xuất hiện trong câu ca dao sau" Chiều chiều ra đứng ngõ sau ,

"Nhớ về quê mẹ ruột đau chín chìu ".

IV/NĂM CON KHỈ, TUỔI NÀO CÓ YÊU NHAU?

-Năm Bính thân, Mạng Sơn hạ hỏa [lửa dưới núi]

Đoán xem số mạng như là,
Bính thân mạng hỏa số ta như vầy,
Tuổi kim mạng hỏa số nầy
Tuổi cùng với mạng hai đây khắc rày

Tuổi con khỉ hợp với tuổi nào? Theo các nhà chiêm tinh lý số thì tuổi thân hợp với các tuổi sau đây gọi là tam hợp : thân - tý - thìn. Ba tuổi này hợp nhau, nếu nên đôi chồng vợ thì sẽ sống lâu hạnh phúc loan phụng hòa minh, sắc cầm hảo hiệp. Các tuổi nầy lấy nhau thì con đàn cháu lũ. Nếu vợ chồng hục hặc nhau, hoặc bất đồng ý kiến thì họ dễ làm hoà :

"Chồng giận thì vợ làm lành,
"Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì?
"Thưa rằng anh giận em chi,?
"Muốn lấy vợ lẻ em thì lấy cho " Ca dao.

Như thế là êm cửa êm nhà.

Ngoài tam hợp, thân sẽ xung khắc với các tuổi sau đây, các thầy Quỷ cốc gọi là Tứ hành xung. Bốn tuổi xung khắc là dần- thân- tị -hợi. Hai trong số bốn tuổi nầy mà lấy nhau, thì gia đình hay lục đục cải cọ nhau, có khi " Anh đi đường anh, tôi đường tôi, "Tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi " [Quên tên tác giả].

Tuy nhiên các tuổi trên gặp nhau không phải là xấu hết đâu. Tuổi khỉ nhờ có thiên tư sáng suốt, ưa hoạt động nên khỉ sẽ mang lại cho tuổi dần, tuổi tị, tuổi hợi sự vui cười thỏa thích như khi ta xem biểu diễn trong các đoàn xiệc. Khỉ lại có hình dáng dịu dàng, bay nhảy uyển chuyển biến nguy hiểm thành an bình, cho nên khỉ kết hợp với các tuổi khác sẽ vững tin hơn.

Ở đời ai cũng muốn có điều tốt đẹp, và sợ điều xấu xa. Nghĩ cho cùng thì tốt hay xấu đều do mình mà ra. Người ta tin có nhân quả, gieo nhân tốt thì có quả tốt. Có người đã nói "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành."[Đừng làm điều ác, hãy làm điềuthiện cho mọi người..] Nếu làm được như vậy ta sẽ thấy thoải mái và bình an trong tâm hồn và thế giới sẽ không còn người chết oan, đau khổ hận thù do bọn hình người đầu khỉ gây ra chỉ vì quyền lợi cá nhân, phe nhóm, đảng phái khát máu.

Năm mới, năm con khỉ, chúc mọi người trên quả đất nầy có cuộc sống an khang thịnh vượng. Mong lắm thay./.

LÝ LOAN. Bắc Mỹ những ngày Đông giá.

TUỔI TRẺ VN VÙNG LÊN

Vùng lên

Triều Phong Đặng Đức Bích

Ngàn cánh tay vương lên từ tuổi trẻ
Yêu nước kiên cường một dạ quyết tâm
Bảo vệ cõi bờ, giữ vững biển Đông
Chống nhu nhược, diệt quân thù xâm lược

Xin toàn dân hãy đứng về phía trước
Quyết chí vùng lên xây đắp non sông
Mang ấm no hạnh phúc đến toàn dân
Diệt tham nhũng lẫn độc tài đảng trị

Dối trá mị dân dùng từ hoa mỹ
Gạt gẫm dân lành xuất cảnh nông nô
Gả bán đàn bà trục lợi tiền đô
Đưa con du học chuyển tiền chuyển bạc

Ai về quê xin viếng thăm làng mạc
Mới thấy bà con mắt lệ tuôn trào
Cuộc sống nhọc nhằn khổ cực xiết bao
Nói chi đến tự do và dân chủ

Cơm gạo dân ăn hằng ngày chưa đủ
Lãnh đạo cấp trên cá độ thả giàn
Ăn thua mỗi lần vài triệu chơi sang
Đô la Mỹ chứ phải đâu cỏ rác

Lấy từ máu dân, xương, da, thịt, xác
Để tìm vui trong canh bạc đỏ đen
Nước Việt ơi ! thương thân phận dân hèn
Dân tộc hỡi hãy vùng lên cứu quốc

Đất nước lâm nguy chẳng màng còn mất
Quần đảo Trường Sa dâng hiến cho người
Khúc ruột Hoàng Sa dở khóc dở cười
Như con xa Mẹ tách rời nước Việt

Anh dũng hy sinh nhân tài tuấn kiệt
Đã bao lần chống lại giặc ngoại xâm
Hỡi toàn dân với ý chí quyết tâm
Cứu đất nước chống lại loài xâm lược

Triều Phong Đặng Đức Bích



Tình yêu không đến

Phan minh Lượng

Ông Hoà ngồi trên xe Bus suốt 5 tiếng đồng hồ, xe Bus mới trở về lại cái trạm Edenvale. Từ ngày mắt yếu, ông không còn muốn lái xe nữa. Ông không muốn nhờ thằng con trai út chở, nên đi đâu ông cũng leo lên xe Bus. Mới có hai tháng mà ông đã rành xe bus. Xe bus 22 thì về downtown, xe 68 về Santa Teressa, xe 76 đi SunnyvaleCũng như mọi lần, cứ bốn tuần, vào ngày chủ nhật của tuần cuối tháng, ông lại mua một cái vé "day pass" lên xe Bus lúc 10 giờ sáng, mang theo bánh mì sandwith ông làm; hai miếng bánh mì kẹp trứng ở giữa; và một chai nước lạnh; đi một vòng các thành phố San jose, Sunnyvale, Los gatos, Palo Altos. Đúng 4 giờ thì xe Bus về đến trạm Edenvale. Ông bước xuống và đến ngồi ở cái ghế chờ, chờ băng qua đường. Con đường Monterey rộng như 1 xa lộ, mỗi bên có 3 lane, ngăn cách giữa có hàng cây oak cổ thụ, có những nhánh cong queo như những con trăn khổng lồ chồm ra giữa đường. Ông Hòa thấy cần 24 giây để đi từ lề đường bên này qua bên kia, nhưng trụ chỉ báo có19 giây, nên ông phải ngừng lại ở giữa đường, ngay khoảng trống hàng cây. Và ở hàng cây này, ông thường thấy có 2 người homeless ngồi hay đứng xin tiền những xe qua lại. Ở dưới gốc cây bao giờ cũng có cái ghế gỗ cũ rích mà lúc nào cũng thấy có một ông homeless mỏi chân ngồi lên và có khi ông Hòa cũng ngồi nghỉ chơi trên cái ghế này, chuyện trò xí xô, vui vẽ. Trong số homeless, có ông Ted là dễ thương hơn cả. Mỗi lần qua đường gặp ông Ted, ông Hòa thường đứng lại chào hỏi năm ba phút và thường móc túi cho một đồng. Ông cho nhiều lần thành quen mặt. Ông Ted có lẽ chưa tới 50, người cao, ốm, có hàm râu quai nón phủ kín cái miệng móm, khi ông mở miệng nói, trông giống như

người ăn trầu nhai bỏm bẻm. Hôm nay không thấy ông Ted, có lẽ ông bịnh hay đang đứng ở cái Stop nào? Ông Hòa đang đứng lớ ngớ, bỗng nhiên có một xe Lexus trờ tới, mà người lái là một cô gái Á châu, đưa tay ra cho ông một đồng bạc và nói: God bless You. Như một người máy, ông thật bối rối, đưa tay ra như chụp lấy tờ bạc, không phải vì long ham muốn tiền mà vì sợ đồng tiền theo gió bay mất. Và ông cũng muốn nói: ông không phải,nhưng cô gái chạy mất. Ông nhìn kỹ tờ giấy bac, đó không phải đồng bạc mà là tờ hai đồng. Ông nghĩ đó là tờ bạc mang lại may mắn cho ông. Và người cho ông, ông thấy thoáng qua hình như là người con gá VN. Và một lần nữa Ông lại thấy bối rối xen một chút hối hận đã đưa tay nhận tờ giấy bạc như một người homeless.

Chỉ cần năm phút đi bộ từ trạm xe là ông đã về đến nhà. Vừa đẩy cửa bước vào nhà thì gặp ngay bà vợ già ở ngay ngưởng cửa:

- Có gì lạ ở nhà không?

- Không có gì lạ cả. Thằng Mỹ đen hàng xóm, không chịu đem hai cái thùng rác vô, tôi để ý có khi hai thùng rác đễ cả tuần ngoài đường, tôi lái xe vô nhà bị cọ quẹt cái xe trầy một chút.

Ông định mở miệng nói bà lái dở nhưng sợ đụng tự ái vợ, sinh ra cải vã ồn ào nên leo lên giường định đi ngũ. Bà đừng gọi thằng hàng xóm là thằng Mỹ đen nữa, tên nó là Wagreen. Còn thằng Mỹ trắng bên phải là Bob. Cái thằng Wagreen xấu tính không chịu đem hai cái thùng rác vô vì không muốn người khác đậu xe trước nhà nó.

-Hôm nay tôi thấy có một tai nạn hai xe tông nhau. Tôi thấy hai người tài xế bước ra khỏi xe cải vã và gọi police, police tới thì hai người lại vào ngồi bất động như ngất, police lay mới dậy trả lời, police hỏi có cần đi nhà thương không?

Như thường lệ, ông kể về chuyện ông cho ông Ted một đồng, nhưng hôm nay không thấy ông Ted đâu, và ông cũng kể tờ hai đồng cô gái cho ông.

-Bà thấy cái xe Ford đời cũ rích, cũ rác lúc nào cũng tủ cái mền phía sau, hay đậu trước nhà mình không? Ban ngày chạy đâu mất, tối 9 giờ mới về đậu. Tôi thấy tối có người chui vào ngủ, sáng chui ra. Tội nghiệp làm sao! Nghèo đến nỗi tối không có chỗ ngủ!

- Sao mà ông biết toàn người không có nhà vậy? Nên không

có ông nào chứa ông qua một đêm. Thân thiện với mấy thằng homeless, có ngày ông sẽ trả giá, đắc, rẻ chưa biết. Ông cởi bộ đồ dơ trong người ra tôi giặt luôn, đồ dơ chỉ có đủ nữa cối và Bà cũng lợi dụng cái nắng chiều còn ấm, nằm phơi mình trên hàng rào, để phơi những áo quần sấy còn ướt.

-Người chồng già ít nói, ít cải lại người vợ già của mình và ông cũng biết bà cần đồ dơ cho đủ cối nên ông đợi bà đi khuất ra garage, ông cởi bộ đồ dơ đang mặc, trần truồng như nhộng, rồi lên giường lấy tấm ra đắp lại, nằm xem TV, chờ bà sấy khô đem vô mặc. Hôm nay là ngày tổng vệ sinh của bà, cứ hai tuần một lần, ông biết trong nhà chẳng còn bộ đồ nào sạch để cho ông mặc và chẳng còn đồ dơ nào để cho bà giặt và nhà chẳng có ai ngoài Ông, Bà.

-Bà vợ bước vào từ garage, đưa cặp mắt già sắc sảo một vòng khắp phòng để tìm thêm có cái gì dơ, rồi bỗng nhiên cặp mắt của bà dừng lại trên tấm ra và bất ngờ tiện tay bà nắm lấy chéo tấm ra giựt một cái ào và nói:

-Tấm drap nầy cũng dơ giặt luôn cho đủ cối.

-Ông hét lên thất thanh như ai tạt nước sôi lên người:

-Bà làm cái gì kỳ vậy, sao không nói trước.

-Tui đâu có ngờ ông làm cái trò khỉ gì vậy. Mà tui đâu có tạt acid trên người ông mà ông la thất thanh dữ vậy. Xin lỗi, mắt tôi già rồi không thấy gì đâu. Già rồi mà còn mắc cỡ!

-Bà nói mấy ông già ở VN thì được, còn người già ở Mỹ như tui thì giây thần kinh mắc cở chưa đứt nên vẫn còn Bà nói thử ông già nào tóc bạc phơ nói với toàn dân: Hiến pháp là văn bản pháp lý cao nhất nước sau cương lĩnh đảng. Và còn nhiều người già nữa, rõ đúng như bà nói, già mà không biết mắc cỡ!

-Ông lại nói chính trị, chính em rồi, tui không nghe đâu. Sao không đứng dậy ra lấy áo quần khô mặc.

-Bà đứng đó nhìn tui làm sao tui đi. Bà quay mặt đi chỗ khác, tui sẽ đứng dậy. Nó không còn oai phong lẫm liệt như thời trai trẻ nữa đâu.

-Thằng Út chiều nay có về không? Tui thấy dạo này thằng Út lầm lỳ, ít nói. Có lẽ tại nó chưa vợ. Ở Mỹ, ông thấy khó mà kiếm vợ cho con, mà để nó kiếm mà thấy nó có kiếm đâu, suốt ngày đi làm, về nhà thì ngồi bên cái computer.

-Thằng Út bảo thứ bảy tuần sau nó giắt bạn gái nó về nhà

chơi.

-Thiệt không bà, bà nói lại có đúng như vậy không, tui mừng. Tui muốn thằng Út có vợ, tui muốn có cháu bế, tui muốn nó có nhà riêng, tui muốn nó tự lập

-Và ông có muốn tui ra khỏi nhà luôn không? Bà vợ to tiếng ngắt lời ông. Mẹ con tui phải ra khỏi cái nhà này để cho vừa lòng ông. Đừng giở giọng ông chủ trong nhà này.

* * *

Thế rồi 3 giờ chiều thứ Bảy hôm nay cũng đã đến. Hai vợ chồng ông nôn nao chờ đón thằng Út dắt bạn gái nó về nhà chơi. Mà thiệt, đúng 3 giờ thằng Út và bạn gái Nó bước vô nhà chào Ông, Bà.

-Đây là Vân bạn con. Thằng Út giới thiệu bạn gái với Ông, Bà.

-Bà lấy hộp bánh Gavottes ra mời, và Ông thì pha nước mời Vân.

-Chơi chưa được 15 phút thì Vân kiếu từ ra về. Thằng Út cũng đi theo luôn. Trong nhà chỉ còn hai Ông, Bà già bàn luận về cô gái. Bà thì bảo Vân mặc bộ đồ đen bó sát thân thể, trông đẹp đẽ, nhanh nhẹn, mái tóc đen mượt, bồng bềnh ôm khuôn mặt trái xoan, trắng trẻo, trông rất trẻ. Ông và Bà nổi lên những mơ ước: Mong thằng Út cưới được Vân, mong được mau làm Ông Nội...Khen thằng Út "lù đù" như vậy mà tán được con Vân.

* * *

Cả tháng nay không thấy thằng Út nhắc gì đến Vân từ ngày nó giắt về lần đầu. Càng ngày nó càng lầm lỳ, ít nói. Đi làm về là chun vào phòng, đóng cửa lại, ở riết trong đó. Ông, Bà hỏi chuyện của Nó và Vân tới đâu, nó không trả lời. Ông, Bà có linh cảm có chuyện gì đó đã xãy ra, như chuyện không thành cơm, thành cháo giữa thằng Út và con Vân, nhưng chuyện gì Ông, Bà không biết. Không những Ông, Bà không biết mà thằng Út cũng không.

* * *

Vân làm Realtor cho một công ty địa ốc. Vân biết cái nghề môi giới buôn bán nhà cửa đòi hỏi cái bề ngoài phải trông "sáng láng, bét mắt". Vân lúc nào cũng ăn mặc đẹp đẽ mỗi khi đi ra ngoài, đi "show" nhà cho khách hàng đi xem nhà. Vân

lái xe Mercede, xe Lexus mới toanh, thay đổi xe như thay đổi áo. Chỉ cần 2 năm một lần, Vân ra Dealer lease là Vân có xe mới. Cái nghề của Vân đòi hỏi cái bề ngoài phải: sang trọng, lộng lẫy từ cái áo, cái quần, cái xách tay, cái xe thì càng thành công, người đáng tin tưởng để có người nhờ mua giùm hay bán giùm cho cái nhà.

Sáng hôm nay Vân bước vào văn phòng địa ốc với một tấm lòng nặng triễu ưu phiền. Cái buổi chộ mặt ngày hôm qua vẫn còn làm nàng choáng váng. Vân nghe tiếng la ó, đuổi chạy rầm rập cả một góc phố chợ Food Max. Người ta nói mấy thằng say rượu ăn cắp rượu, mấy thằng homeless ăn cắp đồ ăn, gây nên cảnh náo loạn. Cái cảnh bát nháo này xảy ra thường xuyên ở đây hằng ngày không làm Vân bận tâm, nhưng kể từ hôm nay nó làm cho Vân giựt thót mình với những ám ảnh nặng triễu, đeo đuổi, bám riết nàng như đĩa đói. Nếu người homless say rượu đó là anh, là em, là cha của mình, là người thân của mình thì sao? Nghĩ đến đó Vân thấy xây xẩm cả mặt mày. Không thể chấp nhận như thế được. Vân ngồi nhìn ra cửa sổ mà tâm trí để đâu đâu. Vân nghĩ đến Út và lạ thay, nàng liền nghĩ đến ông già của Út mà nàng đã gặp ở đâu đó, và nàng cũng nghĩ đến ông homeless say rượu đang la hét, đập phá ở chợ Food Max. Hai cái suy nghĩ về người cha và người con bao giờ cũng đến cùng một lúc, không thể tách riêng ra được. Nếu quả là tình yêu của nàng dành cho Út là thứ thiệt, vàng không sợ gì lửa. Đằng này mới quen thôi. Ba tháng quen biết không đủ để cột chặt hai cuộc đời. Tuổi 30 chưa phải là hết cơ hội. Cái nghề của mình không thể mán vô những loại đó. Vân thấy lạnh cả người mặc dù sáng nay trời không có nắng, nhưng mà có sương mù, làm cho nàng không nhận thức một cái gì cho rõ ràng: Hình như cái người thanh niên đang đứng dựa trụ cột ngoài kia không phải là Út thường đứng chờ nàng, hình như người homeless, đang tiến lại gần không phải là người homeless say xỉn hằng ngày, mà hình giống như người mà nàng đã cho hai đồng ở đường Monterey. Sao trên đời có sự ngẫu nhiên khốn nạn như vậy! Sau cùng Vân đã dứt bỏ tình yêu như phủi một hột bụi trên áo, vì cho rằng tình yêu của nàng hình như không phải tình yêu thứ thiệt, nàng quên rằng tình yêu thứ thiệt phải chấp nhận những cái thiệt và không thiệt, mà nàng thì không dám phiêu lưu hay đánh đổi. Đó là lý do ông Hòa, bà Hòa, Út không hiểu tại sao Vân không đến.

Phan minh Lượng

Lap trang sö môi



Ngày đi mái tóc còn xanh
Bây giờ xem lại đã thành tuyết sương
Ngày đi tâm mang vết thương
Đến nay vẫn rỉ còn vương nhói lòng
Trách ai tạo nghiệt bất công
Miền Nam đang vững, bắt quân đầu hàng
Biến cố bảy lăm phũ phàng
Chánh thua, tà thắng, trái ngang sự đời
Bốn mươi năm quá lâu dài
Việt cộng bất lực, kém tài, vô năng
Kinh tế lạc hậu nghèo nàn
Văn minh thua kém lân bang trong vùng
Hai mươi năm sống lưu vong
Cố hương nhớ mãi ước mong ngày về
Ngày ấy nay đã gần kề
Người dân trong nước chán chê độc tài
Cai trị độc đảng lâu dài
Buôn dân bán nước, tay sai cho Tàu
Chính ông Lê-Duẫn nói câu:
Đánh Miền Nam, Mỹ, cho Tàu và Nga
Như vậy Việt-Cộng chỉ là
Đội quân đánh mướn cho Nga với Tàu
Bây giờ Nga đã đổi màu
Còn Tàu đang nuốt chư hầu Việt-Nam
Miền Nam thua trước thắng sau
Việt Cộng sắp chết mộ sau đang chờ
Người Việt chớ nên thờ ơ
Lập trang sử mới dựng cờ tự-do
Nước Việt thoát cảnh âu lo
Đại họa phương Bắc bỗi do độc tài
Xây dựng nước Việt tương lai
Tự do dân chủ độc tài tiêu tan
Người dân thoát cảnh nghèo nàn
Canh tân đất nước lên hàng văn minh./.

Đỗ Hùng

Mặn mòi hạt muối quê hương

Vũ Đình Lưu

(Viết tặng Phan Thành Hùng, người bạn xứ Mũi Rồng)

Hưng Lạc Thôn, Xã Mỹ Thành, Huyện Phù Mỹ thuộc Tỉnh Bình Định luôn nằm trong ký ức của người con lưu lạc. Quê tôi nghèo lắm vì nằm trên vùng đất cằn cổi, rất hẹp kẹt giữa núi rừng và biển. nhưng rất giàu về tình cảm ở mỗi con người được sinh ra và lớn lên cho dù không trọn vẹn của một đời người vì chinh chiến sớm đến với quê hương.

" Quê tôi có núi Kỳ Lân.
Hòn Son ai tạc, Mũi Rồng ai xây
Hòn Qui, hòn Phụng xanh ngần.
Tứ linh còn đó, chốn này còn ai "

Long – Lân – Qui – Phụng, bốn chữ hằn sâu trong lòng người tha hương.

Núi Kỳ Lân bên cạnh là Mũi Rồng hùng vĩ nhô ra khỏi bờ Thái Bình Dương tạo nên thắng cảnh tuyệt vời. Ngoài khơi cách bờ biển chừng hơn cây số còn có hòn Qui và hòn Phụng. Long – Lân – Qui – Phụng ứng vào Tứ Linh nên vùng đất này Ông Cha cho là một địa linh. Để tô thêm vẻ đẹp cho quê hương còn có Gò Son, từ những tản đá lớn đến hàng triệu viên sỏi nhỏ màu đỏ như son hiện lên khỏi động cát vàng rộng lớn óng ả.

Quê tôi còn có núi cao, sông rộng, có rừng dừa xanh mát, rừng dương liễu bạt ngàn, có động cát vàng bao la chạy dọc theo bờ biển. Có đầm Nước Ngọt, thật ra nước ở đầm vị lợ lợ, nửa mặn nửa ngọt gọi là nước "xà hai". Khi nước biển dâng cao chảy vào từ cửa biển Đề Gi nước trở nên mặn hơn. hải sản tự nhiên ở trong đầm có rất nhiều loại lạ và rất ngon.

Dân quê sinh sống bằng nghề nông, làm rẫy, trồng dừa, đánh bắt hải sản và đặc biệt sản xuất muối ăn. Trong phạm vi bài này như tựa đề tôi chỉ viết về đậm đà hạt muối quê hương.

Cách sản xuất muối có tự bao đời, nhưng từ khi hiểu biết đến bây giờ, một khoảng thời gian khá dài hơn nửa thế kỷ nhưng phương pháp không hề thay đổi. Phải chăng có thêm vài chiếc máy bơm nước. Đó là phương pháp dùng nước biển bốc hơi dưới ánh nắng nóng mặt trời kết hợp với gió mạnh, độ ẩm thấp để thành muối.



Ánh bình minh soi trên nại muối

Những ruộng muối người dân địa phương gọi là "nại muối" nằm ở gần cửa sông chảy vào đầm. Qui trình sản xuất muối hoàn toàn dựa vào sức người từ đầu cho đến cuối.

Khởi đầu người dân phải làm lại những nại muối sau mùa mưa, lụt lội. Tùy theo địa hình những thủa nại nhiều hay ít, lớn hay nhỏ. Nhưng phần lớn một nại kích cở bằng sân bóng chuyền cho đám nại thứ nhất và từ từ nhỏ dần cho đến nại thứ 4. Một qui trình sản xuất thường có 4 nại liên tiếp nhau và có địa thế từ cao xuống thấp, mặt đáy từ nại thứ 2 đến nại thứ 4 phải thật cân bằng.

Nại thứ nhất chứa nước biển tràn vào khi nước biển dâng cao vào đầm và chảy ngược lên sông. Nại này đơn sơ, sâu, lượng nước trong nại khá nhiều để nước biển lắng đọng chất dơ, từ từ bốc hơi cạn dần và cung cấp nước nhiều lần cho nại kế tiếp. Nước biển chứa ở nại này khoảng 3,4 ngày nắng gắt thì mở cống cho chảy xuống nại thứ nhì, độ sâu của nước chừng 6 cm,

nước biển ở đây cũng được hong 3,4 ngày cho bốc hơi để mặn dần rồi tháo cho chảy xuống nại thứ 3. Nại thứ 3 chứa nước có độ sâu chừng 5 cm và hong nắng 3,4 ngày sau cho nước chảy xuống nại thứ 4.



Cào muối

Thủa nại cuối cùng này người dân làm muối tốn nhiều công sức để hoàn thành. Từ bờ đến đáy nại trải sạn dày, được đầm thật kỷ, cứng như một nền xi măng nên rất sạch để có những hạt muối tinh khiết. Nước ở nại này độ sâu chừng 3,4 cm cũng được hong nắng chừng 3 ngày. Nước biển đã bốc hết hơi, kết tinh lại thành một lớp muối dày chừng 1,5 cm.

Bước sau cùng là cạo muối bằng những cái trang bằng gỗ. Khi cạo, lớp muối dày hơi ướt ấy vỡ ra thành những hạt muối lớn bằng đầu ngón tay, trắng tựa như những viên đá kim cương.

Muối được vận chuyển lên một khoảng đất trống gần đó thành những đống muối hình nón và lấy lá dừa hay tranh, rạ lợp lên để thật khô và vận chuyển khi được bán đi.

Qui trình sản xuất lần đầu lâu, nhưng sau đó nhanh dần vì nước biển ở các nại có thời gian để bốc hơi. Tất cả đều tùy thuộc vào ánh nắng của mặt trời, sức gió để có qui trình dài hay ngắn, hạt muối trắng đục hay trong, lớn hay nhỏ.

Hàng năm đến mùa nắng, những âm thanh nhịp nhàng đầm ấm vang lên từ những cái đầm mỗi sáng tinh sương để báo hiệu mùa muối bắt đầu. Và từ đây sự sinh hoạt trong làng nhộn nhịp và vui hẳn lên.



Khắc tinh của người làm muối đó là trời mưa. Thời ấy chưa có đài phát thanh truyền sóng về những vùng xa xôi hẻo lánh, nên dự báo thời tiết hoàn toàn dựa theo kinh nghiệm. Những bậc trưởng thượng thường đoán thời tiết một cách chính xác qua cách nhìn trời, nhìn mây, đoán gió, nhìn lá cây rừng, nhìn chim bay để truyền báo cho dân làng như đi biển đánh cá, làm muối. Có những buổi chiều trờ sắp đổ mưa bất chợt người làm muối tấp nập hối hả chạy nhanh đến nại của mình để cào muối đã kết tinh. Nếu cào, và bảo vệ muối không kịp sẽ có cái kết quả là con số không sau một khoảng thời gian dài hy vọng.

Nghề nào cũng có sự vất vả của nó, nhưng nghề làm muối sao thấy quá cực nhọc , tốn quá nhiều công sức vì dùng toàn sức người với dụng cụ thủ công đơn sơ. Người dân làm muối phải đối diện với cái nắng chang chang, đối diện với nước mặn bốc hơi và luôn luôn ứng phó với thời tiết nắng mưa bất chợt. Những nhọc nhằn nặng chĩu đôi vai sạm nắng, áo thấm mồ hôi khô trắng loang lổ và môi mặn để có hạt muối quê hương!

Nói đến muối quê tôi, hơn hẳn mọi nơi khác đó là hạt muối trắng hơi trong, lớn, vị muối không mặn chát mà mặn vừa phải có vị ngọt ngọt hấp dẫn.

Những người chị của tôi sau khi lập gia đình rời xa quê hương vì chiến tranh để đến nơi khác lập nghiệp như Quảng Ngãi, Phan Thiết, Phan Rí, Bình Tuy. Nhưng lúc nào cũng nhớ đến những hạt muối quê mình vì tính chất đặc biệt của nó, nên mỗi khi về thăm quê, chạp Mộ Ông Bà đều mua cả tạ muối đem theo để dành khi muối cá, làm nước mắm dùng trong gia đình hay biếu người thân. Mắm cá hay nước mắm được làm bằng

muối quê tôi có mùi vị thật thơm ngon và không có độ quá mặn mặc dù không hề pha chế như cho thêm nước, đường, chanh

Đặc biệt hơn nữa quê tôi còn có loại "muối hầm" vì tính chất đặc sắc là thơm mùi nước biển, khg quá mặn, lấy ít muối hầm nguyên chất nếm thử một lần rồi sẽ có lần thứ hai, thứ ba kế tiếp, nhất là muối chay cháy màu hồng hồng sau khi tiếp xúc với sức nóng cao của lửa ở ngoài cùng vật chứa để hầm.

Muối hầm, chữ hầm ở đây không có nghĩa là hầm mõ, hay đổ nước vào muối để nấu cho thành những hạt muối nhỏ li ti, mà chúng ta thường gọi là muối bột, muối bọt. Muối hầm quê tôi ít ai biết đến và ít ai được ăn vì làm để ăn không bán ra ngoài thị trường. Gia đình nào muốn có muối hầm để ăn sống, nêm, hay giả với ớt tươi để chấm xoài xanh, trộn với tiêu bột để ăn hột vịt lộn, trứng gà luộc hay thêm tí muối hầm vào nước dừa để có hương vị đậm đà thì tự làm lấy vào những ngày giáp Tết.

Trước hết phải chọn loại muối tốt nhất có nghĩa những hạt muối to, trắng, tinh khiết từ lúc cạo muối để dành, cất kỹ. Khi làm, bỏ muối đó vào nồi đất hay cái ấm bằng đất đã cũ, đậy nắp thật kỹ. Tiếp theo đem cái nồi này đặt (còn gọi là dần) sát cửa lò nấu bánh tét, bánh chưng. Thỉnh thoảng xoay nồi cho nóng đều. Sức nóng lớn làm những hạt muối trong nồi nổ âm ỉ cho đến hết để thành những hạt muối nhỏ li ti, đó là muối hầm. Thời gian dần để có muối hầm cũng gần bằng thời gian nấu nồi bánh tét tùy theo vật chứa lớn hay nhỏ.

Mong rằng các anh chị em cùng quê hay sanh thành nơi khác, lưu lạc khắp bốn phương trời xa lạ, có dịp nào đó mời về thăm quê hương Tứ Linh-Phù Mỹ, Bình Định để nhìn xem danh lam thắng cảnh tuyệt vời. Để thưởng thức những đặc sản quê tôi, có những món ngon mà nơi khác không hề có. Như bánh tráng giòn giòn mặc dù sau khi nhúng nước để cuốn với cá đìa và chấm với mắm xút, mắm ruột, nước mắm đục. Mỗi một loại có mùi vị đặc biệt hiếm có. Để trưa hè cát nóng, uống nước dừa Xiêm ngọt lịm bờ môi, mát lòng khách quí hay những đứa con vẫn một lòng với quê cha đất tổ.

Và để tiếp xúc với người dân lao động chân tay, miệt mài nhẫn nại, tình cảm thật thà chân chính. Quê hương ắt rằng sẽ chào mừng người khách phương xa hay mắt lệ tràn mi vui mừng đón người con xa xứ trở về hôn đất quê hương để rồi thương rồi nhớ mãi không nguôi vì biết bao giờ trở lại.

Vũ Đình Lưu / CA. Xuân 2016.

Ngày Xuân Xướng Họa

PHONG KHÊ & TRƯỜNG THỊNH

Vui Xuân 2016, Bùi Phong Khê có bài thơ như sau:

Ngày Vui

Hiện thực có về với ước mong,
Bao lâu toan tính vẫn còn không!
Hành trình "thông thoáng" chung chân bước,
Trở ngại từ đâu cũng chạnh lòng.
Năm trước họp hành coi đã đủ,
Năm này thời vận hẳn hanh thông.
Cầu mong thể hiện niềm mong ước,
Có một ngày vui với núi sông !

Xuân 2016
Bùi Phong Khê

Đọc thấy bài thơ của bạn chủ ý mù mờ, Trường Thịnh tôi cũng họa bâng quơ mấy câu và đùa chút gọi là vui xuân như sau:

Bâng Quơ

Cũng chỉ đồ treo, chớ đợi mong,
Cả tin mà mắc, hóa hư không;
Ngậm ngùi ấn kiếm trao tay bợm,
Chua chát mùi xoa nát cõi lòng.
Oan khuất trớ trêu bầu ám chướng,
Vận thời lần lựa lớp cùng thông.
Xuân xưa nào phải Xuân mình nhĩ!
Xuân đẹp còn chờ núi hẹn sông.

Vui Xuân Tặng Bùi Lão Hữu

Ngày vui, thơ bạn ý mù mờ,
Mù mờ, tớ cũng họa bâng quơ;
Bâng quơ, phóng bút rồi xem lại,
Xem lại, lòng sao cứ thẫn thờ.

Xuân Bính Thân 2016.
Trương Trường Thịnh

Chú Được !

letamanh

Tôi sinh năm Quí Mùi, 1943, thế mà mãi đến năm sau, ba tôi mới làm giấy khai sanh cho tôi. Đã thế, theo lời kể của má tôi, thì tôi sinh nhằm tháng 11 âm lịch, đúng nửa đêm ngày 30! Nếu nói nửa đêm, có nghĩa là ngày hôm sau rồi, chứ đâu còn là ngày ba mươi. Vậy thì tôi được chào đời, có thể là giờ sửu, mồng một tháng chạp. Chính cái điểm thời gian không chính xác này, nên mấy ông thầy chấm tử vi cho tôi luôn luôn đoán sai thân thế sự nghiệp của tôi. Mỗi ông đoán mỗi khác, ông thì đoán, cuộc đời của tôi rất ư là thành đạt, nhà cửa ruộng vườn ông cha để lại, nằm ngửa ăn cả đời không hết, có ông thì đoán tôi phải tha phương cầu thực, vất vả lắm, về già mới có cơ thanh nhàn...!

Má tôi nhớ giờ sanh ra tôi không chính xác, nên tôi cũng ú ớ khi nhờ ông bạn cùng trại coi giúp xem chừng nào thì được ra khỏi tù. Ông bạn tù này nổi tiếng là tay tướng số chuyên đoán cho các mệnh phụ phu nhân của Tổng thống và Tướng tá miền Nam ngày chưa đứt bóng. Lúc đầu, tôi nói ngày giờ trong tháng chạp. Ông bạn bấm tay theo các cung tử vi và nói:

Mầy nói sai rồi, nếu mầy sanh ngày 30 tháng 11, giờ tý thì mầy cao lớn, to con chứ đâu có lùn xủn như vầy! Lại nữa, nếu sanh giờ này thì răng cỏ của mầy bị sâu ăn không còn một cái, nhưng hiện giờ răng của mầy đều tốt. Có lẽ má mầy nhớ sai rồi.

Má em nói, lúc em khóc oa oa thì bà mụ tuyên bố đúng giờ tý mà!

Ừ! mà cũng không trách mấy bà già này được. Hồi mầy sanh ra là những năm miền Bắc đói khát, tụi Nhật nó khống chế tụi Tây, Đồng minh đánh nhau với Nhật. Tao sanh ra ở miền Bắc, U già nói với tao ngày sanh giờ sanh còn trật nữa là má mầy. Tao coi cho người ta thì trúng mà cho tao thì trật lất vì không biết được giờ sanh giống như mầy...Vả lại, mấy bà mụ vườn nhai trầu, làm sao đoán giờ giấc chính xác, trong thời trước năm 1945, dân ta còn lạc hậu lắm chứ đâu như bây giờ... !

Ba tôi cũng thuộc vào hạng bất thường, chẳng thế sao khi khai sanh cho tôi theo ngày tháng Dương lịch thì phóng bút nhằm vào ngày 4 tháng 7 năm 1944! Sau này qua định cư ở

Hoa Kỳ, tôi bỗng nhiên thành người tốt số. Đúng là cả nước Mỹ ăn mừng sinh nhật của tôi. Hàng năm, bao nhiêu triệu người ngước nhìn lên bầu trời đêm để thưởng thức pháo bông, nghỉ lễ mừng ngày Độc lập và sinh nhật của tôi! Hồi ở Việt Nam, có bao giờ ai nhắc đến sinh nhật của tôi và thậm chí các con tôi sinh ra cũng chẳng bao giờ được nhớ ngày, để "happy birhday" cho chúng! Thế mà sau khi được sang Mỹ, sinh nhật nào của "Ba, Má", mấy đứa con đều có quà và chúng tề tựu đông đủ. Có khi cả nhà kéo nhau đi nhà hàng, người quê tôi hay gọi là dẫn nhau đi "kéo ghế"... Thế là ngày sanh trong khai sinh của tôi coi bộ ăn khách, nên tôi cũng dễ dãi chấp nhận thành ngày sinh nhật của mình.

Vậy là ông thầy bói, lúc tôi còn nhỏ, chấm tử vi sai bét về cái mục tôi sẽ hưởng được của phụ ấm, giàu sang phú quí ở quê nhà. Có lẽ ông ta thấy cơ ngơi nhà cửa ruộng vườn của ông nội tôi bề thế, nên đoán mò cho xong chuyện. Hơn nữa, ông bà nội tôi chỉ sanh ra được có một mụn nối dõi tông đường là ba tôi, nên ai dám vào tranh chấp ngôi vị cháu đích tôn là tôi! Ông thầy bói cũng không thể nào sờ mu rùa linh đến độ đoán biết được rằng, nhà cửa ruộng vườn của ông bà tôi sẽ bị tịch thu trong thời gian Việt Minh "phóng tay phát động quần chúng" ! Trong những năm phát động giai cấp đấu tranh, Cố Bần Trung nông đoàn kết tiêu diệt Địa Chủ. Phú Hào, Ông Nội tôi suýt nữa thì bị đem ra đấu tố. Có ai từng sinh ra và lớn lên, hay sống trong vùng "liên khu 5", thì hẳn sẽ phải kinh qua thời gian chẳng bao giờ có thể quên nầy. Cao điểm của chiến dịch đấu tố mà "đảng và Bác" đưa ra phải được toàn thể nhân dân học tập và thi hành triệt để. Hồi ấy, tôi đã được tám tuổi, năm 1950 đến 1952 là thời gian toàn thể nhân dân đấu tranh với bọn cường hào ác bá, lấy lại của cải vật chất cho dân nghèo vốn bị thiểu số Địa Chủ Phú Hào tước đoạt! Ông thầy bói xem quẻ cho tôi lúc chào đời đã bị sai lạc không thể nào phân giải. Nhưng anh thầy tử vi sau, có lý hơn vì sờ trúng mu rùa, cho nên, theo đó tôi bị tha phương hàng mấy nghìn dặm, cầu thực ở một xứ sở đầy mùi hamburger!

Ông nội tôi là một tay buôn cừ khôi. Ông có chiếc ghe bầu trọng tải trăm tấn, chạy dọc theo ven biển, chở dừa, dây dừa, cá khô, muối ra bán ngoài Bắc. Các hải cảng và cửa sông dọc theo bờ biển ông đều thuộc lòng. Ông tôi, lúc có bạn bè đến thăm, thường kể lại, khi ra bán buôn ngoài Bắc cũng có lúc đi "Cô Đầu, chầu văn". Ông tôi cũng "linh tinh" nhiều khoản lắm. Ví dụ như thời gian cho ghe bầu buôn bán ở Sài gòn Nam Vang

thì đèo bòng thêm một phòng nhì. Bà "Nội Nhỏ" người Nam của tôi có lúc vì mê cái mã đẹp trai của ông tôi nên tự nguyện về quê chồng chịu phép với "Bà Lớn". Nghe nói khi tôi sanh ra, Bà Nội Nhỏ của tôi có mua cho một cái nôi thật đẹp, từ Sải Gòn chở xe lửa ra Tam Quan. Món quà ấy các em tôi sau nầy thay phiên nhau xử dụng... Bà Nội Nhỏ, một thời gian ngắn, chịu không nổi Bà Nội Lớn nên tìm cách chuồn trở lại Sài Gòn. Cũng may Bà đi sớm mấy tháng trước khi "Cách Mạng mùa Thu". Nếu bà không "dứt tình" tháo chạy thì không biết thân phận sẽ ra sao khi cùng chúng tôi sống trong vùng "kháng chiến"! Sau khi Bà Nội Nhỏ về lại Sài Gòn, ông tôi chuẩn bị hàng hóa chuyến thường xuyên Tam Quan - Sài Gòn. Ghe chưa kịp ra cửa biển, thì "Tổng khởi nghĩa mùa Thu"Thế là Ông tôi và Bà Nội Nhỏ đôi ngã chia ly! Sau năm 1954, ông nội tôi lại sắm ghe bầu đi buôn. Vào Sài Gòn, việc đầu tiên là, ông đi tìm bà Nội Nhỏ của tôi. Người thì tìm ra, nhưng đã là của người khác. Bà Nội Nhỏ tôi đã có một ông chồng người Tàu.

❦

Khi tôi biết nhận thức sự việc chung quanh, lúc nào cũng có hai người chơi với tôi, bồng bế, tắm rửa, thậm chí giành tôi đến đánh nhau. Người thứ nhất tôi gọi bằng cô, người thứ hai gọi bằng chú. Cô tôi lớn hơn tôi ba tuổi còn ông chú thì những tám tuổi. Có một điều lạ là chú tôi nói tiếng Bắc, răng đen thui. Cho nên khi nào cô tôi và chú tôi cải nhau, cô tôi thường chọc tức chú một câu: "thằng Bắc Kỳ răng đen" thế là chú nổi cộc rượt đánh cô tôi. Có khi vừa rượt, chú vừa la to: " đồ thứ con lượm nhà thương thí"! Thế là cuộc đọ sức nổ lớn, cô tôi thì bầm mặt còn chú thì bị phạt quì.

Lúc nào Bà Nội tôi cũng bênh cô tôi và xỉa xói chú tôi là ăn hiếp con gái, là thứ trâu nước không biết lễ nghĩa... Ông nội tôi lúc còn thông đường, buôn bán được, ít khi ở nhà, nên không ai che chở cho chú răng đen. Vì những trận cãi nhau như thế cho nên tôi thắc mắc về thân thế của cô tôi và chú tôi khi tôi lớn lên sau này. Thỉnh thoảng, có ông tôi ở nhà, ông tôi luôn bênh vực chú tôi và lúc nào cũng che chở, lúc nào cũng tỏ vẻ ngọt ngào với chú. Ở Tam Quan, ai cũng nói tiếng "nẩu"chỉ trừ một mình chú nói tiếng trọ trẹ Bắc Kỳ! Mà cũng lạ, ai ai ở xứ tôi cũng có hàm răng trắng mướt, chỉ có một mình chú tôi có hàm răng đen bóng một cách lạ kỳ.

Lúc nhỏ, tôi thường nhõng nhẽo đòi chú cõng trên vai lội qua sông, trèo lên tận cồn cát trắng phía Chồm Rừng để hái trái nhãn, trái sim cho tôi. Nhãn rừng và sim rừng, từng chùm nhỏ xíu ăn chát ngắt, nhưng ở cái xứ toàn dừa thì trẻ con như tôi hay thích ăn của lạ...

- Chú Được! gánh nước xong chưa đi chơi với cháu!

- Chú mầy vào xin phép bà Nội đi, không thì chú đâu dám đi chơi ...

- Bà Nội đi ăn giỗ rồi, chú dẫn cháu qua nhà ông Dân Biểu Tr. chơi với con Tranh đi. Hôm qua chơi trò đám cưới vui quá.

- Thôi đi! Vào nhà kiếm Cô Đào, bảo cô dẫn đi chơi, chú bận lắm!

Thế là tôi phải chạy vào nhà năn nỉ cô Đào dẫn tôi qua nhà ông Dân Biểu chơi với Tranh, đứa con gái trạc tuổi tôi, có nước da trắng nõn và hai lúm đồng tiền xinh xinh. Lúc ấy tôi mới có sáu tuổi mà đã xem mòi mê gái. Tôi ít khi thích đi chơi với lũ bạn con trai trong làng. Thỉnh thoảng những trò tắm sông, đá banh hay quây quần vòng tròn chơi bịt mắt bắt dê không làm tôi thích thú bằng ngồi ngắm con Tranh chơi trò bán hàng xén. Tranh bán hàng mà tôi là khách hàng, thỉnh thoảng tôi đòi mua hết không chừa một thứ gì trong cái hàng xén mà phần nhiều đều từ các bông dừa cùng những trái dừa con! Con Tranh nhõng nghẽo khi tôi ngắm nó và đòi chơi trò bác sĩ chữa bệnh.

- Tranh có thích chơi trò đám cưới nữa không hay chơi trò bác sĩ?

- Thôi đi, bữa trước D. làm bác sĩ, chích cây gai nhọn vào mông đau thí bà!

- Thì bữa nay D. chích nhẹ hơn, êm hơn...

- Muốn chơi trò đó thì phải có y viện. D. kiếm thêm mấy đứa nữa làm bệnh nhân, để Tranh làm y tá phụ với D.!

- Không, D. chỉ muốn Tranh làm bệnh nhân thôi hà!

- Thôi đi, D. chích lâu thí mồ, cứ ngồi nhìn không...!

Tôi đỏ mặt vì bất ngờ bị con Tranh biết rõ ý đồ không lấy gì tốt đẹp của tôi. Thật ra mấy hôm trước, tôi cầm cái "sa ranh" tự chế và cây gai nhọn làm kim chích cho bệnh nhân sốt rét rừng tên là Tranh, trong căn nhà làm bằng lá dừa do chú Được tạo dựng ở góc vườn. Tôi bảo Tranh trịch quần xuống, để lòi mông cho tôi thoa "alcool" trước khi chích thuốc. Màu trắng da thịt ấy, không biết sao nó làm tôi thẩn thờ, lâu lắm

tôi mới làm bổn phận bác sĩ được khi con Tranh ngó tôi hỏi sao thừ người ra vậy...!

Cái tuổi con nít của tôi và con Tranh quấn quít nhau không được bao lâu thì gia can sự nghiệp của ông Nội tôi bị máy bay Pháp tưởng kho xưởng của Việt Minh, thả xuống mấy trái bom xăng cháy rụi. Mấy năm sau nữa thì hiệp định Genève chia đôi đất nước. Con Tranh phải theo cha mẹ đi tập kết ra Bắc. Sau năm 75, khi tôi ở tù về, hỏi thăm những người tập kết có ai biết con Tranh giờ làm gì, thì được trả lời: Tranh tốt nghiệp Bác Sĩ ở Nga, sau nầy về làm tại bệnh viện Bạch Mai, chưa có chồng, bị bệnh thương hàn chết năm 1966... Một Bác Sĩ thật bị chết vì bệnh thương hàn, còn Bác Sĩ dõm thời để chỏm thì vẫn còn, vẫn nhớ đến làn da trắng của nàng lúc còn con nít...

❦

Một hôm, khi tôi đi học về, thấy cả nhà, kẻ ngồi người đứng trước cái sân lót đá hoa cương, xầm xì to nhỏ trông có vẻ bí mật lắm. Tôi lân la đến gần thì ông nội tôi bảo đem vở sách cất đi rồi ăn cơm. Tôi vừa bước đi vừa lắng tai nghe, tiếng Bà tôi nói nhỏ:

Chắc có ai xúi nó cho nên nó mới dám trốn đi, chứ nó có bà con thân thích nào nữa mà tìm...

Hồi tôi gặp nó ở chân núi Thần Phù ngoài Thanh Hóa, nó ốm như cây củi khô, gần chết đói, hỏi cha mẹ thì nó nói cha mẹ nó vừa chết hai hôm trước, không còn anh em bà con gì. Họ đều chết đói và trôi giạt nơi nầy nơi nọ. Làng của nó sanh ra hoang vắng không còn ai... Nó lạy xin cứu mạng, tôi thấy gia đình mình chỉ có một mụn con nên đem nó về nhận làm con nuôi. Nó tên Đước, khi tôi nhận nó làm con, tôi đặt lại thành chữ Được, có nghĩa là mình được con. Mà từ đó đến giờ gia đình mình ăn ở với nó đâu có gì để nó oán trách mà trốn đi!

Tiếp theo tiếng kể lể của ông nội tôi, Ba tôi nói:

Hay là nó với con Đào ngày tối cãi vả không hợp. Mẹ thì hay binh con Đào nên nó buồn nó trốn...

Mẹ nào có binh vực gì, nhưng con Đào nhỏ tuổi hơn nó. Khi mẹ vào nhà thương khám bệnh bứu dạ con thì cô y tá nói có một bé gái, mẹ nó sinh rồi bỏ trốn. Mẹ thấy nó nằm đỏ hỏn ngậm ngón tay mút mà không khóc... Mẹ xin về làm con. Tuy nó không do mẹ sinh ra nhưng thương như con ruột. Mà thằng Được là con của gia đình ta giống như mầy và con Đào. Cha

mẹ đâu có phân biệt gì!

Ông tôi thở dài:

Chắc là có một cái gì ghê gớm hơn việc nó trốn khỏi nhà mình. Phải cẩn thận tìm hiểu thử coi. Tình hình bây giờ khác trước, Họ đang động viên những gia nhân trong các nhà Địa chủ phú hào đứng ra tố khổ chủ của mình. Có thể thằng Được không ngoài kế hoạch này. Nhưng tại sao sau khi nó đi học tập chính sách của Đảng và Chính phủ gần một tháng, đêm nào về nó cũng ngồi bó gối một góc, ít khi tao thấy nó ngủ. Tao hỏi nó thì nó chỉ khóc và ậm ừ không chịu nói...

Nó không đem theo cái gì cả ngoài những quần áo chăn mền của nó. Phải biết nó nhất định không muốn ở với mình nữa thì tôi đã cho nó ít tiền...

Bà nói tức cười, đã trốn đi mà còn để cho bà biết. Thôi cứ để xem nó có trở về không, tôi chắc nó bị ai rù quến. Có thể cái thằng cha X. lãnh canh ruộng của mình ở Trung Lương xúi nó! Thằng cha X là Bí thư Đảng, thường la cà chuyện trò với thằng Được nhiều lần. Không biết nó xúi trốn đi theo nó hay làm gì, chỉ tội là thằng Được khờ quá, dễ tin...

❦

Tôi chạy một mạch vào chỗ giường ngủ của chú Được. Trên giường tre còn trơ chiếc chiếu, tủ quần áo và đồ ngủ trống không. Phía đầu giường, trên tường vôi, chỉ còn trơ lại một tấm ảnh "Hồ Chí Minh" cắt từ tờ báo Nhân Dân, dán không được ngay lắm! Tôi ngồi xuống chiếc giường và ôm mặt khóc. Mới ngày hôm qua, chú Được dẫn tôi qua nhà ông Dân Biểu Tr. chơi với con Tranh. Ông Dân Biểu vừa ở "Trung ương" về. Nghe nói ông phải đi bộ vượt qua núi rừng từ Bình Định ra họp quốc hội trong chiến khu Việt Bắc! Ông dân biểu Tr. rất ân cần thăm hỏi chú Được khi ông thấy chú dắt tôi qua chơi. Hai người dẫn nhau ra đứng ngoài hàng hiên, ông mời chú tôi điếu thuốc lá "Trường Xuân" và bật quẹt, hai người nhỏ to chuyện gì trông có vẻ bí mật lắm...

Khi tôi và con Tranh đang chơi trò nhảy giây thì tôi nghe tiếng chú Được tôi khóc. Tôi ngừng chơi, ngước sang thấy ông dân biểu đang choàng tay qua vai chú tôi. Còn chú thì cúi đầu, hai tay ôm mặt khóc thành tiếng. Ông Dân biểu vẫn bình tỉnh thì thầm bên tai chú và chú thỉnh thoảng lại lắc lắc cái đầu. Trong tất cả cuộc đối thoại ấy, tôi chỉ nghe được tiếng chú tôi:

-Ông ta thương tôi như con ruột, ông đã cứu tôi thoát chết đói, tôi không thể là người phản bội...

.....

-Tôi đã nhận ông ấy là cha thì làm sao đứng ra tố khổ!

.....

-Tôi đã được học tập chính sách... Nhưng làm sao tôi có thể tàn nhẫn như thế!

.....

-Thôi được rồi! "Đồng Chí" cho tôi suy nghĩ thêm, ngày mai tôi sẽ trả lời dứt khoát trong cuộc họp Chi Bộ!

....

Chú Được đã ra đi trước khi cuộc họp Chi Bộ Đảng bắt đầu ngày hôm sau. Hồi ấy, tôi còn nhỏ quá để có thể hiểu và thông cảm với chú Được của tôi về hành động bỏ nhà ra đi. Nhưng tôi cũng mơ hồ nhận thức được rằng, chú tôi cố tình trốn chạy một mệnh lệnh được"trên giao" cho chú là phải đứng ra trực tiếp kể tội trạng và tố khổ ông Nội tôi. Tôi có kể lại chuyện nầy cho cả nhà nghe sau khi tôi ngồi hàng giờ trên chiếc giường tre trống không còn mùi mồ hôi của chú. Ông nội tôi và Ba tôi dặn tôi không được nói với ai về những gì tôi nghe thấy ở nhà ông Dân Biểu Tr.! Cả nhà bắt đầu có những hành động cẩn thận trong giao tiếp với mọi người kể cả lúc ăn uống trong nhà.

Thời kỳ đó mọi người dân trong vùng "tự do" đều phải tiết kiệm từng hạt gạo để đem ra nuôi "bộ đội" ở chiến trường. Cho nên phải ăn độn tỷ lệ 1/3. Có nghĩa là ăn độn một phần gạo và ba phần khoai khô, khoai lang hay khoai mì xắc lát phơi khô trộn với gạo! Mỗi đêm có người rình mò nghe ngóng xem trong nhà có hội họp nhau nói xấu Đảng, hay không thi hành chính sách ăn độn... Cho nên tất cả chó đều bị ra lệnh giết ăn thịt hết, không nhà nào được nuôi chó. Lý do duy nhất để giết chó là bảo mật khi Pháp đổ bộ... Nhưng việc chính yếu là dễ bề theo dỏi tư tưởng và hành động của toàn dân.

Chú tôi trốn đi được ba ngày thì ông nội tôi bị bắt đi "cải tạo". Họ nói với gia đình là ông tôi sẽ được về nếu thành thật khai báo của cải vật chất đã bóc lột nhân dân. Ba tôi là con một nên không đi bộ đội, nhưng phải xung vào đoàn dân công gánh gạo ra tiền tuyến nuôi quân. Thế là gia đình tôi lâm vào cơn khủng hoảng về tâm lý rất phẫn uất trong âm thầm. Tôi bắt đầu bị bạn bè cùng lớp kỳ thị vì đã cứng đầu không chịu gia nhập vào hàng ngũ"cháu ngoan" để tố khổ địa chủ.

Ông tôi đã bị đem đi "cải tạo" đến khi gần có hiệp định

chia đôi đất nước mới được cho về trong tình trạng bệnh hoạn. Có thể chú Được đã trốn đi, Đảng và chính quyền địa phương bị bể kế hoạch, nên việc đưa ông tôi ra tòa án nhân dân cứ bị đình lại hoài cho đến ngày ông lê cái thân bệnh tật về nhà! Ông tôi bị bắt sau khi Pháp thả bom cháy rụi gia cang. "Đảng và chính quyền" nói rằng: "nát vỏ còn bờ tre" có nghĩa là của nổi bị cháy, nhưng của chìm thì cất giấu ở đâu phải khai ra chứ! Địa chủ phú hào thì ruộng vườn là sản phẩm bóc lột... Ông tôi làm đơn dâng hiến hết cả những ruộng vườn, nhưng nhà nước nói rằng trước khi nhà nước lấy lại ruộng vườn ấy, ông tôi phải đóng thuế nông nghiệp và phải nạp hết của chìm đang còn chôn giấu...

Sự mất tích nhiều ý nghĩa của chú Được làm cho cả nhà chúng tôi cũng bị điều tra một thời gian. Có lẽ họ nghi là ông nội tôi đem gởi chú tôi ở đâu đó. Nhưng sự vắng mặt của chú Được cũng là một niềm hãnh diện riêng của chú. Chú không được học chữ nghĩa, nhưng hành động rất nhân nghĩa...!

Sau nầy, trong đoàn quân "chiến thắng" trở về, có một người cháu phía bà nội tôi, là Thượng Tá Đức đến thăm ông bà tôi. Gia đình ông bà ba má tôi lúc sau này dời vào Sài Gòn, lánh xa vùng lửa đạn Tam Quan, chẳng còn lưu luyến ruộng vườn như xưa. Người Thượng Tá gọi Bà nội tôi bằng cô, đã gia nhập "giải phóng quân" từ khi"Cách mạng mùa Thu". Ông ta cho biết là năm 1954, tình cờ ông có gặp chú Được, hồi đó đang là Tiểu Đoàn Trưởng trong chiến trường Điện Biên Phủ. Chú tôi được"báo cáo" sau đó là đã bị thương cụt hai tay, máu ra nhiều quá mà không có phương tiện chữa trị nên đã chết sau một giờ tại ngay chiến hào! Thế là Ông Tiểu Đoàn Trưởng Lê Văn Được, con nuôi của ông nội tôi đã anh dũng hy sinh trên chiến trường. Chú tôi đã trốn tránh làm "bổn phận" đứng ra đấu tố cha nuôi của mình, để rồi gánh vác một "bổn phận khác"!

Chú tôi là người không biết một chữ i tờ, thế mà đã làm đến chức Tiểu Đoàn Trưởng một Tiểu Đoàn ngoài mặt trận chỉ trong vòng mấy năm trốn khỏi nhà! Nếu chú tôi không chết, có thể ông sẽ trở thành Tướng chỉ huy cuộc xâm nhập vào Nam. Cũng có thể, nếu là như thế, biết đâu chú cháu đã bắn nhau trên chiến trường... Mà chú Được sẽ chẳng bao giờ biết rằng, vì sao chú cháu mình bắn nhau!

letamanh

TRĂNG THU
Ngắm Bóng Chị Hằng

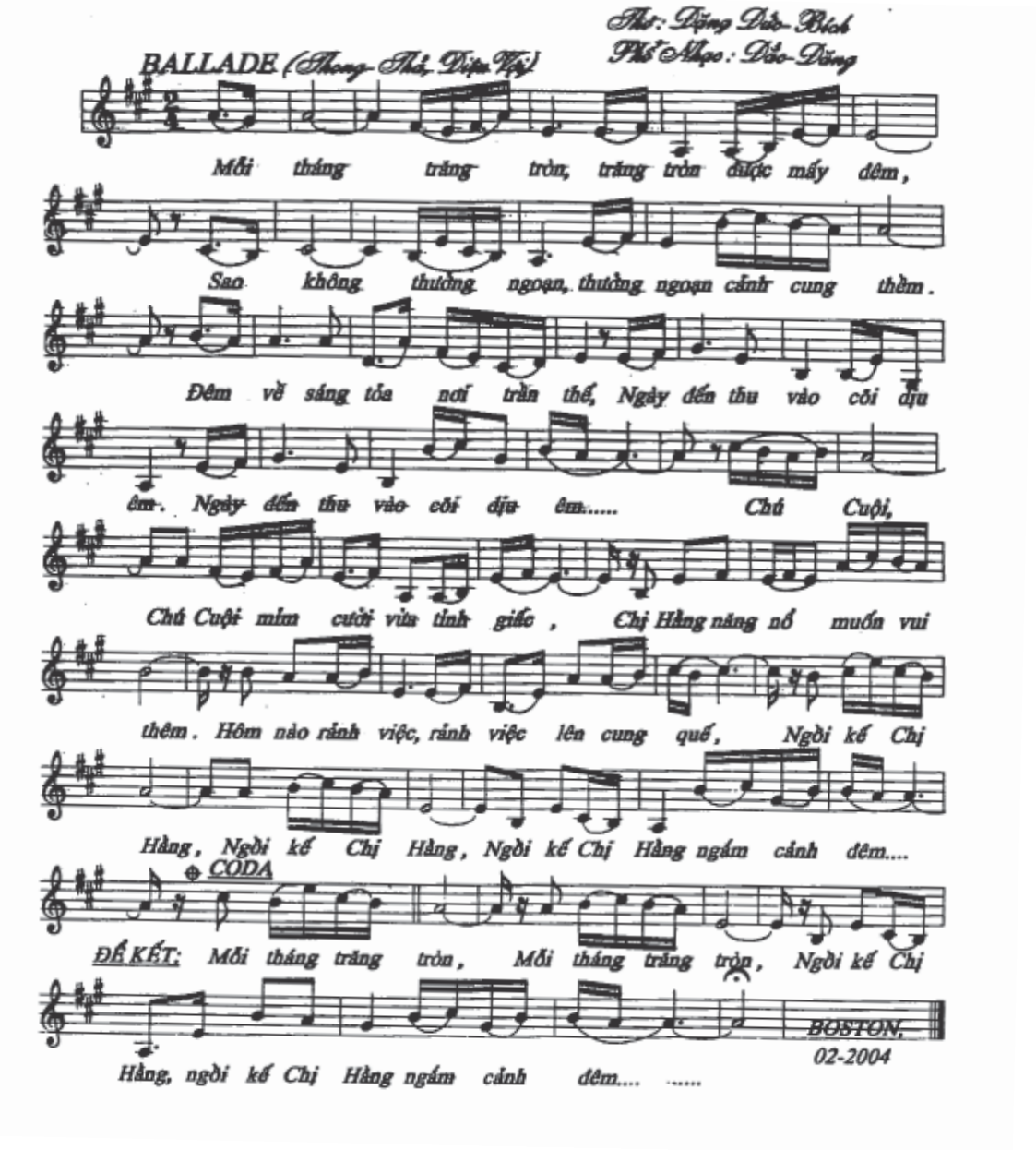



Đọc sách người xưa

TIỂU SƠN

Lão Tử viết:"Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"(Chương 56-Đạo Đức Kinh). Có nghĩa: "người biết ĐẠO không nói, người nói ĐẠO là người không biết ĐẠO" .

Người hiểu được Đạo, biết được Đạo là người có cái Tâm KHÔNG, cái tâm trống rổng như cái ống bể của thợ rèn. Chúng ta có thể nói đó là người có cái TÂM HƯ hay người HƯ TÂM.

Người nào muốn đạt đến tầm mức như vậy thì cần phải bỏ hết cái tham dục, cái ham muốn trong cuộc sống hằng ngày.

Nói như vậy, thoạt đầu thấy rất dễ dàng nhưng khi đi vào hành xử không phải dễ; mà sẽ gặp muôn vạn khó khăn, trở lực. Con người được sinh ra đã mang bản chất tầm thường của trần tục giống như mọi vật khác.

Trong khi ĐẠO là phần siêu hình của thế giới Đạo pháp, nó huyền diệu, nó mờ mờ, ảo ảo, lúc ẩn, lúc hiện không thể dùng một sự vật nào để so sánh, để diễn tả. Đó là cái nghịch lý của ĐẠO ĐỜI không bao giờ tách rời được (ngoại trừ khi chúng ta chết).

Muốn hiểu biết về ĐẠO, không có nghĩa chúng ta chỉ cần đọc nhiều sách vở, học cao hiểu rông, đậu được bằng cấp cao siêu là biết ĐẠO. Không hẳn là "có công mài sắt có ngày nên kim". Hoàn toàn không phải vậy. Thật sự mà nói là cả một cơ duyên!!!

Hằng ngày, nếu chúng ta là người đã trải nghiệm không biết là bao nhiêu gian nan, khổ ải, ách nạn trong cuộc đời rồi. Từ đó, chúng ta mới học được bài học kinh nghiệm thật cho riêng bản thân. Và nếu chúng ta chịu lấy những kinh nghiệm đó đem vào tâm trí để chiêm nghiệm, tìm hiểu cái lý lẽ tận cùng của từng sự vật, sự việc. Khi đó chúng ta có thể hiểu được những qui luật vận hành của thế giới HIỆN TƯỢNG.

Trong thế giới HIỆN TƯỢNG thì tất cả hiện tượng nào cũng

có hai mặt đối đãi nhau. Nó dịch biến luôn luôn như dòng nước chảy không ngừng. Với một dòng nước chảy không ngừng thì chúng ta có thể soi thấy được hình bóng, khuôn mặt của chúng ta chính xác không? Tất nhiên là không chính xác, bởi vì:

HIỆN TƯỢNG là thuộc thế giới tương đối, luôn bị biến hóa. Do đó, hiện tượng có đấy nhưng không thật.

Nếu chúng ta có được một cái TÂM (có nghĩa cái tấm lòng) thành thật, trong sáng, hòa nhập tự nhiên với vạn vật trong điều kiện tĩnh tâm suy xét tất cả những sự kiện xảy ra cho bản thân, hay cho những người xung quanh; thì chúng ta sẽ hiểu được những qui luật tự nhiên của vũ trụ.

Ngày nay khoa học đã chứng minh tất cả vạn vật được cấu tạo bởi nguyên tử, trong nguyên tử thì có Âm Dương.

Trong DỊCH HỌC viết: "Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh vạn vật". Đây là qui luật cấu tạo vũ trụ của môn DỊCH HỌC.

Như vậy, từ ngàn xưa cổ nhân đã nói lên được sự hình thành của vũ trụ, của vạn vật mà khởi đầu đã có Âm Dương (Lưỡng nghi tức là nghi Âm, nghi Dương).

Hình đồ Thái Cực cũng nói lên biểu tượng Âm Dương dù có xung khắc với nhau nhưng vẫn hòa hợp nhau (Dịch viết: Âm Dương xung khí dĩ vi hòa). Hình đồ Thái Cực cũng nói lên Âm Dương ở trong MỘT. Từ đó có một qui luật rất quan trọng là: "MỘT mà HAI, HAI mà MỘT" (Lưỡng nhất bất nhị hay Lưỡng nhi nhất chi).

Qua tìm tòi, học hỏi và chiêm nghiệm, chúng ta thấy được Âm Dương luôn biến hóa không ngừng trong một chu trình tăng lên, giảm xuống thường gọi là chu kỳ Tiêu Trưởng của Âm Dương (Xin lưu ý: không nên viết Âm và Dương hoặc Âm-Dương). Vì Âm cũng là Dương mà Dương cũng là Âm, lúc nó tụ là Âm, lúc nó tán là Dương. Cụ thể nước là Âm, mà hơi nước là Dương. Hoặc Vật chất biến thành năng lượng và ngược lại, tức là vật chất là Âm, năng lượng là Dương.

Bước lên một tầng mức cao hơn, người xưa thường nói: "Nhất Âm nhất Dương chi vị ĐẠO". Có nghĩa: một Âm, một Dương tức là ĐẠO.

Lão Tử đã dùng chữ ĐẠO để chỉ về thế giới siêu hình tức thế giới ĐẠO pháp. Trong chương số 1 Đạo Đức Kinh, ông viết ngay câu đầu tiên: "ĐẠO khả đạo phi thường ĐẠO". Có nghĩa: ĐẠO

mà nói lên được không còn là cái ĐẠO thường hằng.

Khi nói về ĐẠO, các bậc tiền nhân cũng đã nói là "bất khả thương nghị"(Có nghĩa Không bàn luận được).

Vậy chúng ta đã thấy rõ được ý nghĩa câu "tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri". Khi chúng ta hiểu được chúng ta không còn ngạc nhiên nữa. Lão Tử viết tiếp chương 56:

- Tắc kỳ đoài,
- Bế kỳ môn,
- Tỏa kỳ nhuệ,
- Giải kỳ phân,
- Hòa kỳ quang,
- Đồng kỳ trần.
- Thị vị HUYỀN ĐỒNG.

Có nghĩa:

_ Ngăn chặn hết các lối vào, tức là không tiếp xúc với ngoại vật, ngoại cảnh.

_Đóng hết các cửa, tức không cần nhìn trông ngoại vật, ngoại cảnh bên ngoài, nghe ngóng những tiếng động từ bên ngoài ..

Làm cùn lụt những gì bén nhọn, tức là không để lộ cái tinh nhuệ ra ngoài, không khoe tài cao, trí rộng. Gỡ các mối rối loạn trong tâm để cho tâm được thản nhiên, trong sáng. Hòa với ánh sáng tức là làm cho tinh thần minh mẫn, sáng láng. Đồng với trần tục để hòa nhập và tiến tới cái MỘT tức là đạt tới trạng thái HUYỀN ĐỒNG lần thứ nhất đúng như Lão Tử đã viết trong chương số 1 là "ĐỒNG vị chi HUYỀN".

Đây là phương pháp hành ĐẠO của Lão Tử.

Một người bình thường luôn luôn phân biệt cái nầy đúng, cái kia sai, cái nọ tốt, cái kia xấu v.v. và v.v. Đó là óc phân chia theo thế giới nhị nguyên. Chúng ta không thể chấp nhận cái gì mình không thích, chúng ta luôn luôn phân chia sự vật, sự việc ra làm hai mặt và chỉ chọn lựa có một mặt. Nếu chúng ta chọn lựa và chỉ chấp nhận một mặt thì trở nên vô nghĩa; tức là không có mặt khác thì lấy gì làm mẫu mực để so sánh.

Do vậy, chúng ta nên hòa nhập tất cả là MỘT. "Vạn vật đồng nhất thể" có ý nghĩa ở chỗ chúng ta nên chấp nhận cả hai

mặt của một vấn đề vì thiện cũng thiên lý mà ác cũng thiên lý. Âm Dương ở trong MỘT tức Thái Cực. Âm Dương cũng thuộc từ ĐẠO mà Âm Dương luôn luôn biến hóa, luôn chuyển dịch nên người xưa có câu "Âm Dương bất trắc vị chi Thần". Chúng ta cũng nên hiểu thêm Thần ở đây cũng là từ ĐẠO mà có .

Phần cuối chương 56, Lão Tử viết:

_Cố, bất khả đắc nhi thân,

_Bất khả đắc nhi sơ,

_Bất khả đáo nhi lợi,

_Bất khả đắc nhi hại,

_Bất khả đắc nhi quí,

_Bất khả đắc nhi tiện.

_Cố, vi thiên hạ quí.

Có nghĩa: Khi đạt đến cảnh giới MỘT thì:

_Không xem ai là thân thiết, là gần gũi,

_Không ai là xa cách, dửng dưng,

_Không cầu cái lợi (mà làm),

_Không ngại cái hại (mà tránh),

_Không cần cái quí trọng (mà khen),

_Không cho đó là bần tiện, xấu xa (mà chê),

_Vì vậy, mới được mọi người tôn quí.

Khi chúng ta hiểu được hai mặt của một hiện tượng hay một vấn đề, chúng ta không nên dùng lý trí để phân biệt, chọn lựa mà cần dùng cái tâm để chấp nhận cả hai mặt. Cụ thể một tấm huy chương có hai mặt (mặt trước và mặt sau); nếu chúng ta thấy mặt trước ta chấp nhận là đẹp, còn mặt sau ta coi thường vì nó gồ ghề, xấu xí. Chúng ta phải chấp nhận cả hai mới gọi được là tấm huy chương. Đó là cái Nhất Thể của tấm huy chương nói riêng và cả mọi sự, mọi vật trong vũ trụ.

Nếu chúng ta đạt tới cái TÂM NHẤT THỂ thì tất cả vũ trụ dù to lớn như một hành tinh đến cái nhỏ li ti như con vi khuẩn đều là một Thái Cực. Nhìn tổng thể thì tất cả là MỘT, nếu phân chia thì MỘT là tất cả (Xin hãy tra tự điển Hán Việt của Đào duy Anh).

Ai đạt được cảnh giới này tức là có thể nói là Huyền Đồng

lần thứ nhất đúng như câu "Đồng vị chi Huyền" (Chương 1 ĐĐK). Câu tiếp theo mà Lão Tử viết là:"Huyền chi hựu Huyền" tức là Huyền Đồng lần nữa. Đến đó Lão Tử nói tiếp: "Chúng diệu chi môn" tức là bước vào cửa ĐẠO, đi vào thế giới siêu hình.

Nói như vậy chúng ta thấy quá dễ dàng để đạt ĐẠO. Đó chỉ là trong ý nghĩ, trong suy tưởng; sự thật rất gian nan!!! Bởi lẽ Trời Đất sinh tạo chúng ta ở trong thế giới hiện tượng. Từ hiện tượng qua siêu hình, cái khoảng cách đó như một trời bể bao la, diệu vợi. Nói là bao la nhưng cũng có thể là trong tầm tay bởi vì tùy thuộc vào cơ duyên của mỗi một con người của chúng ta.

Những điều mà Lão Tử đưa ra cho nhân loại chỉ là một chiếc bè cỏn con; với một con người bình thường làm sao đủ sức can đảm vượt qua trời biển bao la kia, ngoại trừ người đó có được cơ duyên TRỜI đã ban cho mà thôi!!!

Do vậy, Lão Tử, Trang Tử và các Đạo gia khác viết ba quyển kinh là Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh và Xung hư Chân kinh đã trên 2500 năm; đến nay có được bao nhiêu người đạt ĐẠO thật sự, có lẽ chỉ đếm được trong hai bàn tay.

Người viết xin nói rõ ràng tôi chỉ tìm tòi trong sách vở của ngườI xưa rồi gạn lọc qua chiêm nghiệm từ bản thân mình, trong xóm làng và viết lên đây mong có người đọc để suy gẫm về cuộc đời. Và tôi cũng rút ra một ý nghĩ: "khi hiểu được ĐẠO thì có thể tự cởi trói cho mình, thoát ra ngoài cái vòng lẩn quẩn của trần gian. Bỏ đi tất cả cái phiền toái chính tự mình ràng buộc lấy mình vào một khuôn mẫu của con người đặt ra. Khi đó, chúng ta có thể có được những ngày sống thanh thản, nhẹ nhàng trước khi trút hơi thở cuối cùng".

Để kết thúc bài viêt, tôi xin ghi lại một bài thơ nói về cái LÝ ÂM DƯƠNG trong vũ trụ. Bài thơ nầy của tác giả Yên Ba Điểu Tấu, do ông Nguyễn duy Cần đã đăng vào quyển sách có tên "Dịch Học Tinh Hoa".

Kính mời quí độc giả đọc và chiêm nghiệm.

Dương Âm thuận nghịch diệu nan cùng,

Nhị chí hoàn hương nhứt cửu cung,

Nhược năng liễu đạt Âm Dương lý,

Thiên Địa đô lai nhứt chưởng trung./.

Manteca, ngày15-10-2015.(Ất Mùi, mồng 03-9)

TIỂU SƠN.

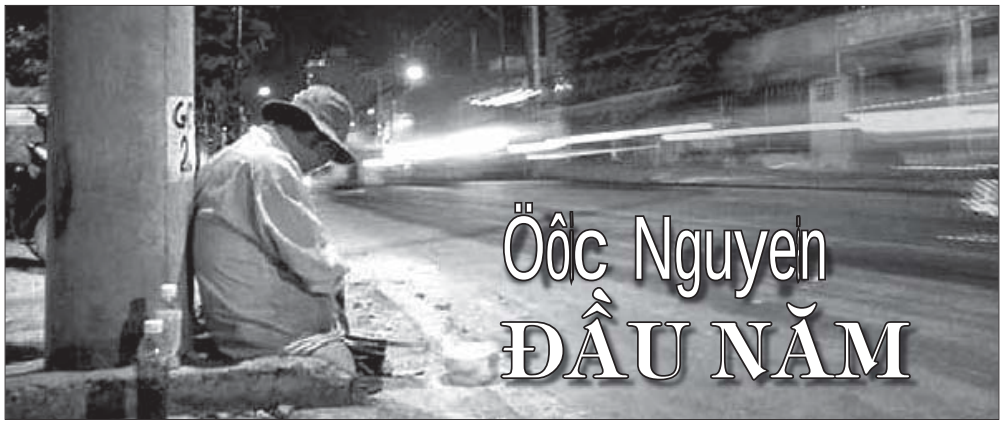

Chợt thức giấc đón mùa xuân đến
Nghe lòng đau lời nguyện ước đầu năm
Của người lính già bên bờ sông hậu
Mang tật nguyền chinh chiến trước bảy lăm

Anh xin được chết theo trong giấc ngủ
Khổ lắm rồi ở đia ngục trần gian !
Cho những ai sung sướng gọi thiên đàng
Còn anh đủ rồi mồ hôi nước mắt

Sao anh muốn chết giữa mùa xuân thắm ?
Chim reo ca người hớn hở đón chào ?
Vạn vật hồi sinh còn anh thì sao ?
Cuộc sống trầm luân nước mắt tuôn trào

Hơn bốn mươi năm hạnh phúc nơi nào ?
Bệnh tật gia đình, gạo tiền cơm áo
Anh xuôi ngược trên bến đò lơ láo
Sống từng ngày bán vé số kiếm cơm !

Và ngày đầu năm nước mắt rơm rơm
Anh nguyện chết vì đời là bể khổ ...
Anh thương phế binh Việt Nam Cọng Hòa ơi
Xin anh cứ thở ...

PHẠM MINH ANH



(Tùy bút VÕ-PHIẾN)

MẮM CUA CHUA

BBT: *Để tưởng nhớ Nhà Văn Võ-Phiến, chúng tôi xin đăng bài tùy bút " MẮM CUA CHUA" dưới đây. Trích từ Giai Phẩm Bình Định Xuân Quý Sửu 1973.*

"Gió đưa ông Đội về Tàu

Bà Đội ở lại xuống bàu bắt cua

Bắt cua làm mắm cho chua

Gởi về ông Đội đừng mua tốn tiền."

Tôi đã tìm ngược xuôi khắp hai pho sách "Tục ngữ phong dao" của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc mà không gặp thấy bốn câu ca dao ấy, bốn câu rất phổ biến ở miền quê tôi. Nói vậy, không phải tôi dám có ý trách nhà học giả quá cố đã không chú ý đầy đủ đến các sáng tác văn chương địa phương: Văn chương thiệt là một chuyện tao nhã, nhưng không phải lúc nào ta cũng có dịp nghĩ đến chuyện ấy. Điều tôi muốn tìm tòi trong sách khảo cứu của cụ Ôn Như chỉ là món mắm cua chua, một món ăn bình dân.

Ở quê tôi, ngày còn nhỏ tôi đã nghe hát và bây giờ thỉnh thoảng về thăm lại xóm làng tôi vẫn còn nghe:

À ơi .i i.. gió đưa ông Đội về Tàu

Bà Đội ở lại xuống bàu bắt cua

Bắt cua làm mắm cho chua

Gởi về ông Đội đừng mua... à tiền... tốn tiền.

Câu hát đó không lọt được vào tai cụ Ôn Như.

Khi nói đến chuyện ăn uống mà có lẫn lộn với văn chương thì phải nhớ tới Tản- Đà. Tôi bèn hướng tất cả hy vọng về phía nhà thi-sĩ giang hồ nầy. Nhưng Tản- Đà đi từ Bắc vào Nam, thưởng thức món ngon vật lạ khắp nơi, trong thi phẩm của người có câu nhắc đến rau sắn Chùa-Hương , có câu nhắc đến hà tươi cửa biển Tu-Ran, có câu nhắc đến chén mắm Long-Xuyên, chén cà Nghệ-An, lại có câu nhắc đến vị cá tra Sài-Gòn, sơn dương sò huyết Hòn-Gay, cá đối Đồng-Sành, lợn rừng Giáp-Lai mà tuyệt nhiên chẳng có câu nào đá động đến mắm cua chua. (Bước đến gần miền tôi, bỗng nhiên người nói lảng sang chuyện khác, những chuyện văn-hóa và những chuyện không thuộc về văn hóa, chuyện:

Tuồng Bình Định, rạp Phú-Phong

Và chuyện:

Đa tình con mắt Phú Yên...)

Không có trong sách biên khảo của cụ Ôn-Như, tất nhiên món đó không phải là một thứ tài liệu nghiên cứu đáng kể, lại không có trong thơ của Tản-Đà, nó cũng không có giá trị nghệ thuật nữa. Một món thực phẩm xoàng đến như thế mà tôi vẫn tha thiết, vẫn mơ tưởng đến chuyện được người nầy người kia biết tới. Vì nó là món ăn nghèo ở chỗ địa phương mình, đến nỗi – nói một cách văn hoa - nó tựa hồ như là một món thực phẩm tiêu biểu đối với quần chúng địa phương. Đi ra ngoài một tỉnh, hay đi quá vào Nam một tỉnh, đều không thấy có món ăn ấy nữa.

Món ăn tiêu biểu nầy làm bằng cua đồng. Cua đồng thỉ ở khắp trên đất nước Việt-Nam có lẽ nơi nào cũng có. Nó có thể dùng làm thức ăn bằng nhiều cách khác nhau, có thể nướng, có thể um, có thể giã ra nấu canh chua, có thể làm mắm, hoặc mắm nước, mắm xác, hoặc mắm chín. Nhưng chỉ riêng thứ mắm cua chua mới có tính cách địa phương.

Cua bắt về, người ta rửa sạch, giã ra vắt lấy nước, đổ vào hũ, cho thêm muối vào, rồi đem hũ ấy vần bên cạnh bết lửa trong vòng ba ngày ba đêm. Thế là xong. Thế là có thể gởi về Tàu! Nhưng than ôi! Nó chỉ có thể gởi theo máy bay mà thôi. Bởi vì ngoài đường hàng không ra thì gởi cách nào khác bằng đường thủy hay đường bộ, đều e rằng không về đến xứ Trung-Hoa đủ sớm để kịp dùng. Thứ mắm chua chế tạo theo

cách thức như trên, mặc dù kỹ lưỡng đến bực nào, cũng chỉ có thể dùng gấp trong một thời hạng ngắn, để lâu ngày nó sẽ thối ình lên. Thực là khổ tâm cho bà Đội có tính tiết kiệm, tôi không hiểu xưa kia bà có nghĩ đến mối trở ngại về kỷ thuật ấy chăng.

Trong phương pháp làm mắm cua chua được đời đời truyền lại, có những chỗ mơ hồ, khiến cho phương pháp ấy hóa thành một thứ bí thuật. Giã một cân cua phải pha bao nhiêu lít nước? mỗi lít nước bỏ vào bao nhiêu muối?. Đối với những chi tiết như thế không có sự chỉ dẫn rõ rệt, khi vắt nước cua người ta chỉ được vẽ:"đặc một chút" hoặc "lỏng hơn một chút nữa" khi cho muối vào có những lời khuyên "nặng tay" hoặc "nhẹ tay" một tí. Thế thôi. Vì vậy khi vần hũ mắm bên đống tro người ta cứ phập phồng không biết được kết quả sẽ ra sao. Sau một ngày đầu, thỉnh thoảng đã phải mở nắp hũ ra, hoặc để ngửi mùi mắm, hoặc để rót ra xem màu mắm, hoặc để nếm thử vị mắm, rồi tuỳ nghi quyết định có nên thêm muối nữa chăng. Rất nhiều khi qua một vài ngày người ta đã gặp ngay triệu chứng không hay: mắm trở mùi, mắm không chịu đỏ màu, mà cứ đen như mực tàu pha loãng, thế là hỏng. Nhưng biết được kịp thời thì không đến nỗi phải bỏ hũ mắm, ta có thể đổ vào trã mà kho, để làm mắm cua khai: "Khai" là một mùi bất nhã, mắm cua khai chẳng qua là một thứ mắm thành hình bất đắc dĩ để cứu vãn một sự thất bại.

Bởi vì không có một cách thức nào rõ ràng minh bạch, người làm mắm cua chua nhiều khi không thành công. Một lần hỏng như thế người ta liền tìm lý do. Đồng nầy nhiều bùn quá nên cua làm mắm không đỏ, năm nay mưa muộn, cua mén chưa kịp lớn nên vỏ nhiều, gạch ít. nhưng lý do trọng yếu nhất là ở nơi bàn tay người làm. Người ta tin rằng có những bàn tay sinh ra để có thể làm nên mắm cua chua, và có những bàn tay bất hạnh chỉ làm thối mắm mà thôi. Tôi hy vọng mối tin tưởng nầy được xếp cùng loại với những niềm tin cố hữu khác của dân tộc. Vì rằng chẳng riêng gì việc làm mắm, xưa nay người ta vẫn tin có những bàn tay trồng cây sai quả, những bàn tay nuôi heo chóng lớn, những bàn tay mát bốc thuốc mau lành bệnh, và những bàn tay nghệ sĩ, bắt được của trời, để dùng màu sắc mà thể hiện tâm tình lên khung vải v.v.

Vì vậy trong một miền nghèo cực như miền tôi, nếu đa phần đàn bà sinh ra đều ao ước "bắt được" một bàn tay làm mắm

cua chua, thì điều mơ tưởng ấy dĩ nhiên suy ra không có vẻ cao xa, nhưng cũng tạm hợp lẽ. Cua sinh đã có mùa, rồi bắt được cua mà làm nên món mắm cho được ưng ý đã là khó, đã có sự rủi may, đã phải có sự góp sức của bàn tay trời, đến khi mắm có rồi mà ngày giờ dùng nó lại có hạn định chứ không phải bất cứ lúc nào cũng được. Như thế trong cuộc sống cơ khổ của người dân nghèo ở đây sự thưởng thức nầy chắc chắn phảng phất có chút gì giống với chuyện thưởng hoa quỳnh trong một giờ của giới quyền quí.

Nói thế là không có ý muốn sánh mùi hương hoa quỳnh với mùi mắm cua chua, bởi vì mùi nầy còn tệ hơn mùi mắm cua khai một bậc nữa. Nhưng sở dĩ quần chúng gọi tên nó chỉ nhằm vào cái vị mà không nhắc đến cái mùi, tôi chắc là do ở mối cảm tình rất nặng đối với nó. Dùng mắm cua chua người ta thường dùng ớt thực cay để cho giảm bớt mùi đi. Nhưng khổ một điều là ăn xong, uống nước xong, súc miệng xong, hơi thở của thực khách vẫn còn cứ hôi. Mắm cua chua có tính là "lưu xú" rất lâu dài nơi người dùng. Bởi vậy dùng nó xong người ta phải đề phòng. Không nên trò chuyện quá gần kẻ đối thoại. Nó trở ngại cho những cuộc đàm đạo thân mật, bất cứ là thuộc về tâm sự hay về chính sự.

Ấy vậy mà :

... Gió đưa ông Đội về Tàu

Bà Đội ở lại xuống bàu bắt cua

Bắt cua làm mắm cho chua....

Chẳng biết tự bao giờ mắm cua chua đi thẳng vào ca dao, vào văn chương, từ bao giờ nó thản nhiên chan hòa lẫn lộn với ân tình. (Và cũng lẫn lộn với ít nhiều ý nghĩa chính trị nữa chứ; bởi vì người dân quê bụng dạ chất phát đã nghĩ rằng món quà đó có thể vượt ải Nam-Quan, bởi vì họ không chỉ muốn giữ riêng để dùng mà còn đem ra làm một món để tiến cống dâng lên nước lớn. Chỉ tội nghiệp cho ông Đội thực dân nào đó, món quà dân lành biếu ông mang về xứ, lần nầy khác xa với những ngà voi, sừng tê giác, và những châu báu ngọc ngà từng được kể trong sử- sách!.)

Võ-Phiến



Chiều Xuân

Ngọn gió chiều Xuân thổi lạnh
Tưởng như tiếng gọi của hồn quê
Tha hương mắt lệ mờ quan tải
Ta đến nơi đây mất lối về

Mấy Tết ly hương mấy Tết buồn
Chiều Xuân xứ lạ lệ sầu tuôn
Bao giờ đổi gió nơi nhà Việt
Để nước sông kia trở lại nguồn

Một bóng đường xa trải dặm ngàn
Nỗi buồn viễn xứ mấy quan san
Chiều Xuân pháo nổ khơi niềm nhớ
Nỗi nhớ quê xưa ngấn lệ tràn./.

Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ



Hoi Ngo Tröông Xöa

Linh Vang

Bà Thục vừa bước vào nhà con trai con dâu thì đã thấy bé Ý Nhi chạy ào ra cửa mừng bà nội. Bà nhội! Bà nhội! Bé mới học nói. Nhớ bà, nhớ bà. Bà cúi xuống bồng nó lên. Hôn má nó xong thì hỏi, con nhớ bà à? Dù bà đã nghe nó nói. Nó chỉ gục gục cái đầu như trả lời, rồi dụi mặt vào ngực bà.

"Bà có quà cho cháu nè."

Bà Thục và ông Tân - chồng bà - vừa đi chơi Hawaii về. Đi chơi xa chỉ có một tuần mà nhớ cháu quá nên khi về là tới thăm ngay.

Gần hai năm trước bà muốn giữ cháu nên đã chọn về hưu sớm khi cháu vừa ra đời. Chỉ có một cậu con và đây là đứa cháu đầu nên bà cưng cháu lắm. Ông Tân còn đi làm để có bảo hiểm sức khỏe cho cả vợ chồng vì đều chưa đủ tuổi để hưởng Medicare – một chương trình sức khỏe dành cho người đi làm đã về hưu.

Mỗi sáng trên đường đi làm, cô con dâu của bà chở bỏ đứa cháu ở nhà bà; chiều thì thằng con đi làm về ghé đón nó. Vì bà giữ cháu mỗi ngày nên con bé cũng quyến luyến, yêu quý bà. Bà cũng vui với niềm vui giữ cháu. Nhiều bà bạn của bà bảo khi tui về hưu là tui đi du lịch, chứ chuyện giữ cháu là không có tui. Bà chỉ cười cười. Có bà lại bảo bà kia, để rồi bà sẽ coi, chừng có cháu rồi thì sẽ mê cháu luôn, không cho ai khác giữ, hồi đó tui cũng nói như bà.

Về hưu ở tuổi còn khỏe mạnh để đi chơi, để giữ cháu, vui với gia đình, bà thấy mãn nguyện, hạnh phúc lắm. Thấy lần đầu đứa cháu lật, rồi bò, rồi chập chững đi những bước đầu, cũng như bập bẹ những tiếng nói đầu tiên, bà quên cả những cực nhọc khi giữ cháu - cho ăn, tắm rửa, thay tã,... – , rồi nấu cơm cho con trai, con dâu ăn. Những việc bắt bà lăng xăng cả ngày.

Bà chẳng buồn nhớ chuyện xưa, nếu mà người bạn gái đã không gọi phôn hỏi. Thụy có đi không?

Ba chục năm trước

Thục nhớ ngày đó nàng đã đau khổ khi Tuyên bắt đầu hờ hững với nàng. Nàng vẫn còn đang yêu hắn và hắn chưa hẳn đã có ai khác, chỉ là mới bắt đầu dòm ngó một cô bé còn ở trung học vì có người kể lại cho nàng nghe là Tuyên đã đến chơi nhà đó, tay ôm một bó hoa hồng nhung đỏ thẫm, dù Tuyên chưa mua cho Thục một món quà nào, nói chi là một bó hoa đắt tiền.

Người kể biết rõ Thụy là người yêu của Tuyên.

Lan nhỏ hơn Thụy khoảng 9, 10 tuổi. Trẻ, dĩ nhiên! Điểm chính là đẹp nữa. Vừa trẻ vừa đẹp! Nàng biết là nàng không nên so sánh gì cả, để khỏi phải đau đớn thêm. Trái tim nàng tan nát, mà nàng bất lực không giúp gì được cho trái tim đáng thương đó.

Khi tình yêu của Tuyên dành cho Thụy bắt đầu nhạt thị ôi! phũ phàng lắm. Có lẽ nên chấm dứt khi tình chưa đậm đà, như cô ca sĩ nên về hưu khi còn ở trên đỉnh danh vọng, để khán giả ái mộ chỉ thấy hình ảnh đẹp đẽ và nghe giọng hát còn khỏe mạnh, trong trẻo của cô. Có thể sự so sánh như thế không đúng lắm. Hắn nhìn mặt Thụy chắc chắn là chán ngấy như phải ăn cơm nguội? Thụy nhớ nàng lặng người, không còn cảm giác gì khi nhìn hắn bỏ đi, sau một trận cãi vã giữa hai người. Đó là một ngày cuối đông, trời mưa dầm dề, cảnh vật buồn bã.

Sau này nghe nói Tuyên cũng đâu tán tỉnh gì được cô bé Lan, dù bà mẹ của con bé thì mê cái bằng kỹ sư của hắn – thời ấy bằng cấp còn hiếm nên còn có giá – cũng muốn gả con cho hắn.

Những ngày sau đó, nàng đau buồn nẫu người. Ngẩn ngẩn ngơ ngơ như người mất hồn. Làm gì cũng nghĩ tới Tuyên. Nàng nhớ rằng đâu phải là hai người không có những ngày hạnh phúc yêu nhau. Những ngày mới vào đại học, còn sống nhờ vào những cái grants, những cái giốp work-study của trường. Những ngày từ trại tị nạn mới qua. Không có gia đình, người thân. Còn lạ lẫm ở xứ này. Họ biết họ cần nhau. Thế là vui!

Bao lần Thụy đi qua con đường có căn chung cư Tuyên ở. Bao lần muốn vào gõ cửa. Ngập ngừng. Quày lại. Bỏ đi. Bao lần đã phải bỏ đi.

Rồi một ngày Thụy không kềm được, bèn bắt phôn bấm số gọi cho Tuyên – những ngón tay của nàng vẫn còn nhớ con

số phôn đó. Gọi làm gì? Thụy không rõ. Thụy không chắc là nàng mong đợi hay hy vọng một điều gì. Để được nói chuyện với Tuyên ư? Nàng biết chắc là nàng chưa sẵn sàng. Có lẽ là do tò mò muốn biết Tuyên ở một mình hay với ai thì đúng hơn.

Chưa qua ba tiếng reng thì có giọng một phụ nữ trả lời – giọng trẻ và đang thở hổn hển, như chưa kịp thở, có lẽ đang bận việc chi đó ngoài sân, nghe phôn reng thì chạy vào bắt phôn.

Thụy rụt rè, sau lấy can đảm lên tiếng:

"Tôi muốn gặp ông Tuyên."

"Anh Tuyên không có ở nhà. Có chuyện gì cần nhắn lại không ạ?"

Quả là Tuyên vẫn còn ở đó, vẫn giữ số phôn đó.

Thụy ngập ngừng vài giây rồi trả lời:

"Cảm ơn! Tôi sẽ gọi lại."

Nàng không buồn hỏi người đầu dây bên kia là ai. Nàng cảm thấy cô đơn quá, muốn nói chuyện với một ai thân thiết, nhưng nhìn quanh, chẳng có ai.

Rồi năm tháng trôi quạNàng vẫn sống, dù vật vờNàng gặp Tân, Tân yêu nàng thành thật, và tỏ tình với nàng, một cách thành thật cải lương. Lúc đó, nàng cũng vừa dứt hẳn cơn đau ái tình nên đã đùa, nắm lấy tay Tân để lên ngực nàng ngay chỗ có trái tim của nàng và nói:

"Đây nè, từ nay nó là của anh, đừng làm nó rướm máu!"

Tân hứa sẽ yêu thương, săn sóc trái tim nàng. Thế là hai người lấy nhau.

Trong đống thư từ nhận được sáng nay, bà Thụy bỗng thấy một lá thư của trường xưa. Mở ra xem. Thư mời dự đại hội của cựu sinh viên Việt Nam.

Chắc cái đám bạn mà lâu nay bà chẳng liên lạc hẳn không biết cuộc sống hiện nay của bà đâu. Bà biết chắc là họ chỉ nhớ cái thời bà còn đi học và yêu Tuyên, gã sinh viên mà không phải là chồng của bà bây giờ. Bởi vì họ chỉ biết tới đó mà không biết thời gian sau này là bà cũng có một đời sống hạnh phúc như ai, và bà đã quên hẳn cái thuở xa xưa đó.

Bà chỉ có một bà bạn của thời đi học, coi như thân nhất. Cứ cho là như vậy đi vì bà không còn giao thiệp với đám bạn bè cũ. Bà Hân gọi phôn cười hỏi:

"Thụy có đi dự không? Là khóa của mình đứng ra tổ chức đó,.. mình phải đi!"

Bà nghe mà buồn cười. Làm gì mà mình phải đi. Mấy lần

tổ chức trước, cũng có nhận thư mà bà có đi dự lần nào đâu. Vào những dịp: 10 năm, 15 năm, 20 năm, 25 năm. Không có gì để bà tha thiết hết. Không nhất thiết phải gặp lại đám bạn cũ, vì lâu nay bà cũng đâu có liên lạc qua lại gì với họ. Hừm! Vậy mà hội cựu sinh viên đó vẫn biết mình ở đâu để gửi thư xin tiền và mời về thăm trường xưa, gặp bạn cũ.

Đã vậy, bà bạn này lại hỏi "vô duyên", dù có thể là một câu nói đùa:

"Biết đâu lại gặp người xưa?"

Có những người khi yêu tha thiết mà không lấy được người yêu, vì trắc trở chi đó – gia đình, tôn giáo, kẻ thoát được qua bên này, người còn kẹt lại bên Việt Nam - dù sau này đau khổ hay hạnh phúc thì vẫn nhớ người xưa. Có khi họ gặp lại nhau chỉ là để đau khổ nhìn nhau vì chàng và nàng bây giờ đã già, thời gian đã xóa nhòa hình ảnh thời xuân trẻ, chàng nhìn nàng đâu còn thấy nét xuân thì của nàng, còn nàng nhìn chàng cũng không tìm đâu ra một chàng trai trẻ lưng thẳng, bờ vai rộng, bụng lép, tóc đen, đôi mắt lanh lợi,

Có khi chàng không nhìn ra được nàng vì nàng già nua, xấu xí quá vì đời sống của nàng có quá nhiều lo âu và khổ cực! Có khi bất hạnh gặp phải một anh chồng đối xử với nàng chẳng ra gì! Đau đớn thêm nữa nếu chàng có một cuộc sống sung túc, gia đình hạnh phúc, giúp chàng còn giữ được phong độ ngày nào. Khi đó, nàng chỉ còn muốn chui xuống lỗ mà trốn chàng!

Nhưng riêng bà thì khác. Bà đâu phải là người ray rứt cho một mối tình cũ – vì nó đã không còn đẹp ngay từ lúc Tuyên bỏ bà. Mà bà cũng không muốn đám bạn nhìn bà - bà với mối tình với Tuyên, bị Tuyên bỏ rơi - rồi thương hại bà. Chẳng lẽ bà lại phải giải thích, tui có hạnh phúc, chồng tôi yêu quý tui lắm, tui có con trai, con dâu, có cháu nội quá dễ thương đây nè.

Nhìn lại người xưa? Có gì mà phải nhìn lại. Bao lâu nay bà có quan tâm chi về con người ấy. Hắn sống, buồn vui như thế nào thì có mắc mớ gì tới bà.

Dĩ nhiên là bà cũng không có lòng rộng lượng, bao dung, dù anh đã đối xử với tôi bạc bẽo như thế nào thì tôi cũng vẫn mong anh có hạnh phúc với vợ đẹp, con khôn, tiền rừng bạc bể.

Bà không về dự. Có thể bà sẽ đi cruise với chồng bà, con và cháu bà, hẳn là thú vị hơn nhiều.

Linh Vang

Quê tôi

Quê tôi có dòng sông xanh,
Có đồng ruộng lúa bao quanh xóm làng.
Lũy tre xanh mướt ven đàng,
Hàng dừa soi bóng bên dòng Côn-Giang.
Sáo diều vi vút đêm trăng,
Hát hò giã gạo nước băng lướt sòng.
Dân làng bận rộn ruộng đồng,
Ngày mùa gặt hái gieo trồng vụ sau.
Nối liền thôn xóm cây cầu,
Con mương uốn khúc vào sâu ruộng đồng.
Đò ghe xuôi ngược trên sông,
Gỗ bè đi xuống, mắm đồng ngược lên
Con-Giang gợn sóng bồng bềnh,
Thuyền câu nhỏ bé lên đênh giữa dòng.
Tinh sương le lói vừng hồng,
Dân làng hối hả ra đồng lên mương.
Học sinh tấp-nập đến trường,
Hồn nhiên trong trắng chưa vươn bụi trần.
Làng tôi trên dưới xa gần,
Tháng hai tu tảo mộ phần thanh-minh.
Hội Xuân cúng tế làng đình,
Là nơi thờ cúng thần linh vô hình.
Chợ làng nhộn nhịp bình minh,
Bán mua trao đổi, mưu sinh sống còn.
Quê tôi tuy vùng nông thôn,
Người dân no ấm sống luôn yêu đời.
Bảy lăm qua cuộc bể dâu,
Người dân phải sống cuộc đời khó khăn.
Người đông, ruộng ít, thiếu ăn,
Lại còn lo lắng băn khoăn không tiền.
Hằng ngày cái loa tuyên truyền,
Xã hội chủ nghĩa ưu tiên dân nghèo.
Nhưng ôi! chỉ là nói lèo,
Bốn mươi năm mà vẫn nghèo hơn xưa./.

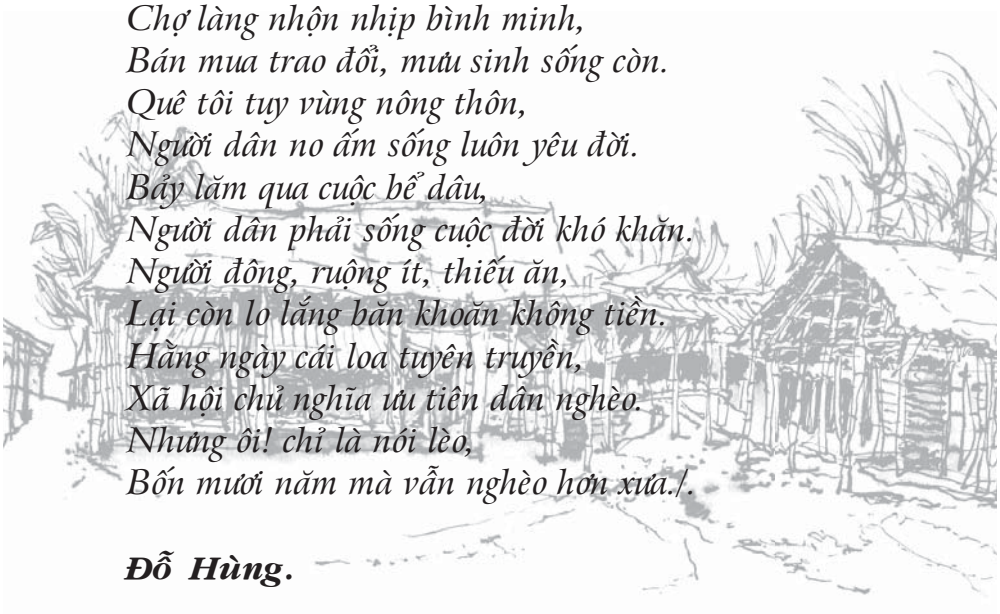

Đỗ Hùng.

GHỀNH RÁNG
và cảnh đẹp Qui Nhơn

Triều Phong Đặng Đức Bích

Du khách đến Qui nhơn, Bình Định thường thăm viếng thắng cảnh Ghềnh Ráng. Có người gọi là Gành Ráng, Ngành Ráng, nhưng trong ca dao " Lên thác xuống ghềnh", nên tên địa danh thật là Ghềnh Ráng.

Qui Nhơn được thiên nhiên ưu đãi với Ghềnh Ráng phong cảnh hữu tình. Đây là vùng đá núi chạy sát tới biển, những hòn đá lớn, nhỏ chồng chất lên nhau, trông đẹp mắt, cách thành phố bãi biển Qui Nhơn khoảng hai cây số về phía Nam. Dọc theo đường đất mòn chạy uốn lượn quanh sườn núi, du khách thấy tác phẩm nghệ thuật thiên nhiên, tạo hóa phô bày rất đẹp. Nhiều tượng đá sắp đa dạng, tượng đá hình Mặt Người, Đầu Voi, tượng đá khác hình Sư Tử đang chồm ra biển, Hòn Vọng Phu, Hòn Chồng, Hòn Vợ. Ven theo biển có nhiều hang động kỳ lạ, lại có một vùng đá xanh tròn như qủa trứng, gọi là Bãi Đá Trứng.

Từ đỉnh Ghềnh Ráng, du khách thấy xa xa là Cù Lao Xanh, với ngọn Hải Đăng nổi tiếng, hướng Đông Bắc là núi Phương Mai có tượng Trần Hưng Đạo, án ngữ cửa Đầm Thị Nai, xin nghe câu ca dao Bình Định :

Bình Định có Hòn Vọng Phu
Có Đầm Thị Nại có Cù Lao Xanh
Em về Bình Định cùng anh
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa

Bên cạnh Ghềnh Ráng là Suối Tiên. Theo truyền thuyết dân gian, có đôi nam nữ yêu nhau tha thiết, bị cường hào ức chế, được Tiên nữ xuất hiện cứu hai người chạy thoát, biến dạng vào dòng suối mát được gọi là Suối Tiên. Nơi đây có suối nước trong, cây cảnh tốt tươi, là nơi lý tưởng của du khách dừng chân viếng cảnh, thưởng thức cảnh đẹp, gió mát, ngắm trời mây và cũng là nơi hò hẹn trong mùa hè của giới học sinh, sinh viên Qui Nhơn.



Năm 1927, Bảo Đại xây ngôi biệt thự 3 từng để nghỉ mát, khi du ngoạn tỉnh Bình Định-Qui Nhơn, nhưng năm 1949, bị Cộng sản đập phá, nay chỉ còn dấu tích. Gần ngôi biệt thự là bãi tắm Hoàng Hậu.

Năm 1889, người Pháp xây ngọn Hải Đăng trên Cù Lao Xanh, có độ chiếu sáng khoảng 20 hải lý, là nơi hướng dẫn tàu bè qua lại vùng biển nầy. Dân chúng ở đây phần đông là ngư phủ làm nghề đánh cá. Một số giáo viên, công chức từ đất liền luân phiên đổi ra đây làm việc, xa nhà, nhớ người thân, với câu ca dao sau :

Cù lao Xanh thương anh ở đảo
Sông Hà Giao dạo khúc tâm tình
Mong sao hai đứa chúng mình
Như mây với nắng bóng hình có nhau

Xa xa hướng Đông Bắc là Đầm Thị Nại, đầm lớn nhất tỉnh Bình Định, chiều dài khoảng 10 km, chiều ngang độ 4 km. Các sông lớn như sông Côn, sông Hà Thanh đều chảy về đây. Đầm có nhiều cá ngon, nhất là cá Nục Vọng, cá Nục Gai, ăn không hết nên người ta phơi khô hay làm mấm. Trong đầm có Tháp Thầy Bói, vào buổi bình minh hay hoàng hôn, ánh sáng muôn màu giọi vào, tạo cảnh sương khói mờ ảo trông rất đẹp.

Tượng Trần Hưng Đạo nằm trên núi Phương Mai, Hải Minh, Qui Nhơn. Đồ án xây cất tượng đài do Kiến Trúc Sư Đàm Quang Hưng thời Việt Nam Cọng Hòa, khởi công từ năm 1972



đến năm 1973 mới hoàn tất. Tượng Đức Thánh Trần được tạc trong tư thế đứng trên thuyền rồng với áo giáp, mũ sắt, cánh tay không chỉ ra biển, cũng không chỉ vào thành phố Qui Nhơn, tay chỉ về hướng Núi Bà, hướng ra phía Bắc là hướng chỉ huy trận Bạch Đằng Giang, đánh đuổi quân Nguyên - Mông.

Ghềnh Ráng bao gồm khu mộ Hàn Mạc Tử nằm trên đồi thi nhân. Nhà thơ nổi tiếng, bị bịnh được đưa về nhà thương phong Qui Hòa chữa trị, mất lúc còn trẻ mới 28 tuổi. Theo ước nguyện của nhà thơ, năm 1969 gia đình và thân hữu đưa thi hài của nhà thơ về an táng tại Ghềnh Ráng.

Du khách đến thăm Ghềnh Ráng, không mấy ai không viếng mộ Hàn Mặc Tử, vừa thăm cảnh đẹp, vừa tưởng niệm thi nhân. Xin nghe nhà thơ tâm sự với Chị Hằng :

Ta đề chữ ngọc trên tàu lá

Sương quyện cung thiềm rớt chẳng thôi

Hoa lá say tình ngây ngất động

Lòng em hồi hộp Chị Hằng ơi

Du khách thưởng thức nhiều bãi tắm đẹp chung quanh Ghềnh Ráng:

Bãi Trứng : Còn gọi là Bãi Tắm Hoàng Hậu, cách thành phố Qui Nhơn 3 km, trước kia Nam Phương Hoàng Hậu nghỉ mát thường tắm ở đây.

Bãi Xếp : Trước là biển, sau lưng là vườn cây ăn trái, rừng dừa, rừng dương liễu, vi vu gió biển suốt ngày đêm.

Bãi Dại : là vùng hoang dại, đá lớn nhỏ chạy dài đến biển, nước trong xanh, gió mát.

Xa hơn nữa là Bãi Bàu, Bãi Nhổm, biển êm dịu, sóng vỗ nhẹ nhàng. Nhờ hai dãy núi nhô ra biển nên cát mịn, bãi sạch



sẽ, sóng nước êm đềm, gió chiều thoáng nhẹ.

Nhờ những cảnh đẹp chung quanh tạo cho Ghềnh Ráng một sắc thái đặc biệt. Ghềnh ráng còn nổi tiếng thêm nhờ tài danh của Thi sĩ Hàn Mặc Tử. Ghềnh Ráng là tác phẩm nghệ thuật thiên nhiên, là thắng cảnh du lịch đẹp nghìn đời và mãi mãi, có bãi cát trắng chạy dài, phong cảnh hữu tình, khí hậu mát mẻ.

Phía trước là biển cả trong xanh, phía sau là đồi núi với rừng dương liễu vi vu tiếng gió, bên cạnh thành phố biển Qui Nhơn dạt dào sống vỗ, được xếp vào hàng thắng cảnh nổi tiếng Việt Nam:

Ghềnh Ráng cảnh đẹp Suối Tiên
Mộ Hàn Mặc Tử trên triền đồi cao
Biển trong sóng vỗ dạt dào
Thiên nhiên hào phóng đón chào thế nhân

Triều Phong Đặng Đức Bích



Ước mong ngày về

Đinh Thành Hưng

Ước mong một ngày nào đó,
Trở về chân núi Tiểu Sơn (Núi Nghé),
Huỳnh Tuyền (Suối Nghệ) thôn dã nắng mưa hai mùa.
Dựng tịch cốc sống đời thanh tịnh,
Với vợ hiền dưới túp chòi tranh,
Đã chung thủy bao năm dài tháng rộng.
Bình minh thức dậy nghe chim hót,
Nhắp chén trà trên ghế đá, thạch bàn.
Đêm về nghe côn trùng tỉ tê rộn rả.
An giấc mộng với chuỗi ngày sau cuối!
Quên đắng cay, quên phồn hoa đô thị,
Quên đi cái ồn ào nghiệt ngã!
Quanh vườn cuốc đất, trồng rau nuôi gà,
Ăn rau quả tự tay trồng lấy.
Thỏa ước nguyện những ngày luống tuổi.
Trước khi vĩnh biệt cõi hồng trần ./.

Canh Thìn Năm 2000.

Hình ảnh
Tết Xuân Ất Mùi 2015



Vua Quang Trung.



Niệm hương



Hội Trưởng trả lời phỏng vấn của truyền thông.



Tony Dinh giới thiệu quan khách.



Quan khách tham dự tiệc.



Ban hợp ca Bình Định.



Ban Tiếp Tân.



Quý bà Bình Định.



Cố gái Bình Định.



Cố BS Trương Thế Phiệt - Hội Phó TSBĐ (trái), Ông Nguyễn Bình - Tổng Thư Ký (phải)



Ban Biên Tập Đặc San Bình Định Bắc Cali



Hình ảnh sinh hoạt.



Hình ảnh sinh hoạt Hội TSBĐ.



Quý bà Bình Định.

THÀNH BÌNH ĐỊNH
và các đời Tổng Đốc

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Tính từ ngày xây dựng thành Bình Định (1808) cho đến khi cơ quan tỉnh dời về Qui Nhơn (1934), có khoảng 30 lượt quan trấn thủ hay tổng đốc (từ 1832) trấn nhậm tại thành này. Có những vị tổng đốc chết tại thành lúc đang thi hành công vụ như Phạm Quý (1805-?), Bùi Ngọc Quỹ (1796-1861), Thân Văn Nhiếp (1804-1872), Phạm Văn Tường. Có nhiều vị tài đức hết lòng lo cho dân, nhưng cũng có không ít "quan lớn" hại dân hại nước, vết nhơ muôn đời không rửa sạch.

1 - Võ Xuân Cẩn với phép quân điền:

Ông là vị tổng đốc Bình Phú sáng giá nhất, sinh năm 1772, mất năm 1853, người huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ông đỗ cống sĩ, ở ẩn suốt thời Tây Sơn, làm quan qua bốn triều đại Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, thăng tới hàm Thái tử Thái bảo (trên nhất phẩm).

Từ năm 1833 đến 1839, ông giữ chức Tổng đốc Bình Định, nhận thấy tỉnh này có:

- Diện tích ruộng thực canh là 71.925 mẫu 9 sào 2 thước 6 tấc 1 phân 4 ly 6 hào 8 hốt (tức 35.203 ha 43 are 25 m 35 dm 67 cm 3 mm).

- Trong đó, tư điền chiếm: 65.473 mẫu 1 sào 3 thước 1 tấc 5 phân 8 ly 8 hào 8 hốt, tỷ lệ 91,03% ;

- Quan điền có: 1.633 mẫu 7 sào 8 thước 1 tấc 5 phân 7 ly 6 hào, tỷ lệ 2,27% ;

- Và công điền chỉ có: 4.819 mẫu 0 sào 6 thước 2 tấc 9 phân 8 ly 2 hào (tức 2.358 ha 63 are 26 m 81 dm 65 cm 29 mm). Như vậy, công điền (ruộng của làng dành chia cho dân đinh và lính tại ngũ) chỉ có 6,7% trong diện tích ruộng thực canh trong tỉnh [1]. Với tỷ lệ quá ít và phân phối không đều, nhiều làng không có công điền nên không thể phụ cấp cho gia đình binh sĩ, hương chức; còn dân chúng không có ruộng cày,

đời đời làm thuê cho các điền chủ.

Năm 1838, Võ Xuân Cẩn (武 春 謹) dâng sớ về triều xin cho thực hiện phép quân điền ở Bình Định. Vua Minh Mạng (明 命) và cả triều đình không muốn động chạm đến quyền tư hữu của các điền chủ tỉnh này.

Năm 1839, Võ Xuân Cẩn được triệu về kinh thăng Thượng thư bộ Hình kiêm Viện Đô Sát và làm Tổng tài bộ sử Thực lục. Ông lại dâng sớ xin lập quân điền cho tỉnh Bình Định. Vua Minh Mạng đưa ra nghị đình có đủ lục bộ. Sau khi cân nhắc về mặt đạo lý và thực tiễn, triều đình đã thống nhất đề ra nguyên tắc thực hiện. Ông và Tham tri bộ Hộ là Đoàn Uẩn được vua Minh Mạng sai phái đến Bình Định, thi hành phép quân điền để cân bằng diện tích công điền và tư điền trong 678 thôn toàn tỉnh.

Suốt cả năm trời làm việc cật lực, ông giải quyết ổn thoả từng thôn, từng chủ điền, đều vui lòng thi hành quân cấp điền thổ, gọi tắt là quân điền. Nâng tỷ lệ công điền toàn tỉnh Bình Định là 53,82%, chia ra các huyện như sau: Bồng Sơn 54,26%; Phù Mỹ 54,03%; Phù Cát 56,43%; Tuy Viễn 52,08%; Tuy Phước 52,49% [2].

Đó là lần cải cách ruộng đất duy nhất của nhà Nguyễn, và chỉ xảy ra ở tỉnh Bình Định. Nhằm tạo sự công bằng và nhân đạo, mà tác giả chính là Võ Xuân Cẩn. Biến cố Quân điền Bình Định, là cuộc cách mạng ruộng đất tốt đẹp vô tiền khoáng hậu, một việc làm hợp tình hợp lý, và nhất là hợp lòng dân. Qua sự vận động khéo léo của Võ Xuân Cẩn, cả chủ điền lẫn dân nghèo đều hoan hỉ.

2 - Nguyễn Thân với vụ án Bá hộ Huệ:

Nguyễn Thân (1840- ?) xuất thân ấm sinh, con ông Nguyễn Tấn là một võ quan dưới triều Tự Đức, quê quán ở làng Thạch Trụ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Những năm 1885 đến 1887, Nguyễn Thân tàn sát Phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam nên triều đình Đồng Khánh, thân Pháp, cho thăng chức rất nhanh. Từ năm 1891 đến 1895, Nguyễn Thân làm Tổng đốc Bình Phú, một lần nữa gây kinh hoàng cho dân Bình Định qua vụ án Bá hộ Huệ.

Ông Bùi Huệ [3] người thôn Bả Canh, tổng Thời Đôn, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay thuộc phường Đập Đá, thị xã An Nhơn), giàu có, hào hiệp, giao thiệp rộng,

mua hàm cửu phẩm nên gọi là Bá hộ Huệ. Khi Nguyễn Thân nhậm chức tổng đốc, Bá hộ Huệ đến mừng một tấm biển bằng gỗ mun, cẩn xa cừ bốn chữ 千里良人 (Thiên lý lương nhân), chung quanh chạy hoa văn đẹp mắt. Quan tổng đốc rất hài lòng về nét bút khắc hoạ theo lối đại tự, với ý nghĩa người hiền tiếng tăm bay xa ngàn dặm. Tấm biển, được treo ngay giữa phòng khánh tiết, dinh tổng đốc.

Một hôm, có nhà Nho đến thăm quan Tổng đốc, nhìn tấm biển rồi cười chúm chím. Nguyễn Thân hỏi, người ấy không nói. Gạn hỏi mãi, người ấy tìm cách nói tránh. Thấy quan lớn lộ vẻ bực tức, người ấy đứng dậy khúm núm thưa:

- Nói thật, sợ cụ lớn cho là thất lễ, rồi bắt tội!

Nguyễn Thân cam đoan miễn chấp, người ấy mới dám thưa:

- Bốn chữ Thiên lý lương nhân, mới nghe như để tán tụng đức độ của cụ lớn, nhưng thâm ý của kẻ tặng bức hoành này là dùng lối chơi chữ để chửi cụ lớn đấy.

Nguyễn Thân hỏi dồn:

- Sao? Nói rõ cho ta nghe! Ta đã hứa không bắt tội đâu.

Người ấy ung dung thưa:

- Chữ thiên 千 ghép với chữ lý 里 thành chữ trọng 重, chữ lương 良 ghép với chữ nhân 人 thành chữ thực 食. Kẻ tặng bức hoành thật là hỗn láo, dám nói cụ lớn ham ăn.

Nguyễn Thân sai lính hạ tấm biển xuống, rồi cho trát đòi Bùi Huệ chiều mai đến hầu tại dinh Tổng đốc.

Bá hộ Huệ đến thành Bình Định lúc 3 giờ chiều, đợi mãi đến quá chạng vạng mới được đòi vào. Thấy mặt Bá hộ Huệ, Nguyễn Thân xẵng giọng:

- Tại sao giờ này mới mò đến?

Bá hộ Huệ đã bực sẵn vì đợi đến 4 tiếng đồng hồ, bèn nói lớn:

- Tôi đến hầu rất sớm, chờ quan lớn từ đầu thân mút dậu, chớ đâu mới tới giờ nầy!

Nghe câu "đầu thân mút dậu" như đổ dầu vào lửa, Nguyễn Thân không nén được cơn giận, đập bàn thét lính trói Bá hộ Huệ giam vào ngục.

Công bằng mà nói, Bá hộ Huệ không hề có ý chơi xỏ quan Tổng đốc. Việc biếu tặng tấm biển đắt tiền, là để được làm quen với quan đầu tỉnh, dân chúng nể trọng. Ông không đủ

trình độ biết được bốn chữ Thiên lý lương nhân ghép thành một nghĩa khác. Ngay cả câu "đầu thân mút dậu" cũng là một thành ngữ quen thuộc ở địa phương, chỉ khoảng thời gian từ 3 giờ chiều (đầu giờ thân) đến 7 giờ tối (cuối giờ dậu).

Nằm trong ngục tối, Bá hộ Huệ không hiểu tại sao bị quan lớn đối xử như vậy. Còn đối với Nguyễn Thân, tên Huệ đã cả gan chơi xỏ mình đến hai lần, quá lắm rồi! Hắn dám mắng đích danh mình mút bộ phận sinh dục của giống đực. Hắn đáng tội chết.

Ba hôm sau, vào nửa đêm, nhà lao thành Bình Định, kiểng báo động dồn dập. Các tên tù trọng án, vượt ngục bị bắt lại, đều khai Bá hộ Huệ tổ chức cho chúng trốn thoát. Dàn cảnh thật khéo! Nhân chứng rành rành, trăm miệng một lời. Dưới lưỡi gươm tiền trảm hậu tấu của Nguyễn Thân, Bá hộ Huệ chỉ còn cách kêu oan nơi âm phủ.

3 - Bùi Xuân Huyến và Lao Tiến Sĩ:

Năm 1908, cơ quan chính quyền của tỉnh Bình Định, bên Bảo Hộ đứng đầu có Công sứ Pháp Sandré và Phó sứ Fries, đóng tại thị xã Qui Nhơn. Bên Nam triều đứng đầu có Tổng đốc Tôn Thất Đàm, Bố chánh Cao Xuân Tiêu và Án sát Huỳnh Lưu, đóng tại thành Bình Định.

Cũng trong năm ấy, Phong trào Kháng Thuế ở Bình Định tổ chức ba cuộc biểu tình nhưng đều bị đàn áp dã man:

Lần đầu, 3 người bị bắt và bị chém bêu đầu.

Lần hai, 1 người chết và hàng trăm người bị thương dưới vó ngựa của đại đội kỵ binh do Đại tá Grimaud chỉ huy.

Lần ba, lính trong thành kết hợp với lính Pháp, dẹp biểu tình bằng lưỡi lê và dùi cui, làm 30 người chết, số người bị thương lên đến vài trăm.

Ngoài ra, còn vô số kể người bị bắt, nhốt đầy nhà lao. Thế mà triều đình Huế vẫn chê Tổng đốc Tôn Thất Đạm "không có lòng lo chính sự." Ông bị ngưng chức, triệu về kinh rồi cho hưu trí [4]. Bùi Xuân Huyến đến thay (khoảng trước tháng 9 năm 1908), tiếp tục tra xét, và đối xử rất nặng tay với dân hơn người tiền nhiệm.

Trong nhà lao thành Bình Định, chật đầy nhân sĩ, khoa bảng đang bị giam cứu. Quan chức hoặc Cử nhân có các ông như: Chưởng ấn hồi hưu Lê Phổ thôn Dương Xuân, Huấn đạo

Lê Tử Văn thôn An Cửu đều thuộc phủ Tuy Phước; Ngự sử hồi hưu Đinh Văn Hoán thôn Vĩnh Thành huyện Phù Cát, Cử nhân Nguyễn Hân thôn Phú Đa huyện Phù Mỹ đều thuộc phủ Hoài Nhơn; Cử nhân Nguyễn Du thôn Phú Nông, Trần Tuyên thôn Phụng Du, Trần Hoán thôn Ngọc An đều thuộc huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn; Giải nguyên Lê Chuân (còn gọi là Truân) thôn Phú Văn huyện Hoài Ân, phủ Hoài Nhơn [5].

Tú tài có các ông: Nguyễn Duy Viên thôn Liêm Lợi, Nguyễn Đại Hưng thôn An Thạnh, Võ Văn Du thôn Tùng Giản đều ở phủ Tuy Phước; Bùi Phiên Dự và Nguyễn Thanh thôn Hoà Cư, Đào Toại và Đặng Thành Tích thôn Đại Bình đều cùng huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn; Lê Cương và Hoàng Duy Tăng thôn An Lương, Nguyễn Phác thôn Dương Liễu, Bùi Trọng Hướng thôn Bình Long đều ở huyện Phù Mỹ, phủ Hoài Nhơn; Đỗ Phác thôn Chánh Hội huyện Phù Cát phủ Hoài Nhơn [6].

Nhưng sáng giá hơn hết là Hồ Sĩ Tạo (1869-1934), vị Tiến sĩ Nho học cuối cùng của tỉnh Bình Định (khoa Giáp Thìn 1904) người thôn Hoà Cư, phủ An Nhơn. Năm 1908, ông đang chức Tri huyện Tân Định (tỉnh Khánh Hoà), về quê thọ tang thân mẫu, gặp lúc Phong trào Kháng Thuế ở tỉnh nhà đang bột phát, ông nhận làm thủ lãnh của Đồng Bào. Từ ấy, phong trào được tổ chức chặt chẽ theo hệ thống từ tỉnh đến địa phương để lo việc điều hành và tuyên vận. Trong việc từ lệnh, ông dùng ấn vuông bằng đồng, ở giữa khắc bốn chữ Nho là "Đồng Bào Dân Ký" (同胞民記) viết lối triện, phía trên có chữ "Bình" và phía dưới là chữ "Định" bằng quốc ngữ. Vì bận việc cư tang, ông chỉ lãnh đạo một thời gian cho có quy củ, rồi giao ấn tín cho Huỳnh Vân (huyện Phù Mỹ) và chỉ âm thầm làm cố vấn.

Tháng 9 năm 1908, bản án Phong trào Kháng Thuế Bình Định do án sát Bùi Giảng lập và Tổng đốc Bùi Xuân Huyến đứng tên đệ nạp về triều gồm 1 án trảm bêu đầu và 10 án trảm lập quyết, trong đó có Hồ Sĩ Tạo. Quan bộ Hình thấy bản án do địa phương đề nghị quá nặng, bèn viết sớ tâu:

"... Nay nếu y hết theo án xử, quốc gia có chỗ bất nhẫn, huống chi cứu luật mưu bạn, cũng không có chữ lập quyết, mà tỉnh ấy xin xử quyết đến 10 tên, là trái ý luật; vả lại tiết thứ tỉnh ấy đã xử quyết một số đông, e trái với ý chí để gây lấy hoà khí. Hiện nay hạt ấy đều đã ninh thiếp, đối với các người can khoản, nghĩ nên đệ giảm, để tỏ sự khoan tuất." [7]

Hồ Sĩ Tạo được triều đình cải án trảm lập quyết thành giảo giam hậu. Ông ngồi ngục tù ở thành Bình Định suốt 12 năm,

người đời quen gọi là Lao Tiến Sĩ. Niên hiệu Khải Định thứ 5 (1920), ông mới được ân xá và cho khôi phục nguyên hàm.

Dưới đây, sao chép lại câu đối bằng chữ Nho đề trong ảnh, chúng tôi không viết dọc như nguyên tác, mà viết hàng ngang



H 2: Tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo (1869- 1934), Ảnh thờ, chụp năm 1932.

và từ trái sang phải: [8]

保大壬申春。

我独何為多事哉!

少負虛名士,繼作官場奴,間憂失於國衷囚,

紅裝,粉面,漆身,半旹已成三変劫;

今可以告無罪矣。

朝出耕田翁,暮入灌園叟,夜靜卧聽家兒讀,

琴侶,詩朋,酒友,餘生還問幾知音。

藍江主人自題

Bảo Đại Nhâm Thân xuân (hàng ngang trên ảnh)

Ngã độc hà vi đa sự tai! Thiếu phụ hư danh sĩ, kế tác quan

trường nô, gian ưu thất ư quốc trung tù, hồng trang, phấn diện, tất thân, bán thế dĩ thành tam biến kiếp; (hàng dọc bên phải)

Kim khả dĩ cáo vô tội hĩ! Triêu xuất canh điền ông, mộ nhập quán viên tẩu, dạ tĩnh ngọa thính gia nhi độc, cầm lữ, thi bằng, tửu hữu, dư sinh hoàn vấn kỷ tri âm? (hàng dọc bên trái)

Lam Giang chủ nhân tự đề. (hàng ngang dưới ảnh)

Việt Thao dịch:

Bảo Đại (niên hiệu thứ 7), mùa xuân năm Nhâm Thân (1932).

Riêng ta sao lại gặp lắm chuyện thay! Lúc trẻ mang danh hão kẻ sĩ, tiếp đến làm quan phục vụ dân, đang để tang mẹ thì bị tù vì lòng trung với nước. Áo đỏ, mặt trắng, thân đen, mới nửa đời người mà đã ba lần thay đổi phận kiếp;

Nay có thể thưa là không tội vậy. Sáng rời nhà làm ông thợ cày, chiều về nhà là lão tưới vườn, đêm thanh vắng nằm lắng nghe tiếng đọc sách của con mình. Bạn đàn, bạn thơ, bạn rượu, trong kiếp sống thừa thử hỏi còn được mấy kẻ tri âm?

Chủ nhân tên hiệu là Lam Giang tự mình viết lên ảnh.

4 - Nguyễn Đình Hiến với lòng yêu nước thương dân:

Nguyễn Đình Hiến (1872- 1947) người thôn Lộc Đông, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đỗ Phó bảng khoa Tân Sửu (1901). Làm Tổng đốc Bình Định khoảng những năm 1926, 1927. Ông hết lòng lo cho dân Bình Định, và đối đãi đặc biệt với các chí sĩ địa phương.

Năm 1926, Đồng Sĩ Bình (1904-1934), một chí sĩ cận đại, người thôn Mậu Tài, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, làm thông phán toà sứ Qui Nhơn. Ông là người đầu tiên công khai viếng mộ Mai Xuân Thưởng với câu đối điếu:

敗陣而不降, 雄心漂宇宙, 到底戰窮力竭,
兵散勢孤, 縱使國運方隆, 烈士乎甘含恨血;
斷頭猶能笑, 義氣冠乾坤, 自來專制雲雷,
人亡事沒, 那識世心莫淡, 後生傷為赫其名。

越南革命元年, 孟冬日,
後生同志同士評揮淚哭。

Bại trận nhi bất hàng, hùng tâm phiêu vũ trụ, đáo để chiến cùng lực kiệt,

binh tán thế cô, túng sử quốc vận phương long, liệt sĩ hồ cam hàm hận huyết;

Đoạn đầu do năng tiếu, nghĩa khí quán càn khôn, tự lai chuyên chế vân lôi,

nhơn vong sự một, ná thức thế tâm mạc đạm, hậu sanh thương vị hích kỳ danh!

Việt Nam Cách Mạng nguyên niên, mạnh đông nhật,

Hậu sanh đồng chí Đồng Sĩ Bình huy lụy khốc.

Việt Thao dịch:

Thua trận chẳng chịu hàng, tâm hùng bay vũ trụ, chiến đấu đến cùng lực kiệt, quân tan thế rã, giá như vận nước còn hưng, liệt sĩ sao đành ôm nuốt hận;

Chém đầu còn cười cợt, nghĩa khí thấu đất trời, mặc cho ràng buộc lưới giăng, người mất việc không, vốn biết lòng người không bạc, đời sau còn nhắc tiếng tăm người!

Việt Nam Cách Mạng năm đầu, ngày tháng 10 âm lịch,
Đồng Sĩ Bình là đồng chí hậu sanh gạt nước mắt khóc.

Năm 1927, họ Đồng bị bắt, giam tại nhà lao tỉnh thành Bình Định, được Tổng đốc Nguyễn Đình Hiến đối xử tử tế. Ngày ba bữa cơm rượu do người nhà của quan Tổng đốc mang đến. Những lúc rỗi rảnh, Nguyễn Đình Hiến xuống tận nhà lao thăm viếng, hoặc mời chí sĩ lên tư dinh bàn luận văn chương. Tương truyền, có lần quan Tổng đọc lời khai của họ Đồng, văn phong khí khái, ông cao hứng cầm bút khuyên đỏ cả mặt giấy, sực nhớ đây là hồ sơ thụ lý, phải nhờ Chí sĩ chép lại.

Viên Công sứ biết được sự việc, sợ quan Tổng tìm cách tha cho họ Đồng, bèn làm tờ trình lên viên Khâm sứ Trung Kỳ, yêu cầu triều đình Huế rút Nguyễn Đình Hiến về kinh.

5 - Vương Tử Đại với vụ Bình Thành Thập Thủ:

Vương Tử Đại xuất thân từ Thông ngôn tòa Sứ, làm Tổng đốc Bình Phú dưới triều Bảo Đại (1926-1945), cùng lúc với Nguyễn Bá Trác giữ chức Bố chánh cũng tại tỉnh này. Quan Tổng đốc ỷ thế thân Tây, ra mặt hách dịch với mọi người. Còn quan Bố, xuất thân từ khoa bảng (Cử nhân khoa Bính Ngọ, 1906), tham gia Phong trào Đông Du, sau ra đầu thú nên được trọng dụng. Tuy cùng là quan lớn của một tỉnh, nhưng hai bên lại ghét nhau. Quan Bố làm 10 bài tứ tuyệt gọi là Bình Thành Thập Thủ, kể 10 vụ bất chính của quan Tổng, phổ biến bằng

cách chuyền tay.

Vụ tai tiếng lý thú nhất là chuyện Võ Thị Cúc ở Phù Mỹ đưa đơn xin ly dị chồng. Muốn được thắng kiện, đang đêm Thị Cúc lẻn vào dinh quan Tổng với việc mờ ám. Quan Bố biết được, liền đến dinh Tổng đốc. Thấy có người đường đột bước vào, Thị Cúc sợ hãi đứng nép vào vách. Quan Bố chỉ vào mặt y thị, quát lớn:

- Mi là gái chê chồng, sao đang đêm dám lẻn vào dinh quan lớn?

Nói xong, toan truyền lính bắt trói.

Thị Cúc đứng phía vách có treo tấm da cọp, nên quan Tổng lanh trí nói đỡ:

- Hắn vào dinh thưa kiện, thấy da cọp tò mò đứng xem, quên cả chiều tối. Nghĩ tình dân đen khờ dại, xin quan lớn tha tội cho nó.

Quan Bố thôi không làm lớn chuyện, nhưng lại có đề tài Khán Hổ Bì (xem da cọp):

Bạc hạnh lang quân thiếp tảo tri
薄倖郎君妾早知
Lang quân tư thiếp, thiếp tư ly.
郎君思妾,妾思離。
Nhi kim dục toại ly lang kế,
而今欲遂離郎計
Dạ nhập dinh môn khán hổ bì. [9]
夜入營門看虎皮。

Quách Tấn dịch:

Sớm hay chàng vốn bạc tình,
Chàng dù thương thiếp, thiếp đành phân ly.
Cung loan mong đứt dây tỳ,
Đang đêm vào "khán hổ bì" dinh quan!

Việc thứ hai cũng hấp dẫn không kém. Nguyên dân làng Đông Lương, tổng Chánh Lộc, huyện Phù Cát dám chỉ trích quan Tổng đốc nên cả làng bị bắt giam. Vương Tử Đại muốn dò xét phản ứng của dân chúng, bèn giả dạng khách du lịch,

mướn xe kéo rong chơi quanh vùng thị trấn Bình Định.

Ông khơi chuyện hỏi anh phu xe:

- Nghe đồn quan Tổng đốc tỉnh nhà là người thanh liêm lắm, ngài rất ghét hối lộ, nên đã yết bảng cấm tại công đường, có phải vậy không chú?

Anh phu xe ngỡ khách là người vui tính, cởi mở nên thật tình thổ lộ:

- Dạ, chẳng thanh liêm chính trực gì! Muốn được việc đừng đi cửa trước mắc phải bảng cấm, nên đi ngõ sau gặp riêng bà lớn.

Quan Tổng ngầm ghi số xe, ngay hôm sau có lính đến tận nhà bắt anh phu xe hạ ngục. Sự việc đến tai quan Bố, một đề tài nữa qua bài Ký Cốc Xa (xe kéo tay):

Sanh nhai ký cốc nhất xa hành
生涯驥轂一車行
Hưu thuyết quan gia lãng phẩm bình
休說官家浪品評
Bất ký Đông Lương đương nhật sự
不記東良當日事
Thê hào nhi khốc đáo tàn canh. [10]
妻號兒哭到殘更。

Quách Tấn dịch:

Làm ăn cút kít tay xe,
Miệng mồm khuyên hãy kiêng dè việc quan.
Đông Lương mang vạ cả làng,
Vợ kêu con khóc ngày tàn lại đêm.

Quan Tổng cũng là tay không vừa, ăn miếng trả miếng, bèn làm câu đối mà mỗi chữ là một ngọn roi quất mạnh vào vết thương lòng của quan Bố:

Sóng Âu Hải tràn ngang, tràn Hương Cảng, tràn Hoành Tân, tràn Mã Liệp Nhĩ Sơn, coi như tuồng dạ sắt gan đồng, một mực giữ gìn dân với nước;

Gió Nam Phong thổi ngược, thổi Hường lô, thổi Binh bộ, thổi Bàn thành cụ Bố, quen những thói vào luồn ra cúi, đôi đường chen chúc lợi và danh. [11]

6 - Nguyễn Hy bỏ thành:

Con của Nguyễn Thân là Nguyễn Hy du học ở Pháp, làm Tổng đốc Bình Định khoảng những năm 1934, 1935. Khác hẳn cha, Nguyễn Hy tính tình đôn hậu, cư xử nhã nhặn. Có một điều làm cho ông suy nghĩ, ăn không ngon, ngủ không yên từ khi đến trấn nhậm thành Bình Định. Ông chiêm bao đến ba lần, lần nào ông cũng mặc triều phục, ngồi trên xe kéo chạy quanh trong thành. Khi xe chạy ngang qua nhà lao, đến gần cửa Hậu, bỗng có bộ lòng con người rớt xuống chân ông, rồi treo lơ lửng dưới gầm xe. Nhìn kỹ, thấy đủ cả tim gan phèo phổi, bao tử, thận, ruột dính đùm với nhau. Máu tươi trong tim trào ra văng vãi trên người ông. Giật mình thức dậy, ông còn nghe văng vẳng tiếng ai than khóc quanh dinh.

Nguyễn Hy tìm thầy đoán mộng ở Tuy Phước, nhờ giải thích. Thầy bảo:

- Cái xe, chữ Nho là xa 車, bộ lòng là tâm 心, tâm treo dưới xa là chữ Huệ 惠 [12]. Trước đây thân phụ quan lớn có giết Bá hộ Huệ, oan hồn chưa siêu thoát, đợi dịp báo oán. Xin quan lớn cúng giải oan cho ông Bá hộ Huệ.

Việc điềm mộng báo oán hư thực thế nào không rõ, chỉ nghe dân chúng xì xầm bàn tán khắp tỉnh. Nhưng có một điều chắc chắn là quan Tổng đốc bỗng nhiên bỏ dinh, về Qui Nhơn ở, sáng lên thành Bình Định làm việc, chiều lại về. Khoảng cách Qui Nhơn - Bình Định 18 cây số, hằng ngày phải đi về thật vất vả, nhưng ông nói rằng trong thành nước độc không ở được. Và khoảng một năm sau, toàn bộ cơ quan tỉnh dời về Qui Nhơn với lý do được gần toà Công sứ tiện việc giao dịch, dễ dàng làm việc.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Các số liệu về diện tích ruộng đất tính theo đơn vị mẫu ta, căn cứ theo: Nguyễn Đình Đầu; Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn – Bình Định, Tập 1; trang 224.

[2] Tỷ lệ phần trăm tính được, căn cứ vào số liệu trong Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn, Bình Định, tập 2, các trang 589 (toàn tỉnh), 591 (Bồng Sơn), 659 (Phù Mỹ), 717 (Phù Cát), 779 (Tuy Phước), 845 (Tuy Viễn).

[3] Quách Tấn; Nước Non Bình Định (Sài Gòn, nxb Nam Cường,

1967); trang 241, chép là "Trịnh Đình Huệ." Vũ Ngọc Liễn; Kẻ Sĩ Đất Thang Mộc (nhà xuất bản Đà Nẵng, 1997); trang 60, chép là "Bùi Huệ."

[4] Nguyễn Thế Anh; Phong Trào Kháng Thuế Miền Trung Năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân (Sài gòn, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1973), trang 169.

[5] Năm 1906, tỉnh Bình Định thay đổi phủ huyện, chia làm 3 phủ như sau: phủ Hoài Nhơn coi 4 huyện là Hoài Ân, Bồng Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát; phủ An Nhơn gồm 2 huyện là Tuy Viễn và Bình Khê; phủ Tuy Phước trực tiếp coi 4 tổng, không có huyện.

[6, 7] Nguyễn Thế Anh; Phong Trào Kháng Thuế Miền Trung Năm 1908..., từ trang 90 đến 93, trang 94.

[8] Đối liên tự thuật này, cụ Tiến Sĩ Hòa Cư ghi trên ảnh, đã được Cử nhân Trần Đình Tân (1893- 1979), tự là Lữ Tiên, hiệu là Hà Trì, sao chép vào "Chư Danh Gia Đối Liên Tập."

[9, 10, 11, 12] Quách Tấn; Nước Non Bình Định; các trang 244, 245, 246 và 247.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- CAO XUÂN DỤC; Quốc Triều Hương Khoa Lục, Nguyễn Thúy Nga & Nguyễn Thị Lâm dịch; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1993.

- ĐÀO VĂN và 2 tgk; Thơ Ca Yêu Nước Và Cách Mạng Nghĩa Bình, Tập 1; Qui Nhơn, Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981.

- ĐẶNG QUÝ ĐỊCH; Nhân Vật Bình Định; Sài Gòn, soạn giả xuất bản, 1971.

- NGÔ ĐỨC THỌ chủ biên; Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam; Hà Nội, nxb Văn Học, 1993.

- NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU; Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn – Bình Định, 3 tập; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996.

- NGUYỄN THẾ ANH; Phong Trào Kháng Thuế Miền Trung Năm 1908 Qua Các Châu Bản Triều Duy Tân; Sài gòn, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1973.

- QUÁCH TẤN; Nước Non Bình Định; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.

- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; Đại Nam Nhất Thống Chí, Quyển IX, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 3; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.

- VŨ NGỌC LIỄN; Kẻ Sĩ Đất Thang Mộc; nhà xuất bản Đà Nẵng, 1997.

Biểu cảm về thi tập "MẶC TƯ" của Lam Nguyên

Tôi vô cùng hân hạnh được đọc 42 bài thơ trong thi tập MẶC TƯ. Lam Nguyên viết bằng chữ Hán, có phiên âm ra tiếng Việt và có nhiều thi hữu dịch thơ từng bài một trong tập.

Tôi không dám nhận xét để thẩm định về các bài "thơ dịch" mà chỉ xin có một vài biểu cảm về nguyên tác thi phẩm MẶC TƯ.

Chuỗi thơ nguyên tác của Lam Nguyên đã gieo cho tôi nhiều xúc động bàng hoàng.

Thế kỉ 21 này, đã có lắm nhà thơ sáng tác nhiều bài thơ tuyệt mỹ với sự tôn vinh ngôn ngữ Việt, nhưng tôi chưa gặp một ai trang trải tâm ý mình bằng chuỗi thơ chữ Hán, gồm tới 42 bài.

Tôi trộm nghĩ: thơ chữ Hán thường ít chữ mà rất nhiều tứ, vần điệu thanh thản, dịu vợi nhưng hàm chứa mênh mang, sâu lắng, trầm ẩn , vô cùng phức tạp những suy niệm về nhân sinh quan.

Nỗi nhớ quê hương của Lam Nguyên bàng bạc, xoáy tròn, quần quại, dằn vặt tâm trí của tác giả suốt phần lớn của tập thơ.

Bài thơ mở đầu: "Nhất thư phong" như là một cánh cổng mở rộng cho độc giả vào thưởng ngoạn một vườn hoa nhuần khiết sắc hương. Hơn 40 khóm hoa đã làm cho người đọc say mê cái bóng dáng sắc màu của thơ chữ Hán với một bút pháp điêu luyện, tạo được âm điệu thanh nhạc êm tai quyến rủ.

Nhưng Lam Nguyên không chỉ thành đạt được ở mỗi điểm đó; mà cái chính cốt lõi là những khóm hoa thơ đó còn biểu tượng của những khóm hoa tình ngát hương, thanh khí: tình yêu quê hương, tình nghĩa bạn bè, tình người vô biên.

Lam Nguyên khai bút:

“ Tây phong xuy nhạn phiếm thiên không

Vũ hậu trường giang viễn độc bồng

Cao thụ khách hoài sơn cố lý

Đê đầu lệ biệt các Huyên Xuân.”

Tác giả tự cảm nhận thân phận mình, như con chim nhạn lạc bầy giữa quảng không, như con thuyền bồng bềnh trên sông dài sau cơn mưa gió. Kẻ ly hương xa xứ, lòng đau đớn khóc biệt mẹ cha.

Bốn câu thơ tiếp theo của bài “Nhất thư phong” đã thực sự làm cho tôi xúc động với tác giả.

“ Thiên nhai trường đoạn vô âm tín

Lữ quán tâm tùy cổ tự chung

Lạc nhật tà huy liên hải đại

Ký tình vân lý nhất thư phong.”

Lam Nguyên tuổi gần tròn thế kỷ mà phải trùng dương viễn cách quê nhà. Dù đất mới có đượm nhiều màu mỡ, tác giả vẫn xem là “quán trọ” mà thôi, lòng luôn đau đớn vì vắng tin nơi bến cũ, tâm luôn hướng về đạo THIỀN với tiếng chuông chùa xưa diệu kỳ thoát tục.

“Thiên nhai trường đoạn vô âm tín” không chỉ “vắng tin nhà” mà Lam Nguyên hình như còn xót xa sâu thẳm về cái gọi là “ mệnh số trời bày, dễ ai biết được”.

Và Lam Nguyên muốn gởi “một bức thư” về thăm quê cũ, có lẽ nên hiểu : “Nhất Thư Phong” này không phải là một lá thư bằng “giấy trắng mực đen” bình thường, gởi qua bưu điện hoặc internet, mà cả là một “trời thư” với ngàn lời thăm hỏi, nhờ áng mây muôn dặm mới đủ chuyển “nỗi nhớ, niềm thương” của Lam Nguyên đối với quê mẹ.

“Ký tình vân lý nhất thư phong”.

Tính thơ chữ Hán vốn là sâu sắc thế đó. Cho nên, người làm thơ chữ Hán không chỉ có cảm giác, không chỉ vì hiện tượng mà sáng tác được, thêm vào đó, tác giả thơ chữ Hán phải đủ uyên thâm về tri thức văn học.

Lam Nguyên hình như đã quên mất cái “tuổi cao sức yếu” của mình, và đã vận dụng nội lực hết sức công phu để trang trải “nỗi lòng nhớ quê”.

Tôi xúc động khi đọc " thơ tâm huyết " bằng chữ Hán của tác giả và tôi có thể tin rằng: cặp kính già của Lam Nguyên có lúc bị nhòe vì " nước mắt khôn cầm" trước những vần thơ chữ Hán vừa sáng tác theo nhịp gõ của con tim nhân hậu.

Tình yêu quê hương của Lam Nguyên không phải là tình yêu về cái gì vĩ đại với cứu cánh mang tính xã hội, mà chỉ là tình yêu chơn chất đóng khung khiêm nhường nhưng sâu thẳm từ đáy con tim.

Bản chất men yêu quê nhà của Lam Nguyên rất gần gũi, rất êm đềm cho một Lam Nguyên phi chính trị; không mang tính "quốc phá sơn hà tại", không mộng tưởng "đường gươm Kinh Kha" mà chỉ là men hương bất diệt của chiếc nôi mẹ ru ấm ngày thơ nơi chợ "TRƯỜNG THUẾ" bên con sông nhỏ hiền hòa.

Tình yêu quê hương của Lam Nguyên mãi còn in dấu chân chú bé ngày nào trên con đường làng đơn sơ mộc mạc. Ngọn gió "nam non", luồng gió "nam cồ" của xứ nghèo miền Trung - Bình Định, Quy Nhơn, xưa đã từng làm tung mái tóc sữa non, làm lật tà áo thư sinh của Lam Nguyên, nay vẫn còn theo từng hơi thở của một Lam Nguyên : " Lạc nhật tà huy liên hải đại".

Lam Nguyên dã vuốt ve an ủi hồn mình qua từng chữ của bài thơ "VĨNH HOÀI" :

Giang phong liễu thu động
Hương tâm nguyệt cô phàm
Vĩnh hoài sầu niên vãn
Dị khách lệ triêm cân.

Tôi xin mượn bài thơ dịch của Phương Nguyên:

"Gió thu vờn liễu bên sông
Trăng soi thuyền vắng, nặng lòng hoài hương
Năm tàn dằn dặc nhớ thương
Để sầu khách lạ, lệ vươn khăn này."

Cũng như bài " THU DẠ":

"Thu nguyệt phong diệp lạc
Hoài quân sầu vọng hương
Cố quốc thiên thiên lý

U ngọa mộng quy thuyền. “

Lam Nguyên đã bị trăng thu xứ lạ gợi lại xót thương về quê cũ và bạn bè. Nhớ bạn, nhớ quê, lòng mong ước quay thuyền vượt ngàn ngàn dặm biển để được về tắm trăng thu của ngày xưa nơi “ cắt rốn chôn nhau”, để được sương đêm choàng êm trên mái tóc thơ. Nước non chừ, dặm trường xa cách; tóc ai giờ đã bạc trắng mái đầu. Tai ai giờ còn vọng mãi câu tuồng hát bội của cụ Đào Tấn đã khiến trăng thu ngẩn ngơ, hôn mê theo nhịp trống, tiếng đàn:

“Ngàn dặm thẹn cùng non nước

Gẫm mơ màng thân trước thân sau ...”

Và anh Ngọc Tân đã diễn dịch tình thơ THU DẠ của Lam Nguyên thật vô cùng hoàn mỹ:

“Đêm trăng thu, cây phong lá rụng

Nhớ thương anh càng vọng cố hương

Nước non xa cách dặm trường

Mộng về quê cũ buồm giương biển trời.”

Lam Nguyên đã bị hương mùa thu của thiên nhiên “căn dây đàn” tâm cảm, nên Lam Nguyên đã trải lòng mình qua nhiều bài thơ mang màu sắc thu.

Lam Nguyên nhớ bạn còn ở Quy Nhơn, nơi ngày xưa còn chung lớp chung trường, từng chia sẽ buồn vui. Nếu có nhiều dạng tình cảm cho một đời người thì đối với Lam Nguyên, tình bạn bè là “đạo kim bằng” cao quý nhất.

Lam Nguyên thể hiện rõ nét về tình bạn qua bài “THU ĐĂNG CAO”:

“Quy Nhơn bạch vân lý

Tương vọng thùy trung quân

Đăng cao tầm bất ngộ

Bạc mộ khởi sầu nhân “

Tạm dịch :

“Quy Nhơn, ngàn mây trắng bay

Hỏi ai còn nhớ tháng ngày nghĩa ân

Lên cao chẳng thấy bạn thân

Chiều về thêm gợi nỗi sầu thế nhân".

Lam Nguyên bây giờ sống xa quê hương, xa bạn bè cũ. Nơi đất khách quê người, Lam Nguyên thật sự cô đơn, cái cô đơn của một người già tuổi 80. Còn phải nói đến sự quặn buồn của Lam Nguyên khi nghe tin một bạn già nào đó đã mất. Cuốn phim dĩ vãng vẫn còn đó, vẫn chiếu thường trực trong tâm thức mà người trong phim lại tử biệt vào vĩnh hằng, làm sao một người đa cảm, thuần hậu như Lam Nguyên không đau xót được khi không xóa được hình ảnh trong phim.

Những người bạn thân "nối khố" của Lam Nguyên ngày trước, nay không còn nữa, tôi xin phép được ghi vài người: Nguyễn Ngọc Trân, Trần Thanh Dũng, Hà Văn Thạnh, Phạm Xuân Ẩn, Nguyễn Kim Ba, ... Thế thì nhà thơ Lam Nguyên liệu có thể gạt họ ra ngoài cảm tính khi làm thơ "tình bạn cố tri" hay không?

Lam Nguyên viết bài thơ: " Hoài cố nhân"

"Nguyệt lai nhân bất đáo

Hiên ngoại trúc sầu nhân

Thụ điểu miên bất đắc

Diệp lạc lệ phân phân."

Ông Yên Hà có dịch thơ :

" Trăng đến người không đến

Ngoài hiên trúc nhớ người

Trên cây chim khó ngủ

Lá rơi, lệ cùng rơi ! "

Thế thì Lam Nguyên quả đã rơi lệ khi nhớ bạn, quả đã trải dài nỗi nhớ niềm thương ... và Lam Nguyên càng cảm thấy mình cô đơn hơn. Bước thời gian vô tình đã chồng chất thêm niên kỷ cho người mang tâm hồn nhạy cảm thương đau" như Lam Nguyên, thì tác giả tập thơ "Mặc Tư" chắc chắn phải "Mặc Tư" về chính thân phận của mình.

Bài thơ " Cô Bồng Giang Hải Lưu " của Lam Nguyên minh chứng cho tôi được mạo muội được gần gũi với Lam Nguyên về điều tôi muốn viết trên.

"Lưu thủy phù vân lữ quán sầu

Vị quê hương lý nguyệt hàn châu

Hà nhân tiếu ngã vi trường khách

Mạc thức cô bồng giang hải lưu.”

Ông Trúc Hiên dịch ra thơ nôm:

Thuyền đơn trên sông biển

“Quán trọ buồn nhìn mây nước trôi

Chưa về quê mẹ ... trăng đơn côi

Người cười tôi mãi làm thân khách

Chẳng hiểu thuyền đơn sông biển trời.”

Lam Nguyên ơi! Tôi không bao giờ có ý cười anh đã “ham làm thân khách”. Tôi hiểu được nỗi lòng sâu lắng của anh, “chẳng đặng đừng” đành như thân thuyền lênh đênh giữa biển trời xa lạ.

Giữa vòng sinh hóa, Lam Nguyên bị vần xoay với “lẽ vô thường” của thời cuộc, sự hợp tan - tan hợp đã làm tâm hồn Lam Nguyên phiêu bồng trong khắc khoải giữa cảnh giới “Phù Vân” :

“Ẩm tửu dục ngâm trường đoạn đoạn

Phù Vân nhất phiến tổng chung tình.”

Anh Ngọc Tân đã dịch lời thơ trên:

“ Uống say càng thấy buồn da diết

Mây trắng tình ta, ý một lời!”

Tôi không thể biểu cảm trọn vẹn được tất cả tính thơ trầm uẩn mang nổi nhớ niềm thương của Lam Nguyên trong thi tập MẶC TƯ .

Tôi xin chịu lỗi với chủ vườn 42 khóm hoa, vừa có hương sắc dị biệt trang đài, vừa có tính hòa tan nhuần nhuyễn giữa “cái sắc hiện hữu” và “cái không siêu hình” qua thi tập “Mặc Tư” của Lam Nguyên.

Tôi đành thẹn với lòng mình vì đã ngơ ngác khờ khạo, lúng túng, choáng ngợp khi tôi được vào tham quan một kho báu văn học “thi thơ chữ Hán” của Lam Nguyên.

Bước thời gian dù có vô tình mấy đi nữa, cũng đã tự phân chia làm 3 thời kỳ cho cuộc sống con người: quá khứ, hiện tại và tương lai. Nó gắn liền nhau như một sợi dây xích vô hình, giữ gìn chặt chẽ 3 khoen móc chặt. Ai đã mất đi một khoen thì người đó chưa đủ làm người lương thiện.

Tôi trộm nghĩ rằng: Lam Nguyên đã có "thi tập Mặc Tư" bằng chữ Hán thật tuyệt vời; thi tập này là sợi dây xích vô hình, giữ gìn chặt chẽ cho 3 khoen thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai.

Thời kỳ tương lai của một người phần lớn đều là "cứu cánh" có thực mà cũng có thể ảo.

Nhưng đối với Lam Nguyên, thi tập "Mặc Tư" đã hàm chứa sâu sắc tính hiện hữu từ "ý thức đến vô thức" của con tim và não bộ.

Thử nghe Lam Nguyên tâm sự qua bài thơ: "MẠC TẦM THẾ SỰ"

" Sơ sanh thu lộ vi phong khởi
Thanh trúc đào hoa oanh ngữ tân
Nhất hướng qui tâm Tịnh Độ Quốc
Thăng trầm thế sự bất truy tầm."

Lê Phương Nguyên dịch thơ nôm: "KHÔNG MÀNG THẾ SỰ"

"Theo gió sương thu đã sớm về
Hoa đào, trúc biếc, tiếng oanh thưa...
Lòng này đã hướng về Tây Trúc,
Chuyện của nhân gian để gió đùa."

hoặc bài: "THÌ GIÁC":

Tâm nhàn hoa hữu đạo
Lãnh thủy THIỀN hưng nồng
Khô mộc tri Cực Lạc
Thì giác phàm thánh đồng.

Lê Phương Nguyên dịch ra nôm thật hoàn hảo:

SÁC NA ĐỐN NGỘ

Tâm bình thấy đạo trong hoa
Và trong nước lạnh tìm ra cõi THIỀN
Cây khô gợi CỰC LẠC miền...
Sác na đốn ngộ, THÁNH, PHÀM như nhau.

Lam Nguyên đã tu THIỀN, và chỉ có vậy, ý thơ mới thăng hoa như thế.

Chúng ta, chúng tôi, và tôi đã có một nhà thơ Lam Nguyên vậy đó.

Riêng với tôi, Lam Nguyên là một hiện tượng tinh khôi, bản chất của hiện tượng không cần phải luận về hiện tượng; thế mà tôi đã quá bạo dạn một cách vô lối, hàm hồ khi viết vài lời biểu cảm này - Tôi chắc chắn Lam Nguyên sẽ mỉm cười và tha thứ cho tôi; chỉ vì Lam Nguyên vẫn nhận tôi là bạn xưa nay mà. Lam Nguyên ơi, thi tập Mặc Tư sẽ bất tử với thời gian và hồn thơ Mặc Tư luôn toả sáng ấm áp diệu kỳ cho quê hương Quy Nhơn-Bình Định vậy.

TÁI BÚT:

- Cho tôi xin ghi lại bài thơ "THIỀN ĐẠO CHÂN NHƯ" của Lam Nguyên.

- Xin đính kèm 42 bài thơ dịch nôm của thi hữu: Lê Phương Nguyên ở điền trang LỘC XUÂN.

THIỀN ĐẠO CHÂN NHƯ (của Lam Nguyên)

Một mai trả hổ về rừng,
Trả mây cho gió, đếm từng giọt sương.
Trả em về nẽo yêu đương,
Trả sông cho biển trả nương dâu tằm.
Trả hồn vũ trụ ngàn năm,
Để cho tâm thức về thăm sáng chiều.
Trả em tất cả cô liêu,
Để ta nhẹ bước theo chiều CHÂN NHƯ.

Quy Nhơn, tháng 10-2015
Trương Trọng Thông.

Cây ổi đầu hè

Trong vườn cũ nhà xưa,
Cha tôi trồng nhiều cây ổi.
Ổi sẻ, ổi nếp, ổi cơm
Nhưng cây ổi đầu hè vọng mãi một mùi thơm,
mùi của yêu thương ngọt lịm.

Những buổi chiều quê,
mây hồng pha sắc tím,
Lá ổi reo vui như lúa chín trên đồng...

Cuộc sống quê nghèo nên từ lúc rạng đông,
Anh em tôi đã chuyền trên cây ổi,
với chút muối ớt gói trong lá chuối,
no ngon lành bữa sáng trên cây.
T
uổi thơ leo cây như bầy khỉ nhỏ,
Mày mò tìm những quả xinh xinh.
Sau cơn mưa, trời như trở lại bình minh,
Những quả ổi trên cành,
Nước rửa, da căng, trắng xanh, đầy sức sống.
Anh em tôi chuyền theo những con chim.
Hái những quả tươi chong,
Nhai nghe chua chát, ngọt ngọt, dòn dòn.

Những chiều quê man mát,
Lá ổi bay đón mừng những người bạn nhỏ thơ ngây.
Mỗi năm chờ Tết
Thời gian dài như khuất tận trong mây,

Lá ổi gói nem chua mùi thơm nghe là lạ!

Cây ổi với chúng tôi,
Trong suốt tuổi thơ,
như cành với lá.
Quyện vào nhau trong gió nội hương đồng!

Rồi có một đêm Đông,
giặc về đốt phá,
Tiếng phèn la,
tiếng mõ rộn thôn làng.

Tản cư!
Chạy giặc!
Ruộng vườn xơ xác.
Nhà cữa tan hoang.
Vết máu dân quê loang trên từng đám mạ.
Nước mắt kẻ ra đi
Gánh theo mùi rơm rạ,
Cây ổi đầu hè nhìn theo ngơ ngác, kinh hoàng!!!

Bờ tre, ruộng lúa bom đạn tan hoang.
Da thịt con người chịu sao cho thấu.
Cùng đường phấn đấu!
Thôi đành bỏ của mà đi!

Người nghèo chạy lên Đập Đá,
Như cá dồn rõng.

Người giàu bỏ hết, chạy xuống Qui Nhơn,
Dẫu có xa hơn.

Nhưng đất nước có chiến tranh!
chạy trời cho khỏi nắng!

***

Một buổi trưa lén về quê chở lúa.
Cây ổi đầu hè lá úa, tàn thưa.
Tôi nhìn cây ổi khóc,
Trời đổ những cơn mưa!
Cây ổi của tôi không còn sức sống,
Gục xuống như một ngọn đèn cầy hun trong lửa nóng.
Lửa chiến tranh đỏ mãi đến bao giờ!

Để gánh lúa trên vai,
dưới tàn cây ổi.
Tôi ve vuốt, sững sờ.

Từ đó tôi nghiệm ra một điều:
- Những sinh vật trên thế gian này,
Dẫu cỏ cây cũng có linh hồn thơm ngát,
Cũng biết buồn vui,
Cũng bát ngát tình sầu.

Cũng đau buồn khi phải xa nhau !!!

Đứng trước tai ương,
Tràn ngập quê hương,
Cây ổi đầu hè cũng đau nhức thấu xương.
Huống chi những người còn sống!

Phan Tấn Thiện, *Qui Nhơn ngày mưa bão 1968.*
Viết lại tại Toronto, Canada năm 2010.

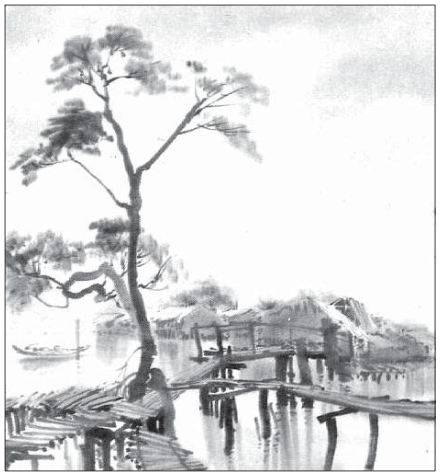

Cảm ơn hai dòng sông

Võ Thúy Ba

Tôi được sinh ra và lớn lên ở một làng quê miền Trung. Nhà Ba tôi ở đầu làng, nằm trong một khu xóm gồm có mười mấy ngôi nhà, chung quanh xóm có lũy tre xanh bao bọc, mỗi nhà đều có một mảnh vườn , hình dạng và diện tích không đồng đều để trồng ít cây ăn trái , bầu, bí v.v...và các loại rau xanh thường dùng trong các bữa ăn hằng ngày ở thôn quê, có vài nhà trước sân trồng hoa và cây cảnh. Xóm tọa lạc trên một gò đất rất cao và rộng lớn. Nhà nào cũng đắp nền cao để khỏi bị nước vô nhà mỗi khi có lụt, sau xóm là cánh đồng ruộng lúa mênh mông và một con kênh dẫn nước rất rộng có cả đập để điều hòa nước vào mùa khô. Cách Thị Trấn An nhơn khoảng hai cây số về hướng Bắc trên quốc lộ số I , rẽ phải là con đường cái quan nằm cạnh một con sông chảy ngang qua xóm làng tôi ở, là một chi nhánh của dòng Côn giang chảy về xuôi , trên đoạn sông nầy cũng có một cái đập ngăn nước rất kiên cố tên là đập Bờ Đỗ để bảo đảm nguồn nước cho soi, ruộng đôi bờ tả hữu An Nhơn- Tuy Phước. Hai quận An Nhơn, Tuy Phước là nơi chủ lực sản xuất các loại nông sản như : lúa, nếp, các loại đậu, mè, thuốc lá, mía đường v.v... cho Tỉnh Bình Định.

Dòng sông thân yêu hiền hòa gắn liền với tuổi thơ của tôi, khi năm, sáu tuổi tôi đã được mẹ dẫn theo ra sông, mẹ giặt áo quần cho cả nhà, tôi ngồi chơi trên bãi cát . Mỗi lần theo mẹ ra sông, tôi luôn đem theo một cái tô làm bằng sọ dừa để nhặt những hòn sỏi màu trắng, xanh, đỏ, vàng, tím sậm, rồi mang về nhà cùng mấy nhỏ bạn trong xóm chơi trò buôn bán đồ hàng bắt chước giống như người lớn. Ngôi trường Tiểu Học gần nhà cũng ở cạnh bờ sông . Tôi còn nhớ những năm học lớp Nhì, lớp Nhứt, vào mùa nắng, những khi được nghỉ học và không bị mẹ bắt ẵm em, tôi

thường rủ mấy nhỏ bạn cùng xóm, cùng lớp ra bờ sông tìm những chỗ đã quen thuộc có mực nước sâu vừa tầm, hè nhau cỏi áo nhảy ùm xuống nước tắm gội thỏa thuê, đùa giỡn và rượt đuổi dưới nước. Chúng tôi vừa tắm vừa lặn sâu xuống bắt những con sò, con hến có vỏ ánh lên màu xanh hoặc tím dưới nắng hè trông rất đẹp mắt. Mãi cho đến lúc chịu lạnh không nổi nữa, mới cùng nhau lên bãi cát thay quần áo và hong tóc cho khô mới về nhà . Mùa hè lúc nào bến sông cũng nhộn nhịp đông người, đủ cả mọi lứa tuổi, đôi lúc còn có người lừa bò, trâu xuống sông cho uống nước .

Khi lên Trung học tôi phải ở trọ xa nhà nên cũng không được tắm sông thường xuyên nữa, và có lẽ vì cảm thấy mình đã lớn nên không còn thích hợp với lối tắm sông như trước, mà ở nhà tắm bằng nước giếng. Thỉnh thoảng tôi chỉ theo mẹ ra sông phụ giặt áo quần cho các em và nhìn quang cảnh nhộn nhịp của bến nước vào mùa hè mà thôi.

Thời gian êm đềm trôi qua cho đến năm 1965, trụ sở Xã gần nhà bị quân của Mặt trận Giải Phóng Miền Nam đánh phá. Quê tôi mất an ninh, Ba mẹ tôi đành rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, rời bỏ nhà cửa ruộng vườn trong đó có mồ mả ông bà tổ tiên ở đấy. Cùng thời gian nầy quê ngoại tôi ở Quận Bình Khê (Huyên Tây Sơn bây giờ) cũng mất an ninh, nên số ruộng Ông Bà ngoại chia cho Mẹ tôi cũng chẳng còn thu hoạch được nữa. Không còn nguồn thu nhập chính từ nông sản ở hai bên Nội ngoại, Ba mẹ khuyên tôi tạm nghỉ học vì nhà đông con mà tôi là chị lớn phải chịu hy sinh, tiền bạc ưu tiên cho hai đứa em trai đang học ở Trường Cường Để Qui Nhơn .

Tôi bùi ngùi từ giã ngôi trường thân yêu và - dòng sông tuổi thơ - để theo Ba Mẹ cùng mấy đứa em nhỏ dắt díu lên Cao Nguyên lập nghiệp. Ba Mẹ tôi từ một tiểu điền chủ cuộc sống ổn định, đột nhiên thay đổi môi trường sống, đến nơi xứ lạ quê người tứ cố vô thân, không có tiền bạc trong tay. Cũng may là Ba tôi có chút vốn liếng chữ nghĩa nên xin được vào làm công chức hạng B ở Ty Kiến Thiết Tỉnh, tiền lương cũng chỉ đủ cho gia đình sống đạm bạc trong thời gian đầu. Má tôi vất vả buôn bán thêm mới đủ tiền gởi cho hai em học ở Quinhon và sau nầy còn được vào Saigon học đại học nữa .

Mỗi buổi chiều sau giờ làm việc hoặc ngày chủ nhật, Ba tôi thường mời các bạn đồng nghiệp về nhà đánh cờ tướng và trò chuyện với nhau .Trong số bạn cờ tướng của Ba, có ông bạn vong niên là Bác Khâm có người con gái lớn tên Hậu tốt nghiệp cử nhân

toán, chị theo chồng là Bác Sĩ Quân Y, về dạy ở trường Trung học Tỉnh lỵ. Chị Hậu thật tốt bụng, biết gia đình tôi qua bác Khâm, thấy tôi hiếu học mà vì hoàn cảnh gia đình bị dang dở việc học hành nên chị sắp xếp thời gian dạy kèm tôi học tiếp.

Qua một thời gian lao lực, Má tôi bị bịnh không thể buôn bán được nữa , nên tôi cần phải đi làm để phụ với Ba lo cho các em khỏi bị dang dở việc học. Thấy vậy chị Hậu nhờ người bạn ở Saigon gởi bài vở, tài liệu cho tôi học để thi vào ngạch thư ký hành chánh . Sau khi thi đậu tôi được nhận vào làm ở Tòa Hành Chánh Tỉnh. Lúc nầy gia đình tôi đã mua được một căn nhà nhỏ, mái lợp tole vách bằng gỗ của một người công chức từ thời Pháp, nay nghỉ hưu nên bán nhà để về quê sống với họ hàng. Căn nhà nầy tuy nhỏ nhưng rất ngăn nắp và được cất trên một con lộ nằm cạnh bờ sông Ba . Sau nhà có mảnh vườn nhỏ, Bác Khâm cho ba tôi mấy chậu hoa quỳnh màu trắng, rất hiếm khi tôi thấy nó nở hoa và một số cây lài trồng để lấy hoa bỏ vào bình trà uống cho thơm.

Nhờ vậy tôi lại có duyên được ở cạnh một dòng sông nữa, tôi đặt cho nó thêm một cái tên-- dòng sông trưởng thành--Thật tình tôi không đủ tài năng để diễn tả hết vẻ đẹp của nó mỗi khi chiều tà, hoàng hôn buông xuống và mỗi buổi bình minh rạng rỡ chào đón ánh mặt trời. Tôi chỉ biết nó phát nguyên từ vùng đồi núi Tỉnh Kontum, chảy qua gần Thị Trấn An Khê và ngược lên hướng Tây Nam đến Tỉnh Lỵ Hậu Bổn (Tỉnh Phú Bổn), xuôi dòng về địa phận Tỉnh Phú Yên(được mang tên khác là sông Đà Rằng) rồi hòa nhập vào biển cả.

Đoạn sông chảy ngang qua Phú Bổn nằm giữa đôi bờ Đông Tây, phía Tây là Tỉnh lỵ Hậu Bổn, phía Đông là Buôn làng và nương rẫy của những Sắc Dân Thiểu Số, nối tiếp là rừng đại ngàn Tây nguyên hoang sơ tĩnh mịch, núi rừng trùng điệp. Nhờ có một dòng sông nhỏ hợp lưu ở đoạn gần bên trên, nên khi đến Tỉnh lỵ Phú Bổn lòng con sông Ba rất rộng. Nơi nầy có Bến Mộng ngàn đời trông ngóng Đồi Mơ nằm cô đơn xa xa bên kia sông. Bến Mộng rất thuận tiện cho trẻ, già, trai, gái tắm rửa, giặt giũ vào mùa nắng gắt. Vào mùa mưa nước lớn có vài con đò đưa người qua lại. Hai bên bờ bến nước có nhiều cây cổ thụ như cây sao, cây sồi và cây xoài rừng rất cao to, vươn cành thật dài che khuất ánh nắng mặt trời một khoảng không gian khá rộng, là nơi lý tưởng để người bộ hành dừng chân nghỉ mệt và đôi lứa yêu nhau hẹn hò tình tự. Nơi đây đã được chứng kiến biết bao mối tình đơm hoa, kết trái và cũng ngậm ngùi thương xót cho những mối tình vì hoàn

cảnh ngang trái nên đành phải chia ly.

Ngày tháng nối tiếp trôi qua cuộc sống gia đình tôi cũng được ổn định. Mãi cho đến năm 1975 đất nước trải qua cuộc bể dâu, Mẹ tôi dẫn các em theo đoàn người di tản về lại Qui nhơn. Chồng và Ba tôi đi tù biền biệt, thời gian đầu gia đình không biết họ ở đâu, trại tù nào, và bao lâu thì được thả về. Lúc bấy giờ tôi có ba đứa con nhỏ nên không di tản được . Đứa nhỏ nhất mới được 2 tháng tuổi, đứa lớn nhất được 5 tuổi. Một mình tôi nuôi con và hằng ngày còn phải đến "học tập cải tạo" tại cơ quan an ninh địa phương. Khi mãn hạn tôi mang các con về định tá túc với Mẹ và mấy em ở thành phố Quinhon gần quê nhà. Nhưng dòng đời nghiệt ngã chứ không như dòng sông. Dòng sông tuy có thác ghềnh ở thượng nguồn, rồi sau đó cũng được êm ả chảy về xuôi. Còn dòng đời khi gặp lúc thế sự cơ cầu, lòng người cũng mau chóng đổi trắng thay đen. Khi không còn cần đến mình nữa thì người ta lại hùn gió bẻ măng, muốn "đuổi tận giết tuyệt" cho bỏ ghét. Gia đình má tôi nằm trong danh sách đi kinh tế mới, nên tôi phải dẫn ba đứa con nhỏ về lại căn nhà cũ nằm bên bờ sông Ba, chăn nuôi gia súc và buôn bán vặt vãnh để mấy mẹ con sinh sống qua ngày.

Phố núi có dòng sông Ba thơ mộng lại một lần nữa đón nhận tôi, khi rảnh rỗi tôi thường dẫn con và mang quần áo, chăn mùng ra sông giặt giũ . Nhiều lúc quá cô đơn buồn tủi, tôi ra ngồi một mình hằng giờ trên mấy tảng đá ở bờ sông, thì thầm với dòng nước vô tư, muốn gởi nó mang về nơi vô tận nỗi niềm riêng đang ấp ủ trong lòng, không dám bày tỏ cùng ai. Sông Ba không phân biệt Kinh, Thượng giàu nghèo, không phân biệt lý lịch, công dân hạng hai, hạng ba như ở trong trường học, bệnh viện, cửa hàng bách hóa, bến xe v.v... mà ai ai cũng có thể xử dụng dòng nước mát trong lành của nó.

Hằng ngày tôi phải đối diện với sự kỳ thị và cách đối xử khắc nghiệt của những người muốn lập công. Quá sức chịu đựng nhiều lúc tôi có ý nghĩ muốn làm chuyện khờ dại, nhưng nhờ ngồi dưới bóng cây bên bờ sông để tĩnh tâm, hít thở không khí trong lành và hơi nước mát dịu làm cho tôi tỉnh táo, vượt qua được giây phút suy trầm tinh thần, thêm nghị lực để tiếp tục sống và nuôi nấng ba đứa con dại.

Đã trải qua bao nhiêu năm tháng và biết bao thăng trầm trong cuộc đời, tất cả đối với tôi đã trở thành kỷ niệm. Từ ngày rời khỏi quê hương, tôi quá bận rộn, cùng chồng lo cho các con ăn học,

phần lo cho cuộc sống mới của gia đình mình, phần thì cố gắng làm việc để giúp đỡ phần nào cho người thân còn kẹt lại ở quê nhà gặp khó khăn. Nay tất cả đã tạm ổn định, các con đã khôn lớn nên người, tôi mới có thể bình thản ghi mấy dòng nầy để vơi đi niềm tâm sự. Tôi luôn luôn tâm niệm cảm tạ Phật ,Trời đã ban sự bình an cho gia đình tôi. Cảm ơn Ba Mẹ đã sinh ra và nuôi dưỡng, dạy dỗ tôi nên người. Cảm ơn quý Thầy, Cô giáo đã truyền đạt chữ nghĩa, kiến thức cho tôi. Cảm ơn những ân nhân, những người bạn dù ít hay nhiều đã giúp đỡ hoặc tha thứ cho tôi những lỗi lầm . Tôi cũng cảm ơn chồng con đã dành cho tôi tình yêu thương nồng nàn, mặc dù có lúc tôi thật đáng ghét.

Đặc biệt tôi cảm ơn hai dòng sông:

*DÒNG SÔNG TUỔI THƠ: Dòng sông hiền hòa, thơ mộng đã chuyển tải dòng nước mát cho quê tôi được trái ngọt cây lành, ruộng lúa ba mùa quanh năm tươi tốt, và cho tôi đầy ắp những kỷ niệm ngọt ngào của tuổi ấu thơ.

*DÒNG SÔNG TRƯỞNG THÀNH: Ở nơi đó tôi đã gặp được người bạn đời yêu dấu của tôi. Sông Ba không kỳ thị ,khinh miệt lúc tôi sa cơ lỡ vận, chịu nghe tôi kể lể tâm tình. Cho tôi được thưởng thức cảnh đẹp mơ màng của một dòng sông nằm bên phố núi. Nơi mà trong cơn bỉ cực tôi có thể đến để tĩnh tâm, bảo toàn nghị lực để sống cho thật tốt đẹp.

Dòng sông trong ký ức

Tuổi ấu thơ ngọc ngà

Kỷ niệm nào đã mất

Tình nào đã phôi pha

Hương xưa in tiềm thức

Thời gian hững hờ qua

Chưa trọn tình non nước

Đã nghìn trùng cách xa…

VÕ THÚY BA,
California

XUÂN BÍNH THÂN

Nhớ Xuân Canh Thân Nguyện Cầu

Canh Thân, ba sáu năm qua,
Vượt biên nhớ lại nghĩ mà khiếp kinh.
Thương con, cha mẹ quyết tình,
Một thua hai được, khôn đành ngồi yên.
Tâm thành, ứng nghiệm linh thiêng,
Giàn khoan cập bến, cơ duyên Hoa Kỳ.
Bồng bềnh sóng gió hiểm nguy,
Thái Lan, cửa ngục quản gì gian nan.
Bến hiền thuyền đậu đưa sang,
Tâm thần ổn định, cơ hàn cũng qua.
Nối nhau lần lượt đăng khoa,
Cùng là nghi thất nghi gia đề huề.
Sông dài chạnh nhớ sơn khê,
Dưỡng sinh hai bận, trăm bề lo toan.
Ngược xuôi ít lúc thư nhàn,
Xuân thu mấy chốc tuyết sương mái đầu.
Đinh ninh hai chữ cao sâu,
Phận con báo đáp sớm hầu thăm nom.
Cháu con quanh quẩn sớm hôm,
Tuổi già cánh hạc, hoa thơm cuối mùa.
Cầu ơn Trời Phật sớm trưa,
Gia đình hạnh phúc, ơn mưa móc Trời.
Chúng con xin nguyện với đời,
Làm sao cho khỏi hổ người cưu mang.
Cha già soi đuốc hành trang,
Mẹ già mẫu mực con ngàn ghi sâu.
Cầu xin cha mẹ sống lâu,
Hơn trăm tuổi thọ nguyện cầu đêm đêm.
Mùa Tạ Ơn, Mạnh Đông năm Bính Thân 2016

Hồng Ân.

Đi – Ở – Về

Tịnh-Chí

Đầu tháng 7 năm 2014, gia đình tôi gồm sáu người rưỡi, tôi, con trai lớn, con trai út và vợ đang mang bầu, với hai cháu nội cùng về "Hái khế ngọt." Gia đình con út về Lào trước tôi một tuần để thăm quê hương bên vợ.

Tại quầy kiểm tra giấy thông hành ở phi trường Tân Sơn Nhất, tên hải quan trẻ trông có vẻ lúng ta lúng túng. Thằng con tôi ra hiệu cho mẹ lùi xa một chút (tránh sự hiện diện của người thứ ba) rồi móc ví lôi tờ bạc lẻ, làm cái "Thủ tục đầu tiên" đúng vào lúc chiếc Camera chiếu thẳng nên hắn do dự, miễn cưỡng gấp tờ hộ chiếu hoàn trả cho mẹ con tôi.

Tôi thở phào nhẹ nhõm !

Tại quầy kiểm tra hành lý, sau khi đã cho qua 3 kiện hàng, đến kiện hàng cuối cùng, nhân viên kiểm tra chận lại "Cái thùng này của anh cần giữ lại để kiểm tra". Thằng con tôi, miệng OK, tay móc tờ bạc nhét vội vào tay hắn." Được tiền như cởi tấc lòng", mặt hắn tươi rói đưa tay ra hiệu cho qua.

Tôi lại thở phào nhẹ nhõm !

Khoảng chục năm trở lại, cái vấn nạn hối lộ tại phi trường Tân Sơn Nhất diễn ra quá lộ liễu; muốn mọi việc được nhanh chóng suông sẻ, chỉ cần kẹp vào hộ chiếu tờ bạc 5 hoặc 10 đồng để "Bôi trơn" (từ Việt Cọng) thế là xong !

Kể ra, họ cũng còn biết giữ cái sĩ diện, sợ mất mặt bầu cua với du khách nước ngoài đã cấm nhân viên Hải quan không được nhận tiền của hành khách. Nói vậy nhưng không phải vậy, gặp thuận tiện là cứ "Vơ vào" đâu ngán thằng Tây nào !

Bốn thùng hàng vừa được đẩy ra cửa, thân nhân nào Anh, nào Chị, nào Em nào Cháu, chạy lại ôm chầm, mừng mừng tủi tủi, mắt lệ nhạt nhòa.

Người nhà đã chuẩn bị hai chiếc xe van đi đón rước, vậy mà bọn Taxi cứ bu lại như ruồi. Ai không có thân nhân đón rước, thường bị tài xế chở đi lòng vòng để moi thêm hầu bao của khách, lại thêm một vấn nạn (lại từ của VC)

Tôi vừa dạo chơi trên trang mạng, được biết nhiều lần xảy ra nạn lấy cắp đồ của khách ở phi trường. Họ sẽ giữ lại thùng hàng nghi là có hàng xịn. Rồi thông báo với khách là thùng hàng đã bị lạc, phải CHỜ họ khui thùng hàng tại một phòng khác, lục soạn lấy bớt những món quan trọng; cũng có khi tuyên bố thẳng

thừng là hàng bị thất lạc để chỉ được bồi thường 300 đô la. Muốn thưa kiện hả, có mà kiện củ khoai! Chuyện chỉ xảy ra ở dưới chế độ CS, sau cuộc đổi đời!

Xe từ từ lăn bánh trong cái biển người loi nhoi, lúc nhúc tựa như đàn dòi. Dọc theo dãy phố trưng đầy bảng hiệu, bảng quảng cáo đủ màu đủ cỡ, với những cái tên Tây,Tàu, Mỹ, Việt. Tội nghiệp Saigon, hòn ngọc Viễn Đông giờ đây bị nhồi nhét quá tải như một quả bóng bơm căng. Saigon khác nào một ả giang hồ đã về chiều diêm dúa nhiều lớp phấn son, nhưng khó giấu vẻ mệt mỏi, phờ phạt lăn lóc cùng năm tháng. Đường xá cũng đèn xanh, đèn đỏ, bảng hiệu, lane liếc như ai, nhưng mặc kệ đường ta, ta cứ đi, len lỏi giành từng tât đất bất kể luật lệ, bất kể cảnh sát giao thông, Đúng là "Cái xứ gì đâu thật lạ kỳ, đèn Xanh cứ chạy, Đỏ cũng Đi" Đã vậy còn bóp còi inh ỏi xăng bụi mù trời khiến Hồ Chí Minh muốn nghẹt thở! Sai gon chưa kể những cơn mưa to bất ngờ đổ xuống thì ôi thôi Hồ Chí Minh trông lóp nhóp, lãnh đủ những luồng nước hôi hám đen ngòm từ các cống rãnh. Xe cộ người ngươì bì bõm trong biển nước mênh mông. Nhiều xe máy lật nhào, xe lớn bị chết máy cứ nằm ì, la liệt, gây nên cảnh "ùn tắc" (nhại từ VC) Đó là nhờ sự sáng suốt của giới lãnh đạo cho tu bổ đường sá, cầu cống vô tội vạ, mặt khác, người dân sống dưới chế độ XHCN không có ý thức về sự đổ rác bừa bãi làm nghẹt cống rãnh. Thủ đô Hà nội cũng không hơn gì!

Đó là cái ưu việt của đỉnh cao trí tuệ, vốn xuất thân từ hoạn lợn, cạo mủ, ở hang động, rừng rú lên cầm quyền đã khiến đất nước tan hoang, đẩy đời sống người dân thụt lùi, xuống hố cả nút (XHCN) !

Đây là chuyến về quê lần thứ ba, theo chu kỳ mỗi bảy năm. Chuyến đi này theo lời khẩn cầu của ba bà Dì, thế hệ trên tôi còn sót lại, các bà quá già yếu, chẳng biết ra đi lúc nào, vậy mà mới tháng trước đây, một chiếc lá vàng rơi rụng ở tuổi 93, quả cuộc đời vô thường! Sau việc thăm viếng bà con, họ hàng, việc thăm viếng mồ mả ông bà, tổ tiên cũng khá quan trọng.

Thời gian ở VN có hơn 3 tuần mà phải đi nhiều nơi: Saigon, Biên Hoà, Bầu Cá (Đồng Nai) Phan Rang, Qui Nhơn, Quảng Ngãi. Tôi tranh thủ (nhại từ VC) theo thứ tự lộ trình, mỗi nơi chỉ ghé vài giờ để drop thùng quà rồi đi cho kịp ngày giỗ cha chồng tôi ở Qui Nhơn vào ngày 9 tháng 6 ta.

Trước hết là Bầu Cá, nơi gia đình tôi đã sinh sống 12 năm, sau khi chồng tôi được xuất trại, bị chỉ định đi Kinh tế mới và cũng là nơi ở cuối cùng trước khi xuất cảnh theo diện HO,vậy là: Tôi đã ĐI MỸ .

Chiếc xe van lại lăn bánh hướng Phan Rang, thành phố bé nhỏ ôm ấp nhiều kỷ niệm vui buồn tuổi thơ của tôi. Tài xế cho ghé Nha Trang vài giờ để hai cháu nội và con dâu Lào chiêm ngưỡng cảnh đẹp của miền Thùy Dương cát trắng.

Việc cúng giỗ và thăm viếng mồ mả ở Qui Nhơn hoàn tất sau vài ngày, chúng tôi lại thẳng tiến ra Quảng Ngãi, thăm mồ mả, cúng kính tại nhà từ đường phía ngoại của chồng tôi: Dòng họ Tôn Thất. Đây là chuyến về thứ hai. Bà con họ hàng thảy đều vui mừng, xúc động. Bởi vì Chồng tôi dù đã khuất bóng từ lâu, đường xá xa xôi, dịu vợi, tuổi già sức yếu, tôi vẫn giữ đạo dâu con đùm túm mẹ con, bà cháu về. Sau đó lại ghé Qui Nhơn trước khi xuôi Phan Rang.

Mỗi lần xe bò lên đèo, đường quanh co, khúc khuỷu, một bên là vách đá sừng sững, một bên là vực thẳm nước xanh một màu, tôi nhắm mắt, lâm râm cầu nguyện.Nhiều đoạn đường dằn xóc, vì nhiều "ổ voi"cứ vá víu hết chỗ nọ đến chỗ kia, kéo dài ngày này qua tháng nọ, sửa vừa xong thì đâu lại hoàn đó, nghĩa là bất cứ lúc nào, bất cứ ở nơi đâu họ đều dẫn theo hai cái gã "Nguyễn Y Vân" và "Vũ Như Cẩn". Xe cứ phải rề rề, ăn ngủ thất thường tuổi già như tôi nhiều hôm phải leo núi giữa trưa nóng như thiêu cũng đủ bá thở !

Trở lại Phan Rang, ở đâu cũng thế có nhiều thay đổi, tôi không dám ra ngoài một mình. Mấy đám ruộng lúa, phía sau nhà tôi nay được lấp, thay vào cái hồ sinh thái, chứa toàn nước thải hôi hám, đen ngòm từ các cống rãnh, muỗi mòng vô kể, chỉ có giống bèo Nhật là phát triển mạnh. Hằng ngày họ phải đi xuồng, dùng sào để vớt bèo rồi phơi từng đống như đống núi. Họ đã làm cái việc vô bổ, lợi bất cập hại. Cũng như sở cam bạt ngàn trái vàng trĩu trông thật bắt mắt thế mà, họ chặt bỏ để trồng mì, rồi thấy chẳng nên cơm cháo gì họ lại phá bỏ; nói chung xây dựng thì lắm, phá bỏ cũng nhiều!

Các con tôi tổ chức đi Đà Lạt, tôi ở nhà hàn huyên cùng các dì. Năm 2007,vợ chồng tôi cùng bà con đã đi một chuyến thật thú vị. Giờ đây, hồi tưởng lại: Từng ngõ ngách quen thuộc, từng cái không gian bé nhỏ, cho đến bất cứ câu chuyện có liên quan đến "một nửa" của tôi, khiến dạ bùi ngùi, xao xuyến, tôi phải cắn chặt răng.

Hành trình tiếp theo là Biên Hòa, gia đình cậu em tổ chức đi Vũng Tàu, Long Hải, tắm biển, thưởng thức hải sản ngay bãi tắm thật thú vị. Về cuộc sống, bà con ở Phan Rang cũng khá ổn định, nhà cửa khang trang, tôi tạm an lòng. Tuy vậy, cái hầu bao vơi nhiều vì tiền lì xì cho các cháu rất đông, một số bà con xa hoặc láng giềng, láng tỏi đang gặp khó khăn, bệnh hoạn ngặt nghèo. Tôi có cô bạn ở tiểu bang khác cũng gửi 500 đô để góp phần giúp những ai khốn khó. Bạn tôi quả có cái tâm Bồ Tát thật đáng ngưỡng mộ !

Sáng sớm, ngày cuối, tôi ghé thăm anh chi họ ở Saigon, cho đến chiều lên máy bay VỀ MỸ. Hơn hai thập niên trước, gia đình tôi xách vali ĐI MỸ giờ đây thì là VỀ MỸ. Động từ ĐI diễn tả hành động đến một nơi nào đó trong khoảng thời gian ngắn, còn

động từ VỀ chỉ hành động đến một nơi nào mình đã sống thật lâu hoặc sẽ ở thời gian lâu dài. Vậy thì: Tôi VỀ MỸ.

Hơn 40 năm trước, khi vào "giải phóng miền Nam, ngay chính đồng bào tôi (có nghĩa người cùng một bọc, một nước)cùng một màu da, cùng ngôn ngữ và nhất là xưng mình là con cháu Hồng lạc, mà đã nhẫn tâm đuổi gia đình tôi ra khỏi nhà để cướp toàn bộ nhà cửa, tài sản của Gia đình tôi trong đợt đánh tư sản vào ngày 4/10/1975. Họ lại đưa chồng tôi cũng như các quân dân cán chính chính quyền cũ lên rừng thẳm núi cao để lao động khổ sai dưới mỹ từ Học tập cải tạo. Thấy túi chưa đầy, họ cướp trắng trợn bằng ba đợt đổi tiền, mục đích là làm bần cùng hóa nhân dân miền Nam, rồi lại bán bãi thu vàng cho người vượt biển, biết bao sinh mạng làm mồi cho cá. Cái tội ác của CS không bút mực nào kể xiết !

Trong khi đó, nước Mỹ đã dang tay, đón nhân đồng bào tôi, gia đình tôi đến bến bờ tự do. Tôi không phải hằng đêm giật mình thức giấc vì viễn ảnh cướp bóc, tù đày, tôi không phải vất vả ngược xuôi từ đầu chợ đông đến cuối chợ tây, không phải một nắng hai sương bán mặt cho đất bán lưng cho trời vì miếng cơm, manh áo và nhất là khi đau bệnh dù nặng hay nhẹ cũng được chính phủ Mỹ tận tình săn sóc Cho nên:

Với Việt Nam,quê hương ruột thịt của tôi thì là Tình. Với nước Mỹ,quê hương thứ hai của tôi là Nghĩa. Tình và nghĩa là một thứ tình cảm thiêng liêng, mật thiết như cá với nước, khó tách rời, khó so sánh, hoặc đong, đo, cân đếm.

Suốt trên hai thập niên sống trên đất Mỹ, tôi chỉ về quê hương tôi vài ba lần, vài ba tuần, rồi lại VỀ MỸ Tôi không thể bảo là Đi MỸ và lại càng không thể bảo là Đi Việt Nam mà phải khẳng định là VỀ MỸ và VỀ Việt Nam. Vì tôi có hai quê hương mà ! Đất mẹ Việt Nam, nghèo nàn và bé nhỏ của tôi, bên kia bờ đại dương đã phải đứt từng khúc ruột chứng kiến bao cảnh huynh đệ tương tàn, nồi da xáo thịt. Nơi đó phảng phất hồn thiêng sông núi của tiền nhân đã có công dựng nước và giữ nước. Dầu gì tôi cũng không chối bỏ quê hương tôi bởi có bao giờ "con chê cha mẹ khó, chó chê chủ nghèo". Cho nên, ước mong một ngày nào đó đất nước sạch bóng quân thù, cờ vàng ngạo nghễ tung bay, quốc ca VN sẽ hùng hồn trỗi dậy trên khắp nẻo đường đất nước. Chúng ta lại cùng VỀ. Chắc chắn sẽ có một ngày không xa, bởi một chế độ vô nhân, đi ngược lại lòng dân thì khó mà tồn tại. chúng ta tự hào về đất nước ta và không quên dạy các cháu nội ngoại dù chúng không được sinh ra và lớn lên nơi đất mẹ Việt Nam, nào bà cháu mình hãy cùng hát to:

V-N là Việt Nam oai hùng
V-N là Việt Nam muôn năm !

Tịnh Chí



Thương Tiếc

Bac Só Tröông The Phiet

Phan Thanh Hùng

Đưa người ta không đưa sang sông
Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng?

Đây là hai câu đầu bài " Tống biệt hành" của Thanh Tâm viết. Bài thơ không lạ gì với chúng ta, ai trong chúng ta cũng có dịp đọc đôi lần. Nhưng hôm nay ý thơ làm hồn người xao xuyến. Tác giả, nhà thơThanh Tâm đưa người thân vào nơi gió cát trong thời chinh chiến, chuyến đi có vô vàn nguy hiểm đang rình chờ. Kẻ tiễn người đi lòng lo lắng, nôn nao dù đưa nhau đến tận cổng làng, trên con đường quê quen thuộc vẫn nghe thổn thức như trong hồn có tiếng sóng vỗ não lòng. Kẻ ra đi có thể không về, hi vọng buổi tao phùng khi chinh chiến tàn vẫn có thể xảy ra. Nhưng chúng ta hôm nay đến đây tiễn người bạn thân yêu một quãng đường chót của kiếp nhân sinh rồi vĩnh viễn chia xa, chẳng còn có thể thấy lại nhau ở kiếp này, ai lại chẳng thấy ngậm ngùi và khó cầm được nước mắt rơi!

Vẫn biết tử sinh là lẽ tự nhiên của đất trời. Sanh và diệt là sự bắt đầu và chấm dứt của một đời người và quyền quyết định thuộc về một đấng tối cao nào đó. Nhưng sự ra đi của bạn chúng ta nó thảng thốt quá, bất ngờ quá, không có điềm báo trước, chưa nói với nhau một lời giã từ, làm chúng ta không khỏi bàng hoàng nuối tiếc. Bạn ta đã thong thả đi rồi, thôi thì chúng ta cùng nhau hợp thông cầu nguyện cho bạn sớm vãn sanh vào cực lạc quốc, sống một đời thanh nhàn, chẳng một phút buồn lo.

Thử ôn lại những kỷ niệm với bạn ta mới thấy bạn Phiệt dễ thương biết chừng nào ?! Nhớ những năm sau hiệp định Genève, đất nước chia làm hai miền theo hai thể chế chinh trị khác nhau. Miền Nam Việt nam, nhất là những tỉnh bị tàn phá

nặng nề bởi chiến tranh gấp rút xây dựng lại đời sống. Công tác giáo dục đào tạo thanh niên được đề cao nhưng trường ốc thiếu thốn. Muốn học trường công phải qua cuộc thi cử khó khăn, bạn ta đã oanh liệt đậu thủ khoa trong kỳ tuyển sinh trước hàng ngàn thí sinh dự tuyển. Trong các niên học tại Trường Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn, tháng nào trong buổi chào cờ đầu tháng bạn của chúng ta cũng được khen ngợi về thành tích học tập và hạnh kiểm tốt. Thông minh, chăm chỉ là những chỉ dấu cho thấy tương lai và sự nghiệp của bạn chắc là sẽ rất sáng lạng đang chờ trước mặt. Phiệt đã thi đậu vào trường Đại học Y Khoa Saigon, một nơi mà các học sinh cả nước đều ao ước !.

Bạn chúng ta có một cá tính đặc biệt khiến bạn ta có nhiều bạn thân thiết, chí tình đó là không kiêu căng khi gặp thời và không nản lòng khi thất chí. Sống hết lòng với bè bạn. Tốt thay một người bạn hiền!

Bạn ta cũng là một kẻ tài hoa, biết viết văn, làm thơ. Bạn ta ký bút hiệu là Quân mạc Vấn lấy từ câu thơ của Cao bá Quát (thế sự thăng trầm quân mạc vấn nghĩa là cuộc đời lên xuống bạn hỏi làm gì). Bút hiệu thì như thế, nhưng bạn của chúng ta là một người năng động, có tinh thần xã hội cao, tha thiết với tiền đồ đất nước và là một người Quốc gia chân chính. Bạn ta là một người sốt sắng trong sinh hoạt của Gia đình Lại Giang, muốn kết nối các cựu học sinh miền Bắc Bình định trong tinh thần tương thân tương ái. Bạn ta cũng hy sinh thì giờ rảnh rỗi giữ chức hội phó Hội Tây sơn Bình Định Bắc Cali, một tổ chức của người đồng hương Bình Định đang tỵ nạn cộng sản tại Bắc Cali.

Bạn của chúng ta dễ thương, đáng mến như vậy đó, thế mà bạn sớm ra đi . Phiệt mất đi, gia đình thiếu đi một người gia trưởng để vợ con nương nhờ, chúng ta mất đi một người bạn thân yêu có lòng với Quốc Gia Dân Tộc.

Mong bạn thong dong trên cõi Trời.

Tôi xin mượn mấy câu chót của bài thơ Tống biệt hành để chấm dứt bài ai điếu hôm nay :

Người đi, ừ nhỉ người đi thật!
Mẹ, thà như chiếc lá bay
Chị, thà như là hạt bụi
Em thà như hơi rượu cay.

Phan Thanh Hùng



MỘT VÌ SAO VỪA TẮT

Thái Tẩu

Tưởng Niệm Nhà Văn Võ Phiến

Người ta thường nhìn vào thế sông thế núi rồi bảo rằng Bình Định là đất *"Địa linh Nhân kiệt"*, là miền *"Đất võ Trời văn"*(1). Chắc cũng không ngoa vì Bình Định có : Anh hùng, Liệt nữ, Lương đống, Trung thần; có Hiển hoạn, Túc nho, Văn nhân, Thi sĩ mà ca dao địa phương đã nhắc đến *"Tháp xưa làm bút ghi tiếng Anh hào vào mây xanh"*.

Thế kỷ trước, Bình định có "Bàn Thành Tứ Hữu" là bốn ông bạn văn thơ ở thành Đồ Bàn : Hàn Mạc Tử (1912-1940), Chế Lan Viên (1920- 1989), Yến Lan (1916-1998) và Quách Tấn (1910-1992). Riêng quận Phù Mỹ của Bình Định, cũng có ba cây đại thụ trong vườn Văn học Việt Nam đã ngã xuống. Đó là : Tác gia Văn học Lam Giang NGUYỄN QUANG TRỨ mất ngày 07.09.2009 tại Bình Thạnh Sài Gòn VN, thọ 90 tuổi; Giáo sư LÊ VĂN (người chủ trương tập san Dòng Việt cùng với nhà văn Đoàn Khoách ở hải ngoại) mất ngày 01.01.2010 tại Huntington Beach California, thọ 83 tuổi. Và mới đây Nhà văn VÕ PHIẾN mất ngày 28.09.2015 tại Santa Ana Nam California, thọ 90 tuổi.

Tin nhà văn Võ Phiến mất đã làm nhiều người sững sốt, xúc động và vô cùng thương tiếc, bởi ông là một trí thức đích thực, tinh hoa của nòi Việt; là một vì sao sáng trên nền trời Văn học Việt Nam hiện đại, chẻ sợi tóc làm tư; là một công dân ưu tú có nhiều ưu tư, trăn trở với vận mệnh nổi trôi của Đất nước và Dân tộc.

Đôi dòng tiểu sử:

Nhà văn Võ Phiến tên thật là Đoàn Thế Nhơn, sinh ngày 20.10.1925 tại Trà Bình, quận Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Thuở nhỏ học trường làng. Lớn lên học trung học ở Qui Nhơn. Năm 1942 ra Huế học trường Thuận Hóa. Năm 1946 ra Hà Nội học trường Văn Lang đến tháng 12/1946 trở về lại Bình Định tham gia kháng chiến. Năm 1947 làm thuế quan ở Gò Bồi. Năm 1948 lập gia đình, kết hôn cùng cô Võ Thị Viễn Phố. Cuối năm 1955 ông ra Huế làm việc tại Nha Thông Tin, ít lâu sau chuyển về Bình Định làm Trưởng Ty Thông Tin. Khoảng năm 1963, ông xin chuyển vào Sài Gòn làm việc ở Bộ Thông Tin VNCH. Ông vừa là công chức vừa là nhà văn hóa hoạt động trong lĩnh vực Văn học Nghệ thuật.

Ông rời nước một tuần trước biến cố 30.04.1975. Một thời gian sau ông định cư tại Los Angeles và làm công chức cho Tòa Hành chánh của thành phố này. Tháng 4.1994 ông nghỉ hưu sau 15 năm làm việc. Năm 2003 ông mua nhà và dời gia đình sang Santa Ana Nam California . Nơi đây được xem như chặng định cư cuối đời.

Ông bà có bốn người con (3 trai, 1 gái) và ba cháu nội, một cháu ngoại, lại thêm ba chắt nội, đứa lớn nhất đã 10 tuổi.

Sự nghiệp Văn chương:

Có lẽ nhờ vào khí thiêng sông núi un đúc, cảnh trí đất nước con người tác động và sự đam mê mà Võ Phiến trở thành nhà văn lỗi lạc. Chín mươi năm trong cõi nhân sinh nhiều âu lo và bất an, rày đây mai đó, nhà văn Võ Phiến vẫn miệt mài viết lách một cách say sưa, mãnh liệt, liên tục và chung thủy với một bút pháp, văn phong riêng. Ông đã để lại đời một sự nghiệp văn chương đồ sộ về lượng và vô giá về phẩm, hơn 50 tác phẩm có giá trị văn học. 20 tác phẩm viết trước năm 1975 ở trong nước và hơn 30 tác phẩm viết sau năm 1975 nơi hải ngoại. Ông viết đủ các thể loại từ tự truyện, tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn, truyện thật ngắn, biên khảo, dịch thuật, đối thoại, tiểu luận, tạp luận, tùy bút và kể cả thơ. Loại nào ông viết cũng xuất sắc, nhưng có lẽ nổi tiếng nhất là tùy bút.

Bài tùy bút đầu tiên của ông có tựa là *"Những Đêm Đông"* viết vào năm 1943 đăng trên tuần báo Trung Bắc Chủ Nhật ký tên Đắc Lang. Tác phẩm xuất bản đầu tiên của ông là C*hữ Tình* (Qui Nhơn 1956) rồi *Người Tù* (Thời Mới 1957), *Mưa Đêm*

Cuối Năm (Sài Gòn 1958) và hầu như sau đó năm nào ông cũng có tác phẩm xuất bản. Ngoài ra, ông còn cộng tác viết cho các báo: Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Văn, Khởi Hành, Tân Văn và là một trong những cây bút chủ lực của Tạp chí Bách Khoa. Từ cuối năm 1970, ông chủ trương tờ Văn học Nghệ thuật, tiền thân của tạp chí Văn.

Ra hải ngoại, ông là một trong những nhà văn đầu tiên có công xây dựng nền Văn học Việt Nam Hải ngoại, chủ trương tập san Văn học Nghệ thuật từ 1978-1979, rồi từ 1985-1986 là tiền thân của tờ Văn Học sau này do Nguyễn Mộng Giác tiếp nối. Văn học Nghệ thuật là tờ Nguyệt san Văn Học có uy tín đầu tiên tại hải ngoại, một trào lưu văn học đích thực hội tụ những cây bút cũ và mới, tạo thành một phong trào Văn chương Tiếng Việt tại hải ngoại. Những thập niên sau biến cố 1975, người Việt tỵ nạn còn ít ỏi, thưa thớt, đói Quê hương và đói cả chữ nghiã:

"Ra đi bốn biển không nhà,
Lấy ngay tiếng nói xem là Quê hương
Cùng ngôn ngữ, một giống dòng"

(Mộc Mạc Tình Quê – VP)

Thật vậy, nghe được tiếng nói quen, đọc được chữ tiếng Việt thì đó là Quê hương, Nòi giống rồi hà tất gì phải ruột thịt ? dịu ngay vết thương mất nước, lưu vong.

Trong các tác phẩm sáng tác nơi hải ngoại của nhà văn Võ Phiến phải kể đến bộ biên khảo *"Văn Học Miền Nam Tổng Quan"* (Văn Nghệ 1986) khá đồ sộ và đáng tin cậy, gồm nhiều tập viết về Văn học Miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975, nhằm lưu giữ lại nền Văn học Miền Nam thời phồn thịnh đã bị chính quyền CSVN tiêu hủy sau năm 1975. Và toàn bộ tác phẩm trước đây cũng được ông in lại trong *"Võ Phiến Toàn Tập"* gồm 9 quyển (Văn Nghệ 1993).

Bài viết của ông vào năm 2009 có tựa đề "*Cái Sống Hững Hờ*" xem như bài viết cuối cùng vì sau đó không thấy ông viết nữa. Trong tác phẩm này có đoạn ông viết *"Tạo hóa có lòng lành, nhón tay khe khẻ điều chỉnh lòng người. Tuổi người càng cao lòng người càng bớt sôi nổi, bớt tha thiết. Rốt cuộc còn lại một sự hững hờ : Chết ? ai mà khỏi ? việc gì phải sợ ? () Chỉ mong những bước chân đến ngôi mộ của chính mình sẽ là những bước thong thả, hững hờ. Đại khái thế thôi"*. Và năm 2010, ông cho in tác phẩm cuối cùng mang tên "Cuối Cùng"

gồm tạp bút và những bài thơ mới viết. Sau đó ông dành thì giờ vui cùng con cháu, thù tiếp bạn bè và an hưởng tuổi vàng bên người vợ hiền lành, thàng hậu., yêu chồng.

Ra đi tuổi chẵn năm mươi
Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về
Ngàn năm mây trắng lê thê.

(Về - Võ Phiến -1975)

Mãi miết ra đi đâu tính đến
Đến nơi nào ?
Bảy tám mươi năm rồi cũng đến
Đến rồi sao ?

(Đến- Võ Phiến-1998)

Luận Định Văn Nghiệp :

Ở đời việc khen chê là lẽ thường tình, nhưng đối với nhà văn Võ Phiến, khen nhiều hơn. Những nhà văn lão thành đồng thời với Ông như cụ Nguyễn Hiến Lê nói : *"Nổi tiếng nhất là nhà văn Võ Phiến"*, cụ Đông Hồ cũng vậy *"Võ Phiến là nhất Việt Nam"*.

Bàn về sự nghiệp văn chương của nhà văn Võ Phiến, nhà văn Đặng Thơ Thơ khẳng định : *"Ở nhà văn Võ Phiến và tác phẩm của ông, đây là một hành trình trên 60 năm của một sự nghiệp bền bĩ, năng động, đa dạng và sáng tạo từ Văn học Miền Nam đến Văn học Hải ngoại, một vị thế phải nói là duy nhất"*

Nhìn vào hơn 50 tác phẩm để lại đời, ai cũng phải công nhận văn nghiệp của nhà văn Võ Phiến quả thật là đồ sộ, một khối gia sản văn hóa vô cùng qúy gía trong kho tàng Văn học Dân tộc, chủ bút Phan Tấn Hải trên Việt Báo one line đã hết lòng ca tụng Võ Phiến như sau : *"Với tôi, văn nghiệp của ông là những cánh đồng xanh, nơi đó ông dẫn độc giả qua các vườn kỳ hoa dị thảo, và khi đọc văn ông, chúng ta có thể đọc đi, đọc lại một trang, thậm chí một đoạn văn mà vẫn thấy ưa thích và nhận ra có điều để đọc. Với tôi, văn nghiệp Võ Phiến cũng là một ngọn núi, nơi nhiều nhà văn có thể ngước lên nhìn và tự nhủ sao cứ mãi thấy bóng mát của ông lẩn khuất trong ngòi bút của mình"*

Ký mục gia Bùi Bảo Trúc, trong một bài viết ngắn ông nói

: *"Võ Phiến là một ông già tinh quái. Và càng đọc càng nhớ lại những tác phẩm của ông thì càng thấy đó là những mô tả rất đúng về ông. Nhất là trong những tùy bút của ông. Ông chẻ những sợi tóc không phải làm tư, mà thành 16, 18. Một cộng giá ông tìm thấy trong một tô hủ tiếu ở Gia Nghĩa, cái bóng đèn hột vịt, tiếng rao hàng buổi trưa, ly cà phê ở một tiệm nước tỉnh lẻ, sợi khói quằn quại từ một cánh đồng đọc lên mà ứa nước mắt nhớ về quê hương cũ".*

Thật vậy, những tác phẩm của nhà văn Võ Phiến khi đọc lại ở bất kỳ không gian nào, thời gian nào ta cũng thấy thú vị, lôi cuốn. Và, hầu như không có hoàn cảnh nào trong cuộc sống đời thường mà nhà văn Võ Phiến không nhắc đến. Quả là độc đáo, độc đáo ở câu chuyện, độc đáo ở nhân vật như chị Lộc, anh Bốn Thôi, ông Ba Thê và cả cô Bạch mới mười mấy tuổi đầu đang ngồi rửa chén bên cầu ao nghêu ngao bài Thương Hoài Ngàn Năm.

Đa số các nhà phê bình văn học và độc giả cho rằng Võ Phiến thành công nhất ở thể loại tùy bút. Giáo sư Trần Đình Sử nói : *"Trước đây ta cho rằng Nguyễn Tuân viết tùy bút số một, nhưng còn Võ Phiến. Nhiều khi tôi trộm nghĩ tùy bút Võ Phiến không hề thua kém, thậm chí có khi hơn"*. Nhà phê bình Đặng Tiến từ Pháp cũng công nhận tùy bút của Võ Phiến rất đa dạng, ông nói : *"Tùy bút là thể loại mà Võ Phiến thành công nhất, để lại nhiều tác phẩm và tư liệu hay nhất"*

Nhận xét về bộ sách "Văn Học Miền Nam Tổng Quan" gồm nhiều tập, ông Phan Phú Minh báo Thế Kỷ 21 phát biểu trên đài Á Châu Tự Do rằng : *"Sản phẩm đầy công sức mang tên Văn Hóa Miền Nam Tổng Quan được ông viết sau khi ông sang Mỹ định cư một thời gian ngắn. Nền Văn Hóa Miền Nam gần như hồi sinh sau khi Văn Hoá Miền Nam Tổng Quan ra đời, từng trang sách, từng tác gỉa xuất hiện trong đó làm người đọc hiểu thêm giá trị văn học sau khi nó vĩnh viễn bị mất đi. Về lĩnh vực nầy công đầu thuộc về Võ Phiến mà không ai tranh cãi"*

Nhà phê bình, Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc ở Úc đánh giá : *"Nói chung đó không những là thành tựu lớn của nhà văn Võ Phiến sau năm 1975 mà thậm chí đó là thành tựu lớn nhất của cả hải ngoại nói chung về Văn Học Miền Nam trước 1975. Cho tới bây giờ chưa có người nào viết về Văn Học Miền Nam một cách đầy đủ, sắc sảo, tinh tế như vậy"*.

Ngoài ra, những bài bình luận chính trị, những tác phẩm viết trước năm 1975 như "Bắt Trẻ Đồng Xanh" v.v, chứng

tỏ ông rất am hiểu chủ nghĩa CS, ông phân tích rất sâu sắc, nhận xét rất chặc chẽ; vì vậy ông bị chính quyền csVN xem là nhà văn phản động, một cây bút biệt kích nên sách của ông mãi đến bây giờ chưa thấy phổ biến ở Việt Nam. Các nhà văn trong nước có dịp sang Mỹ như Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Khải v.v đều đến thăm ông và nể trọng đức độ, tài bác văn cường ký của ông mà không có điều chi ngăn cách.

Chặng cuối đời .

Gần như hầu hết các nhà văn, nhà thơ mặc dù đã chọn văn chương làm nghiệp dĩ cũng đành đưa nó sang nghề "tay trái" như Tản Đà đã than *"Văn chương hạ giới rẻ như bèo",* mà chọn một nghề tay phải (Công chức, nhà giáo v.v) để ổn định kinh tế gia đình. Nhà văn Võ Phiến cũng không ngoài sự lựa chọn đó.

Sau 23 năm sống, làm việc và viết lách ở Los Angeles, ông chờ bà cùng về hưu, ông đã chọn mua nhà và dời cả gia đình sang ở đường số 5, thành phố Santa Ana Nam California trong một khu dân cư yên tịnh, an ninh, phong quang, thích hợp cho việc đọc sách, sáng tác, hưu dưỡng. Căn nhà mới này, theo bạn bè kể lại gồm hai tầng, có sân trước và khu vườn nho nhỏ bên cạnh dẫn ra phía sau nhà, xinh xắn, êm đềm, yên tĩnh, ngăn nắp na ná như căn nhà ở Los Angeles phản ảnh cuộc sống và cái tâm của gia chủ.

Từ nhà nhìn qua bên kia đường đã thấy công viên cây cối xanh tươi,cạnh là CLB sân golf của người Mỹ, có tiệm ăn. Ông bà thường đưa nhau ra đây nhìn trời mây non nước, thư giãn và ăn uống xem như " bếp nhà". Xa hơn chút nữa là khu sinh hoạt của người Việt và chợ búa.

Từ ngày dời về căn nhà mới này, bạn bè thêm đông, bà con thêm lắm, con cháu thêm thuận tiện nên lại cũng thường lui tới, thăm nom, giúp đỡ tạo ấm ấp cho tình gia đình

Các nhà văn, nhà thơ, các nhà hoạt động Văn học Nghệ thuật khi có dịp về Nam Cali. thường ghé đến thăm ông. Sau tuần trà song ẩm, đối ẩm theo kiểu Nguyễn Tuân, bà Võ Phiến thường hướng dẫn khách ra sau vườn khoe tài trồng trọt và cũng là nơi có dựng bức tượng bán thân bằng đồng do điêu khắc gia Ưu Đàm thực hiện. Dường như bà cũng có "tay" trồng trọt rau cải, cây trái, hoa quả, hồng, quít, thanh long thứ nào cũng trĩu cành, xanh ngọn. Đó là thú vui vườn tược của bà mà bà

còn nhằm tạo cảnh cho ông thư giãn, gây cảm hứng cho ông viết văn làm thơ, hoặc quyến rủ lũ cháu chắt năng về thăm nom, ngắm, phá. Những dịp vui này, bà thường kể lại chuyện tình của ông bà với bài thơ đưa duyên hồi mới 14, 15 tuổi có tên là "Thu Ca" mãi đến bây giờ bà vẫn còn nhớ :

Tháng chín rồi
Ngày mỏng quá ngày ơi,
Sắc xanh là sắc da trời
Mong manh là khói, lặng lời là mây.

Sau đó ông bà yêu nhau, lấy nhau, cùng dắt tay nhau, hoạn nạn cùng chia, sung sướng cùng sẻ. Nếu có ai cắt cớ hỏi " Chị có ghen không ?" Chị mỉm cười mà rằng *" Nhà văn là nòi tình mà "* nhưng chị vẫn biết anh yêu chị, chung thủy cùng chị, mới cùng bên nhau đi gần cuối con đường " Nhân sinh bách tuế vi kỳ "trong một gia đình nếu sống chung nhau, ngày xưa gọi là "Tứ đại đồng đường". Còn về ông, mỗi khi nhắc đến người Bình Định, ông tự nhận mình "quê mùa" không thể so sánh với các vùng đất Văn học khác.

Riêng nhìn vào việc đặt bút hiệu của ông cũng có vẻ tinh quái, khác thường, ông lấy tên vợ : Viễn Phố đọc lái lại thành Võ Phiến, bút hiệu của ông, và lái thêm một lần nữa : Viễn Phố thì hiểu ngay - chẳng muốn xa vợ.

Võ Phiến vẫn mãi gần bên Viễn Phố,
Thế Nhơn luôn còn ở với người đời
(Bùi Bảo Trúc)

Và thêm nữa, nhìn hai ông bà cùng vịn chiếc xe senior walker đi dạo bộ trên đường phố thì rõ. Họ, thủ thỉ bên nhau giống như đôi bồ câu gật gù trên mái nhà, hay đôi chim cu rỉa lông nhau bên bờ dậu mà trằm trồ, mong ước. Nhưng tiếc thay ! Hôm nay nếu có ai đến nhà thăm nhà văn Võ Phiến, nhìn lên bệ tủ, những ngày trước có cặp hoàng hạc đứng song đôi nhưng nay đã bay mất một con, còn một con lẻ loi đứng nhìn đời hiu quạnh, ta biết thêm ý nghĩa chuyển dịch hai chữ Sắc Không của cõi ta bà và Vô thường của kiếp nhân sinh .

Thế thượng thê tồn phu vĩnh biệt;
Gian trung tử tại phụ hà phương ?!

Nhà văn Võ Phiến Tiên sinh,

Ông và tôi, người viết bài này, vốn đồng hương – Bình Định Xứ Nẫu, đồng nghiệp – cùng ngành Thông tin, đồng sở thích – yêu mến văn chương ông; nhưng tôi chưa được hân hạnh sống gần ông, cùng làm việc với ông để học những điều hay lẽ phải của ông. Thuở bên nhà, ông làm việc ở Bộ, tôi ở tỉnh lẻ. Ra hải ngoại, ông ra đi năm 1975 đi đây đi đó rồi định cư tại Los Angeles, tôi mãi đến cuối năm 1994, sau khi ra khỏi tù cải tạo mới sang Mỹ và định cư ở Houston, Texas thuộc loại "trâu chậm", dậm chân tại chỗ.

Khi nghe tin Nhà văn mất, Hội Ái hữu Tây Sơn Bình Định, Nhật Báo Người Việt ở California tổ chức Lễ Tưởng niệm Tiên sinh diễn ra trong không khí trang trọng tại phòng số 1 Peek Family Funeral với sự tham dự đông đảo của các nhà văn, nhà thơ, giới Văn học Nghệ thuật, Văn nghệ sĩ, bạn bè, độc gỉa và đồng hương Bình Định, mà kẻ này không có điều kiện để đến Cali viếng Giác linh Tiên sinh, tiếc lắm ! Vì vậy nên mới có mấy trang miên man này thay nén hương thành kính Tưởng niệm Tiên sinh và xin mượn câu đối của Huy lực BÙI TIÊN KHÔI - Thi sĩ Công huân Danh dự Thành phố Houston Texas cùng phúng điếu Tiên sinh :

Tài mệnh bởi lòng trời, đứt ruột từ ly chàng Võ Phiến ;

Bể dâu theo vận nước, đau lòng vĩnh biệt bạn Thế Nhơn.

Và kêu lên một tiếng thất thanh :

Thái Hư trường khiếu nhất thanh mãi còn,(2)

Ngàn năm thọ với nước non.

Lễ Chung Thất – 49 ngày Mãn phần
Cố Nhà Văn Võ Phiến Tiên Sinh

Thái Tẩu

(1)*"Bình Định Đất Võ Trời Văn"* Nhan sách của Ts Đinh Văn Liên viết về Bình Định. NXB Trẻ 2008.

(2)Đảo thơ *"Ngôn Hoài"* của Không Lộ Thiền Sư. Nguyên văn:

Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh,

Trường khiếu nhất thanh hàn Thái hư.

Tặng Ba,
Xuân Bính Thân 2016

Thấm thoát xuân thu tám chục ngoài,
Phong sương còn gợn nét "bô trai";
Đua chen một thuở, thời niên tráng,
Đùa cợt gian truân, bước dặm dài.
*

Xa cách gia đình, gót chiến chinh,
Thân trai thời loạn chí hi sinh;
Con thơ trao mẹ, thay nuôi dạy,
Bịn rịn cầm tay, hẹn thái bình.
*

Bảng đen phấn trắng, tạm xa rời,
Gối đất nằm sương chẳng nhớ nơi;
Đất đỏ lạ lùng tên mới gọi,
Tin về, người mải tận phương trời!
*

Bốn năm rong ruổi Biệt Động Quân,
Rừng núi sình lầy chẳng quản thân;
Bình Giã, Phước Long, bao nhiêu trận,
Nghe lặng hồn say truyện võ thần.
*

Mãn nhiệm rồi Ba mới trở về,
Giã từ cát bụi, giã sơn khê;
Trường xưa ấp ủ lòng mong đợi,
Hoài niệm triều xuân mộng thỏa thuê.

Half Moon Bay, một chiều Xuân Bính Thân cảm tác.
HỒNG ÂN



Nghệ nhân HÁT TUONG

Nguyễn Diêu

Quê hương Bình-Định tuy nghèo nhưng được nổi tiếng là miền đất Võ-Nghệ và Hát-tuồng, từ ngày xưa cho đến hôm nay. Nói về Võ-Nghệ có câu:

Ai về Bình-Định mà coi,

Con gái Bình-Định múa roi đi quyền.

Về môn hát tuồng tức Hát-Bộ, hay Hát Bội, Thi-sĩ Tản-Đà có câu:

Tuồng Bình-Định, kép Phú-Phong,

Nam-Ô nước mắm, tỉnh Đông chè tàu.

Hát-Bộ có người còn gọi Hát Bội. Tuy hai chữ "bộ" và "bội" khác nhau, nhưng nội dung tuồng hát,cũng như cách diễn xuất giống nhau. Chữ "bộ" có nghĩa là vừa hát vừa có bộ tịch để diễn tả đúng cách của nhân vật đang diễn. Còn chữ "bội"có phải vì mặc nhiều lớp xiêm giáp lộng lẫy hấp dẫn, " tức bội y" mà người ta gọi là hát "bội" chăng?. Hay là cũng có thể có một số người mê Đào Kép, bỏ nhà đi theo gánh hát, hoặc mê xem hát cho hết tuồng, mà bỏ con ,lén chồng , lẻn vợ để đi xem hát nên có người nói bội là bạc chăng?và có câu ca bắt vần như sau:

Hát Bội làm tội người ta,

Đàn ông bỏ vợ đàn bà bỏ con.

Ở đây chỉ kể những nghệ nhân hát hay nổi tiếng lúc bấy giờ, còn chữ "bội" hay "bộ" tuỳ theo người nhận xét.

Tuồng hát ngày xưa người soạn tuồng thường dựa vào các truyện của người Trung-Hoa, họ trích ra những đoạn hay, rồi làm thành một tuồng hát như: " Quan-Công quá ngũ quan trảm lục Tướng" hoặc " Quan-Công phò nhịTẩu" trích trong truyện Tam-quốc-chí diễn nghĩa. Do đó tên nhân vật trong tuồng toàn là tên Trung-Hoa, và những chữ cũng dùng chữ Hán nên khó hiểu. Tuồng hát bộ có một ý nghĩa sâu sắc, giáo dục thời bấy giờ. Nói lên sự TRUNG, HIẾU, TÌNH, NGHĨA, trọn vẹn. Người trung gặp nạn , người nịnh độc ác được vinh thân nhưng về sau bị đền tội. Kết thúc vở tuồng gọi là "Tôn vương" luôn luôn cầu chúc an lành, may mắn.

Mặc dù Đào, Kép, hát rất hay nhưng soạn tuồng không hấp dẫn sẽ mất khách. Kết thúc tuồng phải có "hậu" . Gian nịnh bị khai trừ, trung nghĩa được khải hoàn đem lại thái bình. Sau nầy người ta có soạn một số tuồng để thích hợp với lịch sử nước nhà, gọi là tuồng mới như: Nguyễn Trãi-Phi Khanh, Anh Hùng áo vải Tây-Sơn v.v..hoặc cũng có tuồng vui như: Chàng cóc cưới vợ.

Cách hóa trang và kẽ mặt phải cho giống nhân vật trong cốt truyện. Như quan Văn nếu là lão thì kẽ lông mày trắng, mang râu trắng, tóc trắng. Trung thần thường để mặt thật, hoặc kẽ mặt đỏ, râu dài như Quan-Vũ, mặt xanh như Địch-Thanh. Gian thần, nịnh thần, kẽ mặt trắng mốc như Bàng-Hồng, Hàn-Phụng. Tướng tài trung, dung mạo khôi ngô như Triệu-Tử-Long, tánh nóng nảy như Trương-Phi. Tướng hung tợn, kẽ mặt rằn ri, nhiều màu lẫn lộn, mang râu rìa, đó là tướng Phiên, Phiên tặc.

Y phục: Tùy theo vai mà mặc áo mão khác nhau, mũ cửu-long, áo long bào hay long cổn thêu rồng. Các quan văn võ tùy theo chức tước lớn nhỏ, đội mão cánh chuồng, mão bình thiên như Thái-sư thường đội. Các tướng mặc áo giáp, phía trước bụng giáp phải dài xuống tới đầu gối, để khi ra bộ cỡi ngựa lấy chân đá giáp bay lên tới vai mới gọi là giỏi. Đội mũ kim khôi, mang hia, đôi lúc sau lưng có cắm cờ lệnh tiễn, trông rất oai vệ.

Âm nhạc: Lúc hát phải có kèn thổi tò te, đờn cò tức đờn nhị hai dây kéo theo tiếng hát, trống chiến(trống nhỏ) đánh trống dùng hai dùi nhỏ đánh điêu luyện để tiếp sức cho tiếng hát. Ngoài ra còn có hai trống chầu (trống lớn) để trước sân khấu, mỗi bên một cái, đánh trống chầu chỉ một cái dùi lớn. Thường đánh trống nầy là để cho những người có chức có quyền,

hay những người khá giả mà họ biết cách thức hát bộ để đánh chầu khen thưởng hoặc bị phạt nếu hát sai. Khi Đào hay Kép nào hát hay diễn xuất tốt thì người ta đánh trống ầm ầm năm bảy tiếng hoặc liên hồi. Xong lấy thẻ tre bằng hai ngón tay dài độ 20cm mà người ta đã chuẩn bị sẵn để trên cái khay, lấy ném lên sân khấu gọi là tiền thưởng. Mỗi thẻ tương xứng năm mười xu gì đó. Mấy đứa trẻ con trong đoàn hát chạy ra thu gom những thẻ tổng kết lại để tính tiền được thưởng . Có người đánh chầu khi cao hứng và ra vẻ cao thượng ném nhiều thẻ bị cháy túi. Nên người ta nói cầm chầu là một trong đệ tứ cái ngu (cho vay, lãnh nợ, treo cu, cầm chầu) là vậy. Nếu người cầm chầu keo kiệt không thưởng thì bị hai chú hề diễu ra chọc quê. Trường hợp đã xảy ra như sau : Ông Lý-Trưởng nọ cầm chầu mà không có ném thẻ thưởng , bị hai chú hề ra đố vui: " Đố mầy cái gì rỗ chằn rỗ chịt, rỗ từ dưới đít rỗ lên là cái?"chú hề kia chịu thua. Ông Lý-Trưởng mặt bị rỗ nên xốn ý, nên gõ vào vành trống gọi là gõ "tang" để bắt tội bị phạt. Ông hỏi, cái gì mi nói cho trúng nếu không ta nọc cho mi 20 roi. Chú hề dạ thưa quan, cái đó là trái mít. Ông Lý-Trưởng bỏ dùi chầu đi về một lèo.

Cách hát bộ gồm có các loại sau đây:

1/ Hát Nam: Có hai loại : Nam Xuân và Nam Ai.

*Nam Xuân . Hát trong lúc vui, dạo chơi, ngắm cảnh. Hát từng tiếng một kéo dài ra, cứ 2 tiếng gộp lại thành một vế.

Ví dụ: Điền, tích.ngõ, toan.lần loãi, ự.

*Nam Ai. Hát trong lúc gặp buồn phiền, bi thảm, hoàn cảnh khó khăn, chia ly v.v..

phải hát nhiều luyến láy và ngân nga.

Ví dụ : Em ơi nghĩa vợ chồng(vế một hát kéo dài ra)thấm thía cùng nhau(vế hai cũng hát kéo dài ra)

2/ Hát khách. Hát đối đáp với nhau, hoặc chuẩn bị xuất quân ra trận, hoặc báo tin khẩn cấp. Hát cất lên từng tiếng một rồi ứ.

Ví dụ: Thỉnhựliễuựaiựbị

3/ Hát tẩu: Hát trong lúc bị giặc đuổi, hoặc mình đang

truy đuổi giặc. Hát nhanh hơn hát khách.

Ví dụ: Đông lộ triệt, tây hề lộ triệt. (truy đuổi giặc).

3/ Hát bạch: Hát lúc ra trận.

Ví dụ: Kỷ tải, tranh phuông, tại, chiến trường (chữ chiến trường ké dài).

Trong các điệu hát thì hát Nam nghe rất thâm thúy.

Làng Phú-Phong, Huyện Bình-Khê ngày xa xưa là cái nôi của hát bộ, nên đào tạo nhiều nghệ nhân hát bộ, có người được bang khen chức tước. Trường hát đầu tiên xây cất đơn sơ, mái tranh vách đất, ghế ngồi bằng gỗ dài, lúc đó dùng đèn dầu hoặc đèn man sông (manchon) vậy mà khách xem đêm nào cũng đông. Sau nầy ông Trần ích Trí, tên thường gọi ông Bát Én nhà giàu ở thôn Hòa- Lạc xã Bình-Tường mới xây dựng lại trường hát khang trang đầy đủ tiện nghi, đặt tên là trường hát Hồng-Lạc, trên đường Đống-Đa hiện nay vẫn còn.

Nghệ nhân hát hay được tiến cử ra Kinh-kỳ hát chầu Vua Quan, xem. Cụ Nguyễn Phàn ở thôn Trinh Tường xã Bình Tường được tiến cử hai lần. Nhờ cụ đóng vai Lưu-Bị quá xuất sắc nên được Vua phong cho chức Bát Phẩm. Nên người địa phương thường gọi ông Bát Phàn. Con trai trưởng của ông tên thường gọi là Bốn Chiêu hát không hay nhưng có công truyền dạy môn này cho các thế hệ sau. Người nổi tiếng sau nầy cũng được bang khen như ông Phan-Hiền ở thôn Lai-Nghi xã Bình-Nghi đóng vai Tiết-Cương quá là xuất chúng được phong chức Cửu-Phẩm. Địa phương gọi ông là ông Cửu Bảy (thứ 7) hay Cửu-Vị. Ông hát hay được nhiều người mê nên có câu:

Cửu-Vị hát ở ngoài đình,

Dù chồng có cấm thì mình cũng đi.

Ông Cửu Bảy cũng có mở lớp dạy hát để truyền bộ môn nầy cho con cháu trong thôn. Học trò của ông cũng có người được nổi tiếng hát hay như: Kép, Đặng kim Quy, Phạm Thường , Nguyễn đình Thảo. Đào, gồm có Đặng thị Tế, Huỳnh thị Lan

Nói chung các nghệ nhân hát bộ của tỉnh Bình-Định có rất nhiều Đào,Kép được nổi tiếng. Bộ ba kép (nam) nổi tiếng nhất lúc bấy giờ gồm có: Hoàng-Chinh, Long-Trọng,Tư-Cá. Người xem mê đã có câu sau đây:

Nói ra thì chuyện hơi kỳ

Chinh, Cá, Trọng hát chúng mình mê say.

Ông Tư-Cá tên thật là Nguyễn-Siễng ở Phú-Phong Bình-Khê là học trò của ông Bốn Chiêu, ông đóng các vai kép chính, giọng hát ngọt ngào, đẹp cả hình lẫn sắc nên nhiều khán gỉa mếm mộ. Ngoài Tư-Cá còn các ông sau đây cũng hát rất hay như: Ông Hai Liêu cháu nội ông Bát-Phàn sở trường đóng vai đàn bà, nổi tiếng nhất là vai Khương-Linh-Tá trong tuồng Sơn-Hậu. Ông Nguyễn Văn Minh thường gọi là Minh-Đỏ nổi tiếng vai Trương-Phi, Tạ-Ôn-Đình, Bàng-Hồng. Ông Ba Vân vai nịnh rất ghét. Ông xã Đại ở Bình Giang đóng kép độc. Ông Bầu Đồ người Nhơn-Thuận xã Bình-An, mặc dù ông nầy đã lớn tuổi, mắt bị tối nhưng hát vẫn còn hay. Mỗi khi ông lên sân khấu để hát phải trải chiếc chiếu ở giữa sân khấu, ông lấy chân dò chiếc chiếu để khỏi rơi xuống đất mới là tài.

Các Đào (nữ) nghệ sĩ nổi tiếng gồm có:

*Bà Ngọc-Cầm con ông Chánh-ca Đựng ở Phước An ,Tuy-phước. Bà chuyên đóng vai kép. Nổi tiếng nhất là vai Lữ-Bố trong tuồng " Lữ-Bố hý Điêu-Thuyền" do đóng vai nầy hay nên được các đấng mày râu thương mến.

Chuyện kể gánh hát Bà Ngọc Cầm lên hát ở thôn Định Quang Vĩnh Thạnh huyện Bình Khê. Người cầm chầu là ông Thầy Bảy (thầy thuốc Bắc) nhà giàu có, hào phóng, thích săn bắn và cỡi ngựa. Khi bà Ngọc Cầm bắt ngựa diễn tả điêu luyện quá là xuất chúng, hai trống chầu người đánh trống thưởng gần bể trống. Ông Thầy Bảy bưng cả khay thẻ thưởng ném lên sân khấu, bất cần số thẻ là bao nhiêu. Người xem trầm trồ chắc kỳ nầy ông Thầy Bảy bị cháy túi. Nhưng Ông đâu có cháy túi, sáng hôm sau, ông cho người mời Bà Ngọc Cầm đến nhà ông dùng cơm và lưu lại đánh tứ sắc.

*Bà Lệ-Suyền ở Tân-Kiều, An-Nhơn. Bà nầy nổi tiếng vai Điêu Thuyền.

*Hồng-Thu ở Nhơn-Hòa, An nhơn.

*Bà Thu-An ở An-Nhơn.

*Bà Ba Phụng ở Phú-Phong .

*Bà Ngọc-Tân quê Bồng-Sơn, sau nầy là vợ của Minh-Đỏ.

*Bà Triều (vợ Tám-Tín). Bà nầy không con , tuy tuổi đã lớn nhưng đóng vai đào rất trẻ tưởng như còn con gái đôi mươi.

Hằng năm những ngày cúng Xuân-kỳ,Thu-tế các Đình làng Miếu võ, nhất là các vùng biển cúng miếu thờ cá Ông cầu an khi ra biển làm ăn được bình yên, nên họ thường ký họp đồng gánh hát đến hát cống hiến Thần linh , sau bà con xem bói đầu năm. Do nhu cầu hát nhiều nơi nên bầu sô lập ra nhiều gánh hát, họ đi hát xa có khi đi ra ngoài Tỉnh cả tháng mới về.

Người Phú-Yên cũng hâm mộ hát bộ không khác gì người Bình-Định. Nhà văn Võ-Phiến nói người Phú-Yên là người Bình-Định nam tiến, quả đúng vậy, giọng nói và phát âm giống y chang người Bình-Định, cũng dùng chữ "nẫu" "dẫy na" "hèn gì". Vì vậy người Phú Yên mê hát bộ là phải.

Không nhớ rõ năm nào, gánh hát của Bầu Chạng, thường gọi Chánh ca Chạng vào Phú-Yên hát. Lúc đó có quan Tri Phủ dự khán. Đến vai Thái-sư Bàng-Hồng, anh kép diễn rất hay, làm cho người xem ai ai cũng căm ghét, đòi giết tên nịnh thần nầy. Ông quan Tri-Phủ đang cầm chầu gõ "tang" tức gõ vào thành trống ba cái. Tức thì ngưng hát vì gõ "tang" là bị chất vấn có khi bị phạt vì hát sai chỗ nào đó.

Ông Bầu mặc áo rộng ra sân khấu chắp tay vái. Dạ thưa bẩm quan lớn có điều gì dạy bảo. Quan Tri-Phủ bảo đưa tên nịnh Bàng Hồng ra đây ông bảo. Ta đánh tên nịnh thần nầy 30 roi, và ta thưởng cho anh kép nầy 30 đồng. Xong ông nói tiếp, ta đánh là đánh tên gian thần Bàng-Hồng phát ghét, và ta thưởng cho anh kép vì tài diễn xuất quá ư là hay. Lúc bấy giờ lúa có 15 xu một vuông mà anh kép được 30 đồng đem về mua lúa thì luá đầy nhà. Còn quan Tri-Phủ mua danh hào phóng chỉ có 30 đồng quá rẻ.

Xem hát bộ không những xem Đào Kép hát hay, đẹp trai đẹp gái, mà còn phải hiểu biết về tuồng tích, cách diễn xuất, bộ tịch, để phân tích cái hay cái dở của nghệ nhân. Vì không đủ trình độ, không có tài liệu tham khảo, nên người viết chỉ ghi lại những gì còn nhớ để bà con hồi tưởng về hát bộ đọc cho vui . Xin quý vị am tường về hát bộ thông cảm./.

Nguyễn Diêu

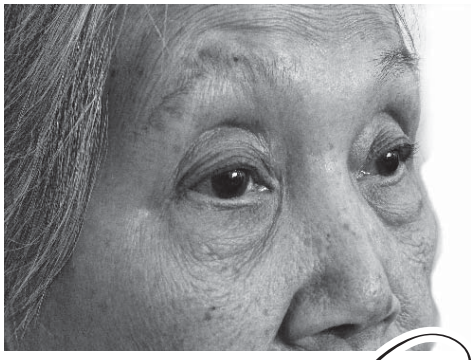

Vinh Danh Mẹ

Mẹ hiền trao trọn lòng thương,
Cho đàn con dại gió sương quản gì!
Mẹ cho con tuổi Xuân thì,
Vì con khuya sớm quên vì mảnh thân.
Mẹ ơi! Bao nỗi gian truân,
Cưu mang đùm bọc, muôn phần ấp yêu.
Mẹ nay tuổi hạc xế chiều,
Trải bao gian khổ, qua nhiều tử sinh.
Mẹ là nắng đẹp bình minh,
Đưa con đến chốn quang vinh với đời.
Mẹ là ngọn đuốc sáng ngời,
Dẫn đường con mẹ nên người thủy chung.
Tình nào để mẹ nấu nung!
Chờ cha bái tổ để cùng vinh qui.
Một lời từ độ tương tri,
Non sông còn đổi, khôn di tấc vàng.
Mẹ ơi! Rực ánh hào quang,
Con vinh danh mẹ trên hàng Từ Thân .

Mùa Xuân đặc biệt Bính Thân 2016
Hồng Ân

Mối tình THUẬN NINH

NGUYỄN NGỌC CHÂU

Cả tuần nay mẹ tôi bận rộn, người thức đến 2 – 3 giờ sáng để làm đủ loại bánh mứt chuẩn bị ngày giỗ bà Tổ Cô của chúng tôi. Sáng nay cũng như thường lệ mấy năm về trước, mẹ tôi thức dậy rất sớm, sửa soạn mấy khay bánh mứt đem lên nhà cậu họ tôi, ông Bùi Gia Tưởng, tại Phú Phong ăn giỗ.

Anh chị em chúng tôi lăng xăng đi tìm quần áo mới để mặc đi theo mẹ, nhưng mẹ tôi nghiêm nghị cự tuyệt. Hai chị lớn của tôi buồn bã trốn ra hè sau, ôm nhau khóc nức nở. Do đó mẹ tôi phải ra dỗ dành, an ủi và bảo rằng ngày giỗ bà Tổ Cô của chúng tôi vô cùng quan trọng. Lễ bái rất nghiêm trang và chỉ toàn người lớn tham dự mà thôi. Mẹ tôi còn cho biết rằng trước khi bắt đầu cúng, người lớn phải mặc áo dài, khăn đóng chỉnh tề và đứng xếp hàng hai bên bàn thờ. Tất cả các con cháu đều mặc quần áo mới và quỳ trước bàn thờ. Riêng cậu tôi là Trưởng tộc, ông mặc loại quần áo đại lễ như các quan lại ngày xưa, đầy đủ bông hoa thêu thùa sặc sỡ, ngoại trừ không có lọng và mũ cánh chuồng.

Cậu tôi trịnh trọng đốt nhang đèn, và hương trầm. Căn nhà thờ im phăng phắt, mùi nhang và trầm hương xông lên nghi ngút, tạo cho buổi lễ vẻ lung linh, huyền ảo để tưởng nhớ người xưa. Cậu tôi nhắm mắt, hai tay kính cẩn dâng ba cây nhang cao đến đỉnh đầu, lâm râm cầu nguyện, khấn vái và ca ngợi những công đức của bà Tổ Cô chúng tôi đã hy sinh cho quê hương đất nước.

Sau nầy lớn lên mẹ tôi mới kể cho chúng tôi nghe lai lịch của bà Tổ Cô. Bà được sinh trong gia đình gia giáo, khá giả, dòng họ ông Bùi- Đắc- Tuyên. Tính nết bà rất cương trực, thương yêu đồng bào thuộc cấp và được huấn luyện văn võ song

toàn. Ngoài ra bà còn có nhan sắc mặn mà nhưng rất nghiêm trang nên có nhiều trai tráng trong làng si tình nhưng không ai dám bày tỏ. Sau khi trưởng thành tôi thường tìm tòi đọc nhiều sách vở để tìm hiểu những công đức lừng danh của bà. Người đó chắc không xa lạ gì, tất cả mọi người đều tưởng nhớ, đó là Đô-Đốc, Nữ Tướng Bùi Thị Xuân.

Hôm đó một buổi sáng đẹp trời của mùa Xuân tao loạn. Chiến tranh khốc liệt đã và đang gây ra biết bao nhiêu cảnh thê lương, tang tóc cho quê hương, xứ sở cả hai miềm Nam-Bắc trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh. Cuộc nội chiến bất phân thắng bại, mỗi ngày càng ác liệt hơn. Toàn dân sống trong cảnh màn trời chiếu đất, gia đình phân ly, cửa nhà đổ nát. Bỗng một chàng tráng sĩ khôi ngô, tuấn tú, võ nghệ cao cường, rời bỏ làng mạc vùng đất Hoài-Ân, một mình vượt qua vùng núi rừng hiểm trở vào Nam Bình Định đi tìm Minh Chủ phong trào Tây Sơn vốn đang hoạt động tại Kiên Mỹ vùng tả ngạn sông Côn thuộc xã Bình Thành ngày nay, để mưu đồ đại sự. Bước chân miệt mài của chàng tráng sĩ độc hành đến vùng rừng núi Thuận Ninh hoang vu trùng điệp, vùng sơn lam chướng khí, vốn có nhiều rắn rít, mãnh thú, dường như để thử thách ý chí kiên cường và lòng can đảm của chàng trai thời loạn.

Trong khi đó bà Bùi Thị Xuân và nữ đệ tử bắt đầu lên núi đi săn bắn, sau khi luyện tập các môn võ nghệ như thường ngày. Hai thầy trò tình cờ hướng về vùng núi Thuận Ninh. Khoảng gần trưa, họ đã trông thấy núi Thuận Ninh hiện ra. Cả hai từ từ đến phía nam chân núi, cảnh vật ở đây rất thanh bình và u-tịch. Thỉnh thoảng vài tiếng chim rừng ca hát liếu lo, hòa lẫn tiếng gió thổi vi vu của vùng hoang dã, tạo thành một bản nhạc vô cùng huyền ảo nơi rừng hoang núi thẳm.

Thầy trò bắt đầu di chuyển về hướng tây núi Thuận Ninh nơi rất hiểm trở và có nhiều muông thú hơn. Thình lình họ nghe xa xa có tiếng người la hét hòa lẫn vời tiếng gầm rống của thú dữ như một cuộc ác đấu khốc liệt đang diễn ra. Bà Bùi Thị Xuân cùng đệ tử nhanh như chớp chạy về hướng đó, vài phút sau họ thấycảnh tượng vô cùng kinh hoàng. Một con cọp to tướng và một tráng sĩ tay không vũ khí đang quần thảo với nhau vô cùng ác liệt. Cát bụi tung bay mù mịt che khuất cả một vùng núi hiu quạnh . Tiếng la hét của tráng sĩ lẫn tiếng gầm rống của con cọp trong giờ phút giao tranh sanh tử nhất. Cả cọp và tráng sĩ đều bị thương. Không thể chần chờ được

nữa, bà Bùi Thị Xuân lập tức xông trận để cứu tráng sĩ sắp kiệt sức vì máu đang tuôn tràn khắp thân thể.

Thêm một đối thủ xông trận, con cọp càng hung dữ hơn, nó gầm rống vang dội cả vùng rừng núi hoang vu. Nhanh như chớp, bà Bùi Thị Xuân vươn song kiếm chém, lên mình cọp, nó bị thương kêu rống rồi bỏ chạy vô rừng sâu thẳm bên trong. Bà Bùi Thị xuân cùng nữ đệ tử diều tráng sĩ về nhà chữa trị thương tích. Một đêm trăng sáng đẹp trời, tráng sĩ cảm thấy sức khỏe đã bình phục, chàng bắt đầu luyện tập võ nghệ trở lại. Cùng lúc đó bà Bùi Thị Xuân vừa sắc thuốc xong mang đến cho chàng bổ dưỡng.

Đây là lần đầu tiên hai người gặp mặt kể từ khi họ cùng nhau đánh cọp trên núi Thuận Ninh. Được biết chàng tráng sĩ đó là Trần Quang Diệu, người đã bỏ làng mạc vùng núi Hoài Ân đi theo tiếng gọi núi sông. Kể từ đó hai người rất tâm đắc, cùng nhau luyện tập võ nghệ, trao đổi văn chương và chiêu mộ võ sĩ. Hai tâm hồn hòa hợp, cảm mến nhau, nhất là nỗi niềm trăn trở cho tình hình quê hương, đất nước đang đắm chìm trong binh lửa chiến tranh. Theo tiếng gọi của non sông, tổ quốc, cả hai đến yết kiến Nguyễn Nhạc xin gia nhập nghĩa binh. Mến mộ trai anh hùng gái thuyền quyên đã cảm mến nhau vì trai tài, gái sắc nên Nguyễn Nhạc đứng mai mối và chủ hôn thành gia thất.

Hai vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân là những công thần đầu tiên trong " Thập Bát Hổ Tướng" của triều đại Tây-Sơn. Những Đô-Đốc đại tài đã giúp đỡ vị Anh Hùng Áo Vải QuangTrung Nguyễn Huệ tạo biết bao chiến công lừng lẫy. Diệt Trịnh, bình Nguyễn, đả Chiêm, phá Thanh đem lại Độc Lập, Tự Do cho giang sơn đất nước Việt Nam.

"Công thành, chiến địa tanh máu giặc

Quân thù, khiếp đảm thất vía kinh

Nữ Tướng oai hùng vung kiếm trận

Hàng ngàn xác giặc máu thành sông"

Nguyễn Ngọc Châu

CHO TÔI SỐNG LẠI

** Để nhớ về Thày Cô và bạn học dưới mái trường Cường-Để.*

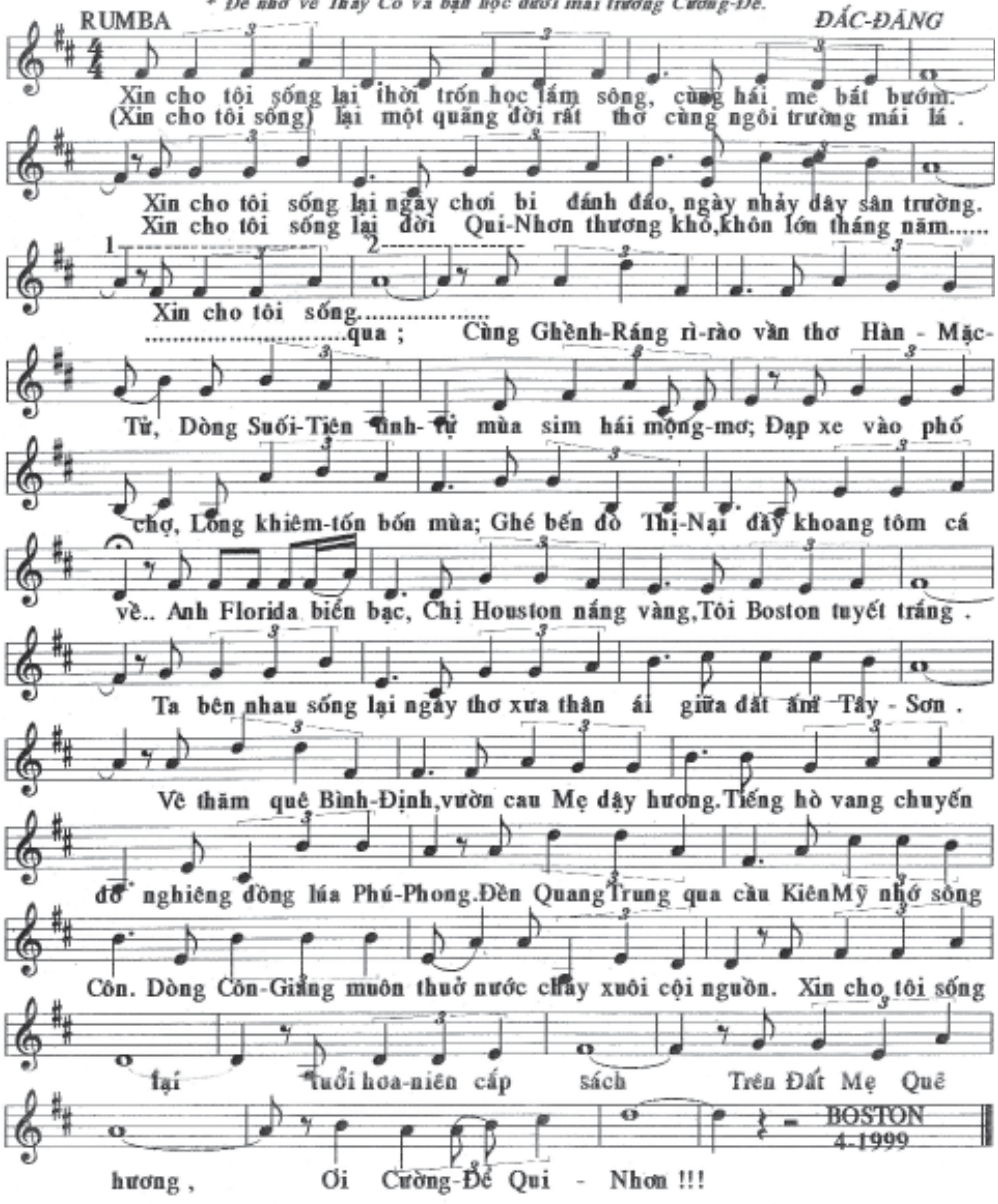

Một Chuyến Đi Về

Việt Phương

Tôi trở về Việt nam sau một thời gian xa cách. Những năm định cư ở Mỹ, tôi luôn luôn ao ước ngày trở về thăm lại đất nước, quê hương yêu dấu, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi lớn lên từ thuở chập chững cắp sách đến trường làng, cho đến những năm đi học xa ở thành phố. Trong đầu óc tôi, những hình ảnh cũ đã in đậm vào tâm trí, đánh dấu từng thời điểm trưởng thành của tuổi thanh xuân, đi cùng với những thịnh suy của đất nước.

Năm học vỡ lòng đầu thập niên 1950, cuộc chiến trở nên khốc liệt, học trò phải đi học ban đêm để tránh máy bay Pháp oanh tạc. Trường học là một ngôi miếu hoang, học sinh phải ngồi trên nền đất, chiếc giường tre làm bàn học, thầy giáo ngồi trên một đầu giường để dạy chừng mười học sinh. Chiếc đèn dầu phộng cắt bằng nửa cái chai tỏa ra ánh sáng chập chờn, khi sáng khi tối.

Những năm cuối cùng của cuộc chiến, Pháp tung ra nhiều chiến dịch, dân làng chạy giặc hoảng loạn, mang theo con gà bó rau, túm muối và tất nhiên có cả khoai mì, thức ăn chính thay cho gạo để tạm sống qua ngày. Người dân đói khổ, bệnh tật, rách rưới tả tơi.

Những năm đấu tố "địa chủ, phú nông, cường hào ác bá" làng xóm lên cơn sốt sôi sục theo chỉ thị của chính quyền. Nhiều người bị giết " giết lầm hơn sống sót" trong đó có giáo sư Nguyễn Hữu Lộc, ông Đoàn Thế KhuyếnHọ là những nạn nhân của chế độ.

Rồi chiến tranh và mọi tai ương, bất hạnh cũng qua đi. Đất nước bị chia cắt làm đôi. Nhiều gia đình trở về nhà cũ với những đổ nát, hoang tàn. cuộc sống sau đó dần dần ổn định về mọi mặt.

Những năm học tiểu-học qua mau, tôi lên thành phố học trung-học, tôi được tiếp xúc với một nền giáo dục tốt về mọi mặt: Trí, Đức, Thể dục được phát triển, làm rạng rỡ cho miền Nam đang

trên đà vương lên trong thanh bình thịnh trị, trong khi đó miền Bắc chìm đắm trong đấu tố, thanh trừng, khủng bố, máu đã chảy từ thành phố đến nông thôn.

Tôi đến phi trường Tân Sơn Nhất vào buổi trưa trên chuyến bay Eva Air. Phi trường Tân Sơn Nhất bị thu nhỏ đến thế sao? Nó thuộc loại " bỏ túi" so với Nagita, HongKongTrước kia Tân Sơn Nhất rộng thênh thang, nơi tiếp nhận cả máy bay dân sự và quân sự của Việt Nam, Hoa Kỳ và các nước Đồng Minh. Vậy mà nay nhà cửa cán bộ (nghe nói thế) lấn chiếm nên phi trường bị thu hẹp. Tôi không gặp rắc rối ở hải quan, nhưng tôi thấy những hành khách VN khác đang lấy tiền, kín đáo kẹp dưới passport, có lẽ họ đã hiểu cách làm ăn của cộng sản !!

Trên đoạn đường chiếc xe taxi đưa tôi về khách sạn, tôi nhận thấy một Sàigòn hoàn toàn xa lạ: Xe cộ chạy chen lấn nhau, bất chấp luật lệ, tiếng còi xe inh ỏi, khói bụi mịt mù. Lề đường ngổn ngang hàng hóa, đường sá lở loét, rác rưới vung vãi khắp nơiSài gòn bây giờ đâu đâu cũng ăn nhậu, người giàu thì vào những nhà hàng sang trọng, hạng bình dân thì lê la ở những quán cóc đầu đường, góc phố. Giới thanh niên cũng góp sức trong những cuộc chè chén thâu đêm, suốt sáng! Hỡi các bạn trẻ, chỗ dành cho các bạn là thư viện, vận động trường hay các trường đại học. Các bạn phải trau dồi Đức, Trí và thể dục để phụng sự Tổ-quốc.

Các bạn là tương lai của đất nước, Việt-Nam thành hay bại đều tùy thuộc vào các bạn, bởi thanh niên là rường cột của đất nước. Các bạn có nhận rõ kẻ thù đang xâm lược đất nước ta từng ngày từng giờ không? Các bạn hãy thức dậy, đứng lên làm thân Phù-Đổng, nối tiếp con đường của cha ông.

Ở khách sạn tôi được cảnh báo nạn ăn cắp và cướp giật ở Sài Gòn, thậm chí có du khách bị đâm chết! Thành phố nầy có mấy chục ngàn người nghiện ma túy, phần lớn là thanh thiếu niên, gây không biết bao nhiêu tai họa cho bản thân, gia đình, xã hội và đất nước.

Tôi đến một ngôi chợ đầu mối ở Sài Gòn, hàng Trung-quốc tràn ngập, đủ loại đủ giá, đủ kích cỡ, nó âm thầm tàn sát người dânViệt Nam từng giờ, cả đất nước đang lâm nguy!! Nhà cầm quyền đâu rồi? Người dân bây như một đàn gà con lạc mẹ, không biết phải làm gì và trông cậy vào ai? Tương lai mù mịt, phải nhắm mắt bước đi vô định, không biết ngày mai sẽ ra sao ???

Tôi tận mắt chứng kiến vài vụ va vẹt xe gắn máy. Hai bên ẩu đả dữ dội, đám đông tụ tập đứng xem, không ai dám khuyên can, và nhiều cuộc đổ máu, thậm chí có khi tử vong đã xả ra. Con người bây giờ ích kỷ an phận và dửng dưng trước mọi việc, kể cả chuyện thế sự. Những "ngày xưa thân ái" đó nay còn đâu!! Khi con người dám xả thân cho đại cuộc, cho lẽ phải, cho chính nghĩa.

Sau vài ngày tôi phải từ giã cái chướng tai gai mắt, của thành phố "mang tên Bác"tôi bay về Phù Cát trên chuyến bay VN Airlines, với hy vọng sẽ tìm lại được sự thanh bình của thời thơ ấu. Tôi về Qui Nhơn bằng xe taxi, tôi nói xe chạy chậm để được ngắm cảnh hai bên đường. Đây là con đường tôi đã đi học trên chiếc xe đạp trên 60 năm trước. Hai bên đường còn những ngôi nhà lụp xụp thuở nào, nhà mở cửa sổ trước treo lủng lẳng một bì bánh tráng nướng, chiếc bàn nhỏ xiêu vẹo, đặt vài thỏi kẹo bên trên để bán cho khách qua đường. Họ nghèo đến thế sao? Hình ảnh nầy tôi đã thấy hơn 60 năm trước. Tôi có ghé chợ Bình Định, tôi chứng kiến một bà cụ 70 tuổi lưng còng, bán vài bó rau muống, ít cộng bông bí, năm ba trái ổi. Tôi hỏi cụ nay bán được bao nhiêu?. Chừng 7,8 ngàn tức khoản 40 xu Mỹ kim cho một buổi chợ, chưa kể công sức trồng trọt, chăm bónTại các Thị trấn có nhiều nhà cao, cửa rộng, đất vườn bạt ngàn, hỏi ra mới biết đó là tài sản của ông nầy, bà nọ : Giám đốc, sĩ quan, cảnh sát, chủ tịch, bí thự Ăn theo các quan chức đó là đám họ hàng, bà con, họ cũng vinh thân phì gia không kém. Đằng sau những nhà cao tầng ấy, đám dân nghèo cùng khổ, bữa đói bữa no cuộc sống vô định, không biết ngày mai sẽ ra sao?

Qui Nhơn được các đại gia khai thác triệt để. Xe tải hạng nặng chạy như mắc cửi với công trình nầy, công trình nọ của ông bà lớn ở đây hay ở Đà nẵng, Hà Nội. Đâu đâu ở VN cũng như thế cả, tất cả đều học một bài của Hà Nội. Các ông bà lớn ra sức vơ vét của dân, của đất nước, bất chấp mọi hậu quả. Các khách sạn, nhà nghỉ mọc lên như nấm vì làm ăn phát đạt, nơi các thanh niên nam nữ chỉ bỏ tiền thuê vài ba chục phút để "tự do thoải mái" vì nó được bảo vệ.

Qui Nhơn tự hào có khu sân bay đẹp, bãi biển thơ mộng. Sau 40 năm "giải phóng" thành phố chỉ có bấy nhiêu sao? trong khi người ta làm nên những việc tày trời, mình tự hào những việc cỏn con. Đời sống dân giã, kinh tế địa phương và đạo đức xã hội vẫn như căn bệnh trầm kha, ngày một đi thụt lùi không có lối thoát. Qui Nhơn bây giờ cũng như Sài Gòn, Hà Nội là thành phố tiêu thụ,

ăn nhậu chè chén thâu đêm. Công nghiệp thì èo uột trong cơn suy thoái kinh tế toàn cầu, chưa có hướng cải thiện.

Giáo dục thì cộng học cái chủ nghiã "Marx Lénin" tư tưởng "Hồ Chí Minh"học trò càng ngu dốt thêm, không có óc sáng tạo, chỉ suy nghĩ một chiều như con ngựa che hai bên mắt, chỉ đi theo một hướng! khổ nỗi là hướng sai lầm, hướng tán gia bại sản, hướng hủy hại đất nước, hay đúng hơn là hướng diệt vong, diệt vong trong mỗi con người, mỗi gia đình trong xã hội và tổ quốc.

Tôi đi dọc bờ biển Qui Nhơn, bắt đầu từ Ghền Ráng, khu cực nam của bờ biển thấy có Hoàng Anh Gia Lai Resort. Nó che chắn tầm nhìn làm mất cảnh quan.

Chắc tỉnh bán khu đất vàng nầy được khá tiền, trong đó không ít chảy vào túi cá nhân. Bây giờ họ bán hết cả "rừng vàng biển bạc"dưới danh nghĩa "đầu tư". Nghe đâu trước đây tỉnh còn muốn bán cả trường kỷ thuật.

Con đường Nguyễn Huệ được mở rộng từ Ghền Ráng đến eo Nín thở, nhưng rất tiếc khu Hoàng Anh Gia Lai Resort và hai khách sạn đứng chơ vơ trên bãi biển "không giống ai"

Taxi tiếp tục đi trên con đường Xuân Diệu, tôi sững sờ nhìn đoạn bờ biển ở cuối đường: người ta san lấp biển để làm đầu cầu dây cáp treo bắt sang đỉnh núi Phương Mai, gần tượng Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Bờ biển Qui Nhơn hình bán nguyệt thuộc loại đẹp nhất nước, thế mà bây giờ người ta đã phá vỡ cảnh quan. Công ty Vina Pearl đã len lỏi con đường nào đó theo kiểu làm ăn khuất lấp, mua chuộc để tiến hành công trình lấp biển. Hàng triệu m3 đất đá đã đổ xuống đây mà không có một lời phản hồi của báo chí, của công luận, bởi vì nó được giữ kín, hay thực ra nó được chính quyền cấm đoán người đến chứng kiến công trình. Người ta lấp biển để làm phi trường, lập thành phố mới, mình cũng bắt chước lấp biển lấp sông không đủ trí tuệ để thẩm định hậu quả của nó. Ngoài ra núi Phương Mai là một tiền đồn để bảo vệ thành phố Qui Nhơn, một điểm chiến lược về quân sự, không thể không giữ bí mật được. Nếu công trình nầy được đưa ra phản biện công khai, chắc chắn nó bị hủy bỏ, và như thế, hàng triêu m3 đất đá đã đổ xuống đây ai vét sạch? để trả lại sự nguyên vẹn cảnh quan như cũ.

Tôi ghé chợ lớn Qui Nhơn, ngôi chợ tân kỳ xây dựng sau không biết bao nhiêu lần cháy, nhiều gian hàng đóng cửa, không có người

thuê kinh doanh. Tôi vòng qua đầm Thị Nại. Nó được san lấp và đã bị cô lập với biển. Nước hồ đen ngòm, rác rưởi vung vãi khắp nơi, mùi hôi thối nồng nặc. Quanh hồ có nhiều nhà hàng. Thực khách đông đúc, đặc biệt về đêm. Vài nhà nghỉ cũng tấp nập giới thanh niên nam nữ ra vào nghỉ "vô tư" bởi chủ nhân là ông lớn.

Cầu Nhơn Hội, hạ tầng cơ sở để phát triển kinh tế khu công nghiệp Nhơn Hội nay cấm xe tải qua lại lý do: sợ sập cầu!! tuy rằng cầu đã ngốn khoản 50 triệu dollars "khu công nghiệp" Nhơn Hội chỉ thấy cát là cát! Vài kiến trúc thô sơ chắc để chiếm giữ đất đai.

Tôi có ghé thư viện Qui Nhơn. Hầu hết sách vở báo chí để phục vụ cho chế độ dù rằng cái "thiên đường" của nó đã tan hoang. Tôi thấy có "Nhà văn hiện đại" có "sông côn mùa lũ" có "Tây Sơn bi hùng truyện". Tôi không khỏi ngạc nhiên, chẳng lẽ tác phẩm của cụ Hồ Hữu Tường được biên soạn từ trước 1975, nay lại mang tên tác giả khác?. Những năm học Đại Học ở Sài Gòn tôi có biết cụ Hồ Hữu Tường rất tâm đắc với tác phẩm nầy. Nay nó đã thuộc về người khác nó đã đổi chủ! Nhà cửa, ruộng đất, ngay cả thành phố, quốc gia còn đổi chủ nữa là! Thời nay vàng thau lẫn lộn, con cháu cụ Hồ Hữu Tường dù có biết vẫn phải buông xuôi theo dòng thế sự.

Buổi tối tôi thức khuya, lấy chồng báo cũ trên bàn ra đọc, thấy cảnh vợ chồng chém giết nhau, con cái đánh cha mẹ, trò đánh thầy, hiệu trưởng cưỡng dâm nữ sinh và cũng là người dắc mối cho các quan chức to, cảnh chém giết nhau khi nài ép uống rượu cái xã hội băng hoại nầy không còn thuốc chữa. Sau nầy nếu chế độ cộng sản cáo chung như ở Đông Âu, cái hậu quả nặng nề của nó phải mất cả trăm năm để giáo dục, uốn nắn theo tinh thần khoa học, dân tộc và nhân bản.

Tôi rời Việt nam lòng còn trĩu nặng, lo âu cho vận nước đang suy tàn. Kể nội thù, cũng như ngoại xâm đang tàn phá đất nước từng ngày, từng giờ. Hồn thiêng sông núi, nguyên khí quốc gia, chí quật cường dân tộc của 4000 năm lịch sử phải vươn vai Phù Đổng, đứng lên để cứu nguy dân tộc, giữ vững biên cương một ngày nào đó./.

Ngày 01/11/15

Việt Phương (Los Angeles)

Tôi ở lại đây

(Nỗi lòng của một người ở lại với quê hương)

PHÚC THẮNG

Tôi ở lại đây,
Trên đất nước Việt nam này,
Với năm mươi triệu đồng bào,
Nối tiếp bốn ngàn năm lịch sử;
Tôi ở lại đây,
Sống bên loài quỷ dữ,
Dẫu biết những ngày ấy sẽ vô cùng khốn đốn
Tôi ở lại đây,
Có vầng trăng khiêm tốn,
Khi khuyết khi đầy, tri kỷ lúc cô đơn
Chuyện muôn người như lửa đốt từng cơn,
Sao lũ chúng chỉ cười trên dối gạt.
Có lâu đâu
Mà vàng tan đá nát,
Có lâu đâu
Bụi cát những cuộc đời
Chảy thành những dòng sông nước mắt
Tôi ở lại đây,
Tháng năm dòng xuân thu ngây ngất,
Vui những cái vẫn còn,
Buồn những gì đã mất,
Chia sớt cùng nhau nụ cười tiếng khóc.
Tôi ở lại đây,
Tháng năm dòng xuân thu trắng tóc,
Đen sạm cuộc đời, cây lá vẫn xanh tươi
Tôi ở lại đây,
Và đã sống rất người
Những năm tháng tưởng không bao giờ trôi hết,

Áp bức, hận thù, xác thân mỏi mệt,
Trong nỗi khốn cùng, tôi vẫn bước hiên ngang !
Mẹ ơi !
- Đừng khóc nữa,
Em ơi !
- Ngẩng mặt nhìn,
Màu trời xanh rạng rỡ
Đời chưa mất niềm tin
Tôi ở lại đây,
Ngày tháng rong tìm
Những bạn đồng hành,
Hẹn gửi đời mình cho sông xanh, núi biếc
(những người bạn, dù mới quen nhau đã vô vàn thân thiết)
Vì có cùng một Tổ quốc đau thương. ..
Tôi ở lại đây,
Áo nhuốm bụi đường,
Đôi dép nát còn vương mùi cỏ úa,
Vẫn vững bước đi vào những lối chông gai.
Khổ đau nào mà chẳng phải rất dài,
Nên lòng cứ cười vui cho ngày mai tới !
Dồn hết hận thù,
Đổi mùa xuân mới,
Và trời xanh kia ấm lại những đường trăng
Tôi ở lại đây,
Lòng rạng ngời như ngọn hải đăng,
Được sáng lên bằng niềm tin tất thắng,
Bằng ý chí quật cường,
Và gian truân không hề lùi bước.
Tôi ở lại đây,
Những nẻo đường xuôi ngược,
Cơm áo cuộc đời nặng lắm đôi vai !
Vì Tổ quốc tương lai,
Lòng vẫn như trời xanh, núi biếc
Bé thơ ơi !
Có cái gì tha thiết
Trên môi cười, trong ánh mắt long lanh
Rồi mai đây trên những nẻo đăng trình
Anh xin mượn làm hành trang bé nhé !
Tôi ở lại đây,
Chiều tiễn đưa rớm lệ
Những người đi không biết đến phương nào,

Mối hận lòng ngùn ngụt đến trăng sao,
Chỉ còn có
Ra đi !
Và cái chết !
Tôi ở lại đây,
Vì không thể nào đi hết,
Năm chục triệu người đang lết giữa trầm luân ;
Tìm Tự do đâu phải chỉ phải riêng mình
Mà mong ngóng một con đò không bến đỗ
Thân lữ thứ cuộc đời nhiều thua lỗ,
Mà anh ơi ! Sông Núi vẫn cần người.
Ta ở lại đây,
Dẫu thân xác mấy dập vùi,
Vẫn ấm trong ta niềm tin lịch sử :
Lũ chúng nó điên cuồng như quỷ dữ,
Thì bạo Tần kia,
Rồi thành quách cũng tan hoang !
Ngồi lại đây,
Nhịp khúc kết đoàn,
Cho tiếng hát vang lừng bốn bể ;
Cờ Tự do tung bay trời ngạo nghễ,
Dục những cánh Bằng
Nương gió vút lên cao !
Ở lại đây,
Ta ở lại đây,
Sống với đồng bào,
Chia nỗi xót xa, chung niềm xúc động.
Trước Tổ quốc suy vong,
Nhìn lịch sử đổi dòng,
Ôi, Thương quá Việt nam,
Vô cùng thân thiết !
Trước khổ đau,
Bạo tàn
Và oan nghiệt,
Chỉ còn đây một đất nước tan hoang,
Chỉ còn đây con tim đập rộn ràng,
Và một quyết tâm
DỰNG ĐỜI NHÂN BẢN

Phúc Thắng
Việt Nam 1976

ĐÔI NÉT VỀ
VĂN HÓA VÔ NGÔN

NGUYỄN VIỆT NHO

I. DẪN NHẬP

Văn Hóa Vô Ngôn (VHVN) là nền văn hóa không sử dụng lời để diễn ý mà dùng "tượng Văn Hóa", còn được gọi là "Triết Tự Văn Hóa" **để giúp ta thấy cấu trúc sự vật cùng sự diễn biến của nó, thay vì nghe như các nền văn hóa hữu ngôn khác.** Nền văn hóa nầy còn được biết với nhiều tên gọi khác như: Việt Dịch hay Việt Nho (1) văn hóa Tiên Rồng hay văn hóa Hà Lạc hay cuốn Sách Ước Huyền Thoại *"Sách Ước Trinh nguyên không một chữ" ...*

VHVN đã xuất hiện rất lâu đời, xưa đến nỗi nguồn gốc của nó khó mà xác định theo phương cách thông thường là truy tìm qua sách vở. Nền văn hóa nầy lại ít người biết đến, cả nghe nói về nó cũng hiếm người, dĩ nhiên kẻ am tường lại càng ít hơn, nhưng nó lại có giá trị đời đời bởi tính siêu việt của nó.

"Sách" của nền văn hóa nầy chỉ ra Đạo DỊCH, gọi là Kinh Dịch (2), rất được các bậc thức giả xem trọng, họ coi nó như là một kỳ thư và như là cái tấm lưới:*"lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt"* (Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu). Một điều đặc biệt quí hiếm cần nói nữa là: **Các lãnh vực từ triết, y, lý, số cho đến cả việc tiên tri (3), không một lãnh vực nào mà nền văn hóa nầy không vươn tới.**

Người viết sử dụng hữu ngôn để nói về văn hóa vô ngôn, với chủ đích là nhằm làm sống lại nền văn hóa cổ có một không hai nầy và bài viết sẽ được khai triển trên 3 tiểu mục: **CẤU TRÚC VÀ Ý NGHĨA CẤU TRÚC VHVN, NGUỒN GỐC VHVN và ÁP DỤNG của VHVN.**

II.CẤU TRÚC VÀ Ý NGHĨA CỦA CẤU TRÚC VHVN

VHVN Có Cấu Trúc Song Lập: Nhìn gần từ trong ta, nhìn xa ra vũ trụ, khắp nơi ta sẽ nhận ra được rằng cái cấu trúc **song lập mang tính cặp đôi song nhị** (4) hay **lưỡng nhất**

(5) đều **<u>hiện diện trong mọi sự vật, khắp nơi trong trời đất, ngay cả trong ta</u>**, và rằng mọi sự, mọi vật **<u>đều mang trong nó cái TÍNH TƯỢNG và HÌNH TƯỢNG của cặp đôi đực cái, Ông Bà</u>**, ngôn ngữ của **<u>DỊCH gọi là CÀN KHÔN hay ÂM DƯƠNG và văn huyền thoại gọi là Rồng Tiên.</u>**

Các tượng ___ (đọc là Càn) và tượng _ _ (đoc là Khôn) hoặc tượng 1 (đọc là nọc) và 0 (đọc là nòng), trông như hình tượng của sinh thực vật đực và cái (có hình dạng giống cái "ấy" của các loài vật giống đực và giống cái trong Trời Đất)

Với tượng nòng 0 nọc 1 ta có thể hình thành các con Tứ Tượng: Thái Âm 00 (tương đồng với con 0 của Thập Phân) Thiếu Dương 01 (tương đồng với 1), Thiếu Âm 10 (tương ứng con 2) và Thái Dương 11 (tương ứng với con 3) và cũng vậy nếu viết với hai hào Càn __ Khôn _ _ thì ta cũng có các con Tứ Tượng tương ứng. Đó là ta sử dụng với hai hạn số hay hai hào Dịch. Nếu sử dụng 3 hạn số (hào) sẽ cho ra hệ Bát Quái, 6 hào cho ra lục thập tứ quái tức 64 quái (phần thượng kinh và hạ kinh) của Kinh Dịch (6).

Qua phần vừa khai triển trên ta có thể xác định rằng: **Dịch Học được cấu thành bởi các nét _ _ và ___, là một bộ môn khoa học khách quan, chẳng gì huyền bí, huyễn hoặc vì nó y cứ vào toán học: Đó là Toán Lý Số, chỉ ra cái LÝ hay ĐẠO LÝ nằm trong con số!** Cũng chính vì vậy mà Khổng Tử nói cái Đạo đích thực do các dấu hiệu & biểu tượng của Âm Dương (Signs and symbols) vận hành thế giới, chứ không do chữ nghĩa và luật lê: *"Signs and symbols rule the world, not words nor laws*". Ý tưởng nầy tương đồng với quan điểm của nhà Dịch Học Thu Giang Nguyễn Duy Cần, ta thấy được điều nầy khi ông trích đăng lại vào Dịch Học Tinh Hoa bài tứ tuyệt Âm Dương Vận Hành của Yên Ba Điếu Tấu:

"Dương Âm thuận nghịch diệu nan cùng
Nhị chí hoàn hương nhứt cửu cung
Nhược năng liễu đạt Âm Dương Lý
Thiên Địa đô lai nhứt chưởng trung"

<u>II.1 Cấu Trúc Vô Ngôn: "Triết Tự Văn Hóa" hay Tượng Văn Hóa</u>

Trong Kinh Hùng có hai câu nhắc đến các tượng văn hóa nầy với tên gọi là *"triết tự văn hóa":*

"Kinh Châu, Dương Việt hai miền

***Triết tự văn hóa** (7) lưu truyền sử xanh"*

Triết tự văn hóa là các nét ___ và _ _ để hình thành KINH DỊCH (ở phần kinh không lời, tức các quái số hay quẻ) mà kinh huyền thoại gọi là cuốn Sách Ước Trinh Nguyên Không Một Chữ:

"Sách Ước trinh nguyên không một chữ

Gậy thần đốt trúc có hai đầu" (8)

Các tượng nòng 0, nọc 1 và Càn ___, Khôn _ _ hình thành Dịch nòng 0 nọc 1 hoặc Dịch Càn ___ Khôn _ _ mà ta thấy trong các sách Dịch ngày nay là đã rút ra từ các biểu tượng có sẵn trong hoàn vũ như trên đã nói. Điều nầy cũng có nghĩa là **các tượng Càn (___) Khôn (_ _) của Kinh Dịch không là do con người nghĩ tưởng mà đặt ra chúng, mà do quá trình quan chiêm** (9) lâu dài những gì trong **vũ trụ chưng ra** (thể hiện ra) và **người Cổ Việt đã mô phỏng theo đó mà vẽ ra các tượng nầy để làm phượng tiện thay lời mà diễn ý.**

Ý được diễn như thế nào? _ Đây là vấn đề chuyên sâu có tính chuyên môn của các nhà Dịch học: Đại cương, các cặp tượng 0, 1 hoặc _ _, ___ sẽ hình thành các con Dịch Số (Số chưng ra Đạo Biến Dịch), còn gọi là Lý Số (con số chứa cái lý bên trong nó) và qua con số, do sự xếp đặt các hào Âm Khôn (_ _) Dương Càn (___) và do trên sự trung chính, xung khắc cũng như thời vị của các hào mà biết được tánh hung cát, tốt xấu của quái số. Xin hãy lấy con KHẢM và con LI (xin xem hình) trên Bát Quái Hậu Thiên làm thí dụ:

a)KHẢM: Lần lượt xét các hào của KHẢM.

Quái Khảm gồm 3 hào, 2 hào âm kẹp giữa 1 hào dương: Hào dưới cùng (hào 1), gọi là sơ hào và tính từ dưới lên là hào 2 và trên cùng là hào 3. Hiểu ý qua các hào con Khảm:

_ Sơ hào Khảm là hào Âm Khôn _ _ lại nằm vào hào 1 dương vị, như thể là đàn bà con gái chui vào phòng đàn ông con trai nằm, như thế là không chính (bất chính). Mà hào sơ nằm ở hào 1 (không phải là hào hai) nên cũng không trung! Bất trung bất chính là vô đạo!

_ Hào 2 của Khảm: là hào dương Càn ___. Hào nầy là hào dương mà lại vào nằm âm vị, là nằm lộn chỗ thành, tuy có trung (nằm giữa hai hào 1 và 3), nhưng là bất chính và bất

chính là vô Đạo!

_ Hào 3 là dương vị nhưng là hào âm nằm nơi đây, nên hào 3 cũng là bất chính và bất trung nên cũng là vô Đạo! (Xem hình Hậu Thiên Bát Quái)

Tóm lại, con Khảm nằm phương Bắc đồ hình là bất chính (cả ba hào cấu thành con Khảm đều bất chính) Nhưng trong trời đất, mọi sự vật không gì hoàn toàn xấu, không gì hoàn toàn tốt mà trong xấu có tốt, trong tốt có xấu: Xấu phương diện nầy, cho người nầy, có thể tốt trên phương diện khác, cho người khác. Cũng vậy với con Khảm, cái tốt của nó là hào 2 là trung (nằm giữa quái Khảm, làm chủ quái) là hào thực (hào dương). Tính trung và thực là cái mạnh của Khảm (cũng là cái mạnh của Bắc phương): Người phương Bắc có được tính bền gan, can đảm và thực dụng. nên Khổng Tử cho người phương nầy là thực tế và can đảm, coi nhẹ cái chết.

b)LI phương Nam đồ hình Bát Quái:

LI có hai hào Dương, kẹp giữa một hào Âm (xem hình): Tất cả các hào của LI đều nằm chính vị (hào dương nằm dương vị, âm nằm âm vị), như vậy, con LI nằm phương Nam của HTBQ thể hiện đầy đủ tính trung chính nên được Không Tử khen là *"Phương Nam chi cường quân tủ cư chi"* (Cái mạnh của phương Nam là người quân tử ở phương nầy)!

Con **Lý Số LI** với hào hào 2 Nhân làm chủ quái, **còn chưng ra chủ đạo văn hóa Tam Tài Nhân Bản Việt "Thiên Địa Nhân",** là chiếc kiền Ba Chân Đạo Lý Táo Quân mà câu ca dao mãi còn truyền tụng: *"Dù ai nói ngã, nói nghiêng _ Lòng ta vẫn vững như kiền ba chân"*. Ba chân nầy, Thiên Địa là Trí và Dũng và hào Nhân là BI: Ba chân tương đồng với BA NGÔI (Trinity): CHA, CON và THÁNH THẦN (TCG) hay Ông Phật tự tánh BI TRÍ DŨNG của PHẬT GIÁO!

Thông qua 2 thí dụ trên, **tuy con quái số không có chữ nào chua vào, nhưng ta vẫn biết được sự lý sự vật** (ở đây là tính chất khác biệt của Khảm Bắc, Li Nam) qua con lý số nó chưng ra.

Luận về Lý Số, từ ngữ của Dịch gọi là bói toán, là để nhằm biết cát hung của sự việc. Cái cát, hung ta biết được dựa trên sự trung chính và thời vị cùng sự ứng hợp (cho các con trùng quái) như hào 1 ứng với 4, 2 ứng với 5 và 3 ứng với 6 của các hào nằm trong quái số. **Nói Lý số là vì chính con số nói lên cái LÝ. Nói Vô Ngôn vì không dụng lời mà dùng tượng**

số (tức triết tự văn hóa với cấu trúc Âm Dương trong nó)! Các cặp "triết tự văn hóa" nòng 0 nọc 1 hoặc Khôn _ _ Càn ___, qua chúng để hình thành các con số, gọi là **Lý Số, giúp ta tính ra** (gọi là bốc chiêm hay bói toán) **mà biết cái Lý của sự vật cùng chu trình biến diễn của chúng.** Và, khi biết được cả chu trình biến diễn thì tuy sự việc chưa xảy ra ta vẫn có thể biết trước được, điều nầy giải thích được rằng tại sao Dịch có được cái khả năng tiên tri.

Ngoài cách sử dụng các tượng văn hóa nầy, VHVN còn sử dụng **ba cấu trúc nữa là hệ thống huyền thoại hay ngôn bất ngôn, cơ cấu hình đồ Dịch Lý** và **Tín Ngưỡng Truyền Giòng:**

II.2 Cấu Trúc Ngôn Bất Ngôn Của Huyền Thoại Việt

a)Ngôn Bất Ngôn: Ngôn ngữ thường nhật mà con người sử dụng thực chất mang tính qui

ước, có nghĩa là: Những sự việc gì ta đã trải nghiệm qua thì cái ngôn ngữ ấy mới truyền đạt được. Đối với các vấn đề mang tính trừu tượng, nhất là các lãnh vực thuộc Đạo Lý hay tâm linh, người nói không thể dùng loại ngôn ngữ nầy để trình bày cho chính xác, còn người nghe thì hiểu ý tùy sự trải nghiệm và sự thông tuệ riêng của mình. Chính vì sự vướn mắc nầy nên Đấng Jesus Christ mới phán rằng: *"Ta nói nước Thiên Đàng (10) cho các Tông Đồ (11) bằng mạc khải và người ngoại Đạo bằng dụ ngôn" (*12). Cũng vậy, trên những lãnh vực nầy, **Lão Tử cho rằng ngôn ngữ chỉ là "tạm dụng", "cưỡng dụng"**! Và, chính vì tính thiếu chính xác của ngôn ngữ mà Tổ Tiên dòng Việt, để truyền đạt Đạo Lý, đã dùng **huyền tự như Ông Bà, Lạc Long Quân Âu Cơ, làm ngôn ngữ tạm dụng để chỉ con Dương Càn ___ và con Âm Khôn _ _, gọi là *"Triết tự Văn Hóa"* để hình thành các con tượng Số** với lời khuyên bỏ lời lấy tượng, qua đó, để chỉ ra Đạo Càn Khôn trong Trời Đất.

b)Huyền Thoại Việt: Nếu chỉ thuần dùng bằng "tượng văn hóa" thì khó mà giảng giải

hay truyền bá cho nhiều người. **Để phần nào giúp giải tỏa đối với sự thiếu chính xác của ngôn ngữ, Việt Dịch hay Việt Đạo, cũng là Đạo Ông Bà, đã mượn cách giáo thuyết bằng ngôn ngữ tạm dụng của Huyền thoại: Đây**

là thể văn độc đáo mang Việt tính mà chắc chắn không đâu trên trái đất nầy có loại huyền văn tương tự, thế nên cũng xin dài giòng một chút về thể văn nầy:

Huyền thọai là một chuyện kể có cấu trúc song lập (như Rồng Tiên một cặp, gậy trúc 2 đầu Âm Dương.) Và, để cấu thành một huyền thoại, một yếu tố nữa không thể thiếu là phải **có một số chữ dùng được xem như huyền tự** (như Tiết Liêu, tiên rồng, đồng Tương), một số con số là **huyền số** như 100 trứng, 100 con, 50 (lên núi), 50 (xuống biển), gậy 9 đốt, sách 3 trang, giỗ tổ tháng 3, ngày 10 và một số hình được xem như **huyền đồ** như bánh dầy (ám chỉ hình Hà Đồ: tròn), bánh chưng (gợi ra tượng hình Lạc Thư: vuông) Như vậy, muốn **một chuyện kể được xem là một huyền thoại thì không thể không có các loại huyền như huyền tự, huyền đồ, huyền số và cái cấu trúc song lập mang tính âm dương một cặp**. Chính nhờ **các "huyền" nầy là cái chìa khóa giúp ta mở và hiểu huyền thoại** (Xin tìm đọc thêm phần viết về huyền thoại trong Văn Hóa Cổ Việt của cùng tác giả).

Không ít người không hiểu huyền thoại Việt nên đã đánh đồng huyền thoại (dấu huyền) với huyễn thoại (dấu ngã) và trong sự dốt nát nầy, đã viết sách nói về HCM, viết là "Huyền Thoại Hồ Chí Minh"! Đúng ra, viết kiểu nầy vô tình đã bít lối về với thể văn huyền thoại và với nền văn hóa vô ngôn Việt Dịch, thật là tai hại không nhỏ! Và, cũng cần nói thêm, **nghe huyền thoại không nên hiểu theo lối lời sao nghĩa vậy, mà phải hiểu ý nó nằm sau lời**, cần phải: *"bỏ lời lấy tượng, bỏ tượng lấy ý rồi tiến lên bỏ ý hiểu Đạo"* (13) nghĩa là cần lưu ý các cái "huyền", để qua đó mà mở khóa huyền thoại, để không hiểu sai, hiểu chệch.

II.3 Cấu Trúc Đồ Hình và Tượng Số

(Hình lấy từ Văn Hóa Cổ Việt của NVN, mạng: nguyenK.com và của BS Nguyễn Xuân Quang)

Các đồ hình nằm trong VHVN không là sản phẩm của trí tuệ, do sự tưởng nghĩ của con người vẽ ra mà chúng được mô phỏng theo hình tượng có sẵn trong trời đất. Các màu đen trắng hay màu của ngũ sắc như Thổ vàng, Kim trắng, Hỏa đỏ, Thủy đen, Mộc xanh (là màu của ngũ hành) cũng có sẵn trong đất trời, con người chỉ quan chiêm rồi mô phỏng theo

và định danh chúng. Dưới đây là một số đồ hình cơ bản của văn hóa vô ngôn:

H.1 Đồ hình Thái Cực: là hình ảnh của Âm Dương kết một căp, mà văn huyền thoại nói là *"Ông Bà lấy nhau làm một cặp vợ chồng"*, như hình dưới:

H.1



H.2 Đồ hình chỉ sự phát triển từ Vô cực đến Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái. 64 Quái theo cách phát triển trực phân (phân đôi) như phôi của thai con người tạo nên chuỗi DNA:

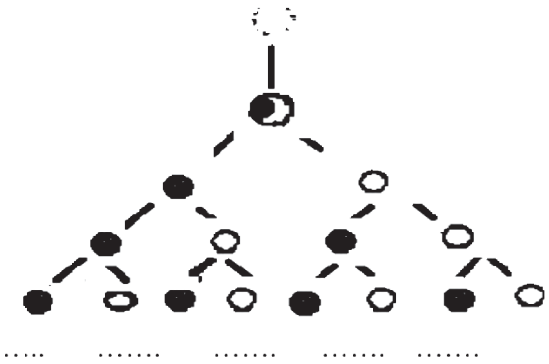

Từ trên xuống: vô cực, Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bát quái. Qua đó, BQ là 3 lần trực phân từ thái cực, và 64 Qúai là 6 lần trực phân hay 2 (Thái cực có 2 nghi) lũy thừa 6.

H.3 Tượng Số Bát Quái hay 8 Quái Số Dịch

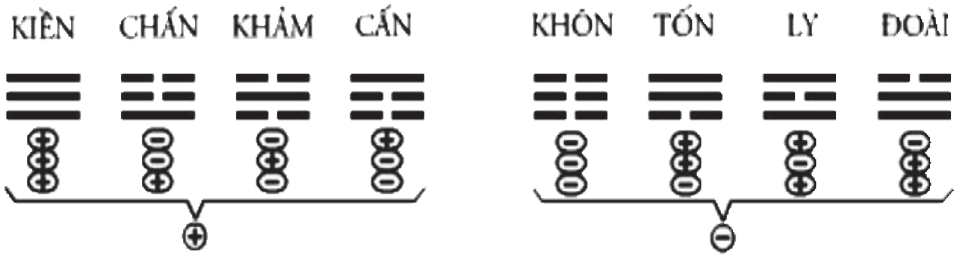



H.4 Bát Quái và 64 Quái Nọc

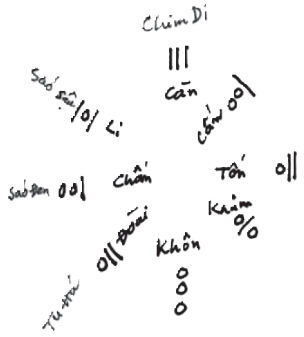

H.5 Bát Quái Dạng Nòng

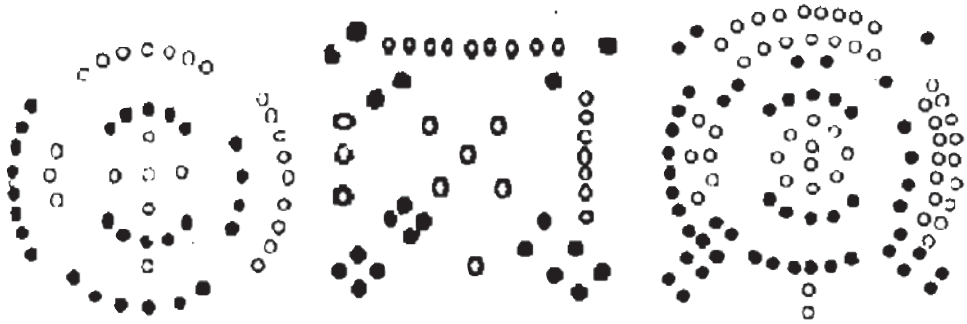

H.6 Hà Đồ Lạc Thư Rùa Thần Huyền Thoại

Đồ hình Rùa Thần có được do chồng Đồ Thư lên nhau, gồm 50T+50 Đ = 100 Đen trắng Â/D. Đây cũng là bọc 100 trứng của Cha Rồng Mẹ Tiên. Chính "100 con Tiên Rồng" do Gậy Thần đốt trúc hình thành đã làm nền tảng của Dịch Lý, nên Nho học đã chọn trúc làm biểu tượng cho Nho, cả Hán nho và Việt nho, là vậy!

II.4 Cấu Trúc Truyền Giòng Qua Tín Ngưỡng "Đạo Ông Bà"

Ngoài ba hình thức truyền tải bằng 3 thể loại cấu trúc kể trên còn có một cách truyền tải tư tưởng bằng phương tiện "vô ngôn" nữa là qua Tín Ngưỡng Truyền Giòng hay Đạo Ông Bà.

Phần lớn người theo tín ngưỡng thờ cúng Ông Bà thường hiểu một cách đơn giản là Đạo Ông Bà là Đạo thờ cúng những người quá cố. Thật ra, hiểu thế không sai, nhưng còn một ý ẩn chìm mà ít người lưu tâm **khi chữ "Ông Bà" được hiểu như là HUYỀN TỰ: Ông là Dương (đực) Càn ___ và Bà**

là Âm (cái) Khôn _ _ và khi hiểu thế thì Đạo Ông Bà là Đạo của Càn Khôn! Và bàn thờ **"Ông Bà" là cái bản đồ chỉ ra các phương hướng và tính chất của các hướng** nầy:

_Hướng Bắc nằm trong cùng (phía đặt bài vị hay hình người chết), mang tính âm của con KHẢM/THỦY. Phía đặt nhang đèn là hướng Dương phương Nam của con LI/HỎA; và khi xác định được Bắc Nam thì các hướng kia sẽ là:

_ Đông sẽ là CHẤN/LÔI và Tây là TRẠCH/ĐÀI (như lời truyền đặt truyền giòng vị thế của bình hoa và cỗ quả là: *"Đông Bình Tây Quả"* (Cần lưu ý: Cách định phương hướng ở đây là lấy khách thể (object) chưng ra là chính, chủ thể hay người quan sát (subject) là phụ. Có nghĩa là không lấy hướng của người quan sát đứng nhìn vào mà lấy hướng của sự vật (bàn thờ) chưng ra để định hướng. Và, nếu ghi nhận bàn thờ theo cái nhìn nầy, thì bàn thờ Ông Bà sẽ như là di chúc truyền giòng của tộc Việt và bàn thờ sẽ không khác với bản đồ Hậu Thiên Bát Quái với ý là:

_ Bắc Khảm với cái hiểm ác của nó, mang ý là cần phải *"Cảnh giác với Bắc Triều"*

_ Nam LI: Cần phải "Nam quan" (quan sát phương Nam để học ở phương nầy để cần *"xuôi Nam tìm nắng ấm"* như loài chim Hồng Lạc (vật biểu Việt tộc), như là chuyện chẳng đặng đừng để chờ lúc hội đủ xung khắc Bắc Nam, Đông Tây mà *"ngược giòng Nam tiến"*, trở về quê cũ.

_ Và, qua *"bản đồ bàn thờ"*, ta cũng sẽ thấy được đâu là lúc có thể *"ngược giòng Nam tiến, trở về thăm quê cũ đợi ai mà"* (Thơ Ngu Í Nguyễn Hữu Ngư) và cái thời điểm đó chính là lúc các xung khắc Bắc Nam và Đông Tây hội đủ, sẽ được làm rõ ở phần: "Bài Học Cho Tộc Việt Hôm Nay Rút Ra Từ Đồ Thư và Hậu Thiên Bát Quái".

III.NGUỒN GỐC VHVN

Thông thường, để dẫn chứng nguồn, người ta thường trích dẫn từ sách vở kiểu như: Sách nào viết, của ai, thuộc đời nào, nằm ở trang mấy, giòng thứ mấy Ở đây, như trên đã nói, **VHVN xuất hiện thuộc thời tiền sử, thời huyền thoại, nghĩa là trước khi có chữ viết, thì không thể tra cứu theo cách trên. Lối dẫn nguồn như vậy là không thích hợp, và tin vào sách kiểu nầy là thà đừng có sách còn hơn: *"tận tín thư bất như vô thư"!***

Cũng như trên đã thưa, VHVN do sự quan chiêm của con người từ những cái có sẵn trong trời đất theo cách *"nhân pháp (14) Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên"* mà bắt chước làm theo, thế nên có thể nói **VHVN có nguồn gốc nguyên thủy từ Trời Đất/Càn Khôn và giòng Việt (15) là giòng tộc đã phỏng tác (16) theo tượng của thiên nhiên mà hình thành nền văn hóa nầy!** Thật thế, theo khảo cổ học, chính giòng Bách Việt đã rất văn minh, nhiều ngàn năm trước đã trồng lúa nước, thuần hóa thú hoang thành gia súc, làm nước mắm và đã làm trống đồng trên đó ghi khắc nhưng hình ảnh mang Dịch tính mà BS Nguyễn Xuân Quang (17) gọi là Sử Đồng và Hội Đồng Giám Mục Việt Nam ngày nay xem Trống như là Kinh Thánh Vô Ngôn và trang trọng đặt lên bàn Thánh mà thờ (18). Điều nầy quả là một sự cách mạng trở về của Giáo Hội Công Giáo VN một cách can đảm và quá ngoạn mục như phát biểu của **Ô. Tv Phan Đình Diệm**, Học Hội Đức Giêsu Núi Korazim: ***"Hoan hô Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã có dũng khí quyết tâm quay về với vua Hùng thờ kính Ông Trời ghi khắc trên mặt trống đồng"*** (19): Trở về với Trống đồng cũng có nghĩa là trở về với VHVN: **Đây là dấu chỉ giòng Việt bắt đầu quay về với trí tuệ Việt để củng có nội lực khởi đi từ văn hóa Việt của mình.**

Truy tìm nền VHVN đã xuất hiện vào thời kỳ nhân loại chưa phát minh ra chữ viết, nên không thể truy tìm nguồn dựa trên sách vở như kiểu thông lệ; ở đây, xin đi theo lối khác, lối của Văn Hóa, là truy tìm nơi huyền thoại Việt được truyền giòng từ bao đời, và theo đó, huyền thoại Sách Ước, tức quyển Kinh Vô Tự, chỉ ra nguồn gốc của nền văn hóa nầy, dưới đây xin được làm rõ:

Huyền thoại sách Ước kể rằng: Thần Tản Viên thuộc đám con 50 đứa theo Cha Lạc Long Quân (tổ phụ huyền thoại giòng Việt) ra biển nhưng vì nhớ Mẹ (Mẹ Âu Cơ, tổ mẫu giòng Việt), ông đã nhất quyết quay về. Lúc chia tay, thần Tản Viên được Long Vương (tức Cha LLQ) **tặng chiếc gậy thần 9 đốt trúc có hai đầu: Đây là mấu chốt chỉ ra nguồn gốc huyền thoại của Sách Đồ Thư** (20) (là hai đồ hình HÀ ĐỒ và LẠC THƯ), làm căn bản hình thành Việt Dịch hay cái nền VHVN, xin được giải mã:

GẬY THẦN 9 ĐỐT TẠO RA ĐỒ THƯ:

1) Gậy Thần 9 đốt tạo Hà Đồ:

Đánh dấu đốt 5 ở giữa, đặt số chẵn một bên, lẻ một bên như hình dưới:

H.7 Gậy thần 9 đốt có 2 đầu:

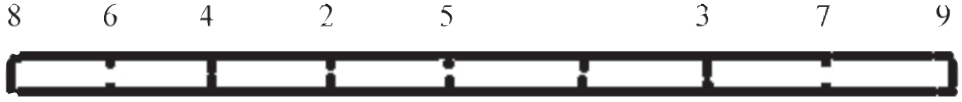

Ta dùng hai bàn tay nắm nơi giữa gậy, 2 tay đặt 2 bên đốt thứ 5 và bắt đầu khoa gậy nửa vòng tròn từ vị trí ban đầu được đặt nằm ngang, nghĩa là, gậy lúc nầy đang ở vị trí thẳng góc với thế gậy ban đầu. Nhớ đổi các con số dạng thập sang thành các chấm đen trắng: số chẵn thành các chấm Âm đen và số lẻ thành các chấm Dương trắng, thì ta sẽ có:

_ Vòng 1: Nằm trong cùng, do đốt thứ 5 của gậy tạo ra, chứa 5 chấm trắng

_ Vòng 2: Kể từ trong ra, là vòng 10 chấm đen do 10 đầu ngón tay nắm gậy tạo nên

_ Vòng 3 là con 1 trắng và con 2 đen

_ Vòng 4 có 3 trắng và 4 đen

_ Vòng 5 có 7 trắng và 6 đen

_ Vòng 6 ngoài cùng, có 9 trắng và 8

6 vòng do các đốt gậy và 10 đầu ngón tay cầm gậy tạo thành, hình thành hình Hà Đồ với 55 chấm tròn đen trắng, là số của Hà Đồ, gồm 25 trắng và 30 đen, xem hình dưới:

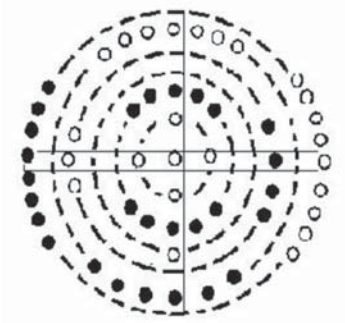

H.8 Hà Đồ:

2) Gậy Thần tạo Lạc Thư:

Thay vì dùng tay khoa gậy như trước, lần nầy đặt gậy nằm vào 4 vị trí: ngang dọc thẳng góc và đặt gậy chéo chia thế thế gậy trước thành góc 45 độ. Rồi ghi các con số chẵn bằng chấm đen, số lẻ chấm trắng và đưa các số chẵn ra 4 góc. 4 vị trí của

gậy với các số nơi đốt tạo nên hình Lạc Thư gồm 45 chấm đen trắng (25 trắng và 20 đen) như hình dưới:

Hình 9: gậy thần tạo Lạc thư:

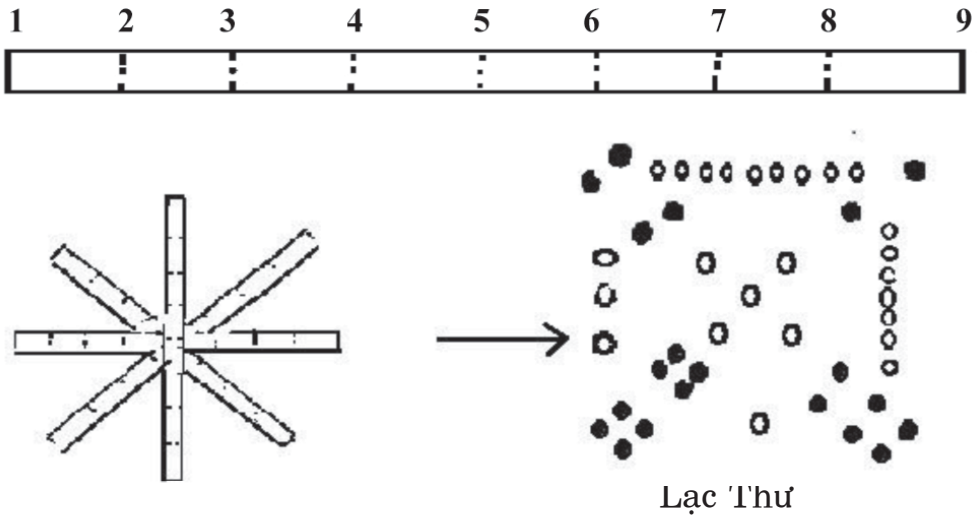

5 trắng trong cùng; 3 và 7: gậy nằm ngang; 1 và 9: gậy thẳng đứng; 2 và 8 và 4 và 6 là thế gậy đặt chéo

Ta cũng có thể tìm nguồn gốc của VHVN qua 2 huyền đồ Đồ Thư "100 TRỨNG 100 CON (Bách Việt)": Hiểu theo lối bỏ lời lấy tượng, lấy ý, thì: 100 đen trắng âm dương là số tổng của Đồ Thư được xem như con cái, trai và gái của cặp vợ chồng LLQ và AC (100=45 (Lạc Thư) +55 (Hà Đồ). Ý là: Hai hình Đồ Thư là của Cha Mẹ Rồng Tiên huyền thoại và số con 100 là huyền số. Con huyền số 100 viết ra lý số nòng 0, nọc là: 100 = 100100 tức con Thuần Lôi mà Lôi là Rồng nên cũng có nghĩa 100 là con của Tiên Rồng: **Văn hóa 100 trứng 100 con là văn hóa Tiên Rồng!** Lại nữa, 100 viết với 3 hạn số là Bát Quái, với 6 hạn số (hay hào) là 64, là lục thập tứ Quái, là trọn bộ của Sách Ước Vô Tự!. Điều nầy cũng có nghĩa là **KINH DỊCH hay Sách Ước huyền thoại, là "huyền sách" hình thành bởi Âm Dương Tiên Khôn _ _** và Rồng Càn ___ dương. Nói cách khác: **Kinh Dịch hay Sách Ước là sách của LLQ Cha Rồng (Dương Càn ___ và Mẹ ÂC là Âm Khôn _ _)!**

Ngoài việc ta tìm ra nguồn VHVN từ Sách Ước huyền thoại bằng chiếc gậy huyền thoại, ta cũng thấy nguồn của văn hóa nầy từ danh gọi của nền văn hóa nầy, như: **Văn Hóa Vô Ngôn nói lên ý là không dùng chữ** (nếu có cũng chỉ là tạm

dụng cần phải bỏ lời); gọi **văn hóa Tiên Rồng vì sử dụng hai huyền tự có tượng Khôn, Tiên _ _** và **Càn Rồng ___ để hình thành nó;** gọi **Văn Hóa Hà Lạc vì** nó được **hình thành bởi hai hình Hà Đồ và Lạc Thư** và gọi là **Văn Hóa Việt Dịch hay Việt Nho vì nó chỉ ra Đạo Dịch có nguồn gốc Việt** (siêu việt và của giòng Việt).

IV.ÁP DỤNG VHVN VÀO 3 LÃNH VỰC QUAN TRỌNG

Đến đây ta đã rõ: **VHVN chi ra Đạo Dịch mà áp dụng của Dịch thì khắp trên mọi lảnh vực, nên VHVN được xem như là Sách Ước** (Sách Ước gì được nấy), nhưng ở đây vì khuôn khổ viết cho một đặc san, nên chỉ xin nêu lên 3 lãnh vực quan trọng, là: VHVN áp dụng vào VIỆT DỊCH ĐẠO, VIỆT VÕ ĐẠO VÀ VIỆT Y ĐẠO

A._ VHVN CHỈ RA VIỆT DỊCH ĐẠO: ĐẠO không đồng nghĩa với TÔN GIÁO: ĐẠO ở đây là **Đạo Biến Dịch của mọi sự vật trong Càn Khôn, còn gọi là Đạo Thường Còn hay Thường Hằng. Lão Tử gọi là Thường Đạo** và ông nói không thể dùng ngôn ngữ để nói về nó: Đạo mà nói ra là Đạo không phải là Đạo Thường *"Đạo khả Đạo phi Thường Đạo"*. **Bởi Thường Đạo không thể dùng ngôn từ nói được, nên người Cổ Việt** (Bách Việt) **mới mô phỏng theo các tượng Càn ___ Khôn _ _ trong hoàn vũ mà lập ra hệ thống VHVN bằng các tượng văn hóa mang tính Âm Dương để qua đó chưng ra bằng hình tượng, giúp ta trực tiếp thấy Đạo nầy nên được gọi là Việt Dịch Đạo**

Bằng các tượng Càn ___ Khôn _ _ hay nòng 0 nọc 1, người Cổ Việt đã viết ra KINH DỊCH TRINH NGUYÊN, lập nên nền Văn Hóa Việt Nho Nguyên Thủy, LM Lương Kim Định gọi là Nguyên Nho. **Cái đặc biệt của của văn hóa nầy là không dùng ngôn ngữ qui ước mà dùng các tượng văn hóa như đã trình bày trên, để chưng ra Đạo của Càn Khôn (Trời Đất), được xem như là một kỳ thư** và cái dụng của Nguyên Nho thì trải khắp cùng trên mọi lãnh vực. Cái kỳ thư là sách vô ngôn chứ không là cái loại kinh sách viết về Dịch của Tàu Chệch (21) mang tính duy lý và rậm lời (22), như cái Kinh Dịch được phổ biến rộng rãi mà ngày nay ta thấy nhan nhản khắp nơi.

B._ VHVN ÁP DỤNG VÀO VIỆT VÕ ĐẠO: Chữ võ ở đây là võ phòng: Lạc Thư được xem là sách trị nước của Cha LLQ gửi cho Mẹ Âu Cơ và đám con theo Mẹ ở lại giữ nước. Việc võ phòng ta thấy được qua 2 đồ hình: Lạc thư và Bát Quái Hậu Thiên là 2 hình trong các đồ hình Việt Dịch Vô Ngôn:

a) Lạc Thư, qua sự thiết đặt đặc biệt các dấu đen trắng thay cho các con số dạng thập phân, như:

_ Phương Bắc con 9 chấm trắng; 9 viết ra lý số là Thuần Cấn 001001: Cấn là Sơn/núi, có tượng: bị ngăn chặn hay cần ngăn chặn, ý là phương Bắc là hướng nguy hiểm cần lưu tâm ngăn chặn.

_ Phương Đông với con 7 chấm trắng. 7 viết ra lý số là: 000111, là Thiên Địa Bỉ, là bỉ cực, xấu. Đây là hướng xấu thứ 2 mà giặc ngoại xâm thường sử dụng 2 hướng nầy để tiến đánh nước ta!

_ Hướng Đông Nam là con 6 đen; 6 là Trạch Địa Tụy 000110: Tụy là nhóm hợp, ý khuyên nên kết với các quốc gia ở hướngĐông Nam nầy tức kết hợp cùng các nước ĐNÁ.

_ Hướng Tây Nam với con 8 đen. 8 là Địa Sơn Khiêm tức 001000, là khiêm nhường, là Đạo Trời, sẽ làm được việc lớn (h.3), không gì là không lợi (h.4) *"khiếm thụ đắc, thời nãi thiên đạo"*.

Các tượng qua các con số chưng ra còn mang ý: Bắc và Đông với các con 9 và 7 dương, như là lính cần bố trí để phòng vệ và Đông Nam 6 và Tây Nam 8 âm Địa Khôn, là hướng phát tài lộc (Ngoại quái Địa chỉ ra rằng giao tiếp với hai hướng nầy sẽ lợi về Kinh tế, lợi về tài chánh)

b) Bát Quái Hậu Thiên (hình dưới): Cần lưu ý phương Bắc với con KHẢM/THỦY, phương Nam với con LI/HỎA, phương Đông với con CHẤN/LÔI, phương Tây với con TRẠCH/ĐOÀI để hiểu ý từ các tượng ở các phương nầy đã phải chịu ảnh hưởng bởi qui luật của Ngũ Hành:

H. 10 Hậu Thiên Bát Quái

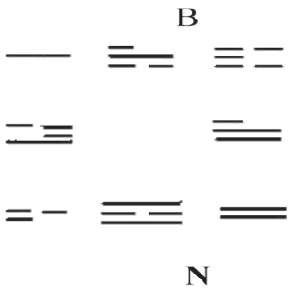

_ Ý NGHĨA BẮC KHẢM/THỦY: Tính của Khảm là kiên trì, duy thực, duy vật, duy lý (huyền thoại nói là theo Cha ra biển hay "trí giả nhạo Thủy") và Duy Dương (chọn bạo lực, chọn sức mạnh bởi con chủ quái là hào 2 Dương Càn (__) mà duy lý cùng cực là hiểm ác, tàn bạo, xảo trá và nguy hiểm. Khảm còn có nghĩa là hãm, kìm chế, khắc chế với Li Nam (Thủy khắc Hỏa) Ứng với thực địa, Khảm phương Bắc chỉ Tàu và Nga và theo Ngũ Hành tương Khắc, Khảm khắc với Li (Thủy khắc Hỏa), Bắc khắc Nam (Tàu và Nga luôn luôn bành trướng các nước phương Nam của chúng và hầu hết các lần tranh chấp, thắng lợi thường thuộc về phương Bắc).

_ Ý NGHĨA NAM LI/HỎA: LI là sáng, là văn minh, là Chân Lý hay Lẽ Thật. Phương Nam với con LI, là phương của người quân tử ở (Khổng Tử: Nam phương chi cường quân tử cư chi). Tuy thế, cái xấu, cái dở của Nam là phương nầy là bị phương Bắc lấn lướt: Trên thực sử điều nầy được nghiệm ứng, không sai! Điều nầy còn thấy rõ nét qua phong tục ăn sâu trong dân gian như trong cái nhìn của cha mẹ đ/v con cái: Bắc mang tính trọng nam, khinh nữ: "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" (Có một một trai là có con, có 10 gái vẫn xem như không). Ngược lại, tộc phương Nam xem trai gái ngang bằng, mà chú trọng đến "nghĩa, nghì" tức ĐẠO LÝ:

"Trai làm chi, gái làm chi,

Đứa nào có nghĩa có nghì thì hơn"

Quan điểm nầy rõ nét ở thời xưa, nhưng qua những ngàn năm ta bị phương Bắc đô hộ, một số người Nam không khỏi bị ảnh hưởng tư tưởng của phương Bắc và ngày nay, trải qua thời gian quá dài bị Cộng Sản thống trị và với quyết tâm Hán hóa của Tàu cùng với cái ươn hèn chịu làm nô lệ của lãnh đạo Việt Cộng, thì ta Tàu chẳng khác gì nhau: Đạo đức Bắc Nam đều bị suy đồi!

_ Ý NGHĨA TÂY TRẠCH/ĐOÀI và ĐÔNG CHẤN/LÔI:

Con Lý số Đoài nằm phương Tây (phương Đoài), theo ngũ hành tương khắc thì Tây Đoài hành KIM khắc chế con Đông Chấn hành Mộc, chỉ ra qui luật Tây khắc Đông. Điều nầy mang ý là: Sự tranh chấp Đông Tây như đang xảy ra, Tây sẽ thắng Đông, như qui luật xung khắc của ngũ hành là Kim khắc Mộc! Và, cái thắng của Tây đối với Đông sẽ giúp cho Nam giải tỏa qui luật Thủy khắc Hỏa/Bắc khắc Nam!

_ BÀI HỌC CHO DÂN VIỆT HÔM NAY RÚT RA TỪ HẬU THIÊN BÁT QUÁI:

Xung khắc Bắc Nam là điều tự nhiên trong Phong Thủy Chính Trị (Fongsui Politics), chỉ ra rằng: **Nga và Tàu-chệch phương Bắc, suốt lịch sử, luôn luôn là mối đe dọa cho các giòng Nam tộc.** Đến hôm nay, cái mối họa từ Bắc phương lại hiện rõ: Tàu Nga trở nên nguy hơn bao giờ hết, chẳng những đe dọa các nước phương Nam của chúng mà cái nguy hiểm đó đang đe dọa lan rộng cho thế giới qua hành động liên kết của Tập Cận Bình và Putin. Trước bối cảnh rối bời và đầy nguy hiểm nầy của hiện tình TG, không ít người run sợ cho "phe ta", riêng tôi, tôi vẫn tin tưởng vào thế tất thắng của ta mà VHVN, xuyên qua đồ hình Lạc Thư, Bát Quái Hậu Thiên và bàn thờ "Ông Bà" đã chưng ra, rằng: Nhân loại đang ở vào thời kỳ *"ngàn năm một thuở"*, vì TG đang ở vào thời điểm hội đủ đồng lúc và đồng bộ khắp nơi của hai sự tranh chấp: Bắc Nam và tranh chấp Tây Đông. Và, nhất định, theo qui luật, Tây sẽ thắng Đông! Việc Tây thắng Đông sẽ giúp giải tỏa cái khắc nghiệt của qui lật Thủy khắc Hỏa hay Bắc khắc Nam! Điều cần rút ra cho đồng bào ta, nhất là giới đấu tranh và các nhà lãnh đạo đất nước là, ở thời điểm nầy cần ngã theo Tây phương để đương cự với Bắc, để cái thắng của Tây phương cũng sẽ là cái thắng của ta. Nói như TS Cù Huy Hà Vũ, là: **Ngã theo Tây phương ở thời điểm nầy là MỆNH LỆNH CỦA THỜI ĐẠI!** Chỉ duy nhất làm theo cách nầy mới thoát Tàu "thoát Trung" vĩnh viễn (hay ít ra trong nhiều trăm năm) bởi việc nầy phù hợp với chủ trương của Mỹ, một quốc gia siêu quyền lực đang tiến hành ở thế kỷ 21 và cũng là phù hợp với hướng đi của siêu quyền lực là TOÀN CẦU HÓA với TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI nhằm loại trừ tất cả chế độ độc tài dưới mọi hình thức (độc tài quân phiệt, độc tài đảng trị, độc tài tôn giáo.)!

C._ VIỆT Y ĐẠO

Việt Y Đạo là nền y học vươn lên tầm Đạo Học: Việt Y Đạo trị bệnh với đạo lý tối hậu là cứu người chứ không vì tiền như thương y, là nền y học mang tính thương mại, lo kiếm tiền là chính. **Việt Y Đạo còn mang nghĩa là nền Y học mang tính Việt: Y Lý và cách chẩn trị được y cứ trên Việt Đạo tức nền VHVN VIỆT DỊCH**, với những qui luật bất biến mà nền văn hóa nầy chỉ ra, như: Một là tất cả, tất cả trong Một (Ta là tiểu vũ trụ, đại vũ trụ có gì thì trong tiểu vũ trụ cũng hội đủ, điều nầy có nghĩa thuốc trị bệnh cũng có sẵn trong ta, nếu ta biết sinh huyệt và kích thích nó thì bệnh sẽ khỏi); luật tương ứng, tương cầu (*đồng thanh* tương ứng, đồng khí tương cầu), luật tương sinh tương khắc của ngũ hành, luật thông bất thống, thống bất thông.

Nói đúng ra, những khám phá nầy chẳng phải của người viết mà căn bản là của Đông Y, được Thầy Lý Phước Lộc làm sống lại, người viết chỉ là học trò qua mạng, nên chẳng dám "múa riều". Điều cần là thực nghiệm, không cần tin trước. Xin mời mọi người hãy vào youtube hay google search đánh "Lý Phước Lộc" mạng sẽ hiện lên. Cần học để tự trị bệnh cho mình và giúp người, bảo đảm chẳng bao giờ có phản ứng phụ: Day đúng sinh huyệt sẽ hết bệnh, day không đúng, không hết. Vô hại!

KẾT

Trở về với VHVN không đồng nghĩa với trở về với thời kỳ con người còn ăn lông ở lỗ mà là trở về với văn hóa Nguyên Nho, cũng là trở về với Minh Triết của Đạo Lý Đất Trời (23). Vẫn biết con đường trở về nầy là thiên nan, vạn nan, bởi đây là tiến trình đi ngược niềm tin vào ngụy sử từ nhiều ngàn năm do Tàu cố tình tạo ngụy thư trong ý đồ đồng hóa dân Nam của Bắc phương. Và, vẫn biết viết theo kiểu nầy, có thể xem như là một thách thức động trời với quan điểm được xem như là chính thống của nhiều "học giả" (học điều không thiệt), nhưng, tôi vững tin rằng, dưới ánh mặt trời không điều gì có thể che dấu mãi. Đến hôm nay, không thiếu những nhà nghiên cứu lừng danh thế giới đều nói trái lại với các ngụy thư của Tàu, như các ông:

_ Bác sĩ Stephen Oppenheimer, người Anh trong tác phẩm Eden in the East, *the drowned continent of Southeast Asia* chỉ ra rằng cái văn hóa và văn minh mà xưa nay người ta ngỡ là của Tàu, là của Đông Nam Á châu!

_ Charle Darwin (1809_ 1882) nổi tiếng với thuyết tiến hóa, cũng từng khẳng định rằng: Tất cả các giống gà nuôi trên thế giới đều có nguồn gốc từ gà rừng Đông Nam Á

_ W. G. Solheim II (1924_ 2014): ĐNÁ là nơi phát triển chăn nuôi đầu tiên trên trái đất (24).

_ Khảo cổ học: Ngày nay đã tìm thấy ở VN vào những niên đại thuộc tiền sử, có những nền văn hóa rất cổ như ở Thời đại đồ đá cũ: Văn hóa Ngườm (23.000 TCN),Văn hóa Tràng An (23.000TCN - 1000 TCN), Văn hóa Sơn Vi (20.000 - 12.000 TCN). còn ở Thời đại đồ đá mới nổi tiếng với các nền văn Văn hóa Hòa Bình (12.000 - 10.000 TCN) Văn hóa Bắc Sơn (10.000 - 8.000 TCN) (25).

_ Trên phương diên văn hóa: Ta nay đã bắt đầu có được các Ông: LM Lương Kim Định, Nguyễn Khiết, BS Nguyễn Xuân Quang (USA), Đỗ Ngọc Thành (VN gốc Triều Châu hiện ở CA, USA), Nguyễn Thiếu Dũng, Hà Văn Thùy, Nguyễn Khắc Mai (VN). mỗi người một khía cạnh, đã và đang góp công sức làm sống lại nền văn hóa cổ nầy.

Tóm lại, văn minh và văn hóa sáng chói của nhân loại của nhiều ngàn năm trước, không phải từ Tàu mà từ Đông Nam Á, rõ nét và nổi bật nhất là ở Việt Nam. Tôi viết bài nầy trong chiều hướng đồng tình với những khám phá đó và viết nằm trong chủ đích:

"Viết để khơi hồn thiêng và tiêu trừ oan trái

Chuộc lỗi lầm thua bại mất quê hương"

(Xin Mời Anh Cầm Bút Lên Dường, thơ của TĐ NVN)

Hy vọng, bài viết sẽ được ghi nhận như là lời mời gọi mọi người, nhất là người Việt, cùng trở về nguồn, tiên khởi là Nguồn Văn Hóa, để củng cố nội lực của chính mình, để sống cho ra người, tránh cái họa vong thân: Hết chạy theo và thần phục Tàu, thần phục Tây., hết duy vật đến duy tâm, là những thứ mang tính đơn duy chích khuyết, sao bằng nền VHVN mang tính vừa là khoa học khách quan của toán số, bao gồm tâm vật trong một, vừa mang tính dung chấp để kéo về "đồng tương" (Nửa theo Cha, nửa theo Mẹ về hợp nhau ở Cánh Đồng Tương _ Huyền Thoại Chia Con Giòng Việt), dung hòa được những khí chất tưởng chừng nghịch lý, trái chiều, để không loại trừ

nhau, mà có thể hòa đồng "Hòa nhi bất đồng", làm khuông mẫu cho đa nguyên.

Như phần giới thiệu đại cương trên, VHVN VIỆT DỊCH, cụ thể, có thể mang lại ơn ích cho mình và cho người (qua VIỆT Y ĐẠO), ơn ích cho Nam tộc (qua VIỆT VÕ ĐẠO) và ơn ích cho nhân loại để có được nhiều phát kiến mới cho nhân quần (qua VIỆT DỊCH ĐẠO): Một nền văn hóa như vậy quả là siêu Việt (cao siêu của giòng Việt) và siêu vượt để dẫn vào Đạo học. Có ai còn chê Nho Học, trong hướng Nguyên Nho, là hủ lậu chăng ? _ Tôi nghĩ, nếu có thì đó là Văn Hóa chệch hướng Hán Nho, còn Việt Nho thì quả là Siêu Việt, tôi nghĩ thế, còn các bạn thì sao?

CHÚ THÍCH:

(1): Nho với định nghĩa: *"Thông Thiên, Địa, Nhân viết Nho",* là nền văn học giúp ta thông hiểu cả Trời, Đất và Người với những qui luật chi phối nó, tức hiểu Tam Tài Việt (Ám chỉ 3 hào cấu thành quái Dịch LI: trên cùng, hào 3 là THIÊN, hào 1 hay sơ hào, là Địa và giữa là Nhân làm chủ quái, mang nghĩa là Đạo Lý Nhân Bản của con người đứng giữa Trời Đất: *"Trung lập nhi bất ỷ cường chi kiểu"!*

(2) : KINH DỊCH là cuốn sách nền tảng của Nho Học, cả Hán Nho và Việt Nho, huyền thoại Việt gọi là Sách Ước (Sách Ước gì được đó)

(3): Khả năng tiên tri: Nhờ vào Đồ Thư của VHVN mà Cụ Trạng đã toán việc như Thần và bắt chước Cụ, tôi cũng sử dụng Đồ Thư để chỉ ra: HƯỚNG PHỤC VIỆT QUA LÝ SỐ HÀ LẠC (trang 322 đến 336 trong tác phẩm VĂN HÓA CỔ VIỆT và viết VĂN HÓA CHÍNH TRỊ: CHIẾN TRANH BIỂN ĐẢO 2013, đăng trên ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI 2014.

(4): Song nhị: Trong 1 có 2

(5): Lưỡng nhất: Hai gôm trong 1

(6): Để rõ hơn xin đọc phần viết BA HỆ SỐ TOÁN SỐ trong VĂN HÓA CỔ VIỆT, cùng tác giả.

(7): Theo tôi, nên dùng chữ *"đạo tự văn hóa"* thay vì *"triết tự văn hóa"* vì nền VHVN cùng đích của nó dẫn vào ĐẠO (hay ĐẠO DỊCH), khác hẳn với TRIẾT của Phương Tây được xây dựng trên sự tưởng, nghĩ mang tính chủ quan, nên triết không là chân lý, không là Minh Triết!

(8): 2 câu nầy trích từ huyền thoại sách Ước. Câu đầu chỉ ra hình thức sách: Sách nguyên thủy không bằng chữ mà bằng các vạch Càn (___), Khôn (_ _) hình thành lục thập tứ (64) Quái Dịch, huyền thoại gọi

là Sách Ước Trinh Nguyên; câu 2 chỉ ra cách hình thành sách từ chiếc gậy thần đốt trúc của Long Vương (LLQ) tặng cho thần Tản Viên (đã được giải mã ở phần viết về NGUỒN GỐC VHVN, trong bài)

(9): Quan chiêm: quan sát và chiêm nghiệm

(10): Thiên Đàng: Chân Lý, Lẽ Thật

(11): Tông đồ: Đệ tử chân truyền

(12): Nói dụ ngôn là mượn chuyện để nói, nói vậy chứ không là vậy, cần phải bỏ lời lấy ý.

(13): Lời khuyên căn bản trong Dịch Học

(14): Pháp là theo, con người học theo đất như trong tiến trình người xưa dạy: *"Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo Pháp Tự Nhiên"*

(15): Việt cần hiểu theo 2 nghĩa: 1) Việt là siêu việt, xuất chúng. 2) Tộc dân thuộc Bách Việt cổ xưa, nằm phía Nam sông Dương tử và nằm ở các hải đảo thuộc ĐNÁ.

(16): Phỏng tác: Mô phỏng và chế tác theo cái tượng chưng ra trong Càn (___) Khôn (_ _)/Trời Đất.

(17): Sử Đồng: từ dùng của BS Nguyễn Xuân Quang: https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/

(18), (19): Các phần viết liên hệ với các vấn đề nầy là cuả Tv Phan Đình Diệm: [caodai] THƯ NGỎ 1613 - PAPA PHANXICÔ "TUYÊN ÚY CHỈ ĐẠO" CỦA "NOS

(20): Đồ Thư là hai hình được xem như 2 trang sách vô tự mà cụ Trạng Trình Nguyễn Bính Khiêm nhờ vào nó mà tiên tri vận nước, như cụ nói trong phần mở đầu Sấm Trạng:

"Nước Nam từ thử Hồng Bàng
Đổi thay cuộc thế, gian san chuyển vần
Từ: Đinh. Lê, Lý, Trần thuở trước
Đã bao lần vận nước đổi thay
Núi sông thiên định đặt bày
Đồ thư một quyển xem ngay mới rành"

(21): Chệch: Chệch hướng, là từ Ông Bà ta chỉ đám giặc phương Bắc, ý là: ĐẠO DỊCH của Tàu Chệch là sai với ĐẠO CỦA CÀN KHÔN và với ĐẠO DỊCH NGUYÊN THỦY của giòng Viêt. Gọi Tàu là Chệch còn mang ý coi thường, không xem trọng ...

(22): Ngôn từ cạn ý, rậm lời

Chỉ vô ngôn mới rộng khơi nhiệm màu (Trích KHI MÊ THẤY ĐỘ, thơ T Đ Nguyễn Việt Nho)

(23): Triết không thể và không bao giờ là MINH TRIẾT: Triết là sản phẩm vô vật thể của con người mà con người là bất toàn nên cái sản phẩm do tưởng, nghĩ và được quảng diễn bằng ngôn ngữ qui ước, nó rất bị hạn chế, nên không thể vươn tới tầm Minh Triết. Minh Triết phải là Đạo Lý bất Dịch của Đất Trời, nó chẳng phải của con người:

"Minh là nhật nguyệt quyện vào nhau
Triết tỏ Âm Dương Lý nhiệm màu
Đạo lý Đất Trời luôn tỏa sáng
Chẳng của riêng ai, chẳng của Tàu"
(Minh Triết, thơ T Đ Nguyễn Việt Nho)

Còn Minh Triết Việt là Đạo Lý của Càn Khôn và giòng Việt dùng "triết tự văn hóa" phỏng theo, lập ra:

"MINH TRIẾT đạo Lý Đất Trời
Vô ngôn không thể dùng lời diễn ra
MINH TRIẾT VIỆT dẫn dắt ta
Đến với Đạo Lý thông qua tượng, đồ"
(Minh Triết Và Minh Triết Việt, thơ TĐ Nguyễn Việt Nho)

(24): Phỏng theo: "Người Tàu là tổ tiên của người Việt?" trên Fb Nguyễn Tuấn

(25): Trích mạng: https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢM:

_ VĂN HÓA CỔ VIỆT của Nguyễn Việt Nho, XB 2004, CA, USA

_ Trang mạng ĐƯỜNG VÀO DỊCH của Nguyên K (Nguyễn Khiết): NguyenK.com

_ BS NGUYEN XUAN QUANG'S BLOG: https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/

_ KINH DỊCH ĐẠO CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ của Nguyễn Hiến Lê

_ DỊCH HỌC TINH HOA của Thu Giang Nguyễn Duy Cần

_ TRUNG TÂM TRƯỜNG SINH HỌC ĐIỂN QUANG của Ô. Ô. Hồ Vinh, Lý Phước Lộc

ĐÔI GIÒNG VỀ NGƯỜI VIẾT BÀI:

Nguyễn Việt Nho là bút hiệu của Nguyễn Hòe, cựu học sinh Cường Để Qui Nhơn, cựu SQQL/VNCH Nguyên quán: Tân Đức, Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định. Làm thơ với bút danh là T Đ Nguyễn Việt Nho. Qua Mỹ với tư cách tị nạn chính trị, HO 29. Hiện ở thành phố San Jose, California, USA. Phone liên lạc: 408 2258754. Địa chỉ email: nguyenvietnho1943@yahoo.com





Vöôn queâ nôi thaø höông

TỲ KHEO LIÊN TẨU TN

(Một ngày vườn quê của ông lão trồng sen)

Vợ chồng ông lão trồng sen,
Sáng vừa bảnh mắt đã len ra vườn.
Đào ao, thả cá, dựng sườn,
Làm giàn bí đỏ, lát đường cỏ hoa.
Này là khóm cúc, khóm cà,
Nọ là bụi trúc la đà trước sân.
Vườn sen trên deck, tẩy trần,
Sen vàng, sen đỏ, đượm phần thiền duyên!
Phật đài, tượng đá linh thiêng,
Cành dương tươi mát, phô miền thanh tao.
Nhìn sang vườn thấp bên rào,
Sen hồng điểm trắng, ngạt ngào tình thương.
Chậu mẫu đơn (peony), hoa đẫm sương,
Khoe mầu huyết dụ, biết nhường ai đây?
Ham cây vả (fig) trái chớm đầy,
Cành cao cành thấp, lá bày xanh tươi.
Hai cây ổi xá lị mời,
Sởn sơ cây lựu cây si,
Ai ơi! ngắm thử cây gì đứng bên.
Bụi hồng thắm, cụm rau dền,
Ớt xanh, ớt đỏ, máu ghen hừng lòng;

Dạo sang góc gác tường Đông
Rau răm, nhiếp cá, xa trông khác thường.
Rau càng cua với mướp hương,
"Càng cua rang muối", thắng phường cỏ hoa.
Bước qua vườn trước sân nhà,
Lily-ngày nở, thông già, bụt thon.
Romarin (rosemary) với cải non,
Cỏ thơm gia vị, xà lách xon đậm màu.
Đu đưa ẽo ợt Anh Đào (cherry blossom),
Đông qua, Xuân lại, mùa nào không hoa.
Tử Vi tỏa bóng hiên nhà,
Đơm bông hồng lợt, mặn mà trước sau.
Bụi hồng tỉ muội tươi màu,
Có nàng kiều nữ ghé vào "thám hoa".
Chiều thu màu nắng nhạt nhòa,
Gai đâm tay mịn, ruột sa chín chiều.
Cây vườn của ít công nhiều,
Tình vui thanh đạm, dập dìu bướm ong.
Ai ơi! nhớ thuở thong dong,
Ai về, ai ở, ai trông ai chờ?
Nước non, non nước sương mờ . . .
Lòng xuân già gởi tình hờ xa xăm . . .



Hưng Đông tiểu lâm viên
Tỳ kheo Liên tẩu T.N.

Danh Nhân Việt Nam

ĐẶNG ĐỨC SIÊU

và tờ mật sớ

TRÁC NHƯ

TIỂU SỬ

Đặng Đức Siêu (鄧德超), người huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định, gia thế nghiệp nho và làm thuốc, lúc trẻ đi học ở kinh đô, ngụ ở xã Xước Dụ (綽裕), huyện Hương Trà, lấy vợ họ Nguyễn, nhân thế làm nhà ở đấy.

Năm 16 tuổi đậu Hương Tiến, khoa thi Hương năm Mậu Tý (1768), đời chúa Nguyễn Phúc Thuần, làm quan chức Hàn Lâm. Trong thời gian làm việc tại Đô Thành Huế, Siêu đã chứng kiến sự phân hóa của triều đình chúa Nguyễn, sự sai lầm chính sách tiền tệ , sự chia rẽ giữa gia đình phủ chúa, sự lũng đoạn của bọn phe phái quyền thần đưa đến dân gian đói khổ, loạn lạc, lòng người phân tán. Đó là cớ cho một quan chức nhỏ Biện Lại khởi loạn mà thành công dễ dàng.

Năm Giáp Ngọ (1774) quân Trịnh kéo quân vào Nam xâm lấn, Siêu lánh cư ở Long Hồ (龍湖), dạy học. Siêu thường sáng tác các bài phú như: Thương Sơn Tứ Hạo (商山四皓),Trương Lương Chùy (張良錐), Tô Vũ Tiết (穌武節), tự ví với Quản Trọng, Nhạc Nghị để tỏ chí của mình.

Quan Trịnh là Trần Nguyễn Nhưng được xem, rất khen hay, cho vời nhưng Siêu không đến.

Năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ chiếm được Đô Thành Phú Xuân từ tay quân Trịnh, thấy Siêu là danh sĩ, sai triệu muốn cho làm quan, nhưng Siêu giữ nghĩa, nói thác bịnh nằm nhà.

Năm Tân Hợi (1792), Nguyễn Vương Ánh đóng ở Gia Định nghe tiếng Siêu, sai người đến triệu, đường nghẽn không thể tới được.

Năm Kỷ Mùi (1793), Siêu 41 tuổi mới lấy vợ tên Nguyễn Thị Ngữ 15 tuổi, gốc người Quảng Bình sau dời về Thừa Thiên.

Năm Mậu Ngọ (1798), sau 25 năm chứng kiến tình hình chính sự Đàng Trong, vùng Tây Sơn chiếm đóng, những ưu và khuyết xưa nay... Lúc bà Siêu 21 tuổi, sanh được một con trai tên Thiệm và một con gái, Siêu mới lén đáp thuyền vô Nam vào mùa Đông. Siêu được Nguyễn Văn Nhân tiến cử vào yết kiến, dâng mưu kế bình Tây Sơn. Nguyễn Vương khen ngợi nghe theo, nói rằng:“ Ta mong khanh đã lâu, sao đến muộn thế!”, liền trao cho chức Giám Quân (監軍). Siêu từ chối vì là người mới đến sau, chưa làm được công cán gì, sợ lòng người chưa thỏa, chỉ xin giữ chức cũ là Hàn Lâm. Chúa bảo rằng: Chức Hàn Lâm trật thấp, khó dùng để bàn bạc công việc, bèn trao chức Tham Mưu (參謀)ở Trung Dinh, ngày đêm theo hầu, trù tính việc quân, thương mến càng nhiều. Siêu tự cho là duyên may gặp gỡ vua sáng tôi hiền, đãi hết điều mình đã biết.

Năm Kỷ Mùi (1799), Siêu theo Nguyễn Vương đi đánh Tây Sơn, lấy lại được Quy Nhơn đổi tên là thành Bình Định, cùng với Ngô Tùng Châu tuyển binh đặt 5 đồn Ngự Lâm Quân rồi bàn việc đánh thuế thân dân Bình Định. Với vai trò Tham Mưu, Siêu dâng mật sớ can Nguyễn Vương. Mật sớ d âng l ên, xem xong V ư ơng khen là phải, việc đánh thuế thân mới bãi bỏ. (Tờ mật sớ xin giới thiệu ở phần sau).

Không bao lâu, quân Tây Sơn do hai tướng tài Trần Quang Diệu và Võ Văn Dõng đem quân vây thành Bình Định. Người giữ thành là hai nhân vật quan trọng của Nguyễn Vương là danh tướng Võ Tánh, lấy em gái của Nguyễn Vương làm Trấn Thủ; Ngô Tùng Châu là bậc văn thần làm Lễ Bộ Thượng Thư kiêm chức Phụ Đạo Đông Cung làm Hiệp Trấn.

Năm Canh Thân (1800), Bình Định bị vây quá gấp, Siêu theo Vương đi đánh, thuyền Vương tiến đóng ở Vụng Na, Phú Yên, quân lính bị bệnh nhiều, mà quân Tây Sơn ở cửa biển Thi Nại đem thuyền lớn chắn ngang, dùng thủy quân phòng bị rất vững. Quân Nguyễn bị ngăn trở không tiến được, bàn bạc cho quân thủy lên bộ, đánh giải vây Bình Định.

Siêu tâu với Vương rằng:

- Thủy quân ta tiến lên bộ, thuyền bỏ trống ở đấy, địch quân biết được tất đến tranh đoạt lấy, không phải là kế hay. Vả lại, thủy chiến quân ta là sở trường, dễ thành công.

Nay mùa Hè, nhiều gió Nồm, xin chế tạo vật liệu dễ cháy đánh hỏa công, chở bằng thuyền gỗ xam, nhân lúc

đêm tối, sai l ính xung kích tấn công ác liệt, lẻn vào cửa biển ấy chiếm được phía trên chiều gió, đánh thì chắc được.

Nguyễn Vương nghe theo kế ấy, sai bọn Lê Văn Duyệt dùng hỏa công đốt phá thuyền Tây Sơn, Võ Văn Dõng quả nhiên thua chạy, thanh thế quân Nguyễn vang dội.

Việc giải vây thành Bình Định, Siêu cùng Trần Văn Trạc tâu nói:

" Quân đem hết quân vây thành thì sào huyệt của chúng tất bỏ trống. Quân ta nếu tiến chiếm sào huyệt chúng, thì việc giải vây cô thành ấy, không cứu viện, cũng tự giải được.

Địa hình Phú Xuân, chúng thần vốn được biết hết, xin chia quân, thuyền làm 2 đạo: 1 đạo đánh cửa Tư Hiền 思賢,1 đạo đánh cửa Hoán Hải 渙海, chắc có thể thắng hoàn toàn"

Bấy giờ các tướng là bọn Nguyễn Văn Thành, nhiều người tâu xin bỏ thành bên, đánh chỗ xa, mà Võ Tánh giữ thành cũng gửi mật thư xin nhân lúc sơ hở đánh lấy Phú Xuân, ý vương mới quyết.

Năm Tân Dậu (1801) mùa Hạ tháng 5, lấy lại được Đô Thành Phú Xuân, Nguyễn Quang Toản chạy ra Bắc. Mùa Đông năm ấy, thăng cho Siêu làm bộ Lễ, Siêu cố từ, Vương không cho.

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Vương bàn đánh ra ngoài Bắc, Siêu cùng Trần Văn Trạc, dâng tâu:

- "Nhà Lê từ khi Chiêu Hoàng chạy sang nước Thanh, đi không trở về, đất Bắc Hà đã bị Tây sơn chiếm hữu. Huống chi Vương sư từ khi lấy lại cựu kinh đến nay, thần dân nhà Lê không từng có một người hưởng ứng việc nghĩa để đánh giặc, thì nhà Lê không thể phục hưng được nữa, việc đã đủ biết rồi. Nay ta diệt Tây Sơn, được cả đất ấy là lấy từ Tây Sơn, chứ không phải từ nhà Lê. Sau khi yên định thì tự ý ta xử trí mọi việc.

Duy về việc thương dân đánh kẻ có tội, cốt ở có danh hiệu, có quan ứng đến lòng người thuận lòng trời, trước hết phải đổi Năm, Tháng. Nay đi đánh ngoài Bắc mà còn dùng danh hiệu nhà Lê, sợ người ngoài Bắc bảo là ta mượn tiếng nhà Lê, chi bằng lên chính ngôi vua, đổi niên hiệu, tuyên bố nghĩa lớn cho cả nước biết, thì ta

được nước là chính nghĩa, không ai có thể dị nghị được."

Nguyễn Vương cho là phải, bèn lấy năm ấy đặt niên hiệu Gia Long Nguyên Niên (嘉隆元年) 1802, bá cáo trong ngoài việc đánh ngoài Bắc.

Cũng năm 1802, toàn quốc yên định xong cả, lại làm lễ cáo miếu việc võ thành công. Đời truyền tụng rằng: bài hát *Hồi Loan Cửu Khúc* (回鑾九曲) bằng tiếng nước ta, người làm nghề ca công ở Thanh, Nghệ còn truyền tụng.

Đương thời, Tế Giao, Tế Miếu, Tế Xã Tắc, đặt Lễ Nhạc nhất nhất đều đổi mới, Siêu sưu tập rõ việc cũ, điển lễ lớn của triều đình, phần nhiều là do Siêu soạn định. Vua trọng Siêu lắm, thường được vua đặc biệt chú ý.

Mùa Xuân năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Long thứ 2(1803), Tấn phong vợ cả vua họ Tống làm Vương Hậu, Siêu phụng mệnh sung làm Phủng Sách Sứ.

Năm thứ 4(1804), Siêu kiêm sung chức Hoàng Tử Phụ Đạo. Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế nuôi dưỡng đạo chính, thành công chí thánh, được Siêu giúp ích rất nhiều.

Năm thứ 6(1807), Siêu kiêm quản Khâm Thiên Giám, năm ấy biên soạn làm tập *Thiên Nam Thế Hệ* (天南世系): Bắt đầu chép từ Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế, đến Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế. Lại truy trở lên chép tự Hoành Quốc Công đến Trừng Quốc Công để biết rõ Triệu Tổ từ đâu sinh ra, sau chép Hiếu Khang Hoàng Đế, để biết rõ bản thân vua tự đâu sinh ra. Trước sau hơn 200 năm, phàm thế thứ, công nghiệp, cho đến ngày sinh, ngày kỵ và phương hướng lăng tẩm đều chép đủ cả.

Năm thứ 8(1809), bắt đầu đặt chức Thượng Thư 6 bộ, vua trao cho Siêu chức Thượng Thư bộ Lễ.

Năm Canh Ngọ, niên hiệu Gia Long thứ 9(1810), Siêu mất tại nơi làm quan, tuổi 60, được tặng Tham Chính (參政),ban cho áo gấm, đoạn, đồ khâm liệm, và quan tài, cấp phu coi mộ.

Siêu học vấn sâu rộng, văn chương uẩn súc tao nhã, đức hạnh tiết tháo thực là nhân vật bản triều kính trọng. Gặp hồi binh loạn, mai danh ẩn tích ngót ba mươi năm giữ vẹn danh tiết. Buổi đầu Trung Hưng, giữ việc lễ của nước, kiêm sung làm thầy dạy học, công ấy lớn lắm.

Siêu trước tên là Chiêu (昭) đến khi thấy dòng nhà vua theo bộ nhật 日 (trong Thái Miếu nhà vua, những ngôi thờ bên trái là Chiêu 昭, những ngôi thờ bên phải là Mục 穆) nên

tránh chữ Chiêu, mới đổi là Siêu 超 .

Năm Quý Mùi, Minh Mệnh thứ 4(1823). Vua lấy Hàn Lâm Viện Tu Soạn Đặng Đức Thiệm 贍 làm Lang Trung bộ Lễ.

Thiệm là con Đặng Đức Siêu, lúc vào bái yết, vua dụ rằng: ***"Tiên sinh xưa học hạnh tiết tháo thực là nhân vật nước Nam, ngươi nay phải hết lòng làm việc, cố nối thanh danh của nhà, chớ phụ lòng quyến chú của trẫm"*** (昔先生學行節操洵爲南國人物汝今當盡心所事克紹家聲毋負朕之眷注也 *Tích tiên sinh học hạnh tiết tháo tuân vi Nam quốc nhân vật, nhữ kim đương tận tâm sở sự khắc thiệu gia thanh vô phụ trẫm chi luyến chú dã.)*

Trích từ sách *Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Nhị Kỷ*, quyển 19, trang 20.

Năm Ất Dậu Minh Mệnh thứ 6(1825) Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế, nghĩ lại công Thầy dạy học, bảo bộ Lễ rằng:

"Đặng Đức Siêu từng phụng mệnh Thế Tổ Cao Hoàng để dạy trẫm mấy năm, được dạy bảo nhiều, lại giữ tính công, trung không thẹn với chức vụ." Truy tặng Thiếu Sư, Hiệp Biện Đại Học Sĩ và ban cho một tuần tế.

Tự Đức thứ 5(1852), Siêu được bày thờ vào miếu Trung Hưng Công Thần.

Thiếu Sư Phu Nhân trọn đời thủ tiết. Năm Minh Mệnh thứ 8(1827), khen là tiết phụ, bộ bàn nên liệt vào hạng ưu; xuống sắc cho biển 4 chữ: "ĐỒNG QUẢN PHƯƠNG TIÊN "(quản bút đo mức phương thơm) dựng nhà treo biển ngạch, cấp cho hạc và lụa. Năm Thiệu Trị thứ 2(1842), ban cấp cho sâm, quế, lụa màu. Năm thứ 7(1847) thì mãn phần, thọ 82 tuổi, hậu cấp cho đoạn màu vải lụa và tiền.

Con trai duy nhất Đặng Đức Thiệm làm quan đến Tổng Đốc. Anh Siêu là Đặng Đức Huy, ham học, thơ quốc âm rất hay. Đầu năm Gia Long làm đến Đốc Học Bình Định, tuổi già về hưu trí, đầu năm Minh Mệnh được dự thưởng bạc lụa về thọ quan.

TỜ MẬT SỚ

Nhắc lại nhận xét về văn học, nhà viết sử triểu Nguyễn chép:

"Siêu học vấn sâu rộng, văn chương uẩn súc tao nhã... "

]Về thơ văn Nôm, Giáo Sư Dương Quảng Hàm có chép một bài nhan đề: *Văn Tế Phò Mã Chưởng Hậu QuânVõ Tính và Lễ Bộ Thượng Thư Ngô Tùng Châu in trong sách Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển,* trang 100; nhà xuất bản Xuân Thu, in tại Los Alamitos, California Hoa Kỳ.

Nhân đây, về Hán Văn, chúng tôi xin giới thiệu tờ mật sớ của Tham Mưu Đặng Đức Siêu dâng lên vua Thế Tổ Cao Hoàng nhà Nguyễn mà lúc bấy giờ là Nguyễn Vương vừa chiếm lại Quy Nhơn.

Tờ mật sớ này thấy chép trong sách *"Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Nhất Kỷ,* quyển 11 và trong sách *"Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện Sơ Tập, quyển số 10.* Hai nơi chép tờ sớ có vài chữ khác nhau mà nguyên ý không đổi. Dưới đây là nguyên bản trong sách *Đại Nam Thực Lục* thu nhỏ lại để vừa trang báo.

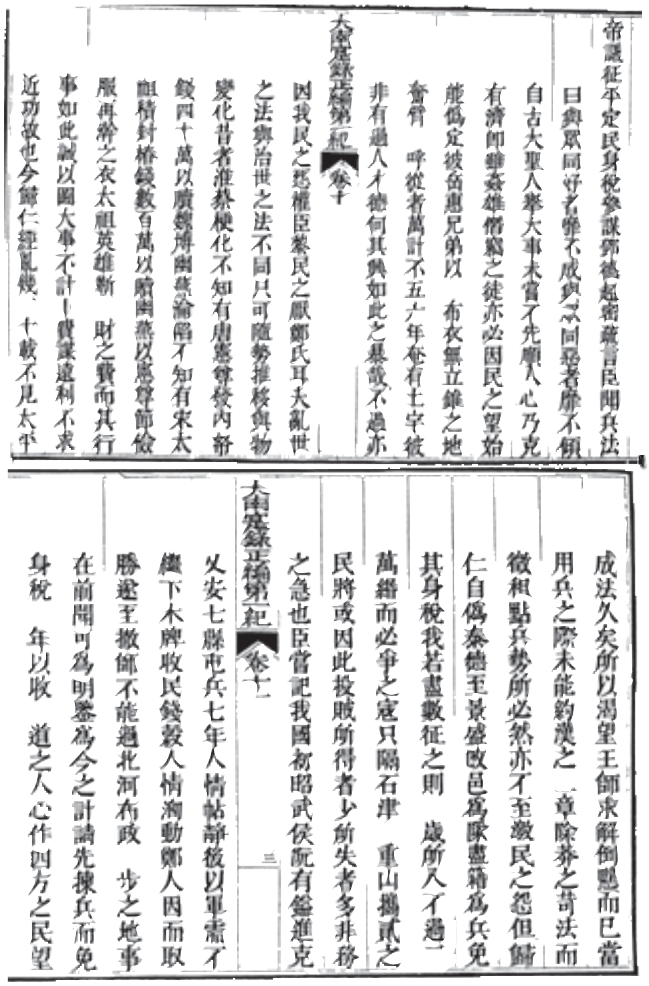

A. PHIÊN ÂM:

Thần văn binh pháp viết: ***"Dữ chúng đồng hiếu giả mĩ bất thành, dữ chúng đồng ố giả mĩ bất khuynh".***

Tự cổ, đại thánh nhân cử đại sự, vị thường bất tiên thuận nhân tâm, nãi khắc hữu tế. Tức tuy, gian hùng tiếm thiết chi đồ, diệc tất nhân dân chi vọng, thủy năng ngụy định.

Bỉ Nhạc Huệ huynh đệ, dĩ nhất bố y vô lập trùy chi địa, phấn tý nhất hô, tùng giả vạn kế, bất ngũ lục niên, yểm hữu thổ vũ.

Bỉ phi hữu quá nhân tài đức, hà kỳ hưng như thử chi bạo tai!

Bất quá diệc nhân ngã dân chi oán quyền thần, Lê dân chi yếm Trịnh thị nhĩ.

Phù loạn thế chi pháp dữ trị thế chi pháp bất đồng, chỉ khả tùy thế thôi di, dữ vật biến hóa

Tích giả Hoài, Thái ngạnh hóa bất tri hữu Đường, Hiến Tôn phát nội thảng tiền tứ thập vạn dĩ thục Ngụy Bác; U Yên luân hãm bất tri hữu Tống, Thái Tổ tí Phong Thung tiền sổ bách vạn dĩ thục U Yên.

Dĩ Hiến Tôn tiết kiệm, phục tái hoán chi y; Thái Tổ anh hùng cận nhất tài chi phí, nhi kỳ hành sự như thử! Thành dĩ đồ đại sự bất kế tiểu phí, mưu viễn lợi bất cầu cận công cố dã.

Kim Quy Nhân kinh loạn kỉ tam thập tải, bất kiến thái bình thành pháp cửu hĩ, sở dĩ khát vọng vương sư, cầu giải đảo huyền nhi dĩ. Đương dụng binh chi tế, vị năng ước Hán chi tam chương, trừ Mãng chi hà pháp, nhi trưng tô, điểm binh, thế sở tất nhiên, diệc bất chí kích dân chi oán.

Đãn Quy Nhân tự ngụy Thái Đức chí Cảnh Thịnh cải ấp vi đội, tận tịch vi binh, miễn kỳ thân thuế. Ngã nhược tận số chinh chi tắc nhất tuế sở nhập bất quá tam vạn mân, nhi tất tranh chi khấu, chỉ cách Thạch Tân nhất trùng sơn, huề nhị chi dân tương hoặc nhân thử đầu tặc. Sở đắc giả thiểu thất giả đa, phi vụ chi cấp dã.

Thần thường kí ngã quốc sơ, Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật tiến khắc Nghệ An thất huyện đồn binh thất niên, nhân tình thiếp tĩnh. Hậu dĩ quân nhu bất kế, hạ mộc bài thu dân tiền cốc, nhân tình hung động, Trịnh nhân nhân nhi thủ

thắng, toại chí triệt sư, bất năng quá Bắc Hà Bố Chánh nhất bộ chi địa.

Sự tại tiền văn khả vi minh giám vi kim chi kế, thỉnh tiên giản binh nhi miễn thân thuế nhất niên, dĩ thu nhất đạo chi nhân tâm, tác tứ phương chi dân vọng.

B. DỊCH NGHĨA:

Thần nghe binh pháp nói:“ Cùng mọi người cùng sự thích, chẳng việc gì là chẳng thành công; cùng mọi người cùng lòng ghét không việc gì là không nghiêng đổ”.

Từ xưa, những bậc đại thánh nhân, làm việc lớn, chưa từng chẳng lấy thuận lòng người làm đầu, mới có thể nên việc. Ngay như, bọn gian hùng tiếm thiết, cũng phải nương tựa vào lòng dân mong muốn, mới có thể an định sự giả dối được.

Kìa như anh em Nhạc Huệ, chỉ là kẻ áo vải không có đất cắm dùi, vung tay hô một tiếng, người theo kể vạn, không đầy 5, 6 năm, có cả đất nước.

Chúng không có tài đức hơn người, sao nổi lên chợt nhanh được như thế! Chẳng qua cũng nhân lúc dân ta oán bọn quyền thần, dân nhà Lê, chán họ Trịnh mà thôi.

Phàm cách cai trị đời loạn so với cách đời trị không giống nhau, chỉ nên theo thời mà đổi thay, cùng sự vật mà biến hóa.

Ngày xưa Hoài, Thái(1) ngang ngạnh không biết có nhà Đường, vua Hiến Tôn phải chi phát ra tiền trong kho bốn mươi vạn để chuộc đất Nguỵ Bác(2). U Yên(3) tàn phá không biết có nhà Tống, vua Thái Tổ chứa tiền ở kho Phong Thung (4) vài trăm vạn để chuộc U Yên.

Vua Hiến Tôn là một người tiết kiệm, từng mặc áo giặt hai lần, vua Tống Thái Tổ là bực anh hùng, mất của một chút cũng tiếc, mà còn làm những việc như thế, thực là lo việc lớn không kể phí nhỏ, tính việc xa cần lợi gần.

Nay Quy Nhơn, bị loạn gần ba mươi năm, không thấy thành pháp đời thái bình đã lâu, nên chỉ khát vọng quân nhà vua, cầu được cởi dây treo ngược mà thôi. Đương lúc dụng binh, ta chưa có thể có ba điều pháp ước(5) [như Hán Cao Tổ] và trừ phép dữ của [Vương Mãn như Hán Quang Vũ]mà thu thuế, điểm quân, thế tất phải làm, cũng không đến nỗi gây oán với dân.

Nhưng Quy Nhơn, từ đời Thái Đức đến đời Cảnh Thịnh của giặc, đổi ấp làm đội, biên hết dân làm lính, mà miễn cho thuế

thân. Nếu ta lại đánh thuế thân hết cả thì bất quá một năm thu vào chỉ được 3 vạn quan, mà quân giặc và ta phải tranh, chỉ cách một lần núi Thạch Tân(6), những dân hai lòng hoặc nhân đó mà bỏ đi với giặc.

Thu được thì ít mà mất thì nhiều, không phải là việc cần cấp vậy.

Thần từng nhớ buổi quốc sơ, Chiêu Võ Hầu Nguyễn Hữu Dật tiến đánh được bảy huyện Nghệ An(7), đóng đồn ở đấy 7 năm, nhân tình rất êm thấm. Sau vì quân nhu không kế tiếp, phải hạ Mộc Bài để thu tiền thóc của dân, nhân tình xao xuyến. Họ Trịnh nhân đó mà đánh thắng, đến phải rút quân về, không vượt qua được sang đất Bố Chánh Bắc Hà một bước.

Việc trước ấy thực là gương sáng đê làm kế hoạch ngày nay, xin trước hãy kén quân mà miễn thuế thân một năm, để thu phục lòng người một nơi, cho dân bốn phương trông vào.

Ghi chú:

(1)Hoài, Thái: Hoài Tây và Thái Thành là nơi Ngô Nguyên Tế chiếmcứ chống nhau với nhà Đường.

(2) Ngụy Bác: Tên đất đời nhà Đướng bị phiên trấn chiếm cứ.

(3)U Yên: Mười sáu châu của nhà Tống, bị người Hiên Đơn chiếm cứ.

(4) Phong Thung: Kho Phong Thung của Tống Thái Tổ đặt để chứa tiền phòng bị

(5) Ba điều ước pháp: Hán Cao Tổ mới lấy được Quan Trung, ước với nhà tần 3 điều: Giết người thì phải chết, đánh người bị thương và ăn trộm thì phải tội.

(6) Thạch Tân: Ranh giới giữa Quảng Ngãi Bình Định phân chia vùng cai trị của anh em Tây Sơn Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ .

(7) Bấy giờ những huyện về phía Nam sông Lam Giang (tức là sông Cả bây giờ) là các huyện ***Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn và Thanh Chương****, cả thảy là 7 huyện đều thuộc về họ Nguyễn cả.*

TRÁC NHƯ

SỨ BỘ TÂY SƠN SANG YÊN KINH

VỚI BA ĐẠO BIỂU VĂN THƠ HỌA và CÂU ĐỐI MỪNG THỌ VUA CAO TÔNG - CÀN LONG

Thái Tẩu

Trận chiến thắng Đống Đa vào mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, Hoàng đế Quang Trung đã làm cho quân Thanh tổn thất nặng nề. Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tiên phong Trương Triệu Long, Tả dực Thượng Duy Thăng đều phơi thây trận địa; Tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống cùng thế lén chạy ra Loa Sơn gò Đống Đa treo cổ tự vận. Tôn Sĩ Nghị đang vui say ở Tây Long nghe tin báo Hạ Hồi mất, Ngọc Hồi tan, Khương Thượng vỡ quân Nam đang đến gần, hốt hoảng không kịp thắng yên cương, mặc áo giáp phòng dẫn vài tên lính kỵ lên ngựa chạy qua sông Nhị về mạn Bắc. Thấy chủ tướng đã bỏ trốn, binh sĩ các trại thấy vậy ùa chạy theo, tranh nhau qua cầu phao, cầu sập chết vô số kể làm nghẽn cả dòng sông. Nghị đến Phượng Nhãn, nghe có binh của Đô đốc Lộc đón đường, vội ném cả sắc thư, ấn tín chạy tháo thân. Quân ta thừa thắng đuổi giặc đến Lạng Sơn, dân Tàu vùng biên giới kinh hồn chẳng ai bảo ai già trẻ dắt nhau chạy trốn, từ Nam Quan ra Bắc vài trăm dặm vườn không nhà trống, không khói cơm chiều, không tiếng chó sủa.

Chỉ trong 10 ngày mà Hoàng đế Quang Trung quét sạch 20 vạn quân Thanh xâm lược đúng như lời hứa trước hôm 20 tháng Chạp Mậu Thân 1788 tại núi Tam Điệp lúc cho ba quân ăn Tết trước.

Sau trận thất bại này, nhà Thanh khiếp oai Quang Trung nên nhiều người chuyển sang chủ hòa, khiến vua Càn Long chẳng biết làm gì hơn đành bấm bụng cùng ta giao hảo. Hoàng đế Quang Trung cũng muốn nhân dịp này, nửa muốn chọc giận, nửa lại ve vãn, hòa hiếu để kiện toàn binh bị, chỉnh đốn nội trị, nuôi dưỡng ý chí, chờ ngày Bắc phạt lấy lại đất biên viễn đã từng nằm trong cương vực của Nam Việt dưới thời Triệu Vũ Vương, mà Hoàng đế Quang Trung nhún mình xin hoà để cầu phong.

BA ĐẠO BIỂU VĂN

Việc nhà Thanh truất phế thiên mệnh vua Lê để công nhận Nhà Tây Sơn là việc hy hữu, nguyên nhân chính bởi sự thất bại trong cuộc giao binh ngắn ngủi vào Mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789 . Để hợp thức hóa may mắn việc công nhận của thiên triều, Hoàng đế Quang Trung đã sốt sắng thi hành nghiã vụ phiên thuộc: *dâng biểu tạ ân và đem phương vật triều cống*.

Phái bộ tạ ân do Nguyễn Hoành Khuông làm Chánh sứ; Tống Danh Lãng, Lê Lương Thận làm Phó sứ, và sứ bộ tuế cống do Trần Đăng Thiên làm Chánh sứ, Nguyễn Chỉ Tín, Nguyễn Đề làm Phó sứ cùng sang Yên Kinh.

Mãi đến khi Nguyễn Huệ xin phong vương, nhà Thanh mới bỏ hẳn lệ cũ đòi cống người vàng (một, thế mạng Liễu Thăng bị giết ở núi Mã Yên gần Chi Lăng, Lạng Sơn và hai, là vào đời Nguyên, Nguyên Thế Tổ bắt vua nước ta phải sang chầu. Vua Trần lấy cớ có bệnh không đi được nên đúc người vàng thay thế). Sang chầu kỳ này, Ngô Thời Nhậm biện luận, bác bỏ, lấy cớ " việc lên ngôi của Hoàng đế Quang Trung là chánh đáng đối với cựu thần, không có nghĩa vua tôi, không phải là loạn thần tặc tử mà phải cống người thế mạng".

Căn cứ vào nội dung của ba Đạo Biểu Văn này. Một bản chủ yếu là để trần tình về việc Hoàng đế Quang Trung ngọa bệnh trên đường đi từ Nghệ An ra Thăng Long nên phải quay về chữa trị, khiến cho nghi lễ thụ phong ở Thăng Long phải diên trì. Bản thứ hai là bản văn tạ ân được phong vương và bản thứ ba là tờ tâu kèm theo cống phẩm năm đó.

1- Trần Tình Biểu. Nguyên văn . Dịch âm:

Tân phong An Nam quốc vương thần Nguyễn Quang Bình cẩn tấu,

Vi cung tạ thánh ân kính trần hạ khổn ngưỡng kì duệ giám sự:

Thần An Nam ngũ phục chi ngoại bình dã.

Tự tiền đại Đinh thị khải vũ, nội thuộc thụ phong, tòng thử thế đại tương nhân, điệt ương phong tước chi mệnh.

=Thiên nhi địa tích Quế Giao, thiên viễn phong bệ, thiên triều dĩ hóa ngoại ngoại chi. Tống hoàng sở tứ Lê vương Hoàn

chi thư. Nguyên triều sở trưng Trần vương Huyễn chi chiếu.

Thiên niên tín sử, sự do khả trưng.

Đại thể thu túc chi ý đa, xuân ôn chi trạch thiểu,

Chi dĩ hàm phong thỉnh mệnh, cô tứ hồi dung,

Cố vi hữu ân thi trù điệp, trân châu giai ngọc dụ nhi sủng ban, thần hàn huy hoàng, ngự thi tịnh sắc thư nhi vinh tích, như kim nhật đại hoàng đế chi long ân, dữ thần Quang Bình thử phiên chi tao ngộ giả dã.

Thần bản Quảng Nam chi điền xá tử nhĩ, thiên tạo thảo muội vu Lê, Nguyễn Trịnh nhị cường cấu binh tư loạn, luân tư dĩ bại. Giao Nam vô chủ, thần hạnh vi đồng chí sở thôi, khấu quan thỉnh mệnh.

Tuy hữu khác cung nhất niệm chi thành, nhi vị đắc triển xuất nhập tam cận chi kính.

Thần sở khiển thân điệt Nguyễn Quang Hiển lãi đệ đầu thuận chi biểu, thân vị cập khuyết, nhi ân tứ dĩ thi.

Thần tự khiển gia thần Hoàng Đạo Tú hiến thượng tạ ân biểu văn phương đương hậu mệnh tại quan, nhi sủng luân toàn giáng.

Thần phục độc tiền hậu sắc thư

Thánh thiên tử truân truân dĩ thuận thiên nhi hành,

Bá chư ôn dụ, thánh nhân chi tâm tức thiên dã,

Tài bồi khuynh phúc, đại đô thuận kỳ tự nhiên.

Tạo hóa sinh cơ, tẫn vu trinh hạ khởi nguyên điểm xuất.

Chí vu thủ xuyến chi châu, thiên tử tương tứ lý yên, dục kỳ hợp bích liên châu, toàn nhiễu bắc thần, nhi hữu miên diên bất cùng chi tượng dã.

Ngự tứ chi thi truân thiết, dĩ thủ phong cương truyền tử tôn vi huấn, nhi thả miễn chi dĩ khâm cửu, đạo lẫm trì doanh, vưu dục kỳ cạnh nghiệp đặc thủ, chi thừa thiên lịch, dĩ trường thủ nam phục chi hầu độ dã.

Phu xuân thu chi nghĩa đại nhất thống, thánh thiên tử nhất thị đồng nhân, tính bao biến phúc, ân trạch sở gia, thanh giáo sở ky, tức tư ngao bồng ngải, hàm tại cái dung đình dục chi trung.

Cố thần thật quả muội, ưng thử vinh quang do bản quốc

Lê Trần dĩ thượng, hất vu hạc kiến quốc chi sơ, sang kiến nhi khoáng văn, hà dĩ đáp cao hậu thuỷ sinh chi vạn nhất ?

Thần tự văn phong chỉ, tức do Nghĩa An khởi trình, cảm kích hân hoan, cấp nguyện tảo thừa ân mệnh, thích lao đốn cảm hàn, cựu tật phục tác.

Phục niệm thần mậu ưng phong tước, tức vi nam phục bình phiên, nhược bất tự ái kỳ thân, bệnh thế tăng kịch, thị tại thần gia quốc vi tiểu, nhi cô phụ đại hoàng đế như thiên chi ân, phụ tội ích trọng.

Dụng cảm bẩm minh điều trị, lánh cải tuyên phong nhật kỳ tiêu cấp thân ngâm trung, cảm niệm vô lượng thiên ân, thật vi chí ưu cực ác.

Luân cơ tiếp tuỷ, túc khuể đốn trừ, vu thập nguyệt thập ngũ nhật kính cẩn thụ ngự thi sắc thư, tòng thử tỉ mục Nam Giao, thần thế thế tử tôn, khác tuân thánh huấn, vĩnh phụng Đại Thanh.

Thần dĩ Tây Sơn bố y, vinh ư phong hào, tự vấn vô khả báo đáp, duy vu minh niên tam nguyệt thượng tuần, khởi thân phó kinh, chiêm ngưỡng thiên nhan, cung chúc đại hoàng đế bát tuần vạn thọ, tịnh đắc nhật linh huấn dụ, sảo tri chính trị chi bản, tuân phụng thi hành, tỉ cử quốc thần thứ mông hưu, thật thần chi đại nguyện vọng dã.

Thần ngưỡng cảm long ân, phủ sư trung tố, cẩn phụng lấn tuyển gia thần : Nguyễn Hoành Khuông, Tống Danh Lang, Lê Lương Thận đẳng, lãi đệ tạ ân biểu văn, tịnh tạ nghi, khoản quan tấu tiến.

Tái phụng tra chiếu hướng lệ, kim niên chánh trị thần quốc tuế cống chi kỳ, nhiệm sĩ chi lễ, bất cảm kê khoáng.

Cẩn phụng tiếp khiển gia thần: Trần Đăng Thiên, Nguyễn Chỉ Tín, Nguyễn Đề đẳng, tương cống nghi nhất tính cung đệ chí quan, phục vọng thánh ân khúc thùy căng tự, chuẩn tứ thần sở khiển hành giới đảng danh, cung nghệ khuyết đình chiêm cận .

Tịnh tương tạ nghi cống nghi thượng tiến, thứ đắc khác thủ cựu chương, vĩnh đàm tân trạch, vô khuyết cộng cầu chi chức, bất truỵ bình hàn chi tu.

Thần hạ tình vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh kích thiết nguyện vọng chi chí. Cẩn phụng biểu tấu tiến dĩ văn.

Dịch nghĩa:

Quốc vương mới được phong nước An Nam là Nguyễn Quang Bình kính cẩn tâu lên lời tạ ơn thánh đế cùng trần tình để mong được xét cho.

Đất An Nam của thần vốn là che chắn bên ngoài ngũ phục. Từ triều đại nhà Đinh mở nước thì đã nội thuộc thụ phong, tới nay đời nào cũng thay nhau mà được phong tước. Tuy địa thế hẻo lánh ở đất Quế, đất Giao, xa cách thiên triều bệ ngọc, nhưng thiên tử vẫn cố dạy dỗ kẻ ở ngoài vùng giáo hoá. Vua nhà Tống từng gởi sắc thư cho Lê Vương Hoàn, vua đời Nguyên lại phong chiếu cho Trần Vương Huyễn, nghìn năm tín sử, bằng chứng còn đây.

Nói chung mùa thu tiêu điều nhưng ý vẫn nhiều, mùa xuân ấm áp nhưng ân thấm cũng không được mấy. Thế mà thần vừa xin phong hỏi mệnh, đã được trả lại, thi ân lớp lớp nào là trân châu, nào là ngọc đẹp, sủng ban dụ xuống, nét bút huy hoàng, ngự bút kèm theo sắc thư mà vinh tích long ân như đại hoàng đế ngày hôm nay thật quả là tao ngộ của thần Nguyễn Quang Bình vậy.

Thần là con nhà điền dã đất Quảng Nam, vì trời khiến cho nhà Lê mờ tối, hai họ Trịnh, Nguyễn cường thần làm loạn, lênh đênh bại vong khiến cho đất Giao ở phương Nam vô chủ, thần may gặp những người cùng chí hướng thúc đẩy, gõ cửa quan thỉnh mệnh, tuy có lòng thành cung kính nhưng chưa từng được ba lần vào triều kiến. Thần đã sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển dâng biểu đầu thuận (bản thân y) chưa đến được cửa khuyết, vậy mà ơn đã ban xuống rồi.

Thần lại sai gia thần Hoàng Đạo Tú, dâng biểu tạ ân, cũng đang đợi lệnh ở cửa quan thì sủng ân đã ban ra. Thần quỳ đọc thánh dụ sắc thư trước sau, khăng khắng theo lẽ trời, lời lời ôn tồn, lòng của bậc thánh nhân quả là lòng trời vun đắp ngã nghiêng, cốt thuận với tự nhiên, sinh cơ tạo hóa, theo chử trinh từ thuở đầu ban xuống.

Lại còn vòng đeo tay bằng ngọc trai, thiên tử ban cho, ấy là mong sao được diên châu hợp bích, như tinh tú vây quanh sao Bắc thần, thành chuỗi liên miên bất tuyệt vậy.

Còn bài thơ ngự tứ, khắng khít dạy việc truyền tử lưu tôn giữ lấy bờ cõi, luôn tuân theo đạo để được lâu dài, chăm chăm

như bưng bát canh đầy, nơm nớp lo giữ lấy nghiệp nước, kế thừa mệnh trời để trường kỳ giữ phận nơi nam phục.

Phàm nghĩa lớn của Xuân Thu ấy là nhất thống, thánh thiên tứ đãi ai cũng đồng nhân, bao phủ hết cả mọi nơi, ân trạch thấm nhuần thanh giáo, nên những nước nhỏ thấp hèn cũng được ở dưới bóng râm của mái đình nên dù thần kém đức, ngu muội cũng được hưởng vinh quang. [Ân sủng ấy], bản quốc từ Lê, Trần trở về trước đến tận vua Lạc Long dựng nước, ít thấy mà cũng không được nghe, biết làm sao để báo đáp ơn cao dày một phần trong muôn vạn ?

Thần nghe tin chỉ được phong, lập tức từ Nghệ An khởi trình, sung sướng cảm kích, mong sớm được nhận ân mệnh, nào ngờ lao lực mệt nhọc nên cảm hàn, bệnh cũ trở lại. Trộm nghĩ thần được phong tước rồi, ấy là phên dậu ở cõi nam, nếu không biết yêu lấy thân mình để cho bệnh thêm nguy kịch thì đối với nhà với nước của thần là chuyện nhỏ nhưng phụ ơn như trời của đại hoàng đế đó mới thật là tội lớn nên đành phải tâu lên rõ ràng về việc điều trị, xin thay đổi nhật kỳ tuyên phong.

Trong lúc vội vã rên xiết, nghĩ đến thiên ân vô lượng, ấy thực là dày rộng, phủ ngoài da, thấm vào tuỷ khiến cho bệnh tật biến mất. Ngày 15 tháng Mười, kính cẩn lãnh thụ ngự thi và sắc thư, từ nay chăn dắt đất Nam Giao, thần đời đời con cháu, tuân theo thánh huấn, mãi mãi phụng sự nhà Đại Thanh.

Thần vốn chỉ là kẻ áo vải đất Tây Sơn, được vinh dự phong hiệu, tự biết không thể nào báo đáp được, chỉ mong thượng tuần tháng Ba sang năm, khởi thân lên kinh, chiêm ngưỡng thiên nhan, chúc mừng đại hoàng đế Bát Tuần Vạn Thọ, mong được ngày ngày nghe lời thánh dụ, biết qua căn bản chánh trị, tuân phụng thi hành, dân chúng thần tử trong nước cũng được nhờ, ấy là đại nguyện của thần vậy.

Thần cảm kích ơn đức sâu dày, chỉ có chút mọn đạm bạc, kính cẩn sai kẻ gia thần thân tín là Nguyễn Hoành Khuông, Tống Danh Lãng, Lê Lương Thận đem biểu văn tạ ân thành khẩn dâng lên. Lại tra theo lệ, năm nay đúng là kỳ hạn tuế cống của nước thần, lễ thổ sản không dám thiếu sót, kính cẩn sai gia thần là Trần Đăng Thiên, Nguyễn Chỉ Tín, Nguyễn Đề đem cống nghi đến cửa quan.

Trộm mong ơn thánh soi xuống kẻ dưới, chấp thuận cho những người thần sai đi được cung kính đến nơi cửa khuyết chiêm cận, để được dâng lên cống vật tạ ơn, lòng thành giữ

theo lệ cũ mãi mãi được thấm nhuần ân trạch, không thiếu bổn phận kẻ cộng cầu, không rơi nhiệm vụ làm phên giậu. Hạ thần không được chiêm ngưỡng dung nhan, thánh thể, nhưng thật hết dạ cầu mong. Kính cẩn dâng lời tâu lên.

2- Tạ Ân Biểu. Nguyên văn. Dịch âm:

Tân phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình cẩn tấu thượng ngôn :

Tư khâm phụng đặc ban ân mệnh sắc thư, tịnh thưởng tứ ngự chế thân bút thi chương,

Luân phất huy hoàng,

Thần khuê thôi xán,

Cái tự bạch trĩ tân Chu dĩ hậu, chỉ nam chi Lĩnh Kiệu trùng huy.

Việt tòng Chu Diên thuộc hãn bất kim, củng bắc chi tinh thần tăng thải.

Thật tự thiên chi dị số,

Chân khoáng cổ chi kỳ phùng.

Thần khấu thủ thừa ân,

Môn tâm cảm đức.

Thiên địa phụ mẫu chi vi lượng, cố mạc đức chi hình dung,

Trần nhưỡng quyên tích chi chí vi, thật hà giai nhi báo xứng

Cẩn phụng biểu xưng tạ giả :

Phục dĩ,

Thái hòa hảo hiệp can thi chiếu đức chi chính trung

Ngân trì lưu hành, tấn kích ngưỡng hồng ân chi phổ đoạn,

Long triêm đại viễn.

Tố khổn chiêm cao.

Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ,

Khởi đễ vi cương,

Trung hoà tác tắc,

Kính chỉ tập hi mục mục, cửu đạo nhi thiên hạ hoá thành.

Khâm minh văn tư an an, đôn đức nhi man di suất phục.

Bắc cực thần cư kỳ sở,

Nam minh ba tự bất dương,

Thánh tâm khôi tuy phụ hoài lai, vũ lộ kế phong đình nhi nhuận trạch.

Thiên đạo thể tài bồi khuynh phúc, san lăng nhân uyên cốc dĩ thôi di.

Cái hồng quân đào chú chi chí công, tư hoàng cực tùng di chi vô đảng.

Xích trát thập hàng thiên chiếu tứ thần, dĩ tạ sủng linh nhi tư trấn phủ.

Phong hành dung dịch chi tấu, nhất chương bát cú thần hàng, miễn thần dĩ cẩn đặc thủ nhi bảo phong cương, nhật lãng quang minh chi chúc.

Ân chỉ giáng nhi vinh hồi mai dịch, đức âm tuyên nhi khánh dật Quế Giao, thần cảm bất chi phụng thánh mô, khác tuân hầu độ.

Thiên nhan chỉ xích, kỳ minh niên thân nhân phượng khuyết chi quân thiều.

Địa diện thập tam, nguyện dịch thế vĩnh chấp tượng phương chi ngọc bạch.

Thần hạ tình vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh bất thắng kích thiết, cảm luyến chi chí, cẩn phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

-Cẩn khiển phụng cống gia thần tam danh : Nguyễn Hoành Khuông, Tống Danh Lang, Lê Lương Thận

-Phụng tiến cung tạ nghi vật : kim tử nhị thập dật, ngân tử nhất bách nhật, thổ quyên nhất bách thất, la hoàn nhất bách thất, tượng nha tam đối, cai trọng nhị bách cân.

Dịch nghiã :

Quốc vương mới được phong nước An Nam là Nguyễn Quang Bình kính cẩn tâu lên rằng :

Thần được đặc ân ban cho sắc thư, lại được thưởng thư ngự chế do đích thân hoàng đế viết,

Lời lẽ huy hoàng, nét bút sáng sủa.

Từ khi chim trĩ trắng cống cho nhà Chu trở về sau, kim

chỉ nam đưa về đất Linh Kiệu mới lại được sáng thêm lần nữa. Nước Việt từ khi còn là Chu Diên tới giờ, tinh tú chầu về phương Bắc càng thêm rực rỡ, ấy là ơn hiếm có của thiên triều, tựa xưa nay càng thêm rực rỡ, ấy là ơn hiếm có của thiên triều, thực xưa nay khó mà gặp được.

Thần khấu đầu nhận ân, trong lòng cảm đức.

Lượng trên quả lớn như trời đất cha mẹ, nên không sao có thể hình dung,

Phận nhỏ nhoi như hạt bụi, như mạt nước biết làm sao báo đáp.

Kính cẩn dâng biểu cảm tạ :

Phục dĩ,

"Bảo hợp thái hòa", đạo càn lấy long đức chính trung làm gốc

Chư hầu hội hợp, trông hồng ân ban xuống khắp mọi nơi,

Ân trạch thấm đến tận nơi xa

Ngâng lên cao mong tưới xuống.

Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ, mối giềng rộng mở, phép tắc trung hoà.

Luôn luôn kính ngưỡng, đạo bền giáo hóa cho thiên hạ

Văn tư an an, lấy đức để thu phục man di

Sao sáng nơi cực Bắc

Sóng lặng tại biển Nam.

Lòng thánh vỗ về người xa đến, sau sấm chớp ơn mưa móc lại đầy tràn

Đạo trời tài bồi kẻ ngã nghiêng, non cao với vực sau nay đổi chỗ

Việc rèn đúc quả thật công bằng, phép hoàng cực không hề phe đảng.

Mười dòng chử trên thiên chiếu ban cho, dặn dò thần việc trấn phủ.

Chuẩn cho lời tâu, lại thêm một chương tám câu thần

Dặn thần gắng sức giữ gìn, bảo vệ phong cương thật sáng láng như ánh đuốc.

Ân chỉ đưa xuống do ngựa trạm đưa về, đức bề trên tràn

đầy đất Giao, đất Quế.

Những lời chỉ dạy của thánh thượng, tần xin cung kính tuân theo.

Mặt rồng chỉ trong gang tấc, đến sang năm đích thân sang nơi cung phượng để nghe khúc quân thiều,

Đất mười ba đạo, nguyện đời đời luôn được mang ngọc lụa sang triều cống [ý nói chung sống hòa bình, ngọc lụa thay cho gươm giáo.

Thần chưa có dịp chiêm ngưỡng thiên [nhan], thánh [thể], không khỏi bồn chồn, hết sức lưu luyến, kính cẩn dâng lên biểu văn tạ ơn này.

Kính cẩn sai ba gia thần đem cống phẩm là Nguyễn Hoành Khuông, Tống Danh Lang, Lê Lương Thận.

Phụng tiến các vật tạ ơn : hai mươi dật vàng, một trăm dật bạc, lụa một trăm tấm, sa một trăm tấm, ba đôi ngà voi nặng tổng cộng hai trăm cân.

3- Tuế Cống Biểu. Nguyên văn. Dịch âm:

Tân phong An Nam quốc vương Ngyễn Quang Bình cẩn tấu thượng ngôn:

Tư thần khâm phụng ân chỉ, sắc phong vi An Nam vương, phụngchiếu hướng lệ, kim niên chính trị thần quốc tuế cống chi kỳ.

Thiết duy lữ bách thật đình, hội đồng nãi minh đường chi chế. dịch ta hiến phỉ, cung tư hầu độ chi thường.

Thần,

Hạnh mộc ân quang.

Thao ưng khung tước,

Thụ chi ti mục, thừa thiên mạc trạng ư hoành hưu

Trần kỳ vật nghi, nhiệm thổ khác tuần ư cựu điển.

Cẩn phụng biểu thượng tiến giả :

Phục dĩ,

Quyết trung doãn chấp, y thường cảm ngưỡng vu Nghiêu minh

Duy chánh chi cung, ngọc bạch kiền tu vu Hạ cống,

Sĩ đầu kiến nhật,

Khấu thủ phần hương

Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ,

Phúc đức thánh nhân,

Cương thường tông chủ,

Thọ khảo vi cương vi kỷ, xuất hồ chấn, kiến hồ ly, thuyết hồ đoài, lao hồ khảm, phạm vi tại cửu chi mỹ thành.

Ngôn hành thi huấn thị di, tiệm vu đông, bỉ vu tây, kỵ vu sóc, cật vu nam, quy củ chi tiên chi đức hóa.

Cái đình dục phi khôi vu thánh độ

Nhi tịch phu ngưỡng thể vu thiên tâm.

Thâu thanh khúc chẩn vi trung, bất nhẫn hạn huyên hòa vu đồng trụ

Tác bình sủng ban tân mệnh, toại hoạch đăng ổi lậu vu bảo thư.

Thành Thái Sơn thương hải chi nan lượng,

Khởi chước thuỷ quyên trần chi năng báo,

Thần,

Ngưỡng mông đào tạo

Kịch thiết đái thân,

Cộng cầu khác triển vi nghi, chánh hãn cửu thiên lý hải sơn chi sở đạt,

Quan đái nguyện giai thịnh hội, cần chúc ức vạn niên nhật nguyệt chi trường huy.

Thần hạ tình vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh

Bất thắng kích thiết

Kiều vọng chi chí,

Cẩn phụng thượng tiến dĩ văn

-Cẩn khiển phụng cống gia thần tam danh : Trần Đăng Thiên, Nguyễn Chỉ Tín, Nguyễn Đề,

-Phụng tiến tuế cống nghi vật :

* Kim hương lô hoa bình tứ đối, cai trọng nhị bách ngũ lượng,

* Chiết tác kim tử nhị thập đĩnh, ngân bồn thập nhị khẩu,

cai trọng nhị bách cửu lượng,

* Chiết tác ngân tử lục thập cửu đĩnh,

* Trầm hương bát bách thập nhị lượng,

* Tốc hương nhất thiên cửu thập ngũ lượng.

Dịch nghĩa:

Quốc vương mới được phong nước An Nam là Nguyễn Quang Bình kính cẩn tâu lên rằng :

Từ khi thần được ân chỉ của bệ hạ, sắc phong làm vua nước Nam, chiếu theo thể lệ cũ, năm nay chính là đến kỳ tuế cống.

Trộm nghĩ thần đã dự vào chốn thực đình, thì cũng phải theo chế độ của minh đường, qua ba lần dịch để dâng lên.

Thần may mắn được tắm gội ân quang, ban cho vương tước, cho làm ti mục, vâng theo mệnh trời rộng lớn, có chút phẩm vật theo điển cũ để tỏ lòng thành kính. Cho nên dâng biểu lên thánh thượng:

Phục dĩ,

Khăng khăng giữ điều trung, ngẩng lên xem đức sáng của vua Nghiêu.

Chỉ nhận cho vừa đủ, đem ngọc lụa để cống vua Hạ Vũ

Rập đầu thấy trời, cúi xuống đốt hương.

Kính xin đại hoàng đế bệ hạ

Phúc đức của bậc thánh nhân

Mối giềng của đấng tông chủ

Sống thọ để sắp đặt cương kỷ, ra ngoài theo quẻ chấn xét việc như quẻ ly ,nói năng như quẻ đoài, nổ lực như quẻ khảm, để mọi việc tốt đẹp dài lâu.

Lời nói việc làm điều dạy bảo, khuôn phép, thu góp ở đông, hoàn bị ở tây, khởi đầu ở bắc, kết thúc ở nam, mực thước lấy chí [cung kính] lấy đức hóa.

Nghiệp lớn được trở lại cũng là nhờ thánh thượng độ cho, ban bố khắp bốn phương cũng là do lòng thiên tử.

Vì thành thực quy phục bằng tấm lòng trung nên không giới hạn trụ đồng mà không tỏa ánh nắng ấm,

Nhận làm phên giậu nên yêu ban mệnh mới, lại thương

mến không nệ hủ lậu mà cho thêm bảo thư

Lượng trên thật to như biển cả, như Thái Sơn

Tài hèn mọn như thìa, như bụi làm sao báo đáp.

Thần

Ơn trên đào tạo, hết sức hết lòng

Cộng cầu kính đem chút nhỏ mọn, vượt chín ngàn dặm núi biển đến dâng.

Nơi triều đình đều là thịnh hội, chúc "thiên tử" sáng mãi như nhật nguyệt.

Hạ thần không thể đến chiêm thiên ngưỡng thánh, mong mỏi không biết chừng nào, kính cẩn dâng lên bài văn này.

Kính sai ba gia thần mang đồ cống là Trần Đăng Thiên, Nguyễn Chỉ Tín, Nguyễn Đề.

Phụng tiến tuế cống những phẩm vật sau đây: lò hương và bình hoa bằng vàng bốn đôi, nặng cả thảy hai trăm lẻ chín lượng, vàng ròng hai mươi nén, bồn bạc mười hai cái, nặng cả thảy hai trăm lẻ chín lượng, tốc hương một nghìn không trăm chín mươi lăm lượng.

LỄ MỪNG BÁT TUẦN KHÁNH THỌ VUA CÀN LONG

Lễ mừng " Bát Tuần Khánh Thọ " vua Cao Tông - Càn Long (Qian Long), nhà Thanh (Qing), được tổ chức tại hành cung Nhiệt Hà vào tháng Tám năm Canh Tuất 1790. Giờ Ngọ hôm đó, vua Cao Tông - Càn Long cho đọc một bài **Ngự Chế Thi** (nhà vua làm) để cho những sứ thần nào biết làm thơ, có thể phụng họa.

NGUYÊN THI CỦA VUA CAO TÔNG – CÀN LONG

(Trích trong Thanh Cao Tông Ngự Chế Thi Văn toàn tập, tập đệ ngũ, quyển 52, trang 4-5)

Nguyên thi. Dịch âm :

Khánh điển kim niên trị bát tuần,

Nộ xuân hoa yến nả từ tần.
Liên nhân doanh chướng trần ngũ quốc,
Võ trướng khung lung dung bách nhân.
Dị số đặc tuyên thủ giới cận
Phân ban các tứ thủ nguy thân,
Nhất gia trung ngoại chung hòa hiệp,
Thục chỉ tư mông đại tạo nhân.

Dịch nghĩa:

Lễ mừng khánh thọ năm nay là tuổi tám mươi
Tiệc tùng liên tiếp nhiều lần để cùng vui,
Chung lại cùng với nhau năm nước phiên thuộc,
Trướng võ khum khum che phủ đủ cho cả trăm người.
Đặc biệt tuyên gọi các chánh sứ lên tận bên cạnh,
Ban [rượu] cho người nào cũng trịnh trọng nâng lên cao
Trong ngoài một nhà quả thật là hòa hợp,
Mong phúc đến khắp nơi để tạo được điều nhân.

Những vần luật thi vua Cao Tông, trích dẫn trên, viết theo thơ cung đình, loại thơ chúc tụng. Vua Càn Long là ông vua sính thơ, năm nào cũng cùng các quan liên ngâm. Nhân dịp đại lễ " Bát Tuần Vạn Thọ ", có đông đảo sứ thần, vua Càn Long xướng thơ là để các sứ thần phụng họa; cũng là dịp để xem Văn Hóa Trung Hoa ảnh hưởng đến các phiên thuộc như thế nào.

Vua Càn Long cũng là một ông vua cao ngạo, kiêu hảnh nhất nhà Thanh. " Sứ thần vào triều kiến, vua nhà Thanh thường hay ra văn sách, câu đối, hay làm ra một vài câu húc hiểm, khó khăn để thử xem trình độ văn hóa của chư thần". Đi sứ mà không ứng đối giỏi là làm nhục quốc thể.

Các sứ bộ đều là ngoại phiên, nhưng nhờ có Triều Tiên, Đại Việt và Lưu Cầu, đồng văn với Trung Hoa, sử dụng chữ Hán làm văn tự cung đình; nên dịp này, các sứ thần đã trình

dâng lên 9 chín bài thơ phụng họa của 9 sứ thần :

*Hai sứ thẩn Triều Tiên :

- Chánh sứ Triều Tiên, Hành Phán Trung Xu Phủ Sự, Lý Tính Nguyên,

- Phó sứ Triều Tiên , Lễ Tào Phán Thư, Triệu Tông Huyễn.

*Một sứ thần Lưu Cầu :

- Phó sứ Lưu Cầu, Chánh Nghị Đại phu, Trịnh Vĩnh Cung và,

* Sáu sứ thần Đại Việt :

- Chánh sứ tạ ân An Nam, Hình Bộ Hữu Thị Lang, Nguyễn Hoành Khuông,

- Phó sứ tạ ân An Nam, Đông Các Học Sĩ, Tống Danh Lang.

- Phó sứ tạ ân An Nam, Hàn LâmViện Đại Chế, Lê Lương Thận.

- Chánh sứ tiến công An Nam, Hàn Lâm Viện Thị Độc, Trần Đăng Thiên.

Xin trích 3 bài nguyên thi phụng họa tiêu biểu của ba trong chín sứ thần ấy, như sau :

1-Chánh sứ Triều Tiên Lê Hành Phán :

Nguyên thi. Dịch âm:

Nghiêu giai xuân diệp báo trung tuần,
Trạm lộ ân thâm pháp yến tần.
Bạc hải hân hoan đồng ngọc bạch
Hoàn khu khánh chúc cạnh thần nhân.
Bồi diên mỗi cảm hoàng phong biến,
Tứ uẩn na an ngự thủ thân
Ngũ kỉ hinh hương tê bát điệt
Nam Sơn, Bắc Đẩu tổng quy nhân.

Dịch nghĩa:

Nơi bệ Nghiêu, lá mùa xuân báo cho biết đã đến trung tuần,

Ơn sâu thấm nhuần đến đã mấy lần được ban yến

Kẻ ở nơi xa xôi cũng được vui chung với những người quyền quí

Tất cả trần hoàn đến chúc mừng một bậc thần nhân

Bồi tiếp trong bữa tiệc đều là những nơi được phong tước

Ban rượu đâu có ngờ rằng do chính tay hoàng đế đưa cho

Năm mươi năm thơm ngát nay đã lên đến tuổi tám mươi.

Nam Sơn, Bắc Đẩu củng quay về bậc nhân quân.

2-Chánh sứ tạ an An Nam Nguyễn Hoành Khuông.

Nguyên thi. Dịch âm :

Diên khai tiền tiết trị tân tuần
Xuân noãn danh viên chiếu vấn tần.
Ân xỉ bình mông cao phúc vật,
Trạch đà m ưu ác quảng đồng nhân
Hoài hầu nhu viễn thiên sanh thánh
Bảo đức quan quang tử mộ thân.
Hóa ngoại hạnh bồi quan đái hội,
Kỳ di giới thọ bái hoàng nhân.

Dịch nghĩa :

Tiệc vào lúc đầu năm để mở đầu một tuần mới

Mùa xuân ấm áp nơi khu vườn danh tiếng được vua vời lên hỏi mấy lần

Ơn rộng rãi che phủ tất cả mọi vật

Trạch thấm nhuần đều khắp mọi người.

Dùng đường lối cai trị mềm dẻo với kẻ ở xa, quả là trời sinh bậc thánh.

Được đức dày nên thấy sáng, kẻ làm con cái ngưỡng mộ cha mẹ

Giáo hóa bên ngoài nên may mắn được dự hội của bậc đại mũ

Vào kỳ chúc thọ nay được lạy vua nhân từ.

3-Phó sứ Lưu Cầu Trịnh Vũ Công :

Nguyên thi. Dịch âm :

Ngự cực thuỳ y chánh bát tuần,

Phổ thiên mộc đức hiến sâm tần

Tứ di biền cống mông hoàng hóa,

Ngũ đại đồng đường ngưỡng thánh nhân.

Triệu nhập hoa diên long dịch tửu

Phi đăng tử uyển phượng chi thân.

Thiên nhan chỉ xích triêm ân trạm

Vĩnh chúc thăng bình vạn thọ nhân.

Dịch nghiã :

Nhà vua ngồi thỏng tay trên ngai nay đã bát tuần

Khắp thiên hạ được tắm gội ơn đức nên đã nhiều lần đến tiến cống

Bốn di ruổi xe đến cống để mong được giáo hóa

Năm đời cùng một nhà nên ai ai cũng ngưỡng thánh nhân

Vời vào tiệc hoa được uống rượu nhà vua

Ở nơi vườn tía được chánh tay vua ban rượu

Mặt rồng gần trong gang tấc càng làm cho ơn thấm khắp nơi

Chúc bậc vua nhân từ được vạn thọ và bình an.

CÂU ĐỐI MỪNG THỌ VUA CÀN LONG

Cũng cần nhắc lại rằng, cuối tháng Bảy âm lịch năm Kỷ Dậu 1789, vua Càn Long ký chỉ dụ phong Nguyển Huệ (Nguyễn Quang Bình) làm An Nam Quốc Vương. Tháng Mười một, vua cử Thanh Lâm cùng sứ bộ mang chiếu phong vương sang Thăng Long. Ngô Thời Nhiệm cho người giả làm Nguyễn Huệ (Giả Vương) đứng ra nhận chiếu phong vương và, đồng thuận sang năm sau Canh Tuất 1790, sẽ sang Yên Kinh triều cận và mừng thọ " Bát Tuần Khánh Thọ" vua Càn Long.

Việc chọn Giả Vương, có hai nguồn sử viết khác nhau. Theo sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí của Ngô gia văn phái nói: Ngô Thời Nhiệm chọn một võ tướng tên Ngô Quang Thực, người làng Mạc Điền, huyện Nam Đường, trấn Nghệ An làm Giả Vương Nguyễn Huệ. Sách ra sau đó, Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện (sơ tập) lại nói rằng: Nguyễn Huệ giả là Phạm Công Trị, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu cầm đầu phái bộ 150 người gồm cả ban hát sang giao hiếu với nhà Thanh. Ngày 29 tháng Giêng năm Canh Tuất 1790, phái bộ lên đường (theo Dụ Am Thời Tập của Phan Huy Ích) và ngày 29 tháng Mười một cùng năm, phái bộ trở về lại Thăng Long.

Trong sứ bộ sứ thần do Giả Vương dẫn đầu sang Yên Kinh gồm có : Ngô Văn Sở, Đặng Văn Châu, Phan Huy Ích, , Vũ Huy Tấn và sứ thần Nhữ Trọng Thai, gồm 150 người. Rằm tháng Tư Canh Tuất, phái bộ qua cửa ải Nam Quan vào đất Thanh, được bên Thanh tiếp đón trọng thể. Phan Huy Ích ghi:

Mãn sơn kỳ cái hộ chinh trần

(cờ lộng đầy non che bụi trần)

và thêm thơ rằng: Phiên quốc phụng thám tàn
Ky đắc kỳ tao ngộ
Phi tiêu báo quốc nhân
Hoàng hoa đệ nhất bộ.

Có nghĩa là: *Các nước phiên sang chầu*
Mấy ai được như thế
Báo tin về nước ta
Sứ bộ này là nhất

Và dỉ nhiên, sứ bộ sẽ có thêm 6 sứ thần Đại Việt phó hội, phụng họa thơ.

Sau khi Thanh triều chính thức loan báo sẽ cử hành đại lễ " Bát Tuần Khánh Thọ ", mừng vua Càn Long tròn 80 tuổi vào tháng Tám năm Canh Tuất 1790, tại cung Nhiệt Hà. Những ngày đầu năm đó, các yến tiệc tiền khánh đản đã được tưng bừng tổ chức khoản đãi các sứ thần nhiều nước đã mang lễ vật mừng sớm. Trong đó có phái đoàn Triều Tiên (nay là Hàn quốc), Đại Việt (Việt Nam ngày nay) , Lưu Cầu (tức quần đảo Ryikiju, nay là Okinawa. Xiêm La (tức Thái Lan) và Khuếch Nhĩ Khách tức Gurkha, vùng Népal Bắc Ấn).

Trong buổi đại lễ này, Giả Vương Nguyễn Huệ đã dâng lên vua Cao Tông - Càn Long **" Câu Đối Mừng Thọ "** do sứ thần Nhữ Trọng Thai phụng thảo, ban hát bội Bình Định hát múa " Mười Bài Chúc Thọ" và dâng cống hai thớt voi.

Giả vương (dĩ nhiên) có diện mạo giống vua Quang Trung, được làm lễ *" bảo tất "* tức ôm đầu gối vua để tỏ lòng thân ái cha con. Vua Càn Long đích thân viết tặng bốn chữ: **"Củng Cực Quý Thành"** (1)

Cũng trong tháng Tám, sứ bộ vào làm lễ từ biệt để về nước, vua Càn Long cho họa sĩ vẽ tặng Giả vương một bức hình truyền thần. Bức hình vẽ Giả vương mặc nhung phục, cởi ngựa kim.

Sứ bộ Đại Việt sang Trung Hoa chưa bao giờ được biệt đãi vinh dự đến thế, mỗi ngày chi phí cho sứ bộ đến 4,000 lạng bạc, trọng hậu hơn cả các thân vương Mãn Thanh.

Trở lại câu đối mừng thọ do sứ thần Nhữ Trọng Thai chấp bút với sự trợ lực của Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích. Vậy, sứ thần Nhữ Trọng Thai là ai ? Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cung Mục Chính Biên quyển XXXIX trang 541-542 chép: Nhữ Trọng Thai, người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An (Hải Dương), đỗ Thám Hoa năm Quí Sửu (1733), năm Long Đức (triều Lê Thành Tông).

Khi Hoàng đế Quang Trung kéo quân ra Bắc Hà, Nhữ Trọng Thai liền gia nhập vào hàng ngũ nghĩa quân Tây Sơn

và trở thành nhân sĩ đắc lực giúp nhà Tây Sơn cùng với Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích, và được chọn vào phái bộ ngoại giao sang Yên Kinh năm Canh Tuất 1790. Hồi ấy, Nhữ Trọng Thai cũng vào hàng lão thần cổ lai hy.

Lễ " Bát Tuần Khánh Thọ " vua Càn Long tiến hành vào tháng Tám năm Canh tuất 1790, năm vua Càn Long tròn 8o tuổi cũng là năm nhà Vua ở ngôi 55 năm. Cho nên tác giả Nhữ Trọng Thai đã chọn hai con số : 5 (55) của niên hiệu và số 8 (80) của tuổi mừng thọ làm điểm tựa để lập ý, cấu tứ, tạo nguồn cảm hứng nghệ thuật cho câu đối mừng thọ. Nguyên văn như sau :

- **Long phi ngũ thập hữu ngũ niên, ngũ số hợp thiên, ngũ số hợp địa, ngũ sự tu, ngũ hành thuận, ngũ đại đồng đường, linh lung ngũ phụng lâu tiên, ngũ sắc côn hoàng huy thể thụ ;**

- Thánh thọ bát tuần phùng bát nguyệt, bát thiên vi xuân, bát thiên vi thu, bát nguyên tiến, bát khải đăng, bát phương hướng hóa, cổ vũ bát loan điện lý, bát tiên phiêu miểu tấu nghê thường.

(Thanh Càn Long đế bát tuần khánh tiết điện trụ liễn, bản quốc sứ thần Nhữ Trọng Thai tác)

Bản gốc câu đôi của sứ thần nhà Tây Sơn Nhữ Trọng Thai tại lễ Mừng Thọ vua Càn Long 80 tuổi

Ông Vũ Ngọc Liễn, nhà nghiên cứu tuồng hiện ở Qui Nhơn Bình Định có trong tay tập câu đối này và đã phổ biến trong sách của ông (stk), là do cụ Mạc Như Tòng, cựu Hội trưởng Hội Khổng học Bình Định tặng lại. Tập tài liệu mang tên DANH LIÊN HỢP TOẢN nguyên của cụ Phó bảng Biểu Xuyên - Đào Phan Duân sưu tầm và kết tập viết tay dày 89 trang giấy dó gồm trên 500 câu đối các loại chia làm 5 tập. Tập 2, Ất tập là tập gồm những câu đối nổi tiếng treo ở các cung điện, từ miếu, sảnh xã, trong đó có câu đối mừng thọ 80 tuổi vua Càn Long, tiếp theo sau câu đối trong chánh điện Dực Tôn Anh Hoàng Đế (tức vua Tự Đức). Cụ Phó bảng tặng cụ Mạc làm kỷ niệm trong lúc cùng làm việc trong "Phước An Thương Hội". Sau 1975, cụ Mạc tặng lại ông Vũ Ngọc Liễn. Ngoài ra, được biết, Lộc Xuyên Đặng Quý Địch hiện ở Bồng Sơn Bình Định cũng

có một bản Danh Liên Hợp Toản, ông đã phiên dịch, chú giải. Bản thảo 1000 trang khổ lớn xong từ lâu nhưng chưa có cơ duyên xuất bản.

Câu đối trên, ông Vũ Ngọc Liễn dịch như sau :

- Rồng bay năm chục lẻ năm năm, số năm hợp với trời, số năm hợp với đất, năm sự trau dồi, năm hành xuôi thuận, năm đời chung sống cùng nhà, trước lầu năm chim phụng long lanh, năm sắc đan xen chói rực cây màu lộng lẫy;

- Lễ thọ nhà vua tám tuần vào dịp tháng tám, tám ngàn năm là mùa xuân, tám ngàn năm là mùa thu, tám nguyên hiền tài đến, tám khải kẻ sĩ chầu, tám cõi đổi đời, cổ vũ tám chim loan trong điện, tám nàng tiên thẩm thẩm dâng điệu múa nghê thường.

(Câu đối treo ở trụ trong ngôi điện mừng thọ vua Càn Long nhà Thanh 80 tuổi, do sứ thần nước ta là Nhữ Trọng Thai viết)

Mặc dù đã dịch sang Việt ngữ rất sát nghĩa, nhưng dịch gỉa muốn giải thích thêm thật cặn kẽ để bạn đọc ngày nay dễ lãnh hội được hàm nghĩa sâu xa của từng con chữ bay liệng trong tác phẩm ngoại giao này, ông giới thiệu từng đoạn :

"Rồng bay năm chục lẻ năm năm", mở đầu vế một câu đối, tác giả ca ngợi thời gian ở ngôi của nhà vua lâu bền. Rồi luận về con số 5 hợp với trời, đất; hợp với quy luật vận động của tạo hóa, tác gỉa căn cứ vào triết lý của Dịch học.

Tiếp đến, ***"Năm sự trau dồi, năm hành xuôi thuận"*** thì hàm nghĩa từng con chữ thật không thể dễ hiểu.

Thiên "Hồng Phạm" sách Kinh Thư giải thích *"năm sự"* gồm có: 1 -Mạo (hình dáng); 2- Ngôn (nói năng); 3 -Thị (xem xét); 4 –Thính (nghe ngóng); 5 - Tư (suy nghĩ).

Năm trạng thái ấy của con người cần được luôn trau dồi mới trở thành chánh nhân quân tử. Và sự tồn tại của năm chất : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ trong "năm hành" (ngũ hành) luôn có sự đối đầu tương xung, tương chế, như hỏa luôn luôn khắc với thủy chẳng hạn nếu biết tương chế không để cho các chất ấy nằm ở vị trí đối đầu xung khắc là "thuận", cuộc sống sẽ yên lành.

Còn ở vế hai, tác giả viết ***"Tám ngàn năm là mùa xuân,***

tám ngàn năm là mùa thu", vốn bắt nguồn từ điển cố : thiên Tiêu Diêu Du sách Nam Hoa Kinh Trang Tử nói rằng : "Thời xa xưa có cái xuân lớn, tám ngàn năm là mùa Xuân, tám ngàn năm là mùa Thu".

Ca ngợi sự sống lâu của nhà vua đến như vậy thì ai mà không hả lòng đẹp dạ. Vâng, sống lâu là chuyện đáng mừng, nhưng sống như thế nào ấy mới là điều đáng nói, tác giả viết: ***"Tám nguyên hiền tài đến, tám khải kẻ sĩ chầu",*** vốn bắt nguồn từ điển cố như thế này, sách Từ Hải giải thích : Tám nguyên là kẻ sĩ tài đức ngày xưa. Nguyên có nghĩa là thiện, nói lời hiền lành trong mọi trường hợp. Sách Tả Truyện chép : Thời vua Văn Vương năm thứ 18 (nhà Chu), họ Cao Tân có tám người tài giỏi, người trong thiên hạ đều gọi đó là " bát nguyên " (tám nguyên). Còn tám khải cũng là kẻ sĩ tài đức thời xưa. Khải có nghĩa là hòa nhã; hành động hòa nhã với mọi sự vật. Cũng sách Tả Truyện chép: Thời vua Văn Vương thứ 18, họ Cao Dương có 8 người tài giỏi, người trong thiên hạ gọi đó là " bát khải " (tám khải).

Có tuổi thọ sống lâu, có nhân tài quy tụ chầu hầu thì ắt làm cho ***"tám cõi đổi đời"*** mọi người no ấm, cuộc sống yên vui thái bình. Ấy mới là nhân tố quyết định tác động đến cuộc sống trong cung điện nhà vua, ***"tám nàng tiên thăm thẳm dâng điệu múa nghê thường".***

Dịch gỉa gọi "câu đối này là tác phẩm nghệ thuật ở lãnh vực ngoại giao, một tác phẩm làm nên bằng trí tuệ độc đáo và học vấn uyên thâm". Đúng vậy, cái độc đáo, cái uyên thâm ở chỗ dường như cả câu đối 76 con chữ chỉ nói việc mừng thọ nhà vua thôi chứ không nói gì khác cả mà lại nói được tất cả. Ngoại giao của một nước nhỏ sát nách một nước lớn luôn nuôi mộng bành trướng, bá chủđược như vậy quả thật đại tài !

&

Chỉ trong một thời gian ngắn, từ chiến thắng Đống Đa vào mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, đến tháng Tám năm Canh Tuất 1790, lễ mừng thọ " Bát Tuần Khánh Thọ " vua Càn Long, **Nhà Tây Sơn** dưới tài lãnh đạo của Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ đã thực hiện một sách lược ngoại giao ngoạn mục, nằm trong sách lược Hoà Bình " Lấy nhung lụa, thay chiến tranh "

Triều đại Tây Sơn là một triều đại chánh thống, vững vàng , vinh quang. Nhưng, tiếc thay quá ngắn ngủi ! " Mộng lớn chưa thành, rổng thiêng thoắt khuất. Việt Nam lỡ mất cơ

cường thịnh, nhà Tây Sơn lâm vào bước suy vi !"

Hàng năm, cứ mỗi dịp Xuân về, người Việt Bình Định (Miền Tây Sơn Oai Võ) trong nước cũng như ngoài nước, có chân trong các Hội Ái hữu Quang Trung – Tây Sơn – Bình Định đều tổ chức lễ Tưởng niệm Hoàng Đế Quang Trung và kỷ niệm Chiến Thắng Đống Đa để tưởng nhớ vị Anh Hùng Dân tộc, xuất thân từ điền dã, bố y, đã làm nên một kỳ công lớn lao lưu lại hậu thế, trong tinh thần chống *"xâm lăng"*, bảo vệ "bờ cõi" cha ông.

Điện Tây Sơn, tại thị trấn Phú Phong (Bình Khê, nay là Tây Sơn) tỉnh Bình Định, trước cổng tam quan (trước năm 1975), vẫn ghi đậm công ơn của Hoàng Đế Quang Trung qua câu đối :

Tây khê thảo thụ lưu kỳ tích ;

Nam quốc sơn hà kỷ võ công.

(Cây cỏ non Tây còn lưu dấu võ công lẫm liệt ;

Núi sông nước Việt vẫn khắc ghi văn trị vẻ vang)

* thái tẩu tạm dịch

Houston, Thái Sinh Tiểu Trang

Thái Tẩu.

<u>Tài liệu tham khảo:</u>

-*Vua Quang Trung*, tác g iảVăn học Lam Giang - Nguyễn Quang Trứ

NXB Thanh Niên. Tháng 8-2000.

-*Văn Hiến Chi Bang* của Nguyễn Duy Chánh

Hợp Lưu 108. Tháng 1&2 năm 2010

-*Góp Nhặt Dọc Đường,* Vũ Ngọc Liễn

NXB Sân Khấu 2010

- và một số tài liệu liên quan khác.

(1) *Củng Cực* là các vị sao chầu về Bắc Đẩu. Đó là hình ảnh tượng trưng sự thần phục của chư hầu đối với Thiên tử.

Quy Thành là hướng về với tất cả lòng trung thuận, thành thực. (sđd).

KÝ ỨC CỦA NGỌC ANH

SOUVENIRS de NGỌC ANH

VÀI DÒNG THÂN THẾ

Mẹ của NA vốn giòng thế phiệt, 2 tuổi, 1890, đã được theo Ông Ngoại Tổng Đốc An Tịnh, từ Nghệ An Hà Tịnh về Huế lãnh chức Thượng Thư bộ Binh. Bốn năm sau Bà Cố từ trần, Ông Ngoại xin về làng Vinh Thạnh cư tang. Sau 3 năm vua Thành Thái bổ đi Tổng Đốc Quảng Nam rồi thuyên chuyển Tổng Đốc An Tịnh lần thứ hai. Mỗi lần đi là dùng đường bộ và đường thủy, gia nhân gồng gánh, cán võng, ngựa, hành lý... Họ võng những vị lớn tuổi, vừa gập ghềnh sườn núi, vừa đánh cờ tướng hoặc hát hò reo vui.

Qua những nơi như Đèo Cụt, Bãi Dài...thì ngâm thơ vui của Ông Ngoại:

Đèo Cụt qua rồi đến Bãi Dài,
So đi tính lại nhọc và hai;
Xình xoàng ba chén đêm nay nghỉ,
Đệ Nhất Hùng Sơn để đến mai.

Tới đèo Hải Vân là Đệ Nhất Hùng Sơn thì ngâm:

Hải Vân quan thượng ngọ phong vi,
Tế vụ hàn yên bạn khách y;
Hô hấp vạn sơn thanh lãnh khí,
Trường An gia cận hảo huề quy.

海 雲 關 上 午 風 微
濟 霧 寒 烟 拌 客 衣
呼 吸 萬 山 清 冷 氣
長 安 加 近 好 携 歸

Mẹ tạm dịch:

Gió nhẹ ban trưa giữa Hải Vân,
Sa mù vướng lạnh áo hành nhân;
Thở hơi trong mát muôn trùng núi,
Mang hết nguồn xinh về Huế gần.

Đi đường thủy thì thuê 6 chiếc thuyền có mui, to đại hạng, kết thành đôi, đi song song thênh thang giữa trời rộng sông dài, ngắm trăng dọi theo làn sóng lung linh, lặng nghe các cô lái đò hát.

Khi thanh nhàn Mẹ kể lại chuyện xa xưa thời Quân Chủ Phong Kiến hay lắm.

Các Cậu, Dì và Mẹ được học chuyên cần. Văn thơ Mẹ trăm chương còn tạc, thơ đàn thơm ngát mười phương. Ông Ngoại về hưu, 18 tuổi Mẹ theo lời Cha Mẹ, kết hôn với Ba của NA là một văn nhân hiền đức, hiếu thảo ở làng Vân Hội. Làng Vân Hội, Nam giáp Diêu Trì, Bắc giáp Phú Tài, Đông là Luật Lễ, Tây là Ngọc Thạnh.

Vân Hội có đình làng lớn nhất tổng Dương An, chợ Vân Hội-Diêu Trì rộng rãi khang trang, nhiều tiệm chạp phô, thuốc Bắc của người Minh Hương, giỏi nghề buôn bán; nhiều hiệu tạp hóa của người Việt thích âm nhạc đờn ca xướng hát, thêu vẽ, làm bánh, nấu ăn ngon, hàng xóm hiền lành thi lễ, hiếu khách, hiếu học.

TỰ TRUYỆN

THỜI CẮP SÁCH ĐẾN TRƯỜNG TIỂU HỌC.

Thuở 1910, cả tổng chỉ có một trường Tiểu Học ba lớp, dạy toàn tiếng Pháp.

Mới vô học **Lớp Năm**, thầy **Vũ Nguyên Huân** từ Thanh Hóa tới. Thầy dạy giỏi, nhưng đánh đập học trò dễ sợ!

Lên **Lớp Tư**, học thầy Bảy **Đỗ Thống Nguyên**, gốc người Vân Hội Diêu Trì hiền lành dễ thương hết sức.

Lớp Ba do thầy **Nguyễn Thị**, thầy vừa dạy vừa học, vừa cai quản cả trường gọi là **Thầy Đốc**.

Hết Lớp Ba phải thi ra trường lấy bằng **Sơ Học Yếu Lược**, ai giỏi có thêm **Mention Francais.**

Muốn học thêm **Lớp Nhì, Lớp Nhứt** để được thi **Primaire** (Tiểu Học) thì phải lên tỉnh thành Bình Định hoặc xuống Thành Phố Qui Nhơn.

Bởi vậy, mười tuổi NA theo Cha Mẹ xuống Qui Nhơn tìm nhà trọ để dự thi vô **College de Qui Nhơn,** lớp **Moyen 1ère Année** (Lớp Nhì Nhứt Niên), **Moyen 2è Année** (Lớp Nhì Nhị Niên).

NA thi được điểm cao, khỏi học Lớp Nhì Nhứt Niên.

Mỗi lần đi Qui Nhơn, từ nhà qua dãy phố nhỏ, có tiệm hớt tóc Tám Lúa, Thợ May, tiệm Thuốc Bắc Môn Bài Bà Thơ họ

Khưu, tới sông Hà Thanh (hay là Sông Vân, sông Cây Da), phải qua một bãi cát dài, lội nước, bãi cát dài nữa, có trồng dưa hấu, dưa gang, mới leo lên đường cái quan, Route nationale no1 (Quốc Lộ Số Một), đi 5 cây số nữa tới Qui Nhơn.

Yên chí, nhà trọ tử tế, NA được học trường công lập danh tiếng College de Qui Nhơn. Thế mà, nhớ lại ngày đầu Cha Mẹ ra về Vân Hội Diêu Trì, NA ngơ ngác sợ hãi cô đơn, chui vào một xó cửa khóc thút thít. Vậy mà Trời Phật thương, chủ trọ biểu ăn, cũng rón rén ra ăn, biểu tắt đèn ngủ, cũng ngủ; chỉ là không biết treo mùng để muỗi cắn tơi bời, sáng biết tự dậy, tự làm vệ sinh, ăn cháo trắng dưa cải, ôm sách vở đi học.

Năm đầu ở trọ sau lưng Hotel Jacob, gần bờ biển Qui Nhơn, ra đường Khải Định rẽ qua đường Boulevard D'Hodendahld, ngang nhà Tù, khá xa xa bên trái là Xóm Động, toàn cát nóng hổi và bụi xương rồng gai góc, sau này Hàn Mạc Tử ở trong Xóm Động thường tiếp Quách Tấn, Chế Lan Viên, Yến Lan v.v...

Đường xa quá đỗi đối với chân non của Na, tay ôm sách vở, tay xách guốc kẻo sợ nhựa đường nóng chảy, guốc đứt quai thì không có Chị Bằng yêu dấu đóng lại dùm, thà nhón chân chạy qua hãng Poinsard Verey tay phải, chạy chút nữa là tới cổng trường, chạy ra sân sau nhà Ông Thầy Giám Học Huỳnh Văn Gi, có bạn Huỳnh Thị Tề Xưng vui vẻ đón chào.

Dạy lớp Nhì Nhị Niên là Thầy **Hà Huy Liêm**, người Nghệ Tĩnh, dạy rất giỏi, chữ Nho thông suốt, tiếng Pháp tài tình, rất thương học trò. Giờ chữ Nho có Thầy **Tú Thọ**, thân phụ nhà thơ Xuân Diệu.

Năm 1933, học trò lớp Nhì Nhị Niên của Thầy Liêm độ 12 tuổi trở lên, có nhà thơ Lam Giang Nguyễn Quang Trứ, có Họa Sĩ Hoàng Văn Khuê, vẽ chân dung Hoàng Đế Bảo Đại rất đẹp, trường dùng trang hoàng ngày tiếp rước Hoàng Thượng viếng thăm trường Qui Nhơn.

Năm 1933, NA lên Lớp Nhứt, được học với vài Giáo Sư, thường chỉ dạy các lớp Trung Học Đệ Nhứt, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ Niên. Trước giờ vô lớp, bọn NA thường chạy ra cửa với đầy háo hức ngưỡng mộ nhìn Thầy **Phạm Trường Xuân** từ trên xe Delahaye bước ra quay lại chào phu nhân đẹp như tiên nữ và 2 con: em Hai, em Ba, rồi vui vẻ tiến về phía chúng tôi vào lớp. Thầy quê Bến Tre, nói tiếng Pháp như gió; lúc dạy thì kiên nhẫn, tỉ mỉ rõ ràng, vui vui, học trò dễ hiểu dễ nhớ. NA may mắn sau này lập gia đình, tản cư vào Saigon 1947,

gặp Thầy với tình bà con thân mến, nhiều kỷ niệm hay hay.

Năm 1935, thi đậu Primaire (gọi tắt bằng Certificat D'Études Primaire Élémentaire). **Có bằng này với vốn liếng Sử Ký, Địa Dư, Luân Lý, tiếng Pháp v.v.. khá khá, có thể kiếm việc làm tạm được.**

TUỔI 15, VÀO TRƯỜNG TRUNG HỌC

Muốn học lên bậc Trung Học, các học sinh bất kỳ nam nữ, phải dự kỳ thi tuyển gọi là **Concours d'Entrée Primaire Supérieure.**

Lúc bấy giờ trường College de Qui Nhơn và trường Quốc Học Huế có mở các lớp Trung Học (Đệ Nhứt Niên, Đệ Nhị Niên, Đệ Tam Niên, Đệ Tứ Niên) dành cho Nam Học Sinh; còn Nữ Học Sinh phải thi vào học ở trường Nữ Trung Học Đồng Khánh.

Nữ Trung Học Đồng Khánh Huế, trường Đồng Khánh thân thương, ai biết Huế mà khỏi ngọt ngào thắm thiết nhớ trường Đồng Khánh, ngày 15 tháng 7, 1917 năm Khải Định thứ hai, Hoàng Đế Khải Định đặt viên đá đầu tiên xây trường nữ trung học độc nhất của Trung Kỳ, với sự hiện diện của ông Khâm Sứ J. E. Charles, các viên chức cao cấp nhất của Chính Phủ Bảo Hộ Pháp và quý vị Thượng Thư Chánh Phủ Việt Nam. Đức Khải Định đặt tên là trường Đồng Khánh tỏ lòng nhớ ơn Vua Cha Đồng Khánh.

Các thập niên 1925-1945, nữ sinh đỗ Primaire các tỉnh Trung Kỳ từ Bình Thuận ra Thanh Hóa đều về trường nữ Đồng Khánh dư thi Concours, mà Concours chọn lọc rất khó, chỉ chấm đậu khoảng 15- 30 người, ai thi hỏng có điều kiện học lại lớp **Cours De Perfectionnement** tại Đồng Khánh.

Trường Nữ Đồng Khánh thật đẹp, kiến trúc vừa cổ kính vừa hiện đại, vừa trang nghiêm vừa duyên dáng, soi bóng bên bờ Hương Giang lóng lánh nước trong xanh. Không biết ngẫu nhiên hay cố ý, đường dài Lê Lợi, Jules Ferry chạy từ ga Huế tới Đập Đá Vỹ Dạ có trường Nam Sinh oai phong mang tên Quốc Học Huế, xây năm 1986 hữu ngạn sông Hương thơ mộng, lại xây trường Nữ Học kế bên, cách nhau chỉ một con đường Nguyễn Trường Tộ, tình ý đậm đà để có thể chàng bên ni, nàng bên nớ hoặc dịu dàng nghiêng nón hoặc ngột thở rụng tim!

Đồng Khánh ơi! Đồng Khánh, ghi ơn sâu đậm Quốc Học, ghi ơn Đồng Khánh và quý tiền nhân giúp biết bao thế hệ tài hoa kiên cường yêu nước.

Thuở ấy các môn học dạy toàn bằng tiếng Pháp, do nhiều Giáo Sư người Pháp dạy. Mỗi tuần có một giờ Việt văn, một giờ Hán văn.

Chúng tôi may mắn có bà Hiệu Trưởng Martin, Mauriege; các Giáo Sư bà Duc, bà Boeuf, bà Nivou, bà Harter, cô Morineau, ông Martin, ông Cosserat (là tác giả những bài thơ về Huế "Sur la Rivière des Parfims, " Aube sur la Hương Giang"...) tuy là người Pháp mà thương yêu chăm sóc học trò, lo lắng tỉ mỉ từ kiến thức tâm tình, cách đối xử giao thiệp với gia đình, xã hội...

Các Giáo Sư Nguyễn Phán, Từ Ngọc Nguyễn Lân, Mệ Bửu Cân thì chúng tôi vô cùng ngưỡng mộ. Thế hệ trẻ sau này hết sức may mắn, có chương trình Việt Ngữ và những Giáo Sư người Việt tài giỏi nghiêm minh.

Từ cổng chính nhìn vào, trường quá đẹp, có nhà gác cổng. (Thập niên 1930-1940 cụ Mẫn là người gác cổng, hiền lành dễ mến, lại có bán quà bánh cho lưu trú sinh thích quà vặt).

Thẳng tắp trong xa là préau, sân chơi thể thao lúc trời mưa gió, bên phải là nhà Bà Hiệu Trưởng, hai hàng phượng viền những sân cỏ xanh tươi. Hai dãy lầu: bên phải dành cho lưu trú sinh Tiểu Học, bên trái cho lưu trú sinh Trung Học. Có tầng lầu ba cho các cô Giám Thị.

Phòng ăn rộng rãi khang trang, gia đình cụ Truyền thầu bếp, thức ăn ngon dở không dám lạm bàn. Học trò thường liếc vào bàn ăn các cô Giám Thị, bánh mì Chaffanjon thơm ngát, tôm cá hấp dẫn, nhìn lại bàn bọn mình cười cười với nhau, cũng mừng là cụ Truyền hay bán thêm cơm cháy chiên dòn, chả ram thơm phức, tưởng tượng là vui rồi.

Bạn bè thân thương yêu nhau, thương quý bà Martin, bà Nivou, bà Duc, mê Cô Giáo Morineau xinh đẹp dịu hiền; lo làm bài hay để được Thày Từ Ngọc Nguyễn Lân, Thầy Phán, Mệ Bửu Cân khen, tìm bông hoa cỏ lạ để Thầy Cosserat vui vẻ giờ Sciences Botanique.

Sắp hàng vô lớp học, sắp hàng lên lầu nghỉ, tay cầm tay, mắt nhìn mắt, thương nhau chi lạ, niềm an ủi tuyệt vời cho lưu trú xa nhà.

NỮ SINH TRƯỜNG NỮ HỘ SINH QUỐC GIA

Bốn năm Trung Học có thể thêm một năm Đại Học cũng đến ngày tốt nghiệp ra trường, bạn bè tản mác, người về quê

dạy học, lập gia đình, kẻ đi Hà Nội, Saigon, Anh, Pháp hoặc cách mạng bưng biền...NA thiệt thà về gần Mẹ làm Cô Giáo một thời gian, thấy thôn quê nền Y Tế thiếu người giúp đỡ sản phụ cô nhi, bèn ra Hà Nội, may gặp bạn biết khả năng và hoàn cảnh của NA, khuyên thi vào trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia.

Mấy năm chuyên cần học tập tốt nghiệp rồi làm Huấn Luyện Viên.

Bạn cùng lớp N.H.S.Q.G. có chị Minh Thái, em nhà hoạt động cách mạng Minh Khai. Tuy năm 1941 chị Minh Thái đã lập gia đình với ông Võ Nguyên Giáp, có một con 5 tuổi tên Võ Thị Hồng Anh, nhưng ông Giáp thôi dạy trường Thăng Long trốn lên miệt Lạng Sơn làm cách mạng. NA rất mến chị Minh Thái thường mời chị lên phòng NA nghỉ tạm buổi trưa, chiều học lớp chiều.

Tết 1942, dịp chào cờ mỗi Thứ Hai trường Cao Đẳng Đại Học Hà Nội, chị Thái bị Công An Cảnh Sát Pháp bắt, nhốt chị vào nhà thương điên trong Bệnh Viện René Robin. NA thăm chị vài lần thì mất tin tức. Hè 1945 NA trở ra Hà Nội tìm đến Hỏa Lò cũng không tin tức.

HUẤN LUYỆN VIÊN TRƯỜNG NỮ HỘ SINH QUỐC GIA

Khi ra làm Huấn Luyện Viên NHSQG, trường không cho ở lưu trú. Hai bạn Tặng, Kim Chi và NA cơ may đến Đình Đại được chị Tư Hồng, phu nhân của anh Nguyễn Kim Cương (thích cười cũng là một người làm cách mạng nổi tiếng miền Nam Bộ, theo nhà văn Xuân Vũ), chị Cương nhường bớt một phòng nhỏ đủ để một giường và một bàn nhỏ cho ba chị em. Từng trên là gia đình anh chị Cương, từng dưới thấp lè tè là nhà in anh Cương, đang Chủ Bút tờ **La Volonté Indochinoise.**

Một đêm mưa gió, bỗng nhiên nghe cả nhà anh chị Cương reo vui ầm ỹ, hóa ra chào mừng anh Chúc, chủ hiệu kem Zephyr Bờ Hồ. Anh Chúc là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, Yên Bái Nguyễn Thái Học, bị Pháp lưu đày sang Côn Lôn trong khi xử tử Nguyễn Thái Học. Giai đoạn 1940-1941 Amiral Decoux thay đổi chính sách tha một số tù nhân Côn Lôn Poulo Condor cho về quê quán.

(Ông Phạm Văn Đồng là em rể của anh Chúc, chị Cương, lúc ấy ông Đồng cũng là cách mạng Bác Pó với ông Nguyễn Ái Quốc. Nghe nói chị Bảy (hay Mười Hai), phu nhân của ông

Đồng có can đảm đi Bác Pó).

Sách Xuân Vũ viết rằng: Nguyễn Kim Cương là một cán bộ có học thức và tư cách tốt làm việc Nam Bộ, khoảng năm 1938 chị Cương sanh gái đầu lòng Nina, đảng cho ra Hà Nội thăm mà anh Cương ở lại luôn với vợ con, tuy sau này 1947-1948 anh chị Cương có trở lại Nam Bộ, nhưng cách mạng thành công thì anh Cương chỉ được làm Giám Đốc đài Phát Thanh Hà Nội chớ không có ưu đãi gì khác.)

LẬP GIA ĐÌNH

Buồn cười, NA quen với chị Minh Thái thường kể chuyện mỗi Chủ Nhật chị khăn mỏ quạ, áo tứ thân, đội thúng to, lớp trên là bánh giầy, xôi đậu, lớp dưới là truyền đơn cứu quốc, đi khắp vùng quê tuyên truyền chống Pháp. Gia đình anh chị Cương thì ước mong cộng đồng thế giới ai nấy cũng sung sướng, tiền bạc bằng nhau. Mà NA, thiệt thà nghe thì nghe chớ không ưa thích đảng của các ông bà cộng sản, xin nghỉ việc về lập gia đình. Anh từ Hà Nội vào, một tuần sau lễ thành hôn là ra học tiếp Nội Trú Y Khoa. NA ở nhà Hậu Bổ ven công viên Phu Văn Lâu, làm dâu.

Cụ Ông Cụ Bà, thân phụ thân mẫu của Anh rất hiền lành khiêm nhường, thanh liêm đức độ, tuy Na thiệt thà dại dột, không khéo nữ công, cũng rộng lượng thương yêu che chở.

LẠI RA HÀ NỘI THEO CHỒNG

Cuối năm 1943, máy bay Mỹ thường dội bom các cầu dọc đường xe lửa Huế-Hà Nội, Cụ thương đôi trẻ: lỡ đứt đường thì mới gặp nhau sẽ phải xa nhau. Cụ thu xếp, nhờ ông Đội Quyền đem NA ra Hà Nội giao cho Anh, nhà số 77 phố Hàng Bông.

Nhà Y Sĩ Nội Trú 4 phòng: BS Phạm Biểu Tâm, BS Nguyễn Trinh Cơ, BS Nguyễn Thúc Tùng và Anh.

Chưa có việc làm, mỗi sáng NA đi bộ ra chợ Hàng Da xế phố Hàng Bông, NA ra Cầu Giấy hiệu Kem Zephyr Bờ Hồ học làm kem thì 11giờ báo động, máy bay Mỹ thả bom tơi bời khu chợ Hàng Da, nhiều người chết, nhiều người bị thương, máu thịt vung vãi khắp chợ. Rất nhiều Nhân Viên Thành Phố và Hướng Đạo tới tấp mang băng-ca chở người bị thương vào Bệnh Viện Phủ Doãn gần đó. Các Bác Sĩ ở Phủ Doãn luôn tay mổ xẻ săn sóc. Riêng Anh, vừa làm việc vừa lo sợ hồi hộp, không

biết NA nằm trên băng-ca nào? Những ngày ấy các Bác Sĩ Phủ Doãn làm việc ngày đêm quên ăn quên ngủ.

Cuối tháng Tư 1944, Anh bệnh nặng, phải xuống Bệnh Viện Bạch Mai Hôpital René Robin, nằm phòng C6 chữa trị. Lúc ấy chưa có thuốc chữa được bệnh hiểm nghèo của Anh, may có Trời Phật thương, các Giáo Sư Massias, Rivoalen, Blondell v.v.. tài giỏi, các bạn bè thăm viếng thường xuyên và tính can đảm chịu đựng hiền lành của Anh, yên tâm nằm hi vọng và tự học chữ Nho. Anh Tùng và BS Hào thu xếp cho Lab bên cạnh là phòng riêng cho NA.

RỜI HÀ NỘI VỀ THANH HÓA

Nhớ lại năm1944-1945, Ông Nội các con NA làm việc ở Thanh Hóa thanh liêm, cần mẫn yên vui, thỉnh thoảng hai Cụ cho các con chạy tránh bom Mỹ, chui xuống hầm gần nhà hoặc tản cư ra các làng thôn ấp xa thành phố.

Có lần Ông Nội đi thăm các châu Ngọc Lạc Trường Sơn miền núi, gặp một cọp con mới sanh lạc mất mẹ, đem về nuôi, đặt tên Thanh Lâm. Bọn NA đi vắng, cọp con buồn không chịu ăn uống mấy ngày, phải gởi tản cư theo. Cọp nhỏ xíu, cao hơn mèo một tí thôi, mà khi bọn NA dắt theo ra đồng ruộng thì cả đàn bò tự nhiên bỏ chạy. Nhưng tội nghiệp là có một hôm bọn NA bận học trong nhà, cọp một mình ra ngoài đường, hàng vài chục chó xúm nhau cắn chết cọp. Chó mà biết đoàn kết.

NHẬT ĐẢO CHÁNH PHÁP, 1945

Ngày 9 tháng3, 1945 Nhật đảo chánh Chính Phủ Bảo Hộ Pháp, tuyên bố giúp Việt Nam hoàn toàn độc lập, Hoàng Đế Bảo Đại giao học giả Trần Trọng Kim làm Thủ Tướng, tổ chức an ninh, mở trường Thanh Niên Tiền Phong phòng khi quân Pháp trở lại, học vấn thêm chương trình Việt, Kinh Tế, v.v... Chín giờ tối, trong dinh Tổng Đốc đang dùng cơm, bỗng nghe tiếng súng đùng đùng là quân Nhật đang đánh quân Pháp, trong vòng vài giờ là Nhật đã chiếm hết mấy cơ sở quan trọng và bắt nhiều công chức Pháp, Công Sứ, Phó Sứ, chủ Mật Thám và tất cả người Pháp mà họ gặp.

Độ 11 giờ đêm, nhà mình im lặng trên lầu, đèn tắt hết thì nghe tiếng giày rầm rập tiến đến nhà mình, đập cửa ầm ầm. Ông Nội đang cảm cúm, cả nhà sợ sệt nằm im... Sau nghe quát tháo, NA vội mặc áo dài, ráng bình tĩnh xuống lầu, ra

thắp đèn sáng choang, phòng khách sang trọng, mở cửa lớn, cúi đầu lịch sự mời các ông Nhựt, lễ phục nhà binh rất đẹp, mề đay, súng , gươm oai vệ bước vào. May cho NA, khi đi học ban Hộ Sinh trường Y Dược Hà Nội năm 1940-1943 có học thêm chút ít tiếng Nhựt, trả lời với họ là Cụ bệnh nằm trên lầu, họ buộc phải xuống ngay, và họ đi khắp nhà tìm xem mình có dấu người Pháp nào không. Gặp chú Đình Huệ sinh viên Luật từ Hà Nội vào chơi, thấy giống Tây, mấy ông Nhựt tra hỏi mãi. Sau đó, họ nhất định bắt Ông Nội các con đi theo họ, hẹn với NA sẽ trả về bình yên.

Hôm sau, Nhựt cho mình dời nhà, từ dinh Tổng Đốc Việt qua dinh Công Sứ Pháp, vườn rộng mênh mông, cây có nhiều loại, măng tây, măng tre, dâu tây, bò cừu, nhà nhiều phòng đẹp, cửa kính lớn, đầy đủ tiện nghi, thấy rõ đầu óc thực dân Pháp.

Từ khoảng tháng 10, 1940, quân đội Nhựt tiến đánh tới Lạng Sơn, không thấy đánh bằng vũ khí lớn, chỉ dần dần bắt nạt Chính Phủ Pháp Amiral Decoux, đồng thời bên Pháp Maréchal Pétain yếu thế, gọi một số nhân viên cao cấp gốc Do Thái như Giáo Sư tài giỏi Mayer May rời Việt Nam. Nhựt Bổn lặng lẽ thình lình đảo chánh Chính Phủ Bảo Hộ Pháp ngày 9 tháng 3, 1945.

Từ Nhựt tới 1940 đến Việt Nam, tới khi Nhựt bị bom nguyên tử bên xứ Nhựt, Việt Nam khổ sở vô cùng. Sau khi Nhựt đảo chánh Pháp nói là giúp cho Việt Nam độc lập nhưng sự thật là Nhựt tự do bồi dưỡng cho quân đội Nhựt như không cho mình trồng lúa, phá ruộng lúa thành ruộng trồng đay, trồng gòn dùng choquân đội.

Những năm 1944, 1945, hàng triệu dân mình miền Bắc chết đói thảm thiết vô cùng. Miền Nam muốn chở gạo ra Bắc cứu đói cũngbị ngăn cản.

Thủ Tướng Trần Trọng Kim lo kiến thiết nhiều việc, bởi mấy chục năm nay là theo Pháp thuộc. Tình thế nhiễu nhương, ở đâu cũng sợ chiến tranh lan tràn.

Nhựt đầu hàng Đồng Minh Anh Mỹ thì Hồ Chí Minh lợi dụng lòng yêu nước chống Pháp của bao anh hùng chiến sĩ ta, dấu tông tích cộng sản Nguyễn Ái Quốc tự xưng Bác Hồ cướp chính quyền mùa Thu Tháng Tám 1945.

NGỌC ANH

TÖÔNG TRÌNH THU CHI
TRONG BÖA TIEC TAN NIEN HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH
(NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 2015)

THU:
Căn cứ vào các chứng từ như bao thơ đựng tiền và báo cáo của Ban Tài Chánh, số tiền thu được như sau:

- Check :	$3985.00
- Cash:	$8270.00
- Nhà hàng tặng lại:	$200.00
Tổng cộng:	**$12455.00**

CHI:

- Trả nhà hàng:	
- $270.00 x 36	$9720.00
- 2 phần chay	$45.00
Cộng.....	$9765.00
- Tiền rượu nho:.....	$443.70
- Âm thanh	$350.00
- Nhạc sĩ	$150.00
- Bong Bóng.....	$40.00
- Quay phim.....	$400.00
- Lì xì trẻ em	$200.00
- Bông hoa & trang trí bàn thờ.....	$150.00 *(bà Hùng đài thọ)*
- Quà xổ số	$250.00
- Bút chỉ văn phòng	$30.00
- Múa Lân	$200.00
- May áo dài cho quí bà	$450.00
Tổng cộng chi:.....	**$12278.00**
Còn lại:.....	**$177.00**

Mời anh về

Mời anh về thăm quê hương
Giang-sơn chữ S, nẻo đường quê tôi
Bao năm chinh chiến bồi hồi
Đôi dòng khô lệ kiếp người lầm than.
Mời anh về, Bạch Đằng giang
Mồ chôn Hán tặc tham tàn năm xưa.
Rừng Chí-Linh! Dù nắng mưa
Mười năm gian khổ, đời chưa sờn lòng.
Người về một thuở đêm đông
Gươm mài trên đá, bên dòngTrường-giang.
Mời anh về, Hàm Tử Quan!
Vân Đồn, Vạn Kiếp, máu tràn quân Nguyên.
Non sông mang nặng lời nguyền
Chương Dương, Tuy-Động, lưu truyền sử xanh.
Thương về sông Hát lừng danh
Mê-Linh trống trận tan tành Hán-gian.
Lạng Sơn rừng núi ngút ngàn
Chi Lăng biển ải máu loan ruộng đồng.
Ngọc Hồi máu nhộm thành sông
Mồ chôn giặc Bắc, ruộng đồng phì nhiêu.
Hà Hồi chiến địa tiêu điều
Rừng xanh núi thẳm những chiều hoan vu.
Đống Đa xương trắng xác thù
Mãn Thanh tan xác Thiên Thu vẫn còn.
Mời anh về, thăm nước non
Bình Long anh dũng vẫn còn lưu danh.
Oai hùng chiến địa Khe Sanh
Charlie, Bình Giã, tan tành cộng nô.
Tống-Lê-Chân, những nấm mồ
Mồ chôn xác giặc rợ Hồ ngày xưa.
Cổ Thành Quảng-Trị nắng mưa
Anh về dựng lại thuở xưa cờ vàng./.

California 4/15
Nguyễn Ngọc Châu

Ta sẽ về

Ta sẽ về trên quê hương thống khổ
Điểm mặt người, bọn bán nước vong nô
Bao năm qua, ngươi phá nát cơ đồ
Giang sơn Việt, cha ông ta gầy dựng

*

Ta sẽ về, diệt trừ loài tham nhũng
Bọn tham tàn hút máu xương toàn dân
Bọn Việt-gian, những xác chết ngu đần
Đời sống nhục, ký sinh trùng muôn thuở

*

Ta sẽ về trên quê hương khổ nhục
Chí trai hùng, giống Tiên Rồng bất khuất
Gương Triệu-Trưng, không bao giờ sống nhục
Dựng màu cờ, viết trang sử hùng anh

*

Ta sẽ về trên quê hương ngạo nghễ
Đất oai-hùng, những dũng Tướng lừng danh
Bao chiến công từng khuấy nước, khuynh thành
Mồ chôn giặc, máu tuôn trào chiến địa

*

Ta sẽ về trên quê hương bất khuất
Ngọn cờ Vàng phất phới khắp non sông
Quê hương ta hảnh diện giống Tiên Rồng
Dù gian khổ chưa bao giờ khuất phục

*

Ngày ta về trên quê hương nước Việt
Máu căm hờn sôi sục của dân Nam
Từ Kinh-Đô vang dội khắp thôn làng
Thề quyết chiến diệt trừ quân bán nước./.

California 4/2015
Nguyễn Ngọc Châu

PHÂN ƯU



Nhan ñöôc tin buon:

Bà Quả Phụ PHAN THỊ SÁU

Phap Danh DIEU AM NGUYEN THONG

Ña man phan ngay 17 thang 1 nam 2016
(Nhằm ngày 8 tháng 12 năm Ất Mùi)
tai Sacramento, California

Höông Tho 77 Tuoi

Hoi Tay Sôn Bình Ñònh Bac California thanh that chia buon
cung toan the tang quyen.
Nguyen cau höông linh Ba Qua Phu PHAN THỊ SAU - Phap Danh DIEU AM
NGUYEN THONG sôm tieu dieu ve mien Cöc Lac.



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH BAC CALIFORNIA

PHÂN ƯU



Ñöôc tin buon Tö Mau cua Co LE LANA:

Bà MẠCH QUẾ LAN

Ña tö tran ngay 11 thang 12 nam 2015
(Nhằm ngày 01 tháng 11 năm Ất Mùi)
tai San Jose, California

Höông Tho 67 Tuoi

Hoi Tay Sôn Bình Ñònh Bac California thanh that chia buon
cung Co Le LANA va toan the gia quyen.
Nguyen cau höông linh Ba MACH QUE LAN sôm sieu thoat
nôi coi Niet Ban.



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH BAC CALIFORNIA





PHÂN ƯU

Nhan ñöôc tin buon:

Bac Só

TRÖÔNG THẾ PHIỆT

But Hieu QUAN MAC VAN

Hội Phó Ngoại Vụ Hội Tây Sơn Bình Định California

Ña man phan luc 6 giô sang ngay 15 thang 11 nam 2015
Nhằm ngày 4 tháng 10 năm Ất Mùi
tai Stanford Hospital, Stanford, CA, U.S.A.

Höôûng Tho 68 Tuoi

Thanh that chia buon cung toan the Tang quyen.
Nguyen cau Höông linh Bac Só TRÖÔNG THE PHIET sôm tieu dieu nôi mien Cöc Lac.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH BAC CALIFORNIA

PHÂN ƯU

Nhan ñöôc tin buon:

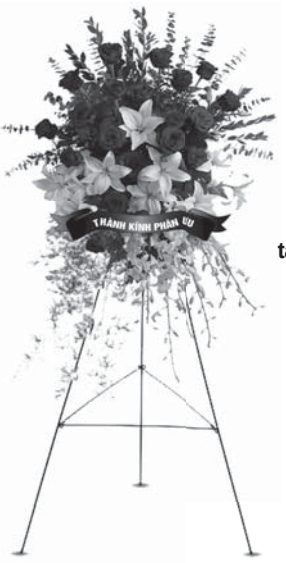

ÔNG ÑOÀN THẾ NHƠN

Töc Nha Van VÕ PHIẾN

Sanh ngay 20 thang 10 nam 1925
tai Thon Tra Bình, Xa My Hiep, Quan Phu My, Tænh Bình Ñònh, Viet Nam

Ña man phan ngay 28 thang 9 nam 2015
(Nham ngay 16 thang 8 nam At Mui)
tai Santa Ana, CA

Höôûng Tho 90 Tuoi

Thanh that chia buon cung toan the Tang quyen.
Nguyen cau Höông linh Nha van Vo Phien sôm an nghæ nôi coi Vónh Hang.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH BAC CALIFORNIA





PHÂN ƯU

Nhan ñöôc tin buon:

ÔNG NGUYỄN BÖÔNG

Ña tö tran ngay 19 thang 6 nam 2015
(Nhằm ngày Mùng 4 tháng 5 năm Ất Mùi)
tai San Pablo, California, U.S.A.

HÖÔNG THO 77 TUOI

Hoi Tay Sôn Bình Ñònh Bac California thanh that chia buon cung Ba Qua Phu NGUYEN BÖÔNG va toan the gia quyen. Nguyen cau höông linh Ong NGUYEN BÖÔNG sôm sieu sanh nôi mien Cöc Lac.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH BAC CALIFORNIA





PHÂN ƯU

Nhan ñöôc tin buon:

BÀ TẠ CHÖÔNG CAN

NHU DANH NGUYEN THÒ CHAU

Ña tö tran ngay 03 thang 02 nam 2016
(nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Ất Mùi)
tai Tacoma, Washington, USA

HÖÔNG THO 76 TUOI

Hoi Tay Sôn Bình Ñònh Bac California thanh that chia buon cung Ong TA CHÖÔNG CAN va toan the gia quyen. Nguyen cau höông linh Ba NGUYEN THÒ CHAU sôm sieu sanh nôi mien Cöc Lac.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

HOI TAY SÔN BÌNH ÑÒNH BAC CALIFORNIA

Thư Cảm Tạ

Ban Biên Tập Đặc San Xuân Bính Thân cuả Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chân thành cảm tạ Quý Đồng Hương, Quý Văn Thi Hữu cùng Quý Ân Nhân đã hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi bằng cách gửi bài vở, ủng hộ tài chánh cũng như khích lệ tinh thần để chúng tôi có thể hoàn tất việc in ấn tờ Đặc San Xuân và gửi đến tận tay Quí vị như là món quà đầu xuân.

Tuy nhiên, vì số lượng trang báo Xuân có giới hạn, có một số bài không thể đăng trong Đặc San Xuân năm nay, chúng tôi thành thật cáo lỗi và sẽ dành cho báo Xuân năm tới.

Sau đây là danh sách Quý ân nhân đã nhiệt tình đóng góp trước khi tờ báo được ấn hành. Mong Quý ân nhân tiếp tục ủng hộ để tờ Đặc San Xuân hằng năm có điều kiện đến được tay Quý vị.

1.Linh Vang ..... Seatle $50.00

2.Ô/B Bùi Đắc Bảo ..... Seatle $50.00

3.Ô/B Đặng Hiếu Kính ..... Virginia $100.00

4.Ô/B Diệp Thanh Sang ..... Texas $100.00

5.Th/t Nguyễn Trực (*Cẩm Mậu chuyển)* Hayward, Cali $100.00

6.Ô/B Trần Thao ..... Ohio $30.00

7.Ô/B Nguyễn Danh Huân ..... Florida $100.00

8.Ô/B Nguyễn Ngọc Châu ..... Glendale, LA $100.00

9.Ô/B Đỗ Hùng ..... Hayward, Ca $100.00

10.Ô/B Đoàn Văn Thi ..... Hayward, Ca $60.00

11.B Hứa Tự Cư ..... La Mirada, Ca $50.00

12.Vision Insight Optometry, Inc Milpitas, Ca $1000.00

13.B Nguyễn Thị Để..... San Jose, Ca..... $50.00

14.Ô/B Đào Đức Chương..... San Jose, Ca..... $50.00

15.Ô/B Phan Thanh Hùng ..... San Jose, Ca..... $100.00

16.Ô/B Phan Minh Lượng..... San Jose, Ca..... $100.00

17.Ô/B Nguyễn Mỹ ..... San Jose, Ca..... $100.00

18.Ô/B Đoàn Hữu Đức ..... San Jose, Ca..... $50.00

19.Ô/B Nguyễn Mai ..... San Jose, Ca..... $50.00

20.Ô/B Bảo Tố..... San Jose, Ca..... $40.00

21.Ô/B Nguyễn Văn Thường .... San Jose, Ca..... $40.00

22.Ô/B Đường Anh Đồng..... San Jose, Ca..... $100.00

23.Ô Nguyễn Diêu ..... San Jose, Ca..... $50.00

24.Ô/B Tony Đinh ..... San Jose, Ca..... $100.00

25.Ô,B Quách Tứ ..... San Jose, Ca..... $100.00

26.Ô/B Nguyễn Bá Thư ..... San Jose, Ca..... $100.00

27.Hồng Ân..... San Jose, Ca..... $100.00

28.Đỗ Thị Minh Ngọc ..... San Jose, Ca ..... ủng hộ

3 lá cờ Việt Nam

Tổng cộng: **$2820.00**



DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

Andy Lê
2937 Silverland St, San Jose, CA 95121 ..... (408) 223-2118

Văn An
3770 Mc Kee Rd, # 17 San Jose, CA 95127.... (408) 254.1914

Trần Vĩnh Anh
1723 Pine Hollow Cir San Jose, CA 95133 ..... (408) 258.3215

Từ Thị Ba
19231 Monte Vista Dr. Saratoga, CA 95075.... (408) 395.2617

Đinh Thành Bài
661 Waddell Way, Modesto, CA 95357..... (209) 529.2354

Nguyễn Đình Bá
2960 Sunwood Dr. San Jose, CA 95111 ..... (408) 365.9534

Bùi Thúc Bảo
644 N. Abbott Ave. San Jose, CA ..... (408) 945.8655

Đặng Đức Bích
4045 Chamberer Dr. San Jose, CA 95135 .....(408) 274.8699

Nguyễn Hoà Bình
2651 Luciana Dr., San Jose, CA95131 ..... (408) 621.2969

Nguyễn Bình
1518 Roberts Ave, San Jose, CA 95122..... (408) 259.8364

Nguyễn Bình
4777 Rue Le Man, San Jose, CA 95136..... (408) 578.2843

Lê Văn Bỗ
2366 18Th st, San Pablo, Ca 94806 ..... (510) 215-9150

Nguyễn Bường
2828 Brook Way, San Pablo, CA 94806..... (510) 222.7140

Võ Ngọc Bửu
3079 Seafield Ct, San Jose, CA 95148..... (510) 668.4255
Nguyễn Tường Chi
5101 Discovery Dr., San Jose, CA 95111..... (408) 362.4515
Nguyễn Chuẩn
1758 Bevin Brook Dr., San Jose, CA 95112.... (408) 294.6683
Phạm Chương
1341 Vance Rd., San Jose, CA 95132..... (408) 923.6734
Đào Đức Chương
1519 Ivy Creek Cir., San Jose, CA 95121..... (408) 238.5900
Lê Chức
1616 Troon Ct., San Jose, CA 95116..... (408) 929.4948
Trần Chu
2620 Alvin Ave. #213 D San Jose, CA95121 . (408) 239.0560
Nguyễn Doãn Cung
1710 Alum Rock # 101 San Jose, CA95116 ...(408) 202-2271
Đặng Thị Kim Cúc
2744 Whispering Hills Dr. San Jose, CA..... (408) 238-54355
Nguyễn Cự
1468 Pomeroy Ave. San Jose, CA 95051..... (408) 985.2661
Nguyễn Thị Danh
5318 Surrey Ct., Newark, CA 94560..... (510) 713.2019
Trần Danh
1311 Eldamar Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 281.7640
Lê thanh Đào
2180 Jenni Ln, Tracy, CA 95377.....(909) 480-9889
Nguyễn Diêu
1520 E. Capital Exp. #50, San Jose, CA 95121 (408) 224.6807
Huỳnh Hữu Dụng
1182 Theoden Ct., San Jose, CA95121..... (408) 972.1339

Phạm Đính
1623 Jupiter Dr., Milpitas, CA 95035..... (408) 262.4833
Phạm Hữu Độ
1683 Hillsdale Ave., San Jose, CA 95124..... (408) 486.2029
Võ Đại
1409 Bird Ave.# 6, San Jose, CA95125 ..... (408) 393.2050
Đường Anh Đồng
2744 Whispering Dr. San Jose, CA 95148 ..... (408) 238.5435
Nguyễn Thị Đàm
2342 William Dr., San Jose, CA 95050..... (408) 243.5435
BS Cai Văn Dung
259 Meridian Dr., San Jose, CA 95126..... (408) 294.5151
Đoàn Hữu Đức
1572 Virginia Pl., San Jose, CA 95116..... (408) 254.2832
Vũ Thị Đôn
4248 Silver Berry, San Jose, CA 95136..... (408) 227.6794
Trần Đình Giáp
172 Echo Ave., Campell, CA 95008 ..... (408) 866.4143
Võ Bá Hà
3990 Mount Wilson Dr., San Jose, Ca..... (408) 251.0490
Nguyễn Thu Hà
5748 Halleck Dr., San Jose, CA 95123 (408)... (408) 972-4581
Bùi Ngọc Hải
1301 Marry Carry Ln. San Jose, CA 95136..... (408) 436-9349
Phạm Ngọc Hải
1881 Quimby Rd., San Jose, CA 95122..... (408) 397-4298
Trương Hạnh
473 Cedro St., San Jose, CA 95111..... (408)281.4451
Phan Văn Hàm
155 Loehr St, Apt F, San Francisco, CA..... (415) 656-1781

Võ Hân
206 Turner Ct., San Jose, CA 95139..... (408) 226-3272
Lý Hào
2810 Cramer Cir, San Jose, CA 95110..... (408) 287-7008
Trương Thị Hậu
752 Vine Ct. # 7, San Jose, CA 95110 ..... (408)997-1686
Đặng Thị Hiên
1092 Topaz Ave. # 1, San Jose, CA 95117 ..... (408) 985-1246
Nguyễn Thế Hiệp
2206 Country Manor, Riverbank, CA 95367.... (209) 869-5961
Nguyễn Hiệp
4000 Madison Pointe Wy , Modesto, CA 95356 (209) 526-2316
Nguyễn Đình Hinh
2624 17Th St, SanPablo, Ca 94806.....(510) 234-2006
Nguyễn Hoà
1703 24th Ave. # A, Oakland, CA 94601..... (510) 533-9259
Nguyễn Hoà
43541 Greenhills Way, Fremont, CA 94539.... (510) 657-2074
Thái Văn Hoà
1455 E. Calaveras # 10, Milpitas, CA..... (408) 771-5146
Trần văn Hoàng
1142 Mesa Dr #02, San Jose, CA 95118.....(408)265-3788
Nguyễn Hoàng
3834 Brigadoon Way, San Jose, Ca 95121..... (408) 270-7806
Nguyễn Hoè
2924 Sunburst Dr, San jose , CA 95111..... (408) 225-8754
Hoàng Huân
2811 Glauser Dr., San Jose, CA 95133 ..... (408)972-4581
Nguyễn Huệ
4595 Pearl Ave, San Jose, CA 95136 ..... (408) 445-2633

Đỗ Hùng
22168 Prealta St., Hayward, CA 94541..... (510) 690-0504
Nguyễn Hùng
3001 Stevens Ln, San Jose, CA 95148..... (408) 292-8957
Phan Thanh Hùng
2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121 H.(408) 724-5326
C.(408) 387-3784
Nguyễn Hùng
1302 Isengard Ct., San Jose, CA 95121 .....(408) 292-8957
Phạm Hùng
420 Live Oak Ct., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 956-8412
Võ Bá Hưng
1105 Cantara Ct., San Jose, CA 95127..... (408) 254-2030
Lê Đức Hưng
5323 Heinessy Dr., Stockton, CA 95217 ..... (209) 473-3093
Võ Hùng
3416 Blue Mountain Dr., San Jose, CA .....(408) 251.3741
Joseph Huỳnh
4264 Christian Dr., San Jose, CA 95135..... (408) 270-7482
Đinh Thành Hưng
1636 Image Dr. Antica, CA 95337.....(408) 520-4336
John Trần
2987 Almond Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 270-6964
Trần Trọng Khiêm
1624 Hollenbeck Ave. #2, Sunnyvale, CA ..... (408) 720-9677
Nguyễn Khoa
2071 Sheraton Dr., Santa Clara, Ca 95050..... (408) 243-3806
Trần Khôi
1863 Andrew Pl., San Jose, CA 95132 ..... (408) 251-3035

Hà Khôi
781 Feller Ave., San Jose, CA 95127..... (408) 259-5456
Thiếu Tướng Huỳnh Văn Lạc
3220 Carver Rd., Modesto, CA 95350..... (209) 523-0869
Huỳnh Ngọc Lan
2155 Lanai Ave # 108, San Jose, CA 95122.... (408) 937-7840
Lê Từ Như Lâm
399 Spence Ave., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 262-6260
Nguyễn Lân
942 Valencia Dr., Milpitas, Ca 95035..... (408) 946-2758
Võ Lang
2855 Senter Rd. # 102, SanJose, CA 95122..... (408) 224-1530
Lê Lợi
15203 Shinning Star Ln., San Leandro, CA..... (510) 351-4204
Trần Minh Lợi
3153 Via Venezia Dr., San Jose, CA 95127..... (408) 580-7586
Nguyễn Kim Loan
563 Rudd Ct., San Jose, CA 95111 .....(408) 365-1126
Nguyễn Long
532 Fifth Ave. # 6, San Francisco, CA .....(415) 831-7064
Võ Thu Lương
5207 Sturla Dr. San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-8186
Phan Minh Lượng
340 Grey Ghost Ave. San Jose, CA 95111..... (408) 291-9361
Bùi Mai
3278 Flintmont Rd., San Jose, CA 95148 ..... (408) 531-1570
Nguyễn Mai
2566 S. King Rd. # 138, San Jose, CA ..... (408) 532-0114
Nguyễn Cẩm Mậu
6283 Narcissus Ave., Newark, CA 94560..... (408) 518-1707

Lê Văn Minh
2933 Glencrow Pl. San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-5853
Nguyễn Mỹ
518 Hillbright Pl., San Jose, CA 95123..... (408) 365-1750
Võ Thị Nga
1129 Shaffield Ct., Stockton, CA 95210..... (209) 476-1638
Đặng Thu Nga
2863 Reidel Dr., San Jose, CA95135 ..... (408) 238-6971
Huỳnh Văn Ngọc
882 Water Walk Milpitas, Ca 95035..... (408) 941-9689
Đặng Văn Ngọc
29285 Lassen St., Hayward, CA 94544..... (510) 264-9369
Võ Tuyết Nhạn
2979 Castleton Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 238-8302
Trần Nghiêm
5973 Surl Ct, San Jose, CA 95138 ..... (408) 227-8302
Trần Văn Ngô
1694 Tully Rd # 1, San Jose, CA 95122 ..... (408) 223-1150
Phan Quang Nghiệp
469 Ezci Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 578-2938
GS Nguyễn Văn Nhuận
2654 Bonbon Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-2804
BS Trương Thế Phiệt
1670 Goldenrain Dr., San Jose, CA 95136..... (408) 281-4067
Nguyễn Phong
247 Clareview Ct. San Jose, CA 95127..... (408) 258-5524
Cao văn Phổ
1580 Santee Dr, CA 95122..... (408) 288-7518
Nguyễn Văn Phú
424 Los Encinos Ave. San Jose, CA 95134 ..... (408) 324-1773

Lê Vĩnh Phúc
1555 Hill Top Ct., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 942-9527
Vĩnh Phúc
1197 Angmar St., San Jose, CA 95111..... (408) 269-7017
Trần Thị Phúc
5919 Liklisk Ln # 104, San Jose, CA 95119 .... (408) 365-7729
Dương Phụng
411 Lewis Rd # 372, San Jose, CA 95111 ..... (408) 629-7428
Nguyễn Phước
778 S. Fifth St # C, San Jose, CA 95112..... (408) 293-8281
Nguyễn Bá Quảng
1049 Loupe Ave, San Jose, CA 95121 ..... (408) 578-2960
Nguyễn Đình Sang
P.O. Box 51017 San Jose, CA 95151 ..... (408) 454-2889
Lê Lam Sơn
340 Martil Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 454-2889
Giã Minh Sơn
5065 Bengal Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 281-0724
Lâm Sanh
53 Kenbrok , San Jose, CA 95111 .....(408)227-7735
Nguyễn Tân
2382 Bowers Ave # 4, Santa Clara, CA..... (408) 247-4562
Trần Thành
148 Finch Ct, Hercules, CA 94547 .....(510)799-5999
Trần Minh Thanh
3775 Kawai Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 227-5466
Lê Xuân Thạnh
1625 Hermocilla Way, San Jose, CA 95116 .... (408) 259-2802
Nguyễn Văn Thành
1510 Mayfield St., Sacaramento, CA 95835..... (916) 419-7227

Võ Thật
2517 S. King Rd., San Jose, CA95122..... (408) 274-8210
Nguyễn An Thạo
1875 Saint Andrews Pl., San Jose, CA ..... (408) 580-7586
Đoàn Hữu Thạnh
2066 Sierra Rd, San Jose, CA 95131 ..... (408) 272-1817
Huỳnh Lương Thiện
774 Geary St., San Francisco, CA 94109..... (415) 215-3794
Đỗ Chí Thoại
275 El Cajon Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 972-9694
Đặng Đức Thông
2744 Whispering Hills Dr., San Jose, CA ..... (408) 238-5435
Bảo Tố
421 Giannotta Way, San Jose, CA 95133.....(408) 687-9126
Cao Xuân Thọ
1925 Osage Ave, CA 94545 .....(510)432-6913
Nguyễn Bá Thư
1048 S. 10th St., San Jose, CA 95112 ..... (408)293-4091
Lâm Sanh Thứ
218 Goldernrain Ct., San Jose, CA 95111 ..... (408) 281-4451
Ngô Thương
1112 Park Willow Ct., Milpitas, CA 95035..... (408) 263-6012
Nguyễn Thường
2586 Declaration Dr., San Jose, CA 95116..... (408) 394-2056
Nguyễn Văn Thường
1832 Rock Spring Dr. #2 San Jose, CA ..... (408)297-7514
Trương Thụy
259 Meridian Ave #18 San Jose, CA 95126 .... (408) 259-2394
Trần Thị Tính
3199 Teddington Dr., San Jose, CA 95148 .....(408) 259-6762

Đỗ Hữu Tín
4811 Plainfield Dr., San Jose, CA 95111..... (408) 972-8080
Bảo Tố
421 Giannotta Way San Jose, CA 95133..... (408) 678-9126
Nguyễn An Toàn
2231 Emerald Hill Dr., San Jose, CA 95131 ... (408) 259-6239
Trương Toại
3565 Sunnydays Ln, Santa Clara, Ca 95051.... (408) 423-8552
Phạm Trước
968 Coventry Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 946-5686
Nguyễn Trai
1500 Virginia Pl # 153, San Jose, CA95116 .... (408) 272-4636
Lê Trân
753 Terra Bella Dr. Milpitas, CA95035..... (408) 946-2344
Tạ Chương Trĩ
259 14th St. San Pablo, CA 94806 ..... (510) 215-9465
Nguyễn Văn Trợ
1067 Amberly Ln, San Jose, CA 95121..... (408) 528-6673
Truman Như
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA..... (408) 781-3181
Trần Trực
2866 Las Plumas Dr. San Jose, CA 95121..... (408) 227-2818
Lê Doãn Trưng
3016 Oak Bridge Dr., San Jose, CA 95121 ..... (408) 223-6322
Đoàn Ngọc Trường
4958 Wagonwheel Way, Richmond, CA ..... (510) 222-6675
Nguyễn Thiện Trường
427 S. 5th St # 7, San Jose, CA 95112 ..... (408) 920-0919
Trần Cẩm Tú
243 San Lion Dr. Vaccaville, CA 95688 ..... (707) 451-8048

Quách Tứ
1822 Praire Ln, Stockton, CA 95209..... (209) 598-9053
Bùi Tú
2976 Glen Crow Ct, San Jose, CA 95148..... (408) 270-4507
Phan Văn Tựu
812 Kyle St, San Jose, CA 95127 ..... (408) 929-5263
Huỳnh Bích Vân
1182 Theoden Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 972-1542
Nguyễn Thái Vinh
422 Coloney Crest Dr., San Jose, CA 95123 ... (408) 224-3621
Dương Quang Vinh
1509 Platt Ave. Milpitas, CA 95035..... (408) 956-1365
Nguyễn Vinh
2987 Almond Ave., San Jose, CA 95148..... (408) 270-6964
Đinh Văn Xuân
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA ..... (408) 224-7100
Đặng Ngọc Yến
1539 Callo Creek Dr., San Jose, CA 95127..... (408) 347-1335

Trong danh sách địa chỉ và số phone của Đồng Hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đăng trong Đặc San này, có những người đã thay đổi địa chỉ nhưng chưa kịp thông báo cho chúng tôi để nhật tu. Kính xin Quý Đồng Hương vui lòng cho chúng tôi biết mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc số phone để có thể có những địa chỉ và số phone chính xác vào những lần phát hành kế tiếp. Danh sách này được xem như một bản niên giám nhỏ mà bạn bè, anh em thường dựa vào để thăm hỏi nhau.

Xin chân thành cám ơn sự hợp tác của Quý Đồng Hương.

Muốn thay đổi địa chỉ và số phone xin liên lạc email:

Taysonbinhdinh2012@yahoo.com

THÔNG BÁO DỜI PHÒNG MẠCH KỂ TỪ NGÀY 28 THÁNG 11 NĂM 1998

Bác Sĩ

NGUYEN HOAI TRUNG

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE



- **TOT NGHIEP 6 NAM HAU ÑAI HOC VE CAC CHUYEN KHOA:**
  - Giải Phẫu: Beekman Downtown Hospital, New York City
  - Nhi Khoa: Brooklyn - Cumberland Medical Center, New York
  - Y Khoa Gia Đình: Presbyterian - St. Luke Medical Center, Chicago
- Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học Đường Sài Gòn
- Nguyên Nội Trú các bệnh viện CHỢ RẪY, BÌNH DÂN, NHI ĐỒNG
- Đã hành nghề từ năm 1982
- **NGUYEN BAC SÓ ÑIEU TRÒ CAC CHÖÔNG TRÌNH Y KHOA HOA KY**:
  - California Health Plan, San Diego
  - Tulare Health Department, Tulare
  - Family Health Foundation of Alviso
  (Nguyên Bác Sĩ Trưởng Trung Tâm Y Khoa Jackson và Julian)
  - Santa Teresa Kaiser, San Jose

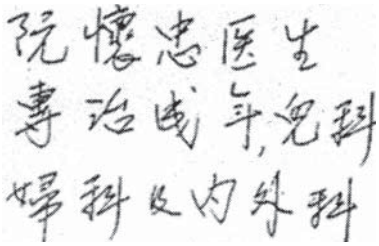

280 N. Jackson Ave., #D,
San Jose, CA 95116
(Góc đường Mc Kee và Jackson, kế bên cây xăng, tiện đường xe bus số 70, 74 và 81)

(408) 254-9192

CHUYÊN TRỊ:

- NỘI THƯƠNG: Các bệnh về tim, phổi, bao tử, ruột, gan, thận và đường tiểu, đau khớp xương, nhiễm trùng, tiểu đường, áp huyết cao, truy tầm ung thư, bệnh nhức đầu, chóng mặt.
- NHI KHOA: Nội, ngoại thương trẻ em. Chích ngừa, khám nhập học.
- PHỤ KHOA: Bệnh phụ nữ, ngừa thai.
- TIỂU GIẢI PHẪU:
  - Bệnh TAI, MẮT, MŨI, HỌNG
  - Bệnh NGOÀI DA, DỊ ỨNG (Allergy)
  - Bệnh PHONG TÌNH TRUYỀN NHIỄM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM PPO, EPO, HMO. AETNA, BPS GREAT-WEST, LIEGUARD

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00AM - 6:00PM
Thứ Bảy: 9:00AM - 2:00PM
Nghỉ ngày Thứ Năm

Chúc Mừng Năm Mới

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA VỀ NÃO, TỦY SỐNG VÀ DÂY THẦN KINH
TAI NẠN XE CỘ, NGHỀ NGHIỆP, THỂ THAO VÀ ĐAU NHỨC

WAVES NEUROLOGY



CHƯƠNG JOHN LÊ, M.D.

200 Jose Figueres Ave., Suite 475, San Jose 95116

Tel: (408) 800-4044 - Fax: (408) 800-4033

** Neurophysiology Fellowship: University of Louisville in Louiville, KY*
** Neurophysiology Residency: University of Louisville in Louiville, KY*
** Internal Medicine: Brookdale University Hospital and Medicine Center in Brooklyn, NY*

CHUYÊN ĐIỀU TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH

* Đau đầu, đau cổ, đau lưng, đau thần kinh tọa, đau tay và đau chân (Headache, neck pain, back pain, sciatica, carpal tunnel syndrome)
* Chấn thương não, tủy sống và dây thần kinh (Traumatic brain, spinal cord and nerves)
* Đau dây thần kinh, tê và yếu (Nerve pain, numbeness and weakness)
* Mất trí nhớ, trí nhớ khó khăn (Parkinson and dementia related)
* Run tay, run chân, đi đứng khó khăn (Parkinson and other tremors)
* Tai biến mạch máu não và phòng bệnh mạch máu não (Stroke and stroke preventions)
* Khó ngủ, thiếu ngủ và rối loạn giấc ngủ (Sleep disordes)
* Kinh giật kinh niên (Seizure disorders)
* và nhiều loại bệnh khác của hệ thống thần kinh (Other neurological diseases)

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn trước

Nhận LIEN, MED PAY, WORKER COM, MEDICARE và các loại Bảo Hiểm khác

Parking phía sau miễn phí

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM BẢO HIỂM

VANCE INSURANCE & HOÀNG VĂN THIỆU

PHỤC VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Lic. # 0B48014

CHUYÊN VỀ:

XE CỘ – NHÀ CỬA

SỨC KHỎE – NƯỚC LỤT

THƯƠNG MẠI



2529 Story Rd., San Jose, CA 95122

(giữa Capitol Exp. & Jackson Ave.)

Tel: (408) 272-7272

Từ năm 1985 Kính Mời



Bác Sĩ

PHẠM VĂN NGÀ, M.D.

Diplomate American Board of Internal Medicine

1569 Lexann Ave., #112, San Jose Ca 95121

TEL: (408) 532-0105

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

♦ **URGENT CARE CENTER:** CHO VALLEY HEALTH PLAN - SCCIPA & PMG (NHẬN KHÁM BỆNH CẤP TÍNH, KHÔNG CẦN ĐỔI BÁC SĨ GIA ĐÌNH)

♦ **BÁC SĨ GIA ĐÌNH:** SĂN SÓC BỆNH NHÂN KHI NHẬP VIỆN, CHÍCH NGỪA.

CHỮA TRỊ:

* BỆNH NGƯỜI LỚN, NGƯỜI GIÀ
* BỆNH PHỤ NỮ
* BỆNH TRẺ EM

Giờ làm việc: Thứ 2-6 : 9:00AM - 6:00PM
Thứ 7: 9:00AM - 3:00PM

NHẬN MEDICAL - MEDICARE & BẢO HIỂM



Cung Chúc Tân Xuân



Khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn tại sở làm, bị bắt bớ, xin liên lạc ngay văn phòng chúng tôi để được đại diện hữu hiệu, tận tâm và nhanh chóng.

Xin quý độc giả đón nghe chương trình **TÌM HIỂU PHÁP LUẬT** phát thanh trên đài 1430 AM mỗi buổi sáng Thứ Hai từ 8:00AM-8:20AM

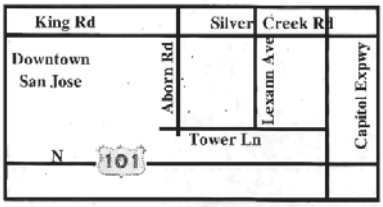

Văn Phòng Luật Sư

NGUYỄN NGỌC DIỆP, LLB, BA, MS, JD
PATRICK VALENCIA, BS, JD

KINH NGHIỆM – TẬN TÂM – NHANH CHÓNG

Tel. (408) 528-0151

Chuyên đảm trách các vấn đề:

TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

- Tai nạn xe cộ.
- Tai nạn đi bộ, đi xe đạp, hay xe gắn máy.
- Tai nạn máy bay, xe lửa.
- Tai nạn chó cắn.

TAI NẠN SỞ LÀM

- Mở hồ sơ chữa bệnh.
- Bồi thường tàn phế tạm thời.
- Bồi thường tàn phế vĩnh viễn.
- Huấn nghệ.

LUẬT HÌNH SỰ

- Trộm cắp siêu thị, trộm cướp nhà hay hãng.
- Bạo hành trong gia đình.
- Ẩu đả, mưu sát.
- Say rượu lái xe, đụng xe bỏ chạy



1569 Lexann Ave, Suite 110, San Jose, CA 95121 - Fax. (408) 528-0153



Bác Sĩ YKhoa **ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH**, M.D.

NHI KHOA VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

-Tốt nghiệp chuyên môn Nhi khoa tại King Drew Medi cal Center tại Los Angeles, CA.

- Hội viên Hội Hàn Lâm Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics)

CHUYÊN TRỊ

* Bệnh trẻ sơ sinh, trẻ em và thanh thiếu niên. Khám định kỳ, nhập học, chủng ngừa, giới thiệu chương trình WIC.

* Bệnh tổng quát người lớn: Bệnh tim và mạch máu, phổi và đường hô hấp, tiêu hoá, thận và đường tiểu, nội tiết và biến dưỡn,g, bệnh thần kinh, bệnh mắt, tai, mũi, họng, bệnh nhiễm trùng, phong thấp, bệnh máu, bệnh ngoài da, bệnh dị ứng Allergy

* Khám sức khoẻ định kỳ, truy tầm ung thư, chích ngừa

* Thử máu và thử nước tiểu tại phòng mạch

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL- BẢO HIỂM

SENTER MEDICAL OFFICE

2114 Senter Road. Suite 24 San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco wholesale tiện đường xe bus 73)

Tel. (408) 293-2188

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM-6PM

Thứ Năm: 9AM-12 PM; Thứ Bảy: 9AM-2 PM

Chúc Mừng Năm Mới

Trung Tâm Điều Trị Mắt

SILICON VALLEY EYE INSTITUTE
EYE PHYSICIAN AND SURGEON

NGUYEN THÒ LIEN HÖÔNG, M.D.



HARVARD UNIVERSITY (1987-1991),
STANFORD (1993-1995), DARMOUTH (1991-1993),
UCLA (1998-2000) và MUNICH UNIVERSITY (1982-1987)

Tel: (408) 238-1978 / (408) 238-1777 / (408) 238-7834
Fax: (408) 238-2138

2449 S. King Rd., Bldg. B, Suite 10, San Jose, CA 95122

ÑIEU TRÒ TAN TAM, GIAI THÍCH KY LÖÔNG, GIAI PHAU NHE NHANG

CHUYÊN TRỊ:

Mắt khô, mắt ngứa, mắt mỡ, chảy nước mắt sống, mắt lông quặm, mắt cườm khô, mắt cườm ướt, mắt mộng thịt, mắt kéo mây, mắt nhìn thấy có chấm đen di chuyển trước mắt (Floaters), mắt áp huyết cao, tiểu đường lên mắt.

ĐẶC BIỆT CHUYÊN GIẢI PHẪU:

Mắt cụp mí, mí mắt có mỡ, mắt xệ, thẩm mỹ mắt, chuyên giải phẫu khúc xạ laser, cận thị, viễn thị, loạn thị, mắt cườm, mắt mộng thịt, ghép giác mô, mắt kéo mây.

- Nữ giáo sư duy nhất chuyên giải phẫu khúc xạ bằng tia laser để chữa các bệnh CẬN THỊ, VIỄN THỊ và LOẠN THỊ tại Trung Tâm Giải Phẫu Khúc Xạ nổi tiếng nhất Hoa Kỳ Jules Stein Eye Institute, UCLA.
- Đại diện Jules Stein Eye Institute - UCLA giải phẫu mắt bằng tia Laser và ghép giác mô tại King Khaled Eye Hospital ở Kingdom of Saudi Arabia (1999).
- Bác Sĩ LIÊN HƯƠNG giảng dạy về phương pháp giải phẫu bằng tia Laser tại Viện Hàn Lâm về giải phẫu mắt cườm và giải phẫu khúc xạ tại Hoa Kỳ (American Society of Cataract and Refractive Surgery) và thế giới (International Society of Refractive Surgery).
- Nữ Bác Sĩ được chọn là giảng sư có bài giảng hay nhất về cách chữa biến chứng của LASIK tại Hàn Lâm Viện về giải phẫu khúc xạ thế giới tháng 10 năm 1999 tại Orlando.
- Người Á Đông đầu tiên tốt nghiệp hậu đại học về giác mô và phẫu thuật khúc xạ tại trung tâm nổi tiếng nhất nước Mỹ Jules Stein Eye Institute, UCLA (2 year Clinical Fellowship in Cornea and Refractive Surgery).
  - ☐ Hậu đại học về võng mạc tại Stanford University (Research Fellowship in Retina)
  - ☐ Hậu đại học bệnh nhiễm trùng tại Dana Farber Cancer Institute - Havard Medical School.
  - ☐ Hậu đại học nhãn khoa tại Temple University in Philadelphia.
- Nội trú về giải phẫu tổng quát tại Darmouth Medical School

NHAN:
MEDICARE, MEDICAL,
BAO HIEM, TRA GOP
tuy tröông hôp

NHẬN ĐIỀU TRỊ:

Các bệnh nhân đã từng được chữa trị lasik hoặc những phương pháp khác RK, PRK, và giải phẫu mí mắt, giải phẫu cườm, giải phẫu mộng thịt từ những trung tâm khác mà chưa hài lòng.

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Thứ Bảy: 9AM - 2PM

AMAC
2288 Quimby Rd #E San Jose, CA 95122
NMLS#: 329197
www.amac1.com
SERVICE RESIDENTIAL & COMMERCIAL
LIST YOUR HOUSE FOR BEST TERM
& LOWEST FEE
OUR EXPERIENCED AND
DEDICATED TEAM
WILL HELP YOU
THROUGH THE
ENTIRE PROCESSS
We're committed to excellence &
providing a value to our clients
with strategic marketing.
TRUST A REALTOR
WHO SPECIALIZED IN:
BUYING
SELLING
LOAN SERVICES
PLEASE CALL ME NOW!
FREE CMA
ACTIVE
457 43rd Ave, San Francisco, CA 94121
4beds, 3.1/2 bath, 1538sqft, lot 2,062sqft
LIST PRICE: $1,090,000
PENDING
3018 MILLBROOK DRIVE, San Jose 95148
4 beds, 2 baths, 2,466 sqft, Lot 6,000 sqft
LIST PRICE: $699,888
Coming
Soon!
Evergreen - San Jose - 95148
Closed to Schools
LIST PRICE $589,999
ACTIVE
2563 FLICKINGER AVE, San Jose 95131
5 Beds, 3 Baths, 2,231sqft, lot 4,550sqft
LIST PRICE: $685,000
SOLD
3127 Belmont Ter., Fremond, Ca 94539
4beds, 3.5baths, 3083sqft, lot 23,705 sqft
LIST PRICE: $1,768,000
Coming
Soon!
North Valley - San Jose - 95133
First Home Buyers!
LIST PRICE : $490,888
MINH DUONG
REALTOR
LOAN SPECIALIST - NMLS# 355617
SHORT SALE SPECIALIST - BRE# 01393008
408-903-9500
Email: mduong@gmail.com



Cung Chúc

TÂN XUÂN

BÁC SĨ NHA KHOA

SPECIALIST IN CROWN & BRIDGE, DENTURE & IMPLANT

CHANH VIET, D.D.S. (Prosthodontics)

DIEU LIEN TONG, D.D.S. (General Dentistry)

CHUYÊN KHOA VỀ RĂNG GIẢ HÀM GIẢ & IMPLANT

NHA KHOA GIA ĐÌNH TỔNG QUÁT & THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa răng giả và Implant tại University of California, San Francisco.
- Giáo sư ủy nhiệm (Assistant Clinical Professor), chuyên khoa răng giả, hàm giả, Implant University of California San Francisco (UCSF).
- Hội viên Hội Răng Giả và Implant Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp ưu hạng Bác Bĩ Nha Khoa University of The Pacific, San Francisco.
- Nguyên Bác Sĩ giảng huấn Đại Học Nha Khoa, Sài gòn.

CHUYÊN:

- Porcelain veneer
- Răng giả & cầu răng, hàm giả
- (Crown & bridge & denture)
- Hàm giả gắn liền (immediate rehabilitation)
- Sửa chữa hàm giả, nhai không hiệu quả, kém thẩm mỹ, (hô, móm), đau khi mang hàm giả, nhận các trường hợp đã thất bại về hàm giả.
- Implants thay thế răng đã mất.

- Khám răng tổng quát, định kỳ, nhập học.
- Phòng ngừa sâu răng bằng Flouride & Sealant.
- Nhổ răng và chữa các bệnh răng, nướu, miệng.
- Chữa tủy răng - Tiểu giải phẫu răng và nướu
- Nha khoa nhi đồng & ngăn ngừa răng mọc lệch lạc cho trẻ em.

TẬN TÂM - CHU ĐÁO - NHẸ NHÀNG
VĂN PHÒNG MỚI - DỤNG CỤ TỐI TÂN
PHƯƠNG PHÁP KHỬ TRÙNG TÂN TIẾN

KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ LÂU NĂM

- Nhận Medical, Bảo Hiểm, Trả Góp (không tính lời)
- Giá giúp đỡ cho quý vị không có bảo hiểm, medical

2360 McKee Rd. Suite #3,
San Jose, CA 95116
(408) 729-9999

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM-6PM
Thứ Bảy: Làm theo hẹn



228 N. Jackson Ave #10
San Jose, CA 95116
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn:
Tel: (408) 254-3333
(408) 254-3394

You've got a family DOCTOR and a family ATTORNEY.

But do you have a family REAL ESTATE PROFESSIONAL?

Call TRUMAN today for your free copy of this important special report! There is no obligation!!!



YOUR FAMILY'S CONCERNS are, no doubt, of utmost importance to you. After all, what's more important than the well-being of those you love? When a medical emergency arises, you consult a specialist. When you face a legal issue, you turn to a trusted professional with the experience and skill to handle your needs. It's the same when it comes to real estate.

BUYING OR SELLING a property is one of the most important steps your family can take. Why trust those crucial decisions to chance? The time to choose a real estate professional is before you need one. That's where Truman can help. He's been one of Century 21 A-1 Network leading agents for the better part of a decade. Helping families like yours isn't just his job, it's his commitment. Before you buy or sell your next property, don't you owe it to yourself and your family to at least find out how his unique brand of personal service and extraordinary results can make a difference?

CALL FOR YOUR COPY of Truman's personal brochure. He'll also include his free special report: ***"How to avoid the most common error when selling your investment property."*** Whether or not you decide to work with Truman, he simply wants to make sure you experience the kind of real estate service you deserve - the very best,

Call him today. You'll be glad you did.

Truman Nhu

408-781-3181

trumannhu@onebox.com

BRE# 01110101





Cho hơn 50 năm qua, Allstate đã giúp các gia đình thực hiện các quyết định tốt nhất để bảo vệ những người thân yêu của họ. Hôm nay tôi vẫn tiếp tục truyền thống này bằng cách cung cấp những hợp đồng bảo hiểm có chất lượng và ở mức giá tốt nhất để bảo vệ quý vị và lối sống của gia đình quý vị - không chỉ cho ngày hôm nay, nhưng còn chuẩn bị cho những gì sắp tới.

Hãy gọi tôi ngay để tìm hiểu thêm.

Phuong Thu Tran
(408) 993-9898
510 N. 1st. Street #224
San Jose, CA 95112
PhuongThuTran@Allstate.com

Allstate.
You're in good hands.
Auto Home Life Retirement

Việc có sẵn sản phẩm từ công ty riêng biệt thay đổi tùy theo sản phẩm. Tùy thuộc vào việc có sẵn và điều kiện. Mọi khế ước chỉ có bằng tiếng Anh. Bảo hiểm nhân thọ và quỹ niên kim được phát hành bởi công ty Allstate Life Insurance Company, Northbrook, IL. và Lincoln Benefit Life Company, Lincoln, NE. Tại New York, Allstate Life Insurance Company, Hauppage, NY. Các sản phẩm tài sản và bảo hiểm tai nạn được phát hành bởi các công ty Allstate Fire and Casualty Insurance Company, Allstate Indefinity Company, Allstate Insurance Company, Allstate Property and Casualty Insurance Company; Northbrook, IL. © 2009 Allstate Insurance Company


Phở Quế Hương
VIETNAMESE RESTAURANT
At Pho Que Huong
we focus on serving you authentic Vietnamese cuisine, along with friendly service and comfortable, relaxed atmospheres.
we are proud to say Pho Que Huong still values the art of cooking up some of the best pho. We invite you to taste it for yourselves!
10% OFF
(408) 531-8455
3210 South White Road
San Jose, CA 95148